

**TRIẾT HỌC A-TỠ-ĐÀM
CỦA PHẬT GIÁO TRUYỀN THỐNG**

THERAVĀDA

**TRIẾT HỌC A-TỠ-ĐÀM
CỦA PHẬT GIÁO TRUYỀN THỐNG**

(Buddha Abhidhamma - Ultimate Science)

Nguyên tác: *Dr. Mehm Tin Mon*

Bản tiếng Việt: *Tỳ-khuru Giác Nguyên*

(Tái bản lần thứ nhất có chỉnh sửa và bổ sung)

PL 2559

DL 2015

NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

Ghi chú nhỏ dịp tái bản:

Nhân dịp tái bản, bản thân chúng tôi có thay thế một số chữ dịch cho vừa ý hơn (như Chuẩn Tướng-Parikammanimitta thành Sơ Tướng, Thủ Tướng-Uggahanimitta thành Nhiếp Tướng,...). Đồng thời, trong bản dịch gốc của chúng tôi vốn không có được những ghi chú tỉ mỉ như quý vị nhìn thấy trong lần tái bản này. Việc chăm sóc bản thảo đòi hỏi nhiều thiện chí và công khó, không đơn giản như nhiều người nghĩ. Ở đây chúng tôi thật lòng cảm ơn hai vị cư sĩ Nguyễn Quốc Bình và Nguyễn Hữu Phúc ở Saigon đã dành nhiều công sức và thời gian cho việc này. Không nhắc đến họ, tôi cho là thiếu lương thiện. Và rất mong sự cần trọng này luôn là một tiền lệ đẹp cho những người làm việc học thuật.

Toại Khanh kính ghi

HỒI HƯƠNG

- Ân sư Thích Hộ Giác

苾草凋殘猶未死
曇花落去有餘香

Bật thảo điêu tàn do vị tử
Đàm hoa lạc khứ hữu dư hương

- Tín nữ Trà Thị Ân

Sinh năm 1909 - mất năm 2003

- Tín nữ Nguyễn Thị Huê

Sinh năm 1940 - mất năm 2002



LỜI NGƯỜI DỊCH



Việc Phật ra đời là một nhân duyên hãn hữu. Gặp được Phật pháp khi Phật không còn nữa, cũng không phải việc dễ dàng. Điều đáng tiếc nhất là mang tiếng con Phật nhưng không hiểu được bản ý của ngài. Chỉ biết bố thí cầu tài lộc mà không nghiêm trì giới luật để sửa mình là một cực đoan. Giới luật trang nghiêm mà không lắng tâm thiền định thì cũng là một cực đoan. Chỉ có giới hạnh và thiền định mà kiến giải Phật học quá sơ sài bất cập lại là một cực đoan khác. Cuốn sách đang trên tay độc giả sẽ ít nhiều giúp ta tránh được những kiểu tu học cực đoan, khi qua đó ta hiểu được cái mình phải biết là gì và làm sao đưa được cái biết đó vào đời sống tu học thực tiễn để có được lợi lạc ngay bây giờ và cả đời sau kiếp khác.

Cuốn sách được chuyển ngữ từ nguyên tác tiếng Anh *Buddha Abhidhamma* của giáo sư Mehm Tin Mon, một tiến sĩ Tây học mà cũng là một học giả Phật học. Công trình này của ông y cứ trên luận thư *Abhidhammatthasaṅgaha* của ngài Anuruddha người Nam Ấn (thế kỷ thứ V), sinh quán ở *Kañcipura*, nghĩa là đồng hương với các ngài *Buddhaghosa*, *Buddhadatta* và *Dhammapāla*. Cả ba trưởng lão vừa kể trên đều là những nhà chú giải Tam Tạng lừng danh của Phật giáo Nam Truyền (*Theravāda*).

Sách tham khảo A-tỳ-đàm tiếng Việt hiện nay không quá hiếm hoi như ngày trước, nhưng để gọi là đầy đủ hay phong phú thì có lẽ phải đợi đến vài ba thế hệ tăng ni nữa. Non mười năm trở lại đây, vì nhiều lý do tôi đã gát bút không viết hay dịch sách nữa. Cuốn sách này là ngoại lệ, tôi cảm nguyên tác hướng dẫn một lớp học nhỏ và người ta bỏ công ghi chép thành một tập sách. Lớp mãn, họ đưa tôi đọc lại và đề nghị ấn hành.

Cũng như ở vài dịch phẩm trước đây, chẳng hạn cuốn Thuật Ngữ Luật Tạng *Pāli*, trong sách này, tôi đã thử dịch mới một số từ ngữ như là một đề nghị để các bậc cao minh góp ý và cùng lấp đầy những chỗ trống không nên có trong Phật Học Việt Nam. Như *Asubha* là Bất Mỹ thay vì Bất Tịnh, Sắc Nhiệt Lượng thay cho Sắc Quý Tiết, Sắc Dưỡng Tố thay cho Sắc Vật Thực, Tỉnh Giác Chi thay vì Tịnh Giác Chi, tâm sở Tỉnh Thân và Tỉnh Tâm thay vì Tịnh Thân và Tịnh Tâm, Tánh (*cetasika*) thay vì tâm sở (chỉ đôi khi), và chữ Thân (*kāya*) trong 6 cặp tâm sở Tịnh Hảo cũng được đề nghị một chữ mới là Tánh, ám chỉ cho 3 danh uẩn (Thọ, Tưởng, Hành)... Dĩ nhiên tôi làm vậy là dựa vào nhiều lý do và có tham cứu hẩn hoi, không phải tự ý tùy hứng.

Một điều nữa tưởng cũng nên thừa thêm ở đây: Người chưa biết gì về A-tỳ-đàm hay Phật pháp nói chung, khi giở ra trang đầu tiên của cuốn sách này có thể sẽ không muốn đọc tiếp vì phần dẫn nhập gần như không có. Lẽ ra tôi phải viết thêm chút gì đó, nhưng xét lại thấy không cần thiết. Quý vị có lẽ nên vào mục lục đọc trước những phần dễ nuốt. Bởi

rõ ràng cuốn sách này được viết cho người đã biết qua ít nhiều hoặc đang học dưới sự hướng dẫn của ai đó. Dù sao cũng xin độc giả nhận nơi đây lời xin lỗi của tôi.

Nguyện cầu ngày càng nhiều người về với Phật một cách đúng nghĩa, không là tín đồ theo cách nhẹ dạ dễ tin, mà phải tin Phật vì hiểu Ngài đã dạy gì. Mong lắm vậy thay!

Brugg, ngày 22 tháng 8 năm 2012

Giác Nguyên cần đề

TIỂU SỬ TÁC GIẢ



Giáo sư Mehm Tin Mon sinh năm 1934 tại Miến Điện. Năm 1957, ông du học Hoa Kỳ tại trường Đại học Illinois và lấy bằng tiến sĩ năm 1960. Từ năm 1967 đến 1992 ông là giảng sư ở nhiều trường đại học ở Miến Điện và là người đứng đầu ngành Hoá chất quốc gia Miến Điện. Vừa làm việc cho chính phủ, ông cũng vừa dành thời gian nghiên cứu Phật Học một cách chuyên cần. Năm 1981 ông đỗ đầu kỳ thi A-tỳ-đàm cấp quốc gia. Năm 1984 ông lại đỗ đầu kỳ thi khóa nghiên cứu Thanh Tịnh Đạo. Các kỳ thi này được Tôn Giáo Vụ của chính phủ Miến Điện tổ chức hàng năm.

Giáo sư Mehm Tim Mon đã viết trên 30 cuốn sách về Giáo Dục và Phật Học. Ông cũng là giảng sư cho nhiều lớp A-tỳ-đàm trên khắp xứ Miến. Năm 1994 ông được Chính phủ Miến Điện phong tặng tước vị Giảng sư Phật học (*saddhammajotakadhaja*).

Từ năm 1993 ông giữ chức cố vấn cho bộ tôn giáo Miến Điện.

MỤC LỤC

HỒI HƯỚNG	5
LỜI NGƯỜI DỊCH.....	7
TIỂU SỬ TÁC GIẢ	11
DANH MỤC BẢNG	21
DANH MỤC HÌNH.....	25
CHƯƠNG 1. TÂM PHÁP (<i>citta</i>).....	29
BỐN LOẠI TÂM.....	30
I. TÂM DỤC GIỚI (<i>kāmāvacaracitta</i>)	32
A. Tâm bất thiện (<i>akusalacitta</i>).....	32
B. Tâm vô nhân (<i>ahetukacitta</i>).....	37
C. Tâm tịnh hảo dục giới (<i>kāmāvacarasobhaṇacitta</i>)	42
II. TÂM SẮC GIỚI (<i>rūpāvacaracitta</i>).....	48
A. Tâm thiện sắc giới (<i>rūpāvacarakusalacitta</i>)	49
B. Tâm quả sắc giới (<i>rūpāvacaravipākacitta</i>).....	50
C. Tâm tố sắc giới (<i>rūpāvacarakiriyacitta</i>)	51
D. Định nghĩa chữ thiền (<i>jhāna</i>)	52
III. TÂM VÔ SẮC GIỚI (<i>arūpāvacaracitta</i>).....	59
A. Tâm thiện vô sắc giới (<i>arūpāvacarakusalacitta</i>)	61
B. Tâm quả vô sắc giới (<i>arūpāvacaravipākacitta</i>)	62
C. Tâm tố vô sắc giới (<i>arūpāvacarakiriyacitta</i>)	62
D. Tâm thắng trí hay tâm thông (<i>abhiññācitta</i>).....	62
IV. CÁC TÂM SIÊU THỂ (<i>lokuttaracitta</i>).....	65
A. Tâm thánh đạo (<i>maggacitta</i>)	66
B. Tâm thánh quả (<i>phalacitta</i>)	68
ÔN TẬP TỔNG QUÁT VỀ TÂM PHÁP.....	69
CHƯƠNG 2. TÂM SỞ (<i>cetasika</i>)	73
I. TÂM SỞ BIẾN HÀNH (<i>sabbacittasādhāraṇacetasika</i>)	75

II. TÂM SỞ BIỆT CẢNH (<i>pakiṇṇakacetāsika</i>).....	79
III. TÂM SỞ BẤT THIỆN (<i>akusalacetāsika</i>)	81
A. Nhóm si phần (<i>mohacatukkacetāsika</i>) hay bất thiện biến hành (<i>akusalasādhāraṇacetāsika</i>)	81
B. Nhóm tham phần (<i>lobhatikacetāsika</i>)	83
C. Nhóm sân phần (<i>dosacatukka</i>)	85
D. Nhóm bất thiện biệt cảnh (<i>akusalāsādhāraṇacetāsika</i>)	87
IV. TÂM SỞ TỊNH HẢO (<i>sobhaṇacetāsika</i>).....	89
A. Tâm sở tịnh hảo biến hành (<i>sobhaṇasādhāraṇacetāsika</i>)	89
B. Tâm sở giới phần (<i>viraticetāsika</i>)	98
C. Tâm sở vô lượng phần (<i>appamaññācetāsika</i>).....	99
D. Tâm sở trí tuệ (<i>paññācetāsika</i>)	101
V. TƯƠNG QUAN GIỮA TÂM SỞ ĐỐI VỚI TÂM (<i>sampayoga</i>).....	103
A. Tương quan tổng quát.....	103
B. Tương quan chi tiết.....	103
C. Tương quan theo nhóm.....	104
VI. TƯƠNG QUAN GIỮA TÂM ĐỐI VỚI TÂM SỞ (<i>saṅgaha</i>)	105
A. Mười hai tâm bất thiện.....	105
B. Các tâm vô nhân	105
C. Các tâm đại thiện	106
D. Các tâm đại quả.....	106
E. Các tâm đại tố.....	107
F. Các tâm đạo đại	107
G. Các tâm siêu thế.....	108
VII. HAI TRƯỜNG HỢP TÂM SỞ PHỐI HỢP TÂM	114
CHƯƠNG 3. TẬP PHẦN TẬP YẾU (<i>pakiṇṇaka</i>)	117
I. THỌ TẬP YẾU (<i>vedanāsaṅgaha</i>)	117
II. NHÂN TẬP YẾU (<i>hetusaṅgaha</i>).....	119

III. MƯỜI BỐN SỰ TẬP YẾU (<i>kiccasaṅgaha</i>)	121
IV. LỤC MÔN TẬP YẾU (<i>dvārasaṅgaha</i>)	127
V. TRẦN CẢNH TẬP YẾU (<i>ālambanasaṅgaha</i>)	129
VI. VẬT TẬP YẾU (<i>vatthusaṅgaha</i>)	135
VII. BẢY THỨC GIỚI (<i>manoviññāṇadhātu</i>)	137
CHƯƠNG 4. TÂM LỘ (<i>vīthi</i>).....	139
I. NHÂN SANH CÁC TÂM LỘ	142
II. TỔNG LƯỢC CÁC LOẠI TÂM THỨC	145
A. Tâm chủ quan và tâm khách quan.....	145
B. Cảnh của tâm chủ quan và tâm khách quan.....	146
C. Ba loại tâm hữu phần (<i>bhavaṅgacitta</i>)	147
III. CÁC LỘ TÂM NGŨ MÔN	148
A. Các lộ tâm nhân môn	148
C. Bảy mươi lăm lộ tâm ngũ môn	165
D. Các loại tâm trong lộ ngũ môn (<i>pañcadvāravīthiccitta</i>).....	168
E. Cảnh biết và vật nương trong mỗi tâm lộ.....	168
IV. TÂM LỘ Ý MÔN (<i>manodvāravīthi</i>)	170
A. Lộ ý môn dục giới (<i>kāmajavanamanodvāravīthi</i>)	170
B. Lộ ý môn kiên cố (<i>appanājavanamanodvāravīthi</i>)	178
V. VÀI GHI CHÚ LIÊN QUAN VỀ LỘ TÂM.....	194
A. Các tâm quả dị thực (<i>vipākacitta</i>).....	195
B. Tồn suất xuất hiện của các loại đồng lực	195
C. Đôi điều về tâm na cảnh (<i>tadālambana</i>)	197
D. Hộ kiếp khách (<i>āgantukabhavaṅga</i>)	197
E. Tương quan giữa tâm (<i>citta</i>) và cảnh giới (<i>bhūmi</i>)	198
F. Các hạng người trong a-tỳ-đàm (<i>puggalabheda</i>).....	198
VI. NGƯỜI (<i>puggala</i>) CÓ BAO NHIÊU TÂM (<i>citta</i>).....	201
CHƯƠNG 5. SINH LOẠI - CẢNH GIỚI - TÁI SINH	208

I. BÀN THÊM VỀ CÁC CỠI (<i>bhūmi</i>).....	211
II. CHÚNG SANH (<i>puggala</i>) VÀ CẢNH GIỚI (<i>bhūmi</i>) ..	218
III. VỀ VẤN ĐỀ TÁI SANH (<i>paṭisandhi</i>)	220
IV. SANH CHỨNG VÀ THỌ LƯỢNG	222
V. ĐÔI ĐIỀU VỀ NGHIỆP BÁO	228
A. Nghiệp kể theo nhiệm vụ (<i>kiicca</i>)	228
B. Nghiệp phân theo cách cho quả (<i>pākadānapariyāya</i>)	229
C. Nghiệp phân theo thời gian cho quả (<i>pākakāla</i>)	232
D. Các loại nghiệp căn (<i>pākathāna</i>).....	235
E. Nghiệp môn (<i>kammadvāra</i>)	236
F. Mười bất thiện nghiệp (<i>akusalakammapatha</i>) .	236
G. Mười thiện nghiệp (<i>kusalakammapatha</i>)	238
H. Phước nghiệp sự (<i>puññakiriyavatthu</i>)	239
VI. PHÂN LOẠI CÁC THIỆN NGHIỆP	240
A. Thiện nghiệp lấy tâm sở Trí Tuệ làm gốc.....	240
B. Thiện nghiệp lấy tâm sở Tư làm gốc gồm có 2 trường hợp	240
VII. CÁCH THỨC NGHIỆP CHO QUẢ.....	242
VIII. BÀN RỘNG VỀ CÁI CHẾT THEO A-TỀ-ĐÀM (<i>maranuppatti</i>).....	248
IX. CÁC LOẠI TÂM LỘ CẬN TỬ (<i>marañāsannavīthi</i>) ..	250
X. CẢNH GIỚI TÁI SANH.....	256
CHƯƠNG 6. SẮC PHÁP VÀ NÍP-BÀN	259
I. SẮC PHÁP (<i>rūpa</i>).....	259
A. Sắc tứ đại (<i>mahābhūta</i>).....	260
B. Sắc y đại sinh (<i>upādārūpa</i>)	261
C. Mười tám sắc chân đế (<i>nipphannarūpa</i>)	265
D. Mười sắc phi thực tính (<i>anipphannarūpa</i>).....	265
E. Phân loại sắc pháp	266
F. Bốn điều kiện tạo sinh sắc pháp (<i>rūpasamuṭṭhāna</i>)	269

G. Hai mươi mốt nhóm sắc pháp (kalāpa)	272
II. LỘ TRÌNH SINH DIỄN CỦA SẮC PHÁP (<i>rūpapavattikkama</i>)	278
III. NÍP-BÀN (<i>nibbāna</i>)	282
IV. LỘ TÂM VIÊN TỊCH (<i>parinibbānavīthi</i>)	285
A. Lộ viên tịch ý môn thông thường (<i>marāṇasannacittanibbānavīthi</i>)	285
B. Lộ viên tịch đặc biệt	287
CHƯƠNG 7. A-TỀ-ĐÀM TẬP YẾU (Samuccaya)	299
I. BẤT THIÊN TẬP YẾU (<i>akusalasaṅgaha</i>)	300
A. Tứ lậu (<i>āsava</i>)	300
B. Tứ bộc (<i>ogha</i>)	301
C. Tứ phược (<i>yoga</i>)	301
D. Tứ kết (<i>gantha</i>)	301
E. Tứ thủ (<i>upādāna</i>)	302
F. Sáu triền cái (<i>nīvāraṇa</i>)	303
G. Bảy tiềm miên (<i>anusaya</i>)	304
H. Mười triền phược (<i>saṃyojana</i>)	306
I. Mười phiền não (<i>kilesa</i>)	307
II. CÁC THỂ TÀI PHỨC HỢP (<i>missakasaṅgaha</i>)	312
A. Sáu nhân (<i>hetu</i>)	313
B. Bảy chi thiền (<i>jhānaṅga</i>)	313
C. Mười hai chi đạo (<i>maggaṅga</i>)	314
D. Hai mươi hai quyền (<i>indriya</i>)	315
E. Chín lực (<i>bala</i>)	318
F. Tứ trưởng (<i>adhipati</i>)	319
G. Tứ thực (<i>āhāra</i>)	320
III. GIÁC PHẦN TẬP YẾU (<i>bodhipakkhiyasaṅgaha</i>)	320
A. Tứ niệm xứ (<i>satipaṭṭhāna</i>)	321
B. Tứ chánh cần (<i>sammappadhāna</i>)	322
C. Tứ như ý túc (<i>iddhipāda</i>)	322
D. Ngũ quyền (<i>indriya</i>)	323

E. Ngũ lực (bala)	324
F. Thất giác chi (bojjhaṅga)	324
G. Bát chánh đạo (maggaṅga)	325
IV. A-TỠ-ĐÀM TỔNG NHIẾP (<i>sabbasaṅgaha</i>)	329
A. Ngũ uẩn hay ngũ thủ uẩn (upādānakhandha) ..	329
B. Mười hai xứ (āyatana)	329
C. Mười tám giới (dhātu)	331
D. Tứ đế.....	333
CHƯƠNG 8. DUYÊN SINH (<i>paṭīccasamuppāda</i>) - DUYÊN HỆ	
(<i>paṭṭhāna</i>) - CHẾ ĐỊNH (<i>paññati</i>).....	335
I. DUYÊN SINH (<i>paṭīccasamuppāda</i>)	335
A. Vô minh duyên hành (avijjāpaccayā saṅkhārā).....	336
B. Hành duyên thức (saṅkhārapaccayā viññāṇaṃ).....	337
C. Thức duyên danh sắc (viññāṇapaccayā	
nāmarūpaṃ)	338
D. Danh sắc duyên lục nhập (nāmarūpapaccayā	
saḷāyatanaṃ)	341
E. Lục nhập duyên xúc (saḷāyatanapaccayā phasso)	
.....	341
F. Xúc duyên thọ (phassapaccayā vedanā)	341
G. Thọ duyên ái (vedanāpaccayā taṇhā)	342
H. Ái duyên thủ (taṇhāpaccayā upādānaṃ)	343
I. Thủ duyên hữu (upādānapaccayā bhavo)	343
J. Hữu duyên sanh (bhavapaccayā jāti)	344
K. Sanh duyên lão, tử, sầu, bi, khổ, ưu, não	
(jātipaccayā jarāmaṇaṃ sokaparidevadukkha-	
domanassūpāyāsā sambhavanti)	344
L. Tổng lược giáo lý duyên sinh	346
II. GIÁO LÝ DUYÊN HỆ (<i>paṭṭhāna</i>)	355
A. Lược giải giáo lý duyên hệ (paccayaniddesa) ..	359
B. Duyên hệ yếu giải.....	373
III. CÁC PHÁP CHẾ ĐỊNH (<i>paññatti</i>)	379

A. Hình chế định (atthapaññatti)	379
B. Danh xưng chế định (saddapaññatti)	381
CHƯƠNG 9. THIỀN CHỈ TỊNH (<i>samatha</i>) THIỀN QUÁN (<i>vipassanā</i>).....	383
I. THIỀN CHỈ TỊNH (<i>samatha</i>).....	384
A. Mười đề mục hoàn tịnh (<i>kaṣiṇa</i>).....	384
B. Mười đề mục bất mỹ (<i>asubha</i>),.....	385
C. Mười đề mục tùy niệm (<i>anussati</i>)	386
D. Bốn phạm trú tức vô lượng tâm (<i>brahmavihāra</i>)	390
E. Các phép tu thiền.....	393
F. Các cơ tánh (<i>carita</i>) hành giả	397
G. Ba trình độ thiền chỉ tịnh (<i>bhāvanā</i>).....	398
H. Các loại thăng trí (<i>abhīññā</i>), thần thông (<i>iddhi</i>)	401
II. PHÁP MÔN TUỆ QUÁN	403
III. THẮT TỊNH (<i>visuddhi</i>).....	403
A. Giới tịnh (<i>sīlavisuddhi</i>)	403
B. Tâm tịnh (<i>cittavisuddhi</i>).....	404
C. Kiến tịnh (<i>diṭṭhivisuddhi</i>)	404
D. Đoạn nghi tịnh (<i>kaṅkhāvitarāṇavisuddhi</i>).....	404
E. Đạo phi đạo tri kiến tịnh (<i>maggāmaggañāṇa</i> <i>dassanavisuddhi</i>).....	405
F. Đạo lộ tri kiến tịnh (<i>paṭipadāñāṇadassanavisuddhi</i>)	409
G. Tri kiến tịnh (<i>ñāṇadassanavisuddhi</i>).....	415
SÁCH THAM KHẢO	419
CHỈ MỤC	421

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1- Biểu đồ 12 tâm bất thiện	37
Bảng 2- Biểu đồ 18 tâm Vô Nhân	41
Bảng 3- Biểu đồ 24 tâm Tịnh Hảo	47
Bảng 4- Biểu đồ 15 tâm Sắc Giới	52
Bảng 5- Các chi thiền và Thiền cái.....	58
Bảng 6- Biểu đồ 12 tâm Vô Sắc.....	64
Bảng 7- Bốn tâm Thánh Đạo	68
Bảng 8- Các Tâm Phân Theo Thọ (vedanā).....	72
Bảng 9- Biểu đồ 7 Tâm Sở Biến Hành	78
Bảng 10- Biểu Đồ 6 Tâm Sở Biệt Cảnh.....	81
Bảng 11- Biểu Đồ Tâm Sở Nhóm Si Phần hay Bất Thiện Biến Hành	83
Bảng 12- Biểu Đồ Tâm Sở Nhóm Tham Phần.....	85
Bảng 13- Biểu Đồ Tâm Sở Nhóm Sân Phần	87
Bảng 14- Biểu Đồ Tâm Sở Nhóm Bất Thiện Biệt Cảnh	88
Bảng 15- Biểu Đồ Tâm Sở Nhóm Tịnh Hảo Biến Hành (1)	96
Bảng 16- Biểu Đồ Tâm Sở Nhóm Tịnh Hảo Biến Hành (2)	97
Bảng 17- Biểu Đồ Tâm Sở Giới Phần	98
Bảng 18- Biểu Đồ Tâm Sở Vô Lượng Phần	100
Bảng 19- Tương quan giữa 12 Tâm Bất Thiện đối với Tâm Sở	109
Bảng 20- Tương quan giữa 18 Tâm Vô Nhân đối với Tâm Sở	110
Bảng 21- Tương Quan Giữa 24 Tâm Tịnh Hảo Đối Với Tâm Sở	111

Bảng 22- Tương quan giữa các Tâm Thiền Hiệp Thế đối với Tâm Sở	112
Bảng 23- Tương quan giữa các Tâm Thiền Siêu Thế đối với Tâm Sở	113
Bảng 24- Quan hệ giữa 3 nhân bất thiện đối với tâm bất thiện	120
Bảng 25- Quan hệ giữa 3 nhân thiện đối với tâm thiện ..	120
Bảng 26- Tâm làm một nhiệm vụ.....	125
Bảng 27- Tâm làm hai nhiệm vụ.....	125
Bảng 28- Tâm làm ba nhiệm vụ	126
Bảng 29- Tâm làm bốn nhiệm vụ	126
Bảng 30- Tâm làm năm nhiệm vụ.....	126
Bảng 31- Tâm và cảnh được biết (1)	132
Bảng 32- Tâm và cảnh được biết (2)	133
Bảng 33- Tâm và cảnh được biết (3)	134
Bảng 34- Nhân Sanh Các Tâm Lộ	144
Bảng 35- Biểu đồ lộ Ý môn.....	174
Bảng 36- Biểu Đồ người có bao nhiêu tâm - phần 1.....	205
Bảng 37- Biểu Đồ người có bao nhiêu tâm - phần 2.....	206
Bảng 38- Biểu Đồ người có bao nhiêu tâm - phần 3.....	207
Bảng 39- Biểu Đồ Tóm Lược 31 Cõi.....	217
Bảng 40- Biểu Đồ Tóm Lược chúng sanh và cảnh giới....	219
Bảng 41- Biểu Đồ Các Chi Thiền theo 2 cách tính và cõi tương ứng	221
Bảng 42- Chu Kỳ Tiêu Hoại của Thế Giới.....	226
Bảng 43- Tuổi Thọ Ở Cõi Trời Dục Giới	226
Bảng 44- Tuổi Thọ các cõi Phạm thiên	227
Bảng 45- Mười Bất Thiện Nghiệp	237

Bảng 46- Cách thức nghiệp bất thiện cho quả.....	243
Bảng 47- Cách thức nghiệp thiện cho quả	245
Bảng 48- Bốn điều kiện tạo ra Sắc Pháp	272
Bảng 49- Biểu đồ 9 nhóm Sắc Nghiệp (do nghiệp tạo)....	274
Bảng 50- Biểu đồ 6 nhóm Sắc Tâm (do Tâm tạo)	275
Bảng 51- Biểu đồ 4 nhóm Sắc Nhiệt Lượng (do nhiệt lượng tạo).....	276
Bảng 52- Biểu đồ 2 nhóm Sắc Dưỡng tố (do Dưỡng tố tạo)	276
Bảng 53- Biểu đồ Bất Thiện Tập Yếu.....	308
Bảng 54- Các Tâm Sở của Bất Thiện Tập Yếu.....	311
Bảng 55- Biểu đồ 22 Quyền	318
Bảng 56- Giác Phần Tập Yếu Bodhipakkhiyasaṅgaha	328
Bảng 57- Hành Duyên Thức	338
Bảng 58- Nhân và Quả trong Duyên Sinh.....	345
Bảng 59- Sự tương quan trong 3 đời sinh tử.....	354
Bảng 60- Tứ Vô Lượng Tâm	392
Bảng 61- Bốn mươi đề mục thiền Chỉ tịnh	399
Bảng 62- Ấn chứng (nimitta) và Đề mục (kammaṭṭhāna)	400

DANH MỤC HÌNH

Hình 1- Sát-na tâm.....	140
Hình 2- Lộ Tâm Nhãn Môn Cảnh Rất Lớn	149
Hình 3- Lộ Tâm Nhãn Môn Cảnh Lớn - trường hợp 1	154
Hình 4- Lộ Tâm Nhãn Môn Cảnh Lớn - trường hợp 2	156
Hình 5- Lộ Tâm Nhãn Môn Cảnh Nhỏ - trường hợp 1	158
Hình 6- Lộ Tâm Nhãn Môn Cảnh Nhỏ - trường hợp 2	160
Hình 7- Lộ Tâm Nhãn Môn Cảnh Nhỏ - trường hợp 3	160
Hình 8- Lộ Tâm Nhãn Môn Cảnh Nhỏ - trường hợp 4	160
Hình 9- Lộ Tâm Nhãn Môn Cảnh Nhỏ - trường hợp 5	161
Hình 10- Lộ Tâm Nhãn Môn Cảnh Nhỏ - trường hợp 6...	161
Hình 11- Lộ Tâm Nhãn Môn Cảnh Rất Nhỏ - trường hợp 1	163
Hình 12- Lộ Tâm Nhãn Môn Cảnh Rất Nhỏ - trường hợp 2	163
Hình 13- Lộ Tâm Nhãn Môn Cảnh Rất Nhỏ - trường hợp 3	163
Hình 14- Lộ Tâm Nhãn Môn Cảnh Rất Nhỏ - trường hợp 4	164
Hình 15- Lộ Tâm Nhãn Môn Cảnh Rất Nhỏ - trường hợp 5	164
Hình 16- Lộ Tâm Nhãn Môn Cảnh Rất Nhỏ - trường hợp 6	164
Hình 17- Ví dụ minh họa lộ Ngũ môn Cảnh Rất Lớn	166
Hình 18- Lộ Ý môn Cảnh Rất Rõ kết thúc ở Na Cảnh.....	171
Hình 19- Lộ Ý môn Cảnh Rõ kết thúc ở Đồng lực	171

Hình 20- Lộ Ý môn Cảnh Không Rõ kết thúc ở Đoán Định	172
Hình 21- Lộ Ý môn Cảnh Cực Vi.....	172
Hình 22- Tâm Lộ Tâm chứng nhập thiền Sắc Giới của người độn căn.....	179
Hình 23- Tâm Lộ Tâm chứng nhập thiền Sắc Giới của người lợi căn	180
Hình 24- Lộ Tâm chứng nhập thiền Vô Sắc của người độn căn.....	182
Hình 25- Lộ Tâm chứng nhập thiền Vô Sắc của người lợi căn	182
Hình 26- Lộ Nhập Thiền của người độn căn	185
Hình 27- Lộ Nhập Thiền của người lợi căn.....	185
Hình 28- Lộ Tâm Hoá Thông hay Hiện Thông.....	189
Hình 29- Lộ Đắc Đạo của người độn căn	189
Hình 30- Lộ Đắc Đạo của người lợi căn.....	190
Hình 31- Ví dụ Lộ Đắc 3 Đạo Cao của người độn căn.....	191
Hình 32- Lộ Tâm Nhập Thiền Quả của người độn căn	192
Hình 33- Lộ Tâm Nhập Thiền Quả của người lợi căn.....	192
Hình 34- Nghiệp Phân Theo Thời Gian Cho Quả.....	234
Hình 35- Phân loại các thiện nghiệp.....	241
Hình 36- Lộ Nhãn môn cận tử cảnh rất lớn - trường hợp 1	251
Hình 37- Lộ Nhãn môn cận tử cảnh rất lớn - trường hợp 2	251
Hình 38- Lộ Nhãn môn cận tử cảnh lớn - trường hợp 1 .	253
Hình 39- Lộ Nhãn môn cận tử cảnh lớn - trường hợp 2 .	253
Hình 40- Lộ Nhãn môn cận tử cảnh lớn - trường hợp 1 .	254

Hình 41-	Lộ Nhãn môn cận tử cảnh lớn - trường hợp 2.	254
Hình 42-	Lộ Ý môn cận tử cảnh rõ - trường hợp 1.....	255
Hình 43-	Lộ Ý môn cận tử cảnh rõ - trường hợp 2.....	255
Hình 44-	Lộ trình sinh diễn của Sắc Pháp tại sát-na tái tục	279
Hình 45-	Lộ trình sinh diễn của Sắc Pháp tại sát-na tử...	280
Hình 46-	Lộ Viên Tịch Ý Môn Thông Thường, kết thúc ở Na Cảnh, xen hữu phần.....	286
Hình 47-	Lộ Viên Tịch Ý Môn Thông Thường, kết thúc ở Na Cảnh, không xen hữu phần.....	286
Hình 48-	Lộ Viên Tịch Ý Môn Thông Thường, kết thúc ở Đồng Lực, xen hữu phần	286
Hình 49-	Lộ Viên Tịch Ý Môn Thông Thường, kết thúc ở Đồng Lực, không xen hữu phần	286
Hình 50-	Lộ Viên Tịch Liên Thiền – của người độn căn xen hữu phần	288
Hình 51-	Lộ Viên Tịch Liên Thiền – của người độn căn không xen hữu phần.....	288
Hình 52-	Lộ Viên Tịch Liên Thiền – của người lợi căn xen hữu phần	288
Hình 53-	Lộ Viên Tịch Liên Thiền – của người lợi căn không xen hữu phần.....	288
Hình 54-	Lộ Viên Tịch Liên Thông – của người độn căn xen hữu phần	290
Hình 55-	Lộ Viên Tịch Liên Thông – của người độn căn không xen hữu phần	290
Hình 56-	Lộ Viên Tịch Liên Thông – của người lợi căn xen hữu phần	290

Hình 57- Lộ Viên Tịch Liên Thông – của người lợi căn không xen hữu phần.....	290
Hình 58- Lộ Viên Tịch Phán Khán Chi Thiền có xen hữu phần.	293
Hình 59- Lộ Viên Tịch Phán Khán Chi Thiền không xen hữu phần.....	293
Hình 60- Lộ Viên Tịch Chí Mạng – xen hữu phần	297
Hình 61- Lộ Viên Tịch Chí Mạng – không xen hữu phần	297
Hình 62- Thức Duyên Danh Sắc.....	340
Hình 63- Tuệ Thuận Thứ trên lộ đặc đạo của người độn căn	413
Hình 64- Tuệ Thuận Thứ trên lộ đặc đạo của người lợi căn	413

CHƯƠNG 1

TÂM PHÁP (*citta*)

Theo mô tả trong kinh Phật, cái gọi là thế gian hay cõi sanh tử chỉ là một trái lựu với nhiều hạt nhỏ bên trong là từng cảnh giới cao thấp cho các loại chúng sanh tương ứng. Có loài sống chết buồn vui trong năm trần cảnh (Sắc, Thinh, Khí, Vị, Xúc) thì gọi là chúng sanh Dục giới, loại khá hơn một tí thì chỉ sống bằng thiền định nhưng còn có trụ xứ và thân tướng, gọi là Phạm thiên Sắc giới. Hạng phàm phu cao nhất là chán ghét luôn cả mọi thứ hình danh sắc tướng, tồn tại bằng thứ thiền định phi vật chất, gọi là Phạm thiên Vô sắc giới. Luân hồi là sự tới lui lên xuống trong ba cảnh giới vừa nói. Và có vô số thế giới, tức vô số trái lựu theo cách nói ở trên, trôi nổi và sanh diệt trong cõi không gian vô hạn và dòng thời gian vô cùng. Cứu cánh của người tu hành là tu học để thấy được sự trầm luân, dù ở cảnh giới nào, cũng đều là một cuộc chơi vô ích với những sự lặp lại tẻ nhạt không mục đích. Để làm được điều đó ta phải tìm hiểu xem mình

là cái gì trong trời đất này, chuyện phải làm là gì. Hiểu được mình thì sẽ hiểu được thế giới. Có vậy, mới có thể bỏ nó mà đi.

Có vô số phương cách để nói về con người và thế giới này, nhưng nếu xét kỹ ta sẽ thấy cách nói của Đức Phật là con đường tốt nhất để dẫn đến sự xa lìa phiền não, không tiếp tục thích hay ghét bất cứ thứ gì ở đời.

Trước hết, cái gọi là chúng sanh hay mỗi cá nhân thật ra chỉ gồm tối đa 2 thành tố: Xác thân và tâm thức, gọi theo Phật học là Danh và Sắc. Từ chương một của sách này, ta sẽ từng bước tìm hiểu hai chữ Danh Sắc này và những chuyện phải làm của một người Phật tử đúng nghĩa.

BỐN LOẠI TÂM

Tâm là tên gọi khác của ý thức hay sự biết cảnh, sự nhận thức đối tượng. Một cách đại để, tâm được chia thành bốn loại dựa trên các cảnh giới hiện hữu của chúng sinh (*bhūmi* hoặc *avacara*):

I. Tâm Dục Giới (*kāmāvacaracitta*)

Gồm các loại tâm chủ yếu xuất hiện ở các cõi Dục giới (*kāmaloka*)

II. Tâm Sắc Giới (*rūpāvacaracitta*)

Gồm các tâm chủ yếu xuất hiện ở các cõi Sắc giới (*rūpaloka*)

III. Tâm Vô Sắc Giới (*arūpāvacaracitta*)

Gồm các tâm chủ yếu xuất hiện ở các cõi Vô sắc giới (*arūpāloka*)

IV. Tâm Siêu Thế (*lokuttaracitta*)

Gồm các tâm của riêng thánh nhân.

Tên gọi các thứ tâm trên đây thực ra chỉ là dựa trên phần lớn trường hợp biết cảnh theo các cảnh giới, trên thực tế, tâm Dục giới không chỉ biết riêng cảnh dục trần và các tâm Đáo đại (Sắc giới và Vô sắc giới) cũng vậy.

Nói sơ lược thì Dục giới ở đây bao gồm bốn đọa xứ, cõi người và sáu cõi dục thiên. Sắc giới ở đây là 16 cõi phạm thiên hữu sắc. Cõi Vô sắc giới gồm bốn cõi Phạm thiên Vô sắc.

Phạm thiên (dĩ nhiên là Sắc giới) luôn có nhiều điểm ưu thắng hơn các vị dục thiên về tuổi thọ (tối thiểu 1/3 đại kiếp), oai lực (tâm lực và thần lực), và sự an lạc (thiền lạc) không bị gián đoạn như dục lạc.

Gọi là cõi Vô sắc kỳ thực chỉ là một khoảng không gian vô vật chất nằm bên trên 16 cõi Sắc giới. Ở đây tuyệt không có gì có thể nhìn thấy bằng mắt thường hay thiên nhãn.

I. TÂM DỤC GIỚI (KĀMĀVACARACĪTA)

Có tất cả 54 tâm Dục giới:

- ❖ 12 tâm bất thiện (*akusalacitta*)
- ❖ 18 tâm Vô Nhân (*ahetukacitta*)
- ❖ 24 tâm Dục giới tịnh hảo (*kāmasobhaṇacitta*)

Tâm bất thiện ở đây thực ra không có nghĩa là ác xấu theo tinh thần đạo đức. Chữ « *akusala* » có nghĩa là vụng về, không khéo léo đúng như trong từ Hán Việt là bất thiện. Ai cũng muốn vui sợ khổ nhưng bản chất các tâm bất thiện là đem lại đau khổ, những gì đi ngược lại ước muốn của chúng sinh. Nên các tâm này được gọi là tâm bất thiện.

A. TÂM BẤT THIỆN (AKUSALACITTA)

- 8 tâm tham (*lobhamūlacitta*)
- 2 tâm sân (*dosamūlacitta*)
- 2 tâm si (*mohamūlacitta*)

1. Tâm tham (*lobhamūlacitta*)

Tâm tham thực ra chỉ có một nhưng được kể thành tám vì dựa trên ba khía cạnh:

1. Sự ham thích một cách hào hứng tức hỷ thọ (*somanassasahagataṃ*) hay hững hờ tức xả thọ (*upekkhāsahagataṃ*)
2. Có Tà Kiến (*diṭṭhigatasampayuttaṃ*) đi cùng hay không (*diṭṭhigatavippayuttaṃ*)

3. Tự phát (*asaṅkhārikam*) hay được tác động bởi sự do dự của chính mình hay từ người khác (*sasaṅkhārikam*)

VẬY 8 CÁCH KẼ CỦA TÂM THAM LÀ

1. Tâm tham thọ hỷ hợp tà vô trợ
(*somanassasahagataṃ diṭṭhigatasampayuttaṃ asaṅkhārikam*)
2. Tâm tham thọ hỷ hợp tà hữu trợ
(*somanassasahagataṃ diṭṭhigatasampayuttaṃ sasaṅkhārikam*)
3. Tâm tham thọ hỷ ly tà vô trợ
(*somanassasahagataṃ diṭṭhigatavippayuttaṃ asaṅkhārikam*)
4. Tâm tham thọ hỷ ly tà hữu trợ
(*somanassasahagataṃ diṭṭhigatavippayuttaṃ sasaṅkhārikam*)
5. Tâm tham thọ xả hợp tà vô trợ
(*upekkhāsahagataṃ diṭṭhigatasampayuttaṃ asaṅkhārikam*)
6. Tâm tham thọ xả hợp tà hữu trợ
(*upekkhāsahagataṃ diṭṭhigatasampayuttaṃ sasaṅkhārikam*)
7. Tâm tham thọ xả ly tà vô trợ
(*upekkhāsahagataṃ diṭṭhigatavippayuttaṃ asaṅkhārikam*)

8. Tâm tham thọ xả ly tà hữu trợ

*(upekkhāsahagataṃ
diṭṭhigatavippayuttaṃ saṅkhārikam)*

Từ lúc thức dậy lúc đầu ngày cho đến khi đi ngủ, các giác quan của ta luôn có khuynh hướng đi tìm những thứ ngọt ngào để thưởng thức hưởng thụ. Có những thứ chỉ vừa đủ để ta ưa thích một cách lạnh nhạt, có thứ đối tượng cho ta những cảm giác đam mê thích thú. Đó là nói về cảm giác của các tâm tham. Một người không có chánh kiến thì không thể biết được cái gì là tâm bất thiện, và tâm tham của họ lúc này được xem là đi cùng với tà kiến. Và sự ưa thích đó chắc chắn phải nằm vào một trong hai trường hợp tự phát hay được tác động.

Nói vậy có nghĩa là ta có thể chỉ rõ tâm trạng của một người đang thưởng thức âm nhạc là thuộc loại tâm tham nào và trong tất cả các trường hợp hưởng thụ dục lạc kiểu khác cũng vậy.

SAU ĐÂY LÀ HÌNH ẢNH MINH HỌA CHO 8 TÂM THAM

1. Một người ăn uống mà không bận tâm gì đến chuyện thiện ác trong đó.
2. Một người được bạn rủ đi xem một cuốn phim hay và đương sự cũng không nghĩ gì về chuyện thiện ác trong hành động đó.
3. Một phụ nữ khoác lên người bộ đồ mới, thích thú với nó nhưng cũng kịp nhận biết đó là tâm tham.

4. Một cô gái Phật tử có học A-tỳ-đàm được bạn rủ rê thưởng thức những bản nhạc vừa ý.
5. Một cậu bé ăn bữa cơm nghèo với muối hột, bữa ăn tẻ nhạt và diễn ra trong sự vô tri của cậu bé về Phật pháp.
6. Một cô gái được mẹ nói cho nghe về giá trị của tấm áo mà bà mua cho cô. Cô đồng ý với mẹ nhưng đó không phải là lựa chọn của cô và bản thân cô cũng không biết gì về Phật pháp.
7. Một người đã biết qua giáo lý về nghiệp báo ngồi uống một tách cà phê với tâm trạng hững hờ, dù kể ra cũng có tí thích.
8. Một nữ cư sĩ từng học qua Phật pháp phải miễn cưỡng mua một bộ đồ ở cửa hiệu sau khi được người bán hàng chào mời dai dẳng.

2. Tâm sân (*dosamūlacitta*)

Một cách đơn giản, Sân tâm có hai trường hợp:

1. Sự bất mãn tự phát:

Tâm sân thọ ưu hợp phần vô trợ (*domanassasahagataṃ paṭighasampayuttaṃ asaṅkhārikam*)

2. Sự bất mãn do được tác động, kích thích bởi người khác hay sự chần chừ của bản thân:

Tâm sân thọ ưu hợp phần hữu trợ (*domanassasahagataṃ paṭighasampayuttaṃ saṅkhārikam*)

Ở đây hình ảnh của tâm sân tự phát có thể được tạm hiểu qua sự lo ngại của người mẹ về đứa con gái của mình. Còn loại tâm sân thứ hai có thể tạm hiểu qua tâm trạng khó chịu của đứa con trai khi được ông bố phân tích cho biết cậu đã bị ai đó lừa dối.

3. Tâm si (*mohamūlacitta*)

1. Tâm si thứ nhất là trạng thái nghi hoặc về bất cứ vấn đề gì có liên hệ đến Tam Bảo. Các ngài gọi là **si Hoài Nghi** (*upekkhāsahagataṃ vicikicchāsampayuttaṃ*)
2. Tâm si thứ hai là tâm **si Phóng Dật**, trạng thái tán loạn của tâm thức (*upekkhāsahagataṃ uddhaccasampayuttaṃ*)

Ở trường hợp hai tâm si, khía cạnh hữu trợ và vô trợ không thành vấn đề. Hình ảnh minh họa cho tâm si hoài nghi là một người thiếu tin tưởng về nghiệp lý chẳng hạn. Còn về si phóng dật thì là hình ảnh một cậu học trò không có khả năng tập trung khi thầy giảng bài.

Trong khi tâm tham có lúc là hỷ thọ (*somanassa-sahagataṃ*) hay Xả thọ (*upekkhā-sahagataṃ*), tâm sân luôn luôn là ưu thọ (*domanassa-sahagataṃ*), thì hai tâm Si luôn luôn là xả thọ (*upekkhā-sahagataṃ*).

Nói trên con số thì tâm bất thiện chỉ có 12 so với tâm thiện có đến vài chục loại, nhưng trong đời sống thường nhật của phàm phu thì sự xuất hiện của chúng chiếm đến phần lớn thời gian. Cơ hội cho thiện tâm thường rất nhỏ, có thể chỉ là một trên nhiều tỷ. Bên cạnh hàng tỷ lần xuất hiện

của tâm tham trong những giây phút mà phàm phu cho là toại ý thì cũng có đến hàng tỷ lần xuất hiện của tâm sân trong một ngày cho những giây khắc mà phàm phu bất mãn chuyện này chuyện nọ.

Bảng 1- Biểu đồ 12 tâm bất thiện

	Tâm	Cảm giác	Hợp tố	Tác động
1	Tham	Hỷ	Tà Kiến	Vô trợ
2	Tham	Hỷ	Tà Kiến	Hữu trợ
3	Tham	Hỷ	Ly tà	Vô trợ
4	Tham	Hỷ	Ly tà	Hữu trợ
5	Tham	Xả	Tà Kiến	Vô trợ
6	Tham	Xả	Tà Kiến	Hữu trợ
7	Tham	Xả	Ly tà	Vô trợ
8	Tham	Xả	Ly tà	Hữu trợ
1	Sân	Ưu	Phẫn	Vô trợ
2	Sân	Ưu	Phẫn	Hữu trợ
1	Si	Xả	Hoài nghi	/
2	Si	Xả	Phóng dật	/

B. TÂM VÔ NHÂN (AHETUKACITTA)

Ở đây là những thứ tâm về thực chất không có chút dấu vết nào của thiện hay bất thiện. 18 tâm Vô Nhân ở đây gồm:

- 7 tâm quả bất thiện (*akusalavipākacitta*)

38 I. TÂM DỤC GIỚI (KĀMĀVACARACITTA)

- 8 tâm quả thiện (*ahetuka-kusalavipākacitta*)
- 3 tâm tố Vô Nhân (*ahetuka-kiriyacitta*).

1. Tâm quả bất thiện (*akusalavipākacitta*)

- 1) Tâm Nhãn thức biết cảnh xấu
(*upekkhāsahagataṃ cakkhuviññāṇaṃ*)
- 2) Tâm Nhĩ thức biết cảnh xấu
(*upekkhāsahagataṃ sotaviññāṇaṃ*)
- 3) Tâm Tỷ thức biết cảnh xấu
(*upekkhāsahagataṃ ghānaviññāṇaṃ*)
- 4) Tâm Thiệt thức biết cảnh xấu
(*upekkhāsahagataṃ jivhāviññāṇaṃ*)
- 5) Tâm Thân thức biết cảnh xấu
(*dukkhasahagataṃ kāyaviññāṇaṃ*)
- 6) Tâm Tiếp Thâu biết cảnh xấu
(*upekkhāsahagataṃ sampāṭicchanacittaṃ*)
- 7) Tâm Quan Sát biết cảnh xấu
(*upekkhāsahagataṃ santīraṇacittaṃ*)

Cả 7 tâm đều là xả thọ (trừ Thân thức thọ khổ). Trong giáo lý A-tỳ-đàm, việc nhìn thấy một hình ảnh nào đó không chỉ đơn giản là công việc của con mắt mà nó đòi hỏi nhiều thứ tâm tiếp nối nhau (trong đó có tâm Nhãn thức quả thiện hay quả bất thiện), gồm tâm Tiếp thâu làm việc đón nhận hình ảnh từ tâm nhãn thức, rồi thì tâm Quan Sát như là giai đoạn kiểm định và tiếp theo là tâm Đoán Định (cũng chính

là tâm Khai ý môn) làm việc đúc kết hay cô đọng hình ảnh đó lại.

Cũng cứ vậy mà hiểu, khi một âm thanh chạm vào màng nhĩ ta thì một loạt các tâm Khai ngũ môn, Nhĩ thức, Tiếp Thân, Quan Sát, Đoán Định (cũng là Khai ý môn) sẽ tiếp nối nhau sanh diệt trước khi ta hoàn tất việc nghe được âm thanh đó là gì, với cảm xúc ra sao.

2. Tâm quả thiện vô nhân (*ahetukakusalavipākacitta*)

- 1) Tâm Nhãn thức biết cảnh tốt
(*upekkhāsahagataṃ cakkhuviññāṇaṃ*)
- 2) Tâm Nhĩ thức biết cảnh tốt
(*upekkhāsahagataṃ sotaviññāṇaṃ*)
- 3) Tâm Tỷ thức biết cảnh tốt
(*upekkhāsahagataṃ ghanāviññāṇaṃ*)
- 4) Tâm Thiệt thức biết cảnh tốt
(*upekkhāsahagataṃ jivhāviññāṇaṃ*)
- 5) Tâm Thân thức biết cảnh tốt
(*sukkhasahagataṃ kāyaviññāṇaṃ*)
- 6) Tâm Tiếp Thân biết cảnh tốt
(*upekkhāsahagataṃ sampatīchanacittaṃ*)
- 7) Tâm Quan Sát (xả thọ) biết cảnh tốt
(*upekkhāsahagataṃ santīraṇacittaṃ*)
- 8) Tâm Quan Sát (Hỷ thọ) biết cảnh tốt
(*somanassasahagataṃ santīraṇacittaṃ*)

Theo trong A-tỳ-đàm thì sự xuất hiện của các tâm Ngũ song thức biết cảnh tốt hay xấu là tùy thuộc vào tiền nghiệp thiện ác (*kusalākusalakamma*) của mỗi cá nhân: Có người phải thường xuyên nghe thấy những điều bất toại, có kẻ cả đời cơ hồ chỉ thấy biết những chuyện hay ho thú vị. Đó là lý do tại sao có đến 2 tâm Nhãn thức, Nhĩ thức... và Thân thức biết cảnh tốt hay xấu. Năm cặp tâm này thường được gọi chung là Ngũ song thức. Từ lý do có hai loại tâm giác quan cũng đã dẫn đến việc có 2 tâm Tiếp Thân, 3 tâm Quan Sát.

Theo lý mà nói bản thân các tâm giác quan chưa đủ để đánh giá các cảnh là tốt hay xấu nên bốn tâm giác quan đều phải luôn thuộc xả thọ. Riêng 2 tâm thân thức thì nếu là quả thiện sẽ thuộc thọ lạc, nếu là quả bất thiện sẽ thuộc thọ khổ.

Lý do của tâm quan sát thọ hỷ cũng vậy: Khi gặp cảnh bất toại (tâm quan sát quả bất thiện) thì sẽ thuộc xả thọ, nhưng với cảnh toại ý thì có lúc thọ xả, có lúc thọ hỷ. Thọ lạc và thọ hỷ trong hai trường hợp trên vẫn được xem là chuyện tồn nghi.

3. Tâm tố vô nhân (*ahetukakiriyacitta*)

Ba tâm Tố Vô Nhân gồm:

1) Tâm Khai Ngũ Môn

(upekkhāsahagataṃ pañcadvārāvajjanacittaṃ)

Thứ tâm có nhiệm vụ mở đường cho Ngũ song thức xuất hiện.

2) Tâm Khai Ý Môn

(upekkhāsahagataṃ manodvārāvajjanacittam)

Thứ tâm có nhiệm vụ mở đường cho lộ Ý môn.

3) Tâm Ứng Cúng Vi Tiểu

(somanassasahagataṃ hasituppādacittam)

Tâm làm việc cười của vị A-la-hán, có ý kiến cho rằng chư Phật Toàn Giác không dùng tâm này.

Bảng 2- Biểu đồ 18 tâm Vô Nhân

	Tâm	Cảm giác	Quả
1/2	Nhãn thức	Xả	Bất thiện/Thiện
3/4	Nhĩ thức	Xả	Bất thiện/Thiện
5/6	Tỷ thức	Xả	Bất thiện/Thiện
7/8	Thiệt thức	Xả	Bất thiện/Thiện
9	Thân thức	Khổ	Bất thiện
10	Thân thức	Lạc	Thiện
11/12	Tiếp thu	Xả	Bất thiện/Thiện
13/14	Quan sát	Xả	Bất thiện/Thiện
15	Quan sát	Hỷ	Thiện
16	Khai ngũ môn	Xả	/
17	Khai ý môn	Xả	/
18	Ứng cúng vi tiểu	Hỷ	/

C. TÂM TỊNH HẢO DỤC GIỚI (KĀMĀVACARASOBHANACITTA)

1. Tâm đại thiện (mahākusalacitta)

1) Tâm đại thiện thọ hỷ hợp trí vô trợ

*(somanassasahagataṃ ñāṇasampayuttaṃ
asaṅkhārikam)*

2) Tâm đại thiện thọ hỷ hợp trí hữu trợ

*(somanassasahagataṃ ñāṇasampayuttaṃ
sasaṅkhārikam)*

3) Tâm đại thiện thọ hỷ ly trí vô trợ

(somanassasahagataṃ ñāṇavippayuttaṃ asaṅkhārikam)

4) Tâm đại thiện thọ hỷ ly trí hữu trợ

*(somanassasahagataṃ ñāṇavippayuttaṃ
sasaṅkhārikam)*

5) Tâm đại thiện thọ xả hợp trí vô trợ

(upekkhāsahagataṃ ñāṇasampayuttaṃ asaṅkhārikam)

6) Tâm đại thiện thọ xả hợp trí hữu trợ

(upekkhāsahagataṃ ñāṇasampayuttaṃ sasaṅkhārikam)

7) Tâm đại thiện thọ xả ly trí vô trợ

(upekkhāsahagataṃ ñāṇavippayuttaṃ asaṅkhārikam)

8) Tâm đại thiện thọ xả ly trí hữu trợ

(upekkhāsahagataṃ ñāṇavippayuttaṃ sasaṅkhārikam)

Chữ Đại (*mahā*) ở đây có nghĩa là nhiều và cũng có thể gọi 8 tâm này là tâm thiện Dục giới. So với các loại tâm thiện Đáo đại và Siêu thế thì thiện Dục giới có số lượng nhiều nhất: 8 Đại thiện so với 5 tâm thiện Sắc giới (*rūpāvacarakusalacitta*), 4 tâm thiện Vô sắc (*arūpāvacarakusalacitta*), 4 tâm Siêu thế (*lokuttaracitta*). **Tịnh Hảo** (*sobhaṇa*) ở đây có nghĩa là tốt đẹp, trong sáng bởi các tâm này hàm chứa những thiện tánh Vô Tham (*alobha*), Vô Sân (*adosa*), Vô Si (*amoha*).

Các tâm Đại thiện là loại tâm mà các phàm phu (*puthujjana*) và thánh hữu học (*sekha*) phải dùng đến để làm các việc lành như bố thí (*dāna*), trì giới (*sīla*) hay tu tập Chỉ, Quán (*bhāvanā*). Tâm đại thiện được kể thành tám dựa trên ba khía cạnh:

- Hào hứng tức hỷ thọ hay lãnh đạm tức xả thọ
(*somanassasahagataṃ, upekkhāsahagataṃ*)
- Có trí tuệ đi cùng hay không
(*ñāṇasampayuttaṃ, ñāṇavippayuttaṃ*)
- Tự phát hay được tác động (vô trợ hay hữu trợ)
(*asaṅkhārikam, saṅkhārikam*)

Có mặt ở đời thì người ta không làm việc này phải làm việc khác, không sống bằng tâm trạng này thì phải bằng tâm trạng khác, khi không hành động hay nói năng, suy nghĩ bằng sự tác động của tham, sân, si thì người ta chỉ còn một cách lựa chọn là tam nghiệp tịnh hảo. Đó là phép tu hành

thiện trong Phật pháp. Trong một thiện tâm (nhân) càng có nhiều đức tánh đi kèm thì sức mạnh của thiện tâm đó càng mãnh liệt và phong phú hơn. Các đức tính ở đây, như đã nói, là **sự tự nguyện tự phát**, là những **hiểu biết Phật pháp** và **khả năng vui thú trong điều lành**. Cộng cả 3 lại, ta sẽ có được loại **tâm Đại thiện thọ hỷ hợp trí vô trợ**.

DƯỚI ĐÂY LÀ HÌNH ẢNH MINH HỌA CHO TÁM TÂM ĐẠI THIỆN

- 1) Một phụ nữ có hiểu biết về nghiệp lý đem hoa cúng chùa bằng tất cả niềm hoan hỷ, không cần ai kêu gọi.
- 2) Một cô gái có kiến thức về nghiệp lý được bạn rủ đi nghe một thời pháp thú vị.
- 3) Một cậu bé nhiệt tình cho tiền một người ăn mày nhưng tự thâm tâm chưa từng biết gì về nghiệp lý.
- 4) Một người đàn ông được giao trách nhiệm đưa tiền đóng góp cho một ngôi trường, ông vui vẻ làm dù không biết gì về nhân quả theo Phật pháp.
- 5) Một cô gái quét chùa như một công việc thường ngày nhưng cô là người có học Phật pháp để biết ý nghĩa của việc mình làm.
- 6) Một anh thiện nam được chư tăng nhờ cậy chẻ củi giúp chùa, lòng anh không hào hứng lắm với công việc tẻ nhạt này nhưng anh biết rõ đó là một công đức.
- 7) Một bà cụ ngồi xem kinh, tự ý không cần ai khuyến khích nhưng không hiểu được lời kinh và xưa giờ cũng chưa từng biết qua nghiệp lý.

8) Một cô gái được mẹ nhờ giặt dùm mấy bộ áo quần, cô không hào hứng gì với công việc thường nhật này và bản thân cô cũng chưa từng học đạo ngày nào.

2. Tâm đại quả (*mahāvipākacitta*)

Tám tâm đại quả (*mahāvipākacitta*) là những loại tâm được tạo ra từ các tâm đại thiện. Chúng có ba nhiệm vụ chính yếu trong đời sống của chúng sinh cõi Dục giới thiện thú (*sugati*):

- Tâm Tái Sinh (*patisandhi*) vào các cõi lành
- Tâm Hữu Phần (*bhavaṅga*) trong đời sống thường nhật (xen kẽ vào giữa các lộ tâm)
- Tâm Mệnh Chung (*cuticitta*)

Vì được tạo ra từ tám tâm Đại thiện nên các tâm Đại quả cũng gồm có tám với những khía cạnh tương ứng: Tâm Đại thiện thứ nhất là thọ hỷ hợp trí vô trợ thì sẽ cho ra **tâm Đại quả thứ nhất cũng thọ hỷ hợp trí vô trợ** (*somanassa-sahagataṃ asaṅkhārikamahāvipāka citta*).

3. Tâm đại tố (*mahākiriya-citta*)

Về tám tâm Đại tố (*mahākiriya-citta*), chỉ có ở vị A-la-hán thì có hai điều cần lưu tâm:

- 1) Trước hết chức năng của tâm Đại tố giống hệt như ở tâm Đại thiện, làm hết mọi chuyện mà tâm Đại thiện có thể làm (thậm chí có thể nhiều hơn, tùy thuộc khả năng mỗi vị A-la-hán).

46 I. TÂM DỤC GIỚI (KĀMĀVACARACITTA)

- 2) Thứ đến, tâm sở Tư trong các tâm đại tố tuyệt đối không có khả năng tạo nghiệp để cho quả dị thực như các tâm đại thiện. Chúng chỉ đơn giản là phương tiện làm việc ngay đời hiện tại, không thể để lại một chủng tử nào trong tương lai.

Trong 54 tâm Dục giới, có 45 tâm dành cho phàm phu và thánh Hữu Học, tám tâm Đại tố và Vi Tiểu chỉ là của riêng các vị A-la-hán. Điều nên biết thêm là người Tam nhân ở cõi Dục giới nếu có đủ duyên lành đặc pháp Thượng Nhân (thiền định, Đạo Quả) thì khi tu thiền định tức thiền Chỉ tịnh (*samathabhāvanā*) họ vẫn có thể có được năm tâm thiện Sắc giới (*rūpāvacarakusalacitta*), bốn tâm thiện Vô sắc (*arūpāvacarakusalacitta*) và nếu tu Tuệ quán (*vipassana-bhāvanā*) thì sẽ có đủ 40 tâm Siêu thế.

Bảng 3- Biểu đồ 24 tâm Tịnh Hảo

	Tâm	Cảm giác	Hợp tố	Tác động
1	Đại thiện	Hỷ	Trí	Vô trợ
2	Đại thiện	Hỷ	Trí	Hữu trợ
3	Đại thiện	Hỷ	Ly trí	Vô trợ
4	Đại thiện	Hỷ	Ly trí	Hữu trợ
5	Đại thiện	Xả	Trí	Vô trợ
6	Đại thiện	Xả	Trí	Hữu trợ
7	Đại thiện	Xả	Ly trí	Vô trợ
8	Đại thiện	Xả	Ly trí	Hữu trợ
1	Đại quả	Hỷ	Trí	Vô trợ
2	Đại quả	Hỷ	Trí	Hữu trợ
3	Đại quả	Hỷ	Ly trí	Vô trợ
4	Đại quả	Hỷ	Ly trí	Hữu trợ
5	Đại quả	Xả	Trí	Vô trợ
6	Đại quả	Xả	Trí	Hữu trợ
7	Đại quả	Xả	Ly trí	Vô trợ
8	Đại quả	Xả	Ly trí	Hữu trợ
1	Đại tố	Hỷ	Trí	Vô trợ
2	Đại tố	Hỷ	Trí	Hữu trợ
3	Đại tố	Hỷ	Ly trí	Vô trợ
4	Đại tố	Hỷ	Ly trí	Hữu trợ
5	Đại tố	Xả	Trí	Vô trợ
6	Đại tố	Xả	Trí	Hữu trợ
7	Đại tố	Xả	Ly trí	Vô trợ
8	Đại tố	Xả	Ly trí	Hữu trợ

II. TÂM SẮC GIỚI (RŪPĀVACARACITTA)

Cũng như ở trường hợp các tâm Đại thiện, tâm Sắc giới gồm có ba phần:

- A. 5 tâm thiện Sắc giới (*rūpāvacarakusalacitta*)
- B. 5 tâm quả Sắc giới (*rūpāvacaravipākacitta*)
- C. 5 tâm Tố Sắc giới (*rūpāvacarakiriyacitta*)

Phàm phu tam nhân và thánh hữu học sau khi dùng các tâm đại thiện hợp trí để tu thiền Chỉ tịnh, từ sau lúc chứng đắc từ Sơ thiền Sắc giới trở lên thì họ sẽ có được lần lượt năm tâm thiện Sắc giới ngay ở cõi mình đang sống và sau đó là ở cõi Phạm thiên tương ứng. Năm tâm quả Sắc giới được tạo ra từ năm tâm thiện Sắc giới và cũng có ba chức năng giống hệt như các tâm đại quả là làm tâm Tục Sinh, Hữu Phần và Mệnh Chung cho các Phạm thiên cõi Sắc giới.

Năm tâm Tố Sắc giới là của riêng các vị A-la-hán, có tất cả tính năng giống hệt như tâm thiện Sắc giới, chỉ khác ở điểm là không thể để lại một quả báo dị thực nào cho kiếp sau.

So với các tâm đại thiện thì tâm thiện Sắc giới có điểm giống là tạo ra các tâm quả tương ứng nhưng **điểm khác biệt ở đây** là sự tương ứng giữa các tâm đại quả với cõi tái sinh luôn là bất định. Các tâm quả Sắc giới luôn dẫn đến những cảnh giới tái sinh tương ứng một cách cố định: Tâm nào cõi nấy, như **tâm quả Sơ thiền** dẫn sanh **cõi Sơ thiền**.

Chỉ trừ trường hợp thánh nhân, tâm thiện Sắc giới ở cõi Dục giới có thể bị tiêu mất vì hai lý do:

- 1) Sự thiếu chuyên tâm duy trì (như Bồ-tát Tất Đạt lúc còn bé).
- 2) Do phiền não mãnh liệt như trong Sớ giải Bốn Sanh Kinh có ghi ông Devadatta đã mất hết thiền định ngay khi có lòng xúc phạm Đức Phật và Tăng già (*patibaddhacitto hutvā jhānaṃ parihāyi*) hoặc Bồ-tát trong tiền kiếp đã mất thiền ngay khi thoáng thấy hoàng hậu khỏa thân.

Nếu đến lúc lâm chung, các tâm thiện Sắc giới vẫn còn đó thì đương sự mới có thể sanh về các cõi Phạm thiên tương ứng.

A. TÂM THIÊN SẮC GIỚI (RŪPĀVACARAKUSALACITTA)

1. Tâm thiện Sơ thiền Sắc Giới, có đủ năm chi thiền
(*vitakkavicārapītisukhekaggatasahitaṃ pathamajjhānakusalacittaṃ*)
2. Tâm thiện Nhị thiền Sắc Giới, còn lại bốn chi thiền
(*vicārapītisukhekaggatasahitaṃ pathamajjhānakusalacittaṃ*)
3. Tâm thiện Tam thiền Sắc Giới, còn lại ba chi thiền
(*pītisukhekaggatasahitaṃ pathamajjhānakusalacittaṃ*)
4. Tâm thiện Tứ thiền Sắc Giới, còn lại hai chi thiền là Lạc và Định
(*sukhekaggatasahitaṃ pathamajjhānakusalacittaṃ*)

50 II. TÂM SẮC GIỚI (RŪPĀVACARACITTA)

5. Tâm thiền Ngũ thiền Sắc Giới, còn lại hai chi thiền là Định và Xả
(*upekkhekaggatasahitaṃ pathamajjhānakusala cittaṃ*)

B. TÂM QUẢ SẮC GIỚI (RŪPĀVACARAVIPĀKACITTA)

1. Tâm quả Sơ thiền Sắc Giới, có đủ năm chi thiền
(*vitakkavicārapītisukhekaggatasahitaṃ pathamajjhānavipākacittaṃ*)
2. Tâm quả Nhị thiền Sắc Giới, còn lại bốn chi thiền
(*vicārapītisukhekaggatasahitaṃ pathamajjhānavipākacittaṃ*)
3. Tâm quả Tam thiền Sắc Giới, còn lại ba chi thiền
(*pītisukhekaggatasahitaṃ pathamajjhānavipākacittaṃ*)
4. Tâm quả Tứ thiền Sắc Giới, còn lại hai chi thiền là Lạc và Định
(*sukhekaggatasahitaṃ pathamajjhānavipākacittaṃ*)
5. Tâm quả Ngũ thiền Sắc Giới, còn lại hai chi thiền là Định và Xả
(*upekkhekaggatasahitaṃ pathamajjhānavipākacittaṃ*)

C. TÂM TỔ SẮC GIỚI (RŪPĀVACARAKIRIYACITTA)

1. Tâm Tổ Sơ thiền Sắc Giới, có đủ năm chi thiền

*(vitakkavicārapītisukhekaggatasahitaṃ
pathamajjhānakiriyācittaṃ)*

2. Tâm Tổ Nhị thiền Sắc Giới, còn lại bốn chi thiền

*(vicārapītisukhekaggatasahitaṃ
pathamajjhānakiriyācittaṃ)*

3. Tâm Tổ Tam thiền Sắc Giới, còn lại ba chi thiền

*(pītisukhekaggatasahitaṃ
pathamajjhānakiriyācittaṃ)*

4. Tâm Tổ Tứ thiền Sắc Giới, còn lại hai chi thiền là Lạc và Định

(sukhekaggatasahitaṃ pathamajjhānakiriyācittaṃ)

5. Tâm Tổ Ngũ thiền Sắc Giới, còn lại hai chi thiền là Định và Xả

(upekkhekaggatasahitaṃ pathamajjhānakiriyācittaṃ)

Bảng 4- Biểu đồ 15 tâm Sắc Giới

	Tâm	Chi thiền
1	Thiện Sơ thiền	Tầm, Tứ, Hỷ, Lạc, Định
2	Thiện Nhị thiền	Tứ, Hỷ, Lạc, Định
3	Thiện Tam thiền	Hỷ, Lạc, Định
4	Thiện Tứ thiền	Lạc, Định
5	Thiện Ngũ thiền	Định, Xả
1	Quả Sơ thiền	Tầm, Tứ, Hỷ, Lạc, Định
2	Quả Nhị thiền	Tứ, Hỷ, Lạc, Định
3	Quả Tam thiền	Hỷ, Lạc, Định
4	Quả Tứ thiền	Lạc, Định
5	Quả Ngũ thiền	Định, Xả
1	Tổ Sơ thiền	Tầm, Tứ, Hỷ, Lạc, Định
2	Tổ Nhị thiền	Tứ, Hỷ, Lạc, Định
3	Tổ Tam thiền	Hỷ, Lạc, Định
4	Tổ Tứ thiền	Lạc, Định
5	Tổ Ngũ thiền	Định, Xả

D. ĐỊNH NGHĨA CHỮ THIỀN (JHĀNA)

Một cách nôm na, thiền là sự tập trung tư tưởng trên một đối tượng. Việc này cần đến sự kết hợp cùng lúc của năm thiền chi:

- **Tâm** (*vitakka*): Sự hướng tâm đến đối tượng.
- **Tứ** (*vicāra*): Sự kiểm sát đối tượng.

- **Hỷ** (*pīti*): Sự hứng thú đối với đối tượng.
- **Thọ** (*vedanā*): Có thể là Lạc thọ (*sukha*) hay Xả thọ (*upekkhā*) trong lúc tập trung trên đối tượng.
- **Định** (*ekaggatā*): Sự tập chú (*samādhi*) trên đối tượng.

Năm chi thiền này, là năm tâm sở, Tầm, Tứ, Hỷ, Thọ, Định (*vitakka, vicāra, pīti, sukha, ekaggatā*), nói trên bản chất thì ai cũng có thể có nhưng để chúng có đủ sức mạnh để trấn áp phiền não và đưa đến các tầng thiền thì đòi hỏi phải được trao dồi một cách đặc biệt thông qua pháp môn thiền Chỉ tịnh (*samathabhāvanā*).

Tâm ta thường vốn không yên tĩnh. Ở đó luôn bị khuấy động bởi năm **Triền Cái** (*nīvaraṇa*) là:

- 1) Tham Dục (*kāmachanda*)
- 2) Bất Mãn (*byāpāda*)
- 3) Hôn Thụy (*thīnamiddha*)
- 4) Trạo Hối (*uddhacakkukkucca*)
- 5) Hoài Nghi (*vicikicchā*)

Tham Dục dẫn tâm ta đi lang thang cảnh này cảnh nọ để tìm cái mình thích. Sự Bất Mãn dẫn tâm đến tình trạng khó chịu hay bức phiền với những gì bất toại. Hôn Thụy là trạng thái đã dượt biếng lười của tâm. Trạo Hối ở đây gồm có Phóng Dật là sự tán loạn của tâm và Hối Hận là sự hối tiếc hay cắn rứt trong chuyện cũ. Hoài Nghi là sự phân vân, thiếu cả quyết với chuyện này chuyện nọ. Cả năm phiền não này được gọi là Triền Cái (*nīvaraṇa*) bởi chúng có tác hại là ngăn che tầm nhìn và cản trở khả năng tập trung tư tưởng.

Trong Kinh *Sangārasutta*, Tăng Chi Bộ Kinh, Đức Phật so sánh tham dục giống như nước bị pha nhiều màu tạp sắc, sự bất mãn giống như nước đang được nung sôi, hôn thụy giống như nước bị rong rêu, trạo hối giống như mặt nước bị gió thổi xao động và hoài nghi giống như nước bị vẩn đục bởi cặn cáu và bùn sình. Với những loại nước như vậy ta không thể dùng để soi bóng mình. Với một nội tâm bị ngăn che bởi năm Triền Cái thì ta không thể nhìn thấy vấn đề gì hết. Trong Trung Bộ Kinh bài số 39 (đại kinh Xóm Ngựa), Đức Phật dạy tâm người bị tham dục chi phối giống như một người đang mắc nợ, tâm bị sân hận chi phối giống như một người bị bệnh mất khẩu vị, tâm bị hôn thụy chi phối giống như một người bị giam trong ngục tối chỉ nhìn thấy một ít ánh sáng le lói bên ngoài, tâm bị trạo hối chi phối giống như tâm trạng của một người nô lệ không thể tự quyết mọi sự, lúc nào cũng trông đợi quyết định của chủ và tâm bị hoài nghi chi phối thì giống như một người bị lạc đường trên sa mạc, hoang mang không biết ngõ đi.

Năm Triền Cái có thể được trấn áp dài hạn bằng thiền Chỉ tịnh. Chẳng hạn như chỉ với sự tập trung vào đề mục Đất (một miếng đất thô hình tròn có đường kính khoảng một feet, tức một gang tay cộng với bốn ngón tay để ngang màu gạch hoặc màu xám đất để ngang với tầm nhìn của một người ngồi). Lúc này hành giả chỉ việc mở mắt nhìn thẳng vào đó chú niệm một chữ « Đất » được lập lại nhiều ngàn lần trong suốt buổi thiền định. Tùy trình độ và căn duyên của mỗi người mà giai đoạn bắt đầu này kéo dài lâu hay mau.

Năm chi thiền vừa kể ở trên sẽ dần dần đủ mặt qua tiến trình sau đây:

- **Tâm** ở đây là sự **hướng đến** thiền đất hình tròn đó, lúc này nó có tác dụng ngăn chặn **Hôn Thụy**.
- **Tứ** ở đây là sự **quan sát** tới lui trên thiền đất đó, nó có tác dụng ngăn chặn **Hoài Nghi**.
- **Hỷ** ở đây là cảm giác trong lúc quan sát của Tứ, nó có tác dụng ngăn chặn sự **Bất Mãn**. Hỷ được xem là giai đoạn bắt đầu cho Lạc. Hỷ chỉ là sự hứng thú đối với cảnh.
- **Lạc** ở đây là sự thưởng thức hay hưởng dụng đối tượng. Chính Lạc mới đủ khả năng kéo dài tập chú của tâm trên cảnh. Lạc lúc này có tác dụng đình chỉ **Trạo Hối**.
- **Định** hay Nhất Tâm ở đây là sự chuyên chú trên thiền đất đề mục, không để tâm biết gì ngoài ra. Tác dụng của Nhất Tâm là chặn đứng **Tham Dục**.

Khi năm Thiền Cái được đẩy lùi thì tâm hành giả không còn bị tác động bởi những thứ thích và ghét nữa. Như một người đã hoàn toàn rảnh tay không còn cầm nắm bất cứ món đồ gì thì dĩ nhiên sẽ nhẹ nhàng thoải mái hơn nhiều. Chính ở giai đoạn này nội tâm hành giả đã trở nên khấn khít cao độ với đề mục đến mức không cần mở mắt vẫn thấy nó hiển hiện rõ ràng lồ lộ. Kinh gọi giai đoạn này là **Nhiếp Tướng** (*uggaha-nimitta*), thay vì giai đoạn đầu chỉ là **Sơ Tướng** (*parikammanimitta*) phải mở mắt nhìn mới thấy.

Đến đây thì hành giả vẫn cứ phải tiếp tục trì niệm một chữ « Đất, Đất » như lúc đầu, dù đôi mắt đã nhắm hẳn. Nếu đủ duyên lành, năm thiền chi càng lúc càng mạnh, phiến đất trong tâm tưởng của hành giả lúc này không còn màu sắc cũ nữa mà trở nên rực rỡ chói loà như một mảnh gương. Giai đoạn này được gọi là **Quang Tướng** (*paṭibhāganimitta*). Có một sự khác biệt rất lớn trên hình ảnh đề mục trong hai giai đoạn vừa nói.

- a. Phiến đất trong giai đoạn Nhiếp Tướng giống hệt như phiến đất đang treo trước mặt với đầy đủ mọi chi tiết của bản gốc, như những vết trầy xước lớn nhỏ, một lá cỏ, một cọng rơm...đều hiện ra trung thực như thật.
- b. Riêng hình ảnh đề mục trong giai đoạn Quang Tướng thì mọi thứ đều trở nên tinh khôi và hoàn hảo, rực rỡ mà không có tí tỳ vết nào. Các ngài nói rằng hình ảnh đề mục trong giai đoạn này kỳ ảo và siêu thực đến vậy chỉ vì nó thuần túy là một thứ ấn tượng trong tâm thức hành giả.

Ngay khi hình ảnh Quang Tướng xuất hiện thì khả năng định tâm của hành giả đã đạt tới trình độ **Cận Định** (*upacārasamādhi*). Năm chi thiền lúc này cũng càng lúc trở nên mạnh mẽ hơn. Hỷ và Lạc lúc này sẽ cho hành giả cảm nhận một thứ hạnh phúc chưa từng biết qua trong đời. Giai đoạn Quang Tướng cứ vậy mà được duy trì cho đến khi nào hành giả đắc được Sơ thiền thì coi như đã tiến lên một giai đoạn khác. Chẳng hạn đối với trình độ Sơ thiền hành giả có thể xuất nhập trạng thái Kiên cố định bao nhiêu lần và đến

bao lâu cũng được, thậm chí có thể đến một tuần lễ. Những người tự xét mình có ít đòi hỏi trong nhục dục hơn là nhu cầu tâm linh thì nên hiểu đó là một cơ hội bằng vàng để thử một lần tham dự một thiền khóa Chỉ tịnh. Ngày nay ở Miến Điện ta cũng có thể tìm gặp một vài trung tâm có đường hướng Chỉ Quán song tu.

Ở tầng Sơ thiền, năm chi thiền có mặt đầy đủ. Nếu hành giả tiếp tục gìn giữ đề mục cũ, như đề mục Đất chẳng hạn, thì từ đây về sau hình ảnh mà họ nhìn thấy chỉ là Quang Tướng. Nghĩa là từ giai đoạn Cận Định trở đi, hành giả không cần mở mắt nhìn đề mục nữa.

Từ Sơ thiền, khi nhàm chán được chi Tâm thì hành giả mới lên được Nhị thiền. Bỏ thêm chi Tứ hành giả đắc Tam thiền, bỏ thêm chi Hỷ hành giả đắc Tứ thiền và cuối cùng khi Lạc được thay thế bằng Xả thì hành giả đắc được Ngũ thiền.

Cũng trong Đại Kinh Xóm Ngựa bài 39 của Trung Bộ, Đức Phật đã mô tả cảm giác an lạc của các tầng thiền như sau: Cảm giác an lạc của người chứng Sơ thiền giống như một cục bột thấm nước, hành giả nhận ra một sự an lạc tràn ngập cả nội tâm và khắp thân thể mình; người chứng Nhị thiền cảm nhận thân tâm mình như một hồ nước tràn đầy; người chứng Tam thiền cảm nhận tâm mình như những búp sen chìm sâu trong nước và người chứng Tứ thiền cảm nhận thân tâm mình được bao phủ bởi một thứ an lạc đến từ bên ngoài như người ta trùm một tấm vải.

Bảng 5- Các chi thiên và Triển cái

Chi Thiên	Triển cái	Nguyên nhân (Tăng Chi Phẩm Triển Cái)	Cách đối trị (Tăng Chi)	Hình ảnh tâm bị năm Triển cái chi phối	Năm Triển cái ví như
Tâm	Hôn Thủy	Biếng nhác, ăn no, chán nản, tâm thụ động	Tỉnh tấn + Như lý tác ý	Người ở tù, thỉnh thoảng có một chút ánh sáng từ bên ngoài chiếu vào	Nước rong rêu
Tứ	Hoài Nghi	Không như lý tác ý (ayoniso)	Như lý tác ý (yoniso)	Người ở sa mạc	Nước vẫn đục
Hỷ	Sân	Đối ngại tương	Từ tâm + Như lý tác ý	Người bị bệnh mắt khẩu vị	Nước đun sôi
Lạc	Trạo Hối	Tâm không chỉ tịnh	Tâm chỉ tịnh + Như lý tác ý	Người nô lệ, tâm luôn lo sợ chủ	Nước bị gió thổi xao động
Định	Tham	Tịnh tương	Bất tịnh + Như lý tác ý	Người có một món nợ phải trả	Nước pha màu

III. TÂM VÔ SẮC GIỚI (ARŪPĀVACARACITTA)

Với người hữu duyên trong thiền định thì ngay sau khi chứng đắc Ngũ thiền Sắc giới có thể dễ dàng sanh lòng chán ghét đối với đời sống hệ lụy vật chất. Không còn bị phiền phức bởi năm Triền cái nữa, tức không còn những khổ tâm thông thường của người đời, hành giả lúc này tự nhiên có một nhu cầu tâm linh vi tế hơn. Vị ấy thấy chán sợ với những cọ xát của tấm thân sinh lý với những thứ vật chất phiền toái nặng nề của cơ thể như nóng lạnh, đói khát, thương tích, bệnh tật. Để vượt khỏi sự tù túng này sau khi xuất khỏi Ngũ thiền Sắc giới, nên khi đề mục xưa giờ của hành giả vẫn tiếp tục hiển hiện trong hình thức Quang Tướng nhưng vị này lại tác ý đến một đề mục khác đó là khoảng hư không bao la vô tận nằm ngoài mọi thứ vật chất.

Cùng lúc với sự nhầm chán đối với Quang Tướng của đề mục cũ, thì Quang Tướng ấy cũng lập tức biến mất. Trong tâm thức vị này lúc đó chỉ còn lại một đối tượng duy nhất là **khoảng không bao la**. Ngay lúc này có một thứ thiền tâm cao hơn Ngũ thiền Sắc giới và chỉ biết có một đối tượng là khoảng không vô tận, đó chính là tâm **Hư Không Vô Biên**, tầng thiền Vô sắc đầu tiên. Để chứng đắc tầng thiền Vô sắc thứ nhất, hành giả tập chú vào khái niệm: *Ananto ākāso* (Hư Không là vô tận).

Nếu đủ duyên lành, đương sự lại nhầm chán cả tầng thiền Vô sắc đầu tiên để thấy rằng đến cả khoảng không bao la kia cũng là cái gì đó hữu hạn bó buộc bởi nó còn bị tâm biết đến.

Thế là đương sự lại tác ý đến sự **vô tận vô hạn của tâm thức** để chứng được tầng thiền Vô sắc thứ hai là **Thức Vô Biên**. Ở tầng thiền thứ hai thì là **Anantaṃ viññānaṃ** (thức là vô tận).

Người hữu duyên lại đi xa hơn, xét rằng hư không là hữu hạn vì còn bị thức biết và thức cũng không phải là vô tận vì chỉ biết được cái hư không hữu hạn kia nên hành giả lại lần nữa sanh tâm nhằm chán cả hai thứ bằng cách tập chú vào khái niệm thứ ba : **Natthi kiñcanaṃ** (không còn gì nữa cả). Trong tâm tưởng vị ấy lúc này cũng đã **chối bỏ vừa Hư Không vừa Thức** và đạt tới trình độ **Vô Sở Hữu Xứ**. Một người có huệ căn, như bồ tát Tất Đạt chẳng hạn, không thể xem tầng thiền Vô sắc thứ ba này là cứu cánh sau cùng khi thấy rằng cái biết trong thiền Vô Sở Hữu Xứ dầu gì cũng chỉ là bước nhảy đầu tiên ra khỏi hai đối tượng hữu hạn kia. Như một người không thể an tâm khi nhận ra mình vẫn còn ở ngay phía trước nơi chốn đang rất muốn rời bỏ. Đương sự phải đi xa hơn cho cánh cũ khuất hẳn tầm mắt.

Với sự nhằm chán này tâm thức của hành giả ngày một vi tế hơn, vị ấy xét thấy một nội tâm tách khỏi hoàn toàn ba khái niệm Vô sắc trước mới thật sự là an tĩnh và thù thắng. Đề mục của hành giả lúc này chỉ là trạng thái tâm vừa có được : Nói rằng không cũng sai mà bảo rằng có cũng không đúng (**Phi Tưởng Phi Phi Tưởng**). Vị ấy an trú trong khái niệm này: **Etaṃ santaṃ, etaṃ paṇītaṃ** (đây mới là tịch tịnh, đây mới là thù thắng).

Bốn tầng thiền Vô sắc được kể là ngũ thiền vì y cứ trên

ngũ thiền mà có. Có thể nói đây là tầng ngũ thiền nhằm chán Sắc pháp, như tầng Vô Tướng cũng là ngũ thiền nhưng dành cho người nhằm chán Danh pháp. Sự nhằm chán trong các tầng thiền này chưa phải là rốt ráo và thiền Chỉ tịnh cũng không phải là giải pháp cao nhất nên sự không tâm ở cõi Vô Tướng hay sự vô hình ở cõi Vô sắc cũng chỉ là những cứu cánh tạm thời. Sự nhằm chán rốt ráo đối với Danh Sắc phải y cứ trên Tam Tướng và giải pháp xuất ly phải là con đường Tứ Niệm Xứ.

Điều cần ghi nhận thêm là năm tầng thiền Sắc giới khác biệt nhau ở số lượng **thiền chi**. Bốn tầng thiền Vô sắc chỉ khác biệt nhau ở **đối tượng ghi nhận**, còn thiền chi thì ở tầng nào cũng có hai là Định và Xả. Các tâm Vô sắc giới nói chung cũng được chia thành ba phần Thiện, Quả và Tố với những chi tiết giống hệt như ở tầng thiền Sắc giới.

A. TÂM THIỆN VÔ SẮC GIỚI (ARŪPĀVACARAKUSALACITTA)

- 1) Tâm thiện Hư Không Vô Biên Xứ, có 2 chi thiền là Xả và Định

(upekkhekaggatāsahitaṃ ākāśānañcāyatanakusalacittaṃ)

- 2) Tâm thiện Thức Vô Biên Xứ, có 2 chi thiền là Xả và Định

(upekkhekaggatāsahitaṃ viññāṇañcāyatanakusalacittaṃ)

- 3) Tâm thiện Vô Sở Hữu Xứ, có 2 chi thiền là Xả và Định

(upekkhekaggatāsahitaṃ ākiñcaññāyatanakusalacittaṃ)

62 III. TÂM VÔ SẮC GIỚI (ARŪPĀVACARACITTA)

- 4) Tâm thiền Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ, có hai chi thiền là Xả và Định

*(upekkhekaggatāsahitaṃ
nevasaññānāsaññāyatanakusalacittaṃ)*

B. TÂM QUẢ VÔ SẮC GIỚI (ARŪPĀVACARAVIPĀKACITTA)

Thay thế chữ **Thiền** (*kusala*) bằng **Quả** (*vipāka*)

C. TÂM TỔ VÔ SẮC GIỚI (ARŪPĀVACARAKIRIYACITTA)

Thay thế chữ **Thiền** (*kusala*) bằng **Tổ** (*kiriyā*)

D. TÂM THẮNG TRÍ HAY TÂM THÔNG (ABHIÑÑĀCITTA)

Một người đã đắc chứng Ngũ thiền Sắc giới (nếu có thêm bốn tầng thiền Vô sắc giới thì tuyệt) bằng đề mục Đất chẳng hạn thì có thể dễ dàng tu tập thêm các đề mục *Kasiṇa* khác dễ như trở bàn tay. Định tâm có sẵn, chỉ cần đổi đề mục mà thôi. Khi có thể nhập định bằng tất cả đề mục *Kasiṇa* thì coi như đương sự có thể thành tựu Ngũ Thông không khó khăn. Như khi muốn tạo ra ánh sáng, vị ấy chỉ cần nhập vào Ngũ thiền lấy Ánh Sáng hay màu Trắng làm đề mục. Ngay sau khi xuất khỏi Ngũ thiền, vị ấy ước muốn có ánh sáng xuất hiện thì sẽ được như ý. Cũng bằng cách đó, đề mục màu Xanh tạo ra bóng tối, đề mục Đất giúp đương sự có thể đi đứng trên không hay trên nước, với đề mục Nước thì có thể trôi lặn trên mặt đất, với đề mục Hư Không thì có thể đi xuyên qua tất cả các vật cản. Tâm thiền thực hiện được các thần thông

phải là tâm Đồng lực, vì đây mới là Tâm Như Ý Túc hay Tâm Thần Túc (*citta-iddhipāda*). Với phàm phu và thánh hữu học thì hoá thông bằng tâm **thiện Ngũ Thiền Sắc giới**, còn vị A-la-hán dùng tâm **Tổ Ngũ Thiền Sắc giới**. Hai tâm này được gọi chung là hai tâm Thắng Trí (*abhiññācitta*) hay còn được gọi là hai tâm Hóa Thông, còn gọi là tâm Hiện Thông.

Bảng 6- Biểu đồ 12 tâm Vô Sắc

Tâm	Chi thiên	Đối tượng
Thiền Hư Không Vô Biên Thiền Thức Vô Biên Thiền Vô Sở Hữu Xứ Thiền Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ	Định, Xả Định, Xả Định, Xả Định, Xả	1. Hư không là vô tận 2. Thức là vô tận 3. Nhàm chán Thức vô biên xứ 4. Nhàm chán tăng thiên thứ ba. Tâm vi tế như có như không
Quả Hư Không Vô Biên Quả Thức Vô Biên Quả Vô Sở Hữu Xứ Quả Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ	Định, Xả Định, Xả Định, Xả Định, Xả	Bốn tâm này do bốn tâm thiện Vô sắc mà có, chúng chỉ có hai chức năng là làm việc Tái tục và Hữu phần, đồng thời cũng đóng vai trò như sắc Ý vật ở cõi Ngũ uẩn
Tổ Hư Không Vô Biên Tổ Thức Vô Biên Tổ Vô Sở Hữu Xứ Tổ Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ	Định, Xả Định, Xả Định, Xả Định, Xả	1. Hư không là vô tận 2. Thức là vô tận 3. Nhàm chán Thức vô biên xứ 4. Nhàm chán tăng thiên thứ ba và lúc này tâm vi tế như có như không

IV. CÁC TÂM SIÊU THỂ (LOKUTTARACITTA)

Như các tâm thiền Đáo đại chỉ có được từ việc tu tập thiền Chỉ tịnh, các tâm Siêu thể chỉ có được thông qua con đường Tuệ quán. Có hai loại hành giả tu Tuệ quán :

- 1) Trực tiếp tu tập Tứ Niệm Xứ (*vipassanāyānika*) mà không cần chứng trước một tầng thiền Chỉ tịnh nào hết.
- 2) Chỉ Quán song tu (*samathayānika*), tức lấy thiền định làm nền tảng hay phương tiện cho Tuệ quán. Ở đây hạng thứ hai này sử dụng khả năng Cận Định (*upacārasamāधि*) để quan sát Danh Sắc. Nếu duyên lành hội đủ thì hành giả sẽ chứng đắc thánh trí theo một trong ba cách :
 - Dừng lại ở một thánh quả hữu học nào đó trong ít lâu (thời gian bất định) rồi mới chứng quả A-la-hán ngay trong kiếp sống đó.
 - Cách hai là từng cặp đạo quả nối tiếp nhau xuất hiện cho đủ tám tầng mới thôi.
 - Cách ba là vị thánh hữu học phải đợi sang kiếp khác.

Điều nên nhớ là chỉ có thể dừng lại ở thánh quả chứ không thể ở thánh đạo. Như một người chỉ đủ duyên trở thành vị Tu Đà Huần, không thể chứng đắc các tầng thánh cao hơn, thì sau khi tâm Sơ đạo xuất hiện, tiếp theo đó là tâm Sơ quả và vị này sẽ tái sinh sang kiếp khác trong tư cách một vị Sơ quả rồi tiếp tục tiến lên các tầng thánh cao hơn.

Dầu hạng hành giả nào thì cũng phải tu Tuệ quán bằng tâm Đại thiện, và **Định trong Ngũ quyền lúc đang tu Quán phải là Cận Định**. Với người chuyên Quán thì là Cận Định của Sơ thiền, nghĩa là của người chưa có được Sơ thiền nhưng các tâm thánh đạo, thánh quả mà hạng này đặc chứng vẫn luôn được kể kèm với Sơ thiền (như Sơ đạo Sơ thiền, Sơ quả Sơ thiền...). Tuy nhiên sau khi đã đắc xong thánh quả thì người chuyên Quán sẽ không có khả năng nhập Sơ thiền như một người tu Chỉ trước đó mà chỉ có khả năng nhập Quả Định (*phalasangāpatti*) mà thôi. Còn đối với các vị đã từng chứng thiền định thì tầng thánh quả của họ sẽ được gọi chung với tầng thiền mà họ đã chứng như Sơ đạo Tam thiền, Tam quả Tứ thiền... Chính từ điểm này ta mới có 20 tâm thánh đạo và 20 tâm thánh quả, tức lấy 4 tầng thánh x 5 tầng thiền.

A. TÂM THÁNH ĐẠO (MAGGACITTA)

- 1) Tâm Sơ đạo, đi với 1 trong 5 tầng thiền
(*sotāpattimaggacittam*)
- 2) Tâm Nhị đạo, đi với 1 trong 5 tầng thiền
(*sakadāgāmimaggacittam*)
- 3) Tâm Tam đạo, đi với 1 trong 5 tầng thiền
(*anāgāmimaggacittam*)
- 4) Tâm Tứ đạo, đi với 1 trong 5 tầng thiền
(*arahattamaggacittam*)

Năm Tầng Thiền Trong Tâm Thánh Đạo

- 1) Tâm Thánh Đạo Sơ Thiền, có đủ năm chi thiền
*(vitakkavicārapītisukhekaggatāsahitaṃ
pathamajjhānamaggacittaṃ)*
- 2) Tâm Thánh Đạo Nhị Thiền, chỉ còn bốn chi thiền
*(vicārapītisukhekaggatāsahitaṃ
pathamajjhānamaggacittaṃ)*
- 3) Tâm Thánh Đạo Tam Thiền, chỉ còn ba chi thiền
*(pītisukhekaggatāsahitaṃ
pathamajjhānamaggacittaṃ)*
- 4) Tâm Thánh Đạo Tứ Thiền, chỉ còn lại hai chi thiền là
Lạc và Định
(sukhekaggatāsahitaṃ pathamajjhānamaggacittaṃ)
- 5) Tâm Thánh Đạo Ngũ Thiền, chỉ còn lại hai chi thiền là
Xả và Định
(upekkhekaggatāsahitaṃ pathamajjhānamaggacittaṃ)

Bảng 7- Bốn tâm Thánh Đạo

Tâm	Trừ được	
	Nhân	Quả
Sơ Đạo	Thân kiến, Hoài nghi, Giới cấm thủ	Thức tái sinh kiếp thứ tám, và chủng tử sa đọa
Nhị Đạo	Giảm nhẹ Dục Ái và Sân	Thức tái sinh kiếp thứ hai
Tam đạo	Dục Ái và Sân	Thức tái sinh cõi Dục giới
Tứ Đạo	Sắc Ái, Vô Sắc Ái, Mạn, Phóng dật, Vô minh	Không còn Thức tái sinh

B. TÂM THÁNH QUẢ (PHALACITTA)

1. Tâm Sơ quả, đi với 1 trong 5 tầng thiền
(sotāpattiphalacittam)
2. Tâm Nhị quả, đi với 1 trong 5 tầng thiền
(sakadāgāmiphalacittam)
3. Tâm Tam quả, đi với 1 trong 5 tầng thiền
(anāgāmiphalacittam)
4. Tâm Tứ quả, đi với 1 trong 5 tầng thiền
(arahattaphalacittam)

Năm Tầng Thiền Trong Tâm Thánh Quả

1. Tâm Thánh Quả Sơ Thiền, có đủ năm chi thiền

*(vitakkavicārapītisukhekaggatāsahita
pathamajjhānaphalacittaṃ)*

2. Tâm Thánh Quả Nhị Thiền, chỉ còn bốn chi thiền

*(vicārapītisukhekaggatāsahitaṃ
athamajjhānaphalacittaṃ)*

3. Tâm Thánh Quả Tam Thiền, chỉ còn ba chi thiền

*(pītisukhekaggatāsahitaṃ
pathamajjhānaphalacittaṃ)*

4. Tâm Thánh Quả Tứ Thiền, chỉ còn lại hai chi thiền là
Lạc và Định

(sukhekaggatāsahitaṃ pathamajjhānaphalacittaṃ)

5. Tâm Thánh Quả Ngũ Thiền, chỉ còn lại hai chi thiền là
Xả và Định

(upekkhekaggatāsahitaṃ pathamajjhānaphalacitta)

ÔN TẬP TỔNG QUÁT VỀ TÂM PHÁP

- 1) Tâm **bất thiện** (*akusalacitta*) gồm 12 tâm

Là 8 tâm tham, 2 tâm sân, 2 tâm si.

- 2) Tâm **Vô Nhân** (*ahetukacitta*) gồm 18 tâm

Là 7 tâm quả bất thiện, 8 tâm quả thiện, 3 tâm Tố Vô Nhân.

- 3) Tâm **Tịnh hảo Dục giới** (*kāmasobhaṇacitta*) gồm 24 tâm

Là 8 tâm Đại thiện, 8 tâm Đại quả, 8 tâm Đại tố.

70 ÔN TẬP TỔNG QUÁT TÂM PHÁP

- 4) Tâm **Dục giới** (*kāmāvacaracitta*) gồm 54 tâm
Là 12 tâm bất thiện, 18 tâm Vô Nhân, 24 tâm Dục giới.
- 5) Tâm **Đáo đại** (*mahaggata*) gồm 27 tâm
Là 15 tâm Sắc giới, 12 tâm Vô sắc giới. Chữ Đáo đại (*Mahaggata*) ở đây có nghĩa là sự lớn mạnh hay cao cấp.
- 6) Tâm **Hiệp Thế** (*lokiyacitta*) gồm 81 tâm
Là 54 tâm Dục giới, 27 tâm Đáo đại.
- 7) Tâm **Siêu thế** (*lokuttaracitta*) gồm 8 hoặc 40 tâm
Là 4 tâm thánh đạo (*maggacitta*) và 4 tâm thánh quả (*phalacitta*) nhân với 5 tầng thiền. 8×5 .
- 8) Tất cả tâm nói chung gồm 89 hoặc 121 tâm
Là 81 tâm Hiệp thế (*lokiyacitta*) và 8 hoặc 40 tâm Siêu Thế (*lokuttaracitta*)
- 9) Tâm **vô tịnh hảo** (*asobhaṇacitta*) gồm 30 tâm
Là 12 tâm bất thiện và 18 tâm Vô Nhân.
12 tâm bất thiện là vô tịnh hảo vì chúng là ác pháp và 18 tâm Vô Nhân là vô tịnh hảo vì chúng không phải thiện pháp.
- 10) Tâm **tịnh hảo** (*sobhaṇacitta*) gồm 59 hoặc 91 tâm
Tức trừ đi 30 tâm vô tịnh hảo.
- 11) **Tâm Thiền**
(tối thiểu cũng là Sơ thiền – *paṭhamajjhānacitta*) gồm 67 tâm: 27 tâm Đáo đại và 40 tâm Siêu thế.

12) Tâm phân theo chủng loại (*jāti*)

-Tâm Dục giới (*kāmāvacaracitta*) gồm 54 tâm

-Tâm Đáo đại (*mahaggatacitta*) gồm 27 tâm

-Tâm Hiệp thế (*lokiyacitta*) gồm 81 tâm

-Tâm Siêu thế (*lokuttaracitta*) gồm 8 hoặc 40 tâm

Nói vậy tức là trong 89 tâm kể gọn gồm 12 tâm bất thiện, 21 tâm thiện, 36 tâm Quả và 20 tâm Tố. Nếu kể 121 tâm thì là 12 tâm bất thiện (*akusalacitta*), 37 tâm thiện (*kusalacitta*), 52 tâm Quả (*vipākacitta*), 20 tâm Tố (*kiriyacitta*).

13) Tâm phân theo cảm thọ (*vedanā*)

- Trong 54 tâm Dục giới ta có 18 tâm hỷ thọ, 2 tâm ưu thọ, 32 tâm xả thọ, 1 tâm lạc thọ, 1 tâm khổ thọ.

- Trong 81 tâm Hiệp thế ta có 30 tâm hỷ thọ, 2 tâm ưu thọ, 47 tâm xả thọ, 1 tâm lạc thọ, 1 tâm khổ thọ.

- Trong 121 tâm ta có 62 tâm hỷ thọ, 2 tâm ưu thọ, 55 tâm xả thọ, 1 tâm lạc thọ, 1 tâm khổ thọ.

Bảng 8- Các Tâm Phân Theo Thọ (vedanā)

Tâm	Hỷ	Ưu	Xả	Lạc	Khổ	Tổng cộng
Bất thiện (<i>akusala</i>)	4	2	6	-	-	12
Vô nhân (<i>ahetuka</i>)	2	-	14	1	1	18
Tịnh Hảo Dục giới (<i>kāmasobhaṇa</i>)	12	-	12	-	-	24
Dục giới (<i>kāmacitta</i>)	18	2	32	1	1	54
Đáo đại (<i>mahaggata</i>)	12	-	15	-	-	27
Hiệp thế (<i>lokiya</i>)	30	2	47	1	1	81
Siêu thế (<i>lokuttara</i>)	32	-	8	-	-	40
Tổng cộng	62	2	55	1	1	121

CHƯƠNG 2

TÂM SỞ (*cetasika*)

Tâm sở là những khía cạnh đặc tính của tâm, dù vẫn được mô tả như là cái gì đó độc lập đối với tâm. Quan hệ của tâm sở đối với tâm giống như chanh và đường với nước lạnh trong một ly nước chanh. Chữ *Cetasika* ở đây là một danh từ ám chỉ chung tất cả những gì là thuộc tính của tâm thức. Như vậy nếu phải chọn một chữ dịch thích đáng nhất thì khó có từ nào hay hơn chữ « Tánh » hay « Tính » thay vì là « Sở hữu tâm » hay « Tâm sở » như Phật tử Nam Tông Việt Nam lâu nay vẫn dùng. Tuy nhiên trong khi chờ đợi sự đồng tình của mọi người, trong sách này chữ « Tâm sở » tạm thời được sử dụng tiếp tục. Chính vì tâm sở là thuộc tính của tâm nên giữa tâm sở và tâm thức có bốn điểm tương đồng:

1. Cùng sanh
2. Cùng diệt

3. Cùng biết một cảnh

4. Cùng nương một vật

Xét về quan hệ, tâm như con voi trong gánh xiếc và tâm sở thì giống như người nài. Không tâm nào vắng mặt tâm sở và cũng không có trường hợp tâm sở tồn tại ngoài tâm.

Tâm có nhiều loại (thiện, ác và Vô Ký) nên tâm sở cũng theo đó mà được chia thành ba loại:

1. **Tâm sở Trung Hoà**, còn gọi là **Tợ Tha** (*aññasamāna*) gồm 13, đóng vai trò căn bản cho tất cả các tâm như là một sườn nhà. Trong đó gồm **7 tâm sở Biến Hành** (*sabbacittasādhāraṇa*) nhất thiết phải có mặt trong tất cả tâm nói chung và **6 tâm sở Biệt Cảnh** (*pakiñṇaka*) thì tuy có thể đi chung với cả tâm thiện và bất thiện hay Vô Ký nhưng không bắt buộc phải có đủ.
2. Các **tâm sở Bất Thiện** (*akusalacetāsika*) gồm 14, là những thành tố tạo nên các tâm bất thiện. Chẳng hạn như 13 tâm sở Trung Hoà (*aññasamāna*) trên đây khi đi chung với 3 tâm sở Tham Phần (*lobhācetasika*) thì sẽ khiến tâm kia trở thành tâm tham, 13 tâm sở đó đi chung với 4 tâm sở Sân Phần (*dosacatukkacetāsika*) thì sẽ tạo lên tâm sân.
3. Các **tâm sở Tịnh Hảo** (*sobhaṇacetāsika*): Là những tâm sở có đặc tính tốt đẹp, đối lập với ác pháp chẳng hạn như Từ (*mettā*), Bi (*karuṇā*), Trí Tuệ (*paññā*) hay Tàm (*hiri*), Quý (*ottappa*)...13 tâm sở Trung Hoà (*aññasamāna*) cộng với 25 tâm sở Tịnh Hảo (*sobhaṇacetāsika*) này một

cách thích đáng thì sẽ làm nên các tâm tịnh hảo (*sobhaṇacitta*).

I. TÂM SỞ BIẾN HÀNH (SABBACITTASĀDHĀRAṆACETASIKA)

Như đã nói, đây là những tâm sở bắt buộc phải có trong tất cả các tâm bất luận thiện, ác. Qua định nghĩa, ta sẽ thấy ngay đó là những thuộc tính của một tâm. Thiếu chúng, tâm không còn là tâm nữa.

1. **Xúc** (*phassa*): Là sự gặp gỡ giữa Căn, Cảnh và Thức (*cakkhuvīññāṇa*). Ta gọi sự va chạm đó là Xúc.
2. **Thọ** (*vedanā*): Là những cảm giác tích cực hay tiêu cực khi các căn biết các cảnh. Chữ *vedanā* xuất xứ từ ngữ căn \sqrt{Vid} có nghĩa là biết hay cảm nghiệm, chữ *Vijjā* (Minh) cũng từ ngữ căn này mà ra. Tâm sở Thọ chính là Thọ uẩn (*vedanakhandha*) trong Ngũ uẩn (*pañcakkhandha*). Nó được xem là quan trọng vì không một giây phút nào trong đời sống chúng sinh lại thiếu đi cái gọi là cảm giác. Trong giáo lý Duyên Khởi (*paṭiccasamuppāda*), ngay khi các Căn tiếp xúc các Trần thì Thọ lập tức có mặt và chính nó là duyên khởi cho Tham Ái (*taṇhā*) xuất hiện. Nói vậy, vòng tròn luân hồi không thể thiếu mắt xích cảm thọ.
3. **Tướng** (*saññā*): Chính là khả năng nhận dạng các trần cảnh dựa trên những cái biết cũ đã được huân tập từ quá khứ. Cái biết của các giác quan là sự trực nhận đối tượng hiện tiền không thông qua một quan niệm hay kinh nghiệm nào hết. Còn **cái biết của Tướng** là một **cái biết liên tướng**, tức phải dựa trên những cái biết cũ nào đó.

Đời sống của chúng sinh chỉ là một sự lặp lại (*saṃsāra*) nên tâm sở Tưởng là tuyệt đối cần thiết. Nó chính là Tưởng uẩn (*saññākhandha*) trong Ngũ uẩn (*pañca-khandha*). Ta có thể hiểu thêm vai trò của Tưởng uẩn qua hình ảnh sau:

Nhãn thức (*cakkhuvīññāṇa*) là một trong sáu thức chỉ làm việc chụp ảnh một hình tượng nào đó mà không thể cho ra một ý niệm nào hết nhưng chính Tưởng uẩn (*saññākhandha*) sẽ cho ta biết được đó là đóa hoa hay tờ giấy.

4. **Tu** (*cetanā*): Ngoại trừ Thọ và Tưởng, tâm sở này được xem là **tâm sở chủ lực** để điều động các tâm sở đi cùng. Nó đưa từng tâm sở hướng về mục đích nào đó của hành động, từ pháp Hiệp thế (*lokiya*) đến Siêu thế (*lokuttara*). Chính vì lẽ này, Đức Phật dạy rằng tâm sở Tu là yếu tố then chốt để tạo nghiệp.
5. **Định** hay Nhất Hành (*ekaggatā*): Là tâm sở có nhiệm vụ đưa tâm và các tâm sở đồng sanh **tập trung** vào một đối tượng, giúp tâm được ngưng tụ không phân tán. Giống như chất nước liên kết cát đá trong một khối bê tông. Khi đi ngoài các tâm thiền thì nó được gọi là Nhất Hành, nhưng khi được trau dồi một cách cố ý trong pháp môn thiền định thì cũng là nó nhưng lúc này được gọi là *Samādhi*.

Đây là một trong năm thiền chi của tâm Đáo đại. Tâm sở này là yếu tố phải có của tâm thức giúp ta có được khả năng chú ý và tập trung.

6. **Mạng Quyền** (*jīvitindriya*): Là tâm sở có vai trò **bảo trì** hay giúp sức cho tâm và tâm sở đồng sanh kéo dài thời gian tồn tại đi trọn một sát-na.
7. **Tác Ý** (*manasikāra*): Là tâm sở có nhiệm vụ dẫn tâm không đi lệch hướng để làm tròn chức năng nào đó của tâm (chức năng trong Tham, Sân, Si hay thiện Dục giới, thiện Đáo đại, thiện Siêu thế). Như sự cần thiết của tâm sở Mạng Quyền đối với các tâm sở đồng sanh, nhất là tâm sở Tư, ở đây vai trò của tâm sở **Tác Ý** là khía cạnh chủ đạo cho **hai tâm Khai môn** (Khai ngũ môn – *pañca-dvārāvajjanacitta*, Khai ý môn – *manodvārāvajjanacitta*). Chính nó đã giúp các tâm Khách quan (*vithicitta*) xô vệt bức màn che của tâm hữu phần (*bhavaṅga*) để hướng đến ngoại cảnh. Tâm sở Tác Ý như người hoa tiêu cho một chiếc tàu.

Bảy tâm sở Biến Hành vừa kể là bảy khía cạnh bất khả ly của tâm, giúp tâm có thể làm tròn việc biết cảnh. Khi tâm sở **Tác Ý** đóng vai trò không để tâm đi lạc đường thì tâm sở **Tư** dẫn dắt các pháp đồng sanh làm tròn chức năng của mình để hướng đến mục đích của hành động. **Xúc** chính là sự gặp gỡ của căn với cảnh, để từ đó **Thọ** có mặt để cảm nhận và **Tưởng** là khả năng nhận diện đối tượng trên nền tảng những cái biết cũ. Tâm sở **Định** giúp các pháp đồng sanh gom chung một chỗ và **Mạng Quyền** chính là sức sống của tâm và tâm sở.

Bảng 9- Biểu đồ 7 Tâm Sở Biến Hành

Tâm sở	Pāli	Ngữ căn	Định nghĩa √	Phụ chú
Xúc	<i>Phassa</i>	√ <i>Phus</i>	Xúc chạm	Danh và Sắc
Thọ	<i>Vedanā</i>	√ <i>Vid</i>	Biết, cảm nghiệm	Danh và Sắc
Tưởng	<i>Saññā</i>	√ <i>Ñā</i>	Biết	Danh và Sắc
Tư	<i>Cetanā</i>	√ <i>Cint, Cit</i>	Suy nghĩ	
Định	<i>Ekaggatā</i>	√ <i>Gamu</i>	Đi	+ eka: số một
Mạng Quyền	<i>Jīvitindriya</i>	√ <i>Jiv</i>	Sống	Indriya: sự dẫn đầu
Tác Ý	<i>Manasikara</i>	√ <i>Man + Kar</i>	Cân đong + Làm	

II. TÂM SỞ BIỆT CẢNH (PAKIṆṆAKACETASIKA)

1. **Tầm** (*vitakka*): Là tâm sở có chức năng giới thiệu đối tượng. Trong khi tâm sở Tác Ý chỉ đơn giản là sự **nhắm tới** thì tâm sở Tầm lại làm chuyện giúp tâm **khấn khít** với đối tượng. Ta có thể nói tâm sở Tác Ý giống như bánh lái tàu, tâm sở Tầm giống như nhóm thủy thủ chèo thuyền và tâm sở Tư thì giống như người cầm đầu nhóm chèo thuyền ấy. Tâm sở Tầm cũng là một trong các chi thiền, giúp chặn đứng Hôn Thụy. Dĩ nhiên nó chỉ được gọi là chi thiền đối với người hành giả mà thôi. Và nó cũng chính là chi pháp chủ yếu để làm nên Chánh Tư Duy (*sammāsankappa*) trong Bát Chánh Đạo.
2. **Tứ** (*vicāra*): Tâm sở Tứ là tâm sở có chức năng giúp tâm và tâm sở đồng sanh làm việc rà soát đối tượng. Khi là chi thiền, tâm sở Tứ giúp chặn đứng Hoài Nghi. Tầm giống như sự vỗ cánh của con chim và Tứ thì giống như sự chao lượn của con chim. Hoặ cũng có thể nói Tầm là âm thanh ban đầu của chiếc trống và Tứ là âm hưởng dư sót của tiếng động đó.
3. **Thắng Giải** (*adhimokkha*): Là tâm sở có trạng thái dứt khoát hay xác định đối với cảnh, giống như ông chánh án trong toà án. Thắng Giải cũng có chức năng chặn đứng Hoài Nghi.
4. **Cần** (*virīya*): Là tâm sở có trạng thái cố gắng, tích cực hay năng động, một khía cạnh cần thiết cho tâm được vững mãi, không lui sụt. Nó giống như cây cột trong một ngôi

nhà, giúp nhà không sập. Là một trong Ngũ quyền (*indriya*), Ngũ Lực (*bala*), Tứ Thần Túc (*iddhipāda*).

5. **Hỷ** (*pīti*): Có trạng thái là sự hào hứng hay hứng thú trong lúc tâm biết cảnh. Vì chỉ nhắm đến khía cạnh này nên tâm sở Hỷ được kể riêng, không nằm chung với Thọ uẩn. Nghĩa là không có nó vẫn có thể có Thọ uẩn. Hỷ là tiền thân của Lạc. Hỷ giống như giai đoạn người lữ khách nhìn thấy hồ nước trong một ngày nóng nực và Lạc là giây phút người lữ khách uống nước hay tắm rửa trong đó.
6. **Dục** (*chanda*): Ở đây chỉ đơn giản là ý muốn hay sự dụng ý. Chỉ ở mức độ này thì nó vẫn chưa được kể là Tham (*lobha*) tức sự ham muốn, say mê. Không kể trường hợp tâm sở, đôi khi chữ *Chanda* cũng được xem là đồng nghĩa với *Lobha*. Riêng trong trường hợp tâm sở Dục thì *Chanda* ở đây chỉ là cái trớn ý thức cho một sự việc nào đó mà thôi. Mọi hành động của chúng sanh đều phải bắt đầu bằng một ý muốn và ý muốn đó không nhất thiết phải đi kèm với sự say mê đối tượng. Như muốn tự sát hay phá hoại một món mình ghét thì cũng phải có tâm sở Dục mới làm được. Vì sự quan trọng đó, nên Dục (*chanda*) được xem là một trong bốn Thần Túc (*iddhipāda*): Dục, Cần, Tâm, Thăm.

Bảng 10-Biểu Đồ 6 Tâm Sở Biệt Cảnh

Tâm Sở	Pāli	Ngữ căn	Định nghĩa √	Phụ chú
Tầm	<i>Vitakka</i>	√ <i>Tak</i>	Suy nghĩ	Thiện, Bất thiện
Tứ	<i>Vicāra</i>	√ <i>Car</i>	Đi	Thiện, Bất thiện
Thăng Giải	<i>Adhimokkha</i>	√ <i>Muc</i>	Thoát ra	Một cặp với Tín
Cần	<i>Viriya</i>	√ <i>Ir</i>	Vận động	
Hỷ	<i>Pīti</i>	√ <i>Pī</i>	Uống ; No	
Dục	<i>Chanda</i>	√ <i>Chand</i>	Vừa lòng	

III. TÂM SỞ BẤT THIỆN (AKUSALACETASIKA)

Là những tâm sở có bản chất bất thiện, được chia thành bốn nhóm như sau:

A. NHÓM SI PHẦN (MOHACATUKKACETASIKA)

HAY BẤT THIỆN BIẾN HÀNH (AKUSALASĀDHĀRAṆACETASIKA)

1. **Si** (*moha*): Là sự mê muội, bất thông đối với bản chất của đối tượng. Nói một cách chuyên môn thì si ở đây là sự u mê không hiểu được bốn khía cạnh Vô Thường (*anicca*), Khổ (*dukkha*), Vô Ngã (*anatta*) và Bất Mỹ (*asubha*). Do

không thấy được tốc độ sanh diệt chớp nhoáng của Danh Sắc (*nāma, rūpa*) nên ta mới có những quan niệm **Thường** (*nicca*), **Lạc** (*sukha*), **Ngã** (*atta*) và **Đẹp** (*subha*). Nói bằng ngôn ngữ hiện đại, tâm sở Si giống như người đạo diễn điện ảnh: Ông ta khiến người khác vui, buồn, thương, ghét ngay trên những thứ hoàn toàn giả tạo.

Tâm sở Si là thành tố chủ đạo cho các tâm bất thiện, cùng với Vô Tàm và Vô Quý làm thành ba tâm sở Bất Thiện Biến Hành (*akusalasādhāraṇa*) xuất hiện trong các tâm bất thiện. Trong trường hợp đặc biệt, tâm sở Si được định nghĩa là sự Vô Minh (*avijjā*) trong Tứ Diệu Đế (*cattārāriyasaccani*).

2. **Vô Tàm** (*ahirika*): Là sự không hổ thẹn đối với ác pháp. Trong bộ Nhân Chế Định, Đức Phật ví dụ tâm sở Vô Tàm giống như một con heo không ngần ngại khi ăn đồ dơ.
3. **Vô Quý** (*anottappa*): Là sự không e sợ đối với ác nghiệp, giống như con thiêu thân đối với ngọn lửa. Vô Tàm và Vô Quý được xem là sản phẩm của tâm sở Si, dù cả ba luôn đi chung nhau.
4. **Phóng Dật** (*uddhacca*): Là trạng thái tán loạn của tâm, khiến tâm không thể tập trung vào đối tượng nào. Trong khi tâm sở Tàm là sự hướng tâm tới cảnh có mục đích và trong sự kiểm soát, thì Phóng Dật là sự lảng xảng không có mục đích và thiếu kiểm soát. Đây là điểm cần ghi nhận khi xét về hai khuynh hướng tâm lý Tàm và Si (trong 6 cơ tánh chúng sanh). Kinh ví dụ tâm sở này giống như sự mù mịt của một đồng tro bị ném đá. Trong kinh

Sangāravasutta, Đức Phật còn ví dụ một nội tâm phóng dật giống như một mặt nước bị gió thổi xao động (Giáo sư Mehm Tin Mon thì nói là giống như một nồi nước đang sôi). Phóng Dật cũng là một trong hai khía cạnh của tâm si, bên cạnh tâm sở Hoài Nghi.

*Bảng 11- Biểu Đồ Tâm Sở Nhóm Si Phần hay
Bất Thiện Biến Hành*

Tâm Sở	Pāli	Ngữ căn	Định nghĩa √	Phụ chú
Si	<i>Moha</i>	√ <i>Muh</i>	Mờ mịt, Hỗn loạn	
Vô Tàm	<i>Ahirika</i>	√ <i>Hir</i>	Thẹn	
Vô Úy	<i>Anottappa</i>	√ <i>Tapa</i>	Đốt nóng	
Phóng Dật	<i>Uddhacca</i>	√ <i>Dhat</i>	Tung lên	Có chỗ nói từ √ <i>dhu</i> : rung, lắc

B. NHÓM THAM PHẦN (LOBHATIKACETASIKA)

1. **Tham** (*lobha*): Là trạng thái ham thích trong cảnh dục trần (*kāma*) hay cảnh thiền (*jhāna*). Nó là sự khao khát đối với trần cảnh. Đức Phật dạy như biển có thêm bao nhiêu nước cũng không đầy, như lửa có thêm nhiên liệu cũng không đủ, tâm tham cũng giống hết vậy. Hạnh phúc tuyệt đối không thể có được khi ta cứ còn khao khát một

cái gì đó. Ngoài khía cạnh ham thích, Tham còn là sự nắm níu đối tượng.

Trong kinh có cho một ví dụ về tâm tham là hình ảnh một con khỉ thò tay lấy mồi trong một cái bẫy đồ đầy nhựa cây. Càng cố rút tay thì con khỉ càng bị chất keo đó níu giữ lại.

Cùng với **Tà Kiến** (*micchādiṭṭhi*) và **Ngã Mạn** (*māna*), tâm **Tham** được xem là một trong **ba nhân tố luân hồi** hoặc cũng gọi là ba pháp ngăn trở giải thoát (*papañcadhamma*).

2. **Tà Kiến** (*micchādiṭṭhi*): Là tâm sở có trạng thái khiến tâm hiểu sai sự thật thay vì là sự không hiểu như ở tâm sở Si. Kinh giải thích rằng tâm sở Si khiến ta không thấy những khía cạnh Vô Thường, Khổ, Vô Ngã. Từ đó tâm sở Tham mới có cơ hội làm công việc ưa thích hay nắm chặt và tâm sở Tà Kiến thì ghép các khái niệm Thường, Đoạn vào đó. Đây là lý do tại sao tất cả các Tà Kiến đôi khi được gọi chung là Thân Kiến (*sakkāyadiṭṭhi*) hay Ngã Kiến (*attadiṭṭhi*), vốn chỉ được chấm dứt hẳn khi một người chứng Sơ quả (*sotāpattimagga*).
3. **Mạn** (*māna*): Cũng như Tà Kiến, Ngã Mạn là sản phẩm của si và tham. Khi **Si** là sự **ngăn che** tầm nhìn của trí tuệ, **Tà Kiến** là khiến người ta **thấy sai** và tâm sở **Tham** khiến người ta **ưa thích** trên những thứ mình ngộ nhận thì tâm sở **Mạn** là trạng thái tâm lý **so sánh**: Cái này hơn thua hay bằng cái kia.

Một cách đại khái thì có ba thứ Ngã Mạn:

- Đồng Mạn (*māna*): So kè cái này bằng cái kia.

- **Ti Mạn (*omāna*):** Sự mặc cảm tự ti, hay cho cái này thấp hơn cái kia.
- **Thượng Mạn (*atimāna*):** Tức sự tự tôn, hay cho cái này hơn cái kia.

Ngã mạn còn được phân thành hai trường hợp là **Như Thật Mạn (*yathāvamāna*)** là khái niệm so sánh đúng với sự thật như hơn thì cho là hơn, thua thì cho là thua. Thánh Hữu Học vẫn còn thứ ngã mạn này. Trường hợp thứ hai là **Hư Vọng Mạn (*ayathāvamāna*)**, tức ý niệm so sánh không đúng sự thật, như mình kém mà cứ tưởng là bằng hoặc hơn người. Thứ ngã mạn này chỉ có ở phàm phu.

Bảng 12- Biểu Đồ Tâm Sở Nhóm Tham Phần

Tâm Sở	Pāli	Ngữ căn	Định nghĩa √	Phụ chú
Tham	<i>Lobha</i>	√ <i>Lubh</i>	Muốn, ham, thích	
Tà Kiến	<i>Micchādiṭṭhi</i>	√ <i>Dis</i>	Thấy	+ <i>Micchā</i> : sai lầm
Ngã Mạn	<i>Māna</i>	√ <i>Man</i>	Cân đong, Đo lường	

C. NHÓM SÂN PHẦN (DOSACATUKKA)

1. **Sân (*dosa*):** Là trạng thái bất mãn hay khó chịu trong tâm. Tâm sở Sân là một khía cạnh khác của tâm sở Tham: Một bên thì là sự thích thú ôm ấp món mình thích và một bên

là sự bất mãn, chối bỏ thứ mình ghét. Theo trong A-tỳ-đàm thì việc tấn công một người hay việc bị người tấn công đều là cơ hội của tâm sân, nhưng ít ai chịu để ý rằng Sân tâm bên phía chủ động thường không mạnh bằng phía bị động.

2. **Tật Đố** (*issā*): Là trạng thái tâm **không muốn NGƯỜI khác ĐƯỢC** gì.
3. **Xan Lận** hay Xan Tham (*macchariya*): Là trạng thái tâm **không muốn MÌNH bị MẤT** gì. Trong kinh Tăng Chi Bộ, Đức Phật có kể ra nhiều trường hợp xan lận hay bòn xén như về người, về vật chất và cả tinh thần (bòn xén trú xứ, kiến thức, quan hệ, pháp, tài vật). Trong khi người nhiều tật đố bị đau khổ từ nhân duyên là người khác thì kẻ nhiều xan lận lại bị đau khổ bởi sự trực trặc với chính mình.
4. **Hối Hận** (*kukkucca*): Có trạng thái là sự khó chịu khi nghĩ về những điều mà mình **đã làm hoặc không chịu làm**. Kinh nói sự đau khổ này cũng muộn màng như một giọt nước mắt cho bình sữa đã thiu. Tật, Lận, Hối đều là những khía cạnh để làm nên tâm sân.

Bảng 13- Biểu Đồ Tâm Sở Nhóm Sân Phần

Tâm Sở	Pāli	Ngữ căn	Định nghĩa √	Phụ chú
Sân	<i>Dosa</i>	√ <i>Dus</i>	Làm cho xấu, hư	
Tật Đố	<i>Issā</i>	√ <i>I + su</i>	Lo ngại	Lo ngại người khác ĐƯỢC cái gì đó
Xan Lận	<i>Macchariya</i>	√ <i>Masu + cchera</i>	Keo kiệt, bòn xén	Sợ mình bị MẤT cái gì đó
Hối Hận	<i>Kukkucca</i>	√ <i>Ku + kicca</i>	Xấu + việc làm	Cho việc mình đã làm hay không làm là xấu (kukatassabhāvo kukkucca)

D. NHÓM BẤT THIỆN BIỆT CẢNH (AKUSALĀSĀDHĀRANACETASIKA)

Đây là ba tâm sở bất thiện không nhất thiết phải có mặt mọi nơi mọi lúc trong các tâm bất thiện. Vì chúng là những khía cạnh đặc biệt. Như Hôn trầm, Thụy miên chỉ có mặt ở các tâm bất thiện hữu trợ, và Hoài nghi cũng chỉ có mặt trong lúc ta có lòng nghi ngờ về các vấn đề liên hệ tri kiến. Như vậy phần này gồm ba tâm sở:

1. **Hôn Trầm** (*thīna*): Là trạng thái đã dượi bằng thân, thiếu năng động như lông gà gặp lửa. Hễ tâm sở Cần mạnh thì tâm sở Hôn Trầm sẽ vắng mặt. Có ý kiến cho

rằng Hôn Trầm là trạng thái thụ động của tâm (không kể tâm sở).

2. **Thụy Miên** (*middha*): Là trạng thái buồn ngủ. Được cho là trạng thái thụ động của tâm sở (không kể tâm ở đây). Cả hai tâm sở Hôn Thụy đều đối lập với tâm sở Cần.
3. **Hoài Nghi** (*vicikicchā*): Là tất cả những nghi hoặc, thắc mắc có liên hệ đến TAM BẢO đặc biệt là các giáo lý quan trọng như Duyên Khởi hay Nghiệp Lý, Tam Tướng...Tâm sở Hoài Nghi được kể trong 5 Triền Cái (*nīvaraṇa*) và 10 Triền Phược (*saṃyojana*). Phải đọی đến trí Sơ đạo, si Hoài Nghi mới được dứt hẳn.

Bảng 14- Biểu Đồ Tâm Sở Nhóm Bất Thiện Biệt Cảnh

Tâm Sở	Pāli	Ngữ căn √	Định nghĩa	Phụ chú
Hôn Trầm	<i>Thīna</i>	√ <i>Thiy</i>	Làm chậm lại (<i>thīyati</i>)	
Thụy Miên	<i>Middha</i>	√ <i>Med</i>	Làm cho mập, nặng	Sự lừ đừ, chậm chạp
Hoài Nghi	<i>Vicikicchā</i>	√ <i>Kich</i>	Mệt mỏi, chộn rộn	Sự không yên lòng với một niềm tin nào

IV. TÂM SỞ TỊNH HẢO (SOBHANACETASIKA)

Tâm sở Tịnh Hảo là những khía cạnh tâm lý khi kết hợp lại sẽ làm nên các tâm tịnh hảo. Có tất cả 25 tâm sở Tịnh Hảo và được chia thành bốn nhóm như sau:

A. TÂM SỞ TỊNH HẢO BIẾN HÀNH (SOBHANASĀDHĀRAṆACETASIKA)

1. **Tín** (*saddha*): Tín ở đây là niềm tin tưởng vào điều thiện, trong thời kỳ có Phật pháp thì đây là niềm tin vào Tam Bảo. Tín là nguồn cội của các hạnh lành, khi không có niềm tin thì gì cũng không.
2. **Niệm** (*sati*): Là sự tỉnh thức không xao lãng trong lúc tâm biết cảnh. Định nghĩa rốt ráo nhất của Niệm là sự biết rõ cái gì đang xảy ra. Ngữ căn của chữ sati có nghĩa là Nhớ, và theo giáo lý A-tỳ-đàm, khi ta nhận biết được cái gì đang xảy ra thì nó đã biến diệt và trở thành quá khứ rồi. Đó là lý do chữ Niệm thường được hiểu là sự ghi nhớ, nhưng sự ghi nhớ này gắn liền với thực tại trước mắt, không phải là sự ghi nhớ theo cách hồi tưởng hay ký ức. Sớ Giải ví dụ một loại tâm thiếu chánh niệm giống hệt trái bầu khô trôi trên nước, không có điểm dừng cố định. Niệm yếu thì nhiều lắm chỉ có thể giúp người ta ghi nhận được đầy đủ mọi sự đang xảy ra cho mình hay nhớ lại những chuyện cũ cần thiết mà thôi. Với chánh niệm hùng hậu, ngoài khả năng tỉnh thức hiện tại, người ta còn có thể ôn lại đầy đủ những quá khứ thật xa, kể cả kiếp

trước. Đối với hành giả tu Tuệ quán, chánh niệm có vai trò của một người gác cổng để kiểm soát sáu căn. Trên hành trình giác ngộ giải thoát, chánh niệm luôn là một pháp tánh cần thiết, từ Ngũ quyền đến Thất Giác Chi và cả Bát Thánh Đạo.

3. **Tàm** (*hiri*): Là sự hổ thẹn trước các tội lỗi. Tâm sở này giúp ta biết mắc cỡ với mình hay với người khi có tam nghiệp bất thiện.
4. **Quý** (*ottappa*): Là trạng thái e sợ hay ngần ngại trước pháp bất thiện. Nên nhớ sự e sợ này không phải là sự nhút nhát hay yếu bóng vía bởi nó chỉ là sự e sợ đối với điều ác mà thôi. Ngoài ra không gì là đối tượng của tâm sở này. Cả hai tâm sở Tàm và Quý được gọi chung là giềng mối của thế gian (*lokapāladhamma*), giúp cho thiên hạ còn có chỗ khác biệt với loài thú, như tránh loạn luân hay không khát máu. Nói theo Tạng Kinh thì Quý ở đây gồm bốn trường hợp:
 - Sợ lương tâm cắn rứt
 - Sợ tiếng đời dị nghị
 - Sợ pháp luật trừng trị
 - Sợ sa đọa khổ cảnh
5. **Vô Tham** (*alobha*): Là trạng thái **buông bỏ hay chối từ các khía cạnh khả ái** của cảnh trên nền tảng của thiện pháp. Nên phân biệt rằng không tham trong cảnh khác với không có cảnh để tham. Một bên là do hàm dưỡng và

một bên là do hoàn cảnh bất tiện. Vô Tham là một trong ba thiện căn, nguồn cội của các sự lành (thiện pháp, nhân quả lành).

6. **Vô Sân** (*adosa*): Là trạng thái tha thứ và **buông bỏ đối với cảnh nghịch ý**, thay vì tâm sở Vô Tham là sự buông bỏ hay tháo cởi trước cảnh toại ý. Khi được tu tập một cách có ý thức thì tâm sở này chính là lòng Từ (*mettā*). Tâm sở Vô Sân cũng là một trong ba thiện căn.
7. **Hành Xả** (*tatramajjhataṭā*): Nếu dịch sát thì chữ Pāli trên đây có nghĩa là trạng thái nằm giữa hai thái cực cảm xúc vui buồn. Tâm sở này được ví dụ như một người đánh xe kèm giữ hai con ngựa không cho chúng đi quá sâu vào hai lề đường. Tâm sở này cũng còn được gọi bằng tên Pāli khác là *Upekkhā*. Khi tâm sở này được tu tập thì nó chính là trạng thái trung hòa giữa lòng Bi mẫn (*karunā*) và lòng Tùy Hỷ (*muditā*) trong Vô Lượng Tâm. Trong pháp giải thoát thì tâm sở này là một trong bảy chi của Thất Giác Chi (*bojjhaṅga*).
8. & 9. **Tĩnh Tánh, Tĩnh Tâm** (*kāyapassaddhi, cittapassaddhi*) Là trạng thái vắng lặng không rung động trong tâm và tâm sở. Chữ Tánh ở đây ám chỉ cho tâm sở. Bất cứ tâm thiện nào cũng cần đến khía cạnh yên tĩnh, không bị quấy rối bởi phiền não. Hai tâm sở này đối lập lại lòng Hối Hận (*kukkucca*). Khi được tu tập một cách cố ý thì hai tâm sở này chính là Tĩnh Giác Chi (*passaddhisambojjhanga*) trong Thất Giác Chi. Hai tâm sở này giúp cho Hỷ (*somanassa*) và Lạc (*sukha*) của người tu thiền Chỉ tịnh

được trở nên vi tế hơn. Và giúp cho Tấn quyền (*viriyindriya*) được ổn cố không nông nổi bùng bột. Đối với hành giả tu Tuệ quán thì hai tâm sở này giúp họ có được cái nhìn già giặn trong cảnh danh sắc. Lúc này chúng được gọi là Tĩnh Giác Chi (*passaddhisambojjhanga*).

Từ đây trở về sau chữ **TÁNH** phải được hiểu là ba uẩn (**Thọ, Tưởng, Hành**) và **TÂM** phải hiểu là **Thức uẩn**.

10. & 11. **Khinh Tánh, Khinh Tâm** (*kāyalahutā, cittalahutā*): Là trạng thái nhẹ nhàng thanh thoát trong các tâm thiện, không bị áp lực nặng nề của tâm bất thiện. Hai tâm sở này là pháp đối lập với Hôn Thụy. Theo Mūlaṭīkā, thì hai tâm sở này giúp tâm hành giả Tuệ quán trở nên linh hoạt hơn trước cảnh danh sắc bằng cách hạn chế số lượng Hữu phần xen kẻ (*bhavaṅgavuṭṭhāna*) giữa các tâm lộ. Tốc độ suy nghĩ của mỗi người nhanh chậm khác nhau một phần là do số lượng Hữu phần xen kẻ nhiều hay ít.

12. & 13. **Nhu Tánh, Nhu Tâm** (*kāyamudutā, cittamudutā*): Là trạng thái linh hoạt, ôn nhu, không cứng cõi (*akakkhaḷatā*), không ngoan cố (*akathīnatā*) trong tâm thiện, giúp tâm khỏi bị Tà Kiến và Kiêu Mạn. Hai tâm sở này hỗ trợ cho tâm sở Tín và Vô Sân.

14. & 15. **Thích Tánh, Thích Tâm** (*kāyakammaññatā, cittakammaññatā*): Là trạng thái thích nghi hay tương ứng của tâm trước cảnh, cho việc ghi nhận được dễ dàng hơn.

Trong Sớ giải bộ Pháp Tụ là bộ *Atthasālini* giải thích rằng tâm sở này có chức năng thanh lọc đối tượng, giúp tâm có một cái nhìn trong sáng (*pasāda*) hơn về cảnh. Như vàng càng tinh ròng thì trong một số trường hợp sẽ dễ làm việc hơn.

Theo *Mūlaṭīkā*, hai tâm sở này kết hợp với cặp Nhu Tánh và Nhu Tâm sẽ giúp ta đối phó với các phiền não thô thiển đặc biệt là Dục Ái (*kāmachanda*) và Sân Độc (*byāpāda*).

16. & 17. **Thuần Tánh, Thuần Tâm** (*kāyapāguññatā, cittapāguññatā*): Là trạng thái thuần thực hay lão luyện trong tâm thiện đối với cảnh. Nhiệm vụ của hai tâm sở này là loại trừ trạng thái vụng về, yếu kém của tâm thức. Người thiếu tâm sở Tín (*saddha*) một phần cũng do loại tâm sở này ở họ quá yếu và cũng chính vì vậy nên họ ít khi có được tâm thiện vô trợ (*asaṅkhāracitta*).

18. & 19. **Chánh Tánh, Chánh Tâm** (*kāyujukatā, cittujukatā*): Là trạng thái đoan chính, thẳng thắn không quanh co trong tâm thiện. Hai tâm sở này là pháp đối lập với thói quen giả trá (*māyā*), lừa đảo (*sātheyya*), lẫn tránh sự thật. Cặp tâm sở này giúp tâm hành giả Tuệ quán có can đảm nhìn vào tánh vô ngã của danh sắc, và giúp tâm sở Tư (*cetana*) làm việc hiệu quả hơn. Hai tâm sở này khi kết hợp với cặp tâm sở Thuần Tánh & Thuần Tâm sẽ giúp ta có nhiều tâm thiện vô trợ hơn.

Sáu cặp tâm sở trên đây có một mối tương quan rất mật thiết với nhau:

- Tĩnh Tánh, Tĩnh Tâm (kāyapassaddhi, cittapassaddhi) và cặp Khinh Tánh, Khinh Tâm (kāyalahutā, cittalahutā) hỗ trợ lẫn nhau.
- Nhu Tánh, Nhu Tâm (kāyamudutā, cittamudutā) hỗ trợ Thích Tánh, Thích Tâm (kāyakammaññatā, citta-kammaññatā).
- Chánh Tánh, Chánh Tâm (kāyujukatā, cittujukatā) giúp cho Khinh Tánh, Khinh Tâm và Nhu Tánh, Nhu Tâm không khoan hòa thái quá đến mức mềm yếu và 2 cặp này ngược lại giúp cho Chánh Tánh, Chánh Tâm không khắt khe đến mức quá đáng.
- Thuần Tánh, Thuần Tâm (kāyapāguññatā, citta-pāguññatā) giúp cho Khinh Tánh, Khinh Tâm sự ổn định và lâu bền. Ngược lại cặp này giúp cho Thuần Tánh, Thuần Tâm được linh hoạt và cơ động hơn.

Sáu cặp tâm sở này trong Tạng A-tỳ-đàm được nhắc đến rõ ràng như vậy, nhưng ở Kinh Tạng thì chúng cơ hồ chỉ là những khái niệm được biết tới rải rác và thiếu hệ thống. Chẳng hạn như bên Tạng A-tỳ-đàm có chữ *pāguññatā* là sự thuần thực, lão luyện thì bên Kinh Tạng chỉ dùng chữ *kusalatā* với nghĩa tương đương.

Về các cặp Khinh Tánh & Khinh Tâm, Nhu Tánh & Nhu Tâm, Thích Tánh & Thích Tâm thì trong Kinh Tạng chỉ nhắc đến chung chung như những khía cạnh tâm lý cần có ở một người tu tập.

Cặp Chánh Tánh & Chánh Tâm trong Kinh Tạng ta thấy được nhắc đến ở một vài chỗ như trong kinh Phúng Tụng của Trường Bộ và Từ Bi Kinh của Tiểu Bộ.

Riêng cặp Tĩnh Tánh & Tĩnh Tâm (*passaddhi*) có thể nói là nổi tiếng nhất trong sáu cặp vì đó là một trong bảy Giác Chi (*passaddhisambojjhanga*).

19 tâm sở trên đây được gọi là các tâm sở Tịnh Hảo Biến Hành (*sobhaṇasādhāraṇa*) vì chúng có thể đi chung với tất cả tâm thiện.

Bảng 15- Biểu Đồ Tâm Sở Nhóm Tịnh Hảo Biến Hành (1)

Tâm Sở	Pāli	Xuất xứ	Định nghĩa	Phụ chú
Tín	<i>Saddha</i>	<i>saddahati</i>	Tin	một cặp với Thắng giải
Niệm	<i>Sati</i>	<i>sarati</i>	Nhớ	
Tàm	<i>Hiri</i>	<i>hiriyati</i>	Thẹn	trước điều ác
Quý	<i>Ottappa</i>	<i>ottapati</i>	bồn chồn, âu lo	trước điều ác
Vô Tham	<i>Alobha</i>	<i>a+lubbhati</i>	Không ham mê	
Vô Sân	<i>Adosa</i>	<i>A+dussati</i>	Không bắt mẫn	
Hành Xả	<i>Tatramajjhataṭā</i>	<i>Tatra</i> <i>+majjhataṭā</i>	Tâm trạng trung hòa	gốc của Xả Phạm trú
Tĩnh Tánh, Tĩnh Tâm	<i>kāyapassaddhi</i> <i>cittapassaddhi</i>	<i>Passambheti</i>	Lặng dịu	đổi lập Hối Hận

Bảng 16- Biểu Đồ Tâm Sở Nhóm Tinh Hảo Biến Hành (2)

Tâm sở	Pāli	Xuất xứ	Định nghĩa	Phụ chú
Khinh Tánh, Khinh Tâm	<i>kāyalahutā, cittalahutā</i>	<i>Lahutā</i> (nhẹ)	Thanh thân, không áp lực	đổi lập Hôn Thủy
Nhu Tánh, Nhu Tâm	<i>kāyamudutā, cittamudutā</i>	<i>Mudutā</i> (mềm)	Sự ôn nhu	đổi lập Tà Kiến, Ngã Mạn
Thích Tánh, Thích Tâm	<i>kāyakammaññatā, cittakammaññatā</i>	<i>kammaññatā</i>	Sự tương ứng, sẵn sàng	đổi lập Dục Ái và Sân độc
Thuần Tánh, Thuần Tâm	<i>kāyapāguññatā, cittapāguññatā</i>	<i>pāguññatā</i>	Sự lão luyện, thuần thực	đổi lập sự Bất Tín (<i>asaddhiya</i>)
Chánh Tánh, Chánh Tâm	<i>kāyujukatā, cittujukatā</i>	<i>ujukatā</i>	Sự cương trực	đổi lập sự quanh co và lẩn lữa

B. TÂM SỞ GIỚI PHẦN (VIRATICETASIKA)

1. **Chánh Ngữ** (*sammāvācā*): Là trạng thái tâm lý phải có khi một người nói lời chánh ngữ, tức một lời nói không nằm trong bốn lỗi: Đối trá (*musavādā*), đâm thọc (*pisuṇavācā*), ác ngữ (*pharusavācā*) và phiếm luận (*samphappalāpa*).
2. **Chánh Nghiệp** (*sammākammanta*): Là trạng thái tâm lý cần có khi một người hành động bằng thân để tránh các thân ác nghiệp.
3. **Chánh Mạng** (*sammājīva*): Là trạng thái tâm lý cần có khi một người nghĩ tới việc mưu sinh, nhằm tránh các nghề tà mạng như buôn gian bán lận hay trao đổi những hàng hóa độc hại như vũ khí, thuốc nghiện, nô lệ, thú để ăn thịt hoặc kinh doanh thân xác phụ nữ.

Bảng 17- Biểu Đồ Tâm Sở Giới Phần

Tâm Sở	Pāli	Xuất xứ	Định nghĩa
Chánh Ngữ	<i>Sammāvācā</i>	<i>Vācā</i>	Lời nói
Chánh Nghiệp	<i>Sammākammanta</i>	<i>kammanta</i>	Việc làm
Chánh Mạng	<i>Sammājīva</i>	<i>Ājīva</i>	Đời sống ; sinh kế

C. TÂM SỞ VÔ LƯỢNG PHẦN (APPAMAÑÑĀCETASIKA)

1. **Bi Mẫn** (*karuṇā*): Bi mẫn là sự động tâm trắc ẩn trước nỗi khổ của người khác, trong khi lòng Từ (*mettā*) là niềm mong mỗi người khác được điều tốt lành.
2. **Tùy Hỷ** (*muditā*): Là mong người được giữ được hoài điều tốt đẹp đang có. Còn Xả (*tatramajjhataṭā*) là tâm thái bình thản khi nghĩ rằng mỗi người có duyên nghiệp riêng có thể tự xoay sở.

Lòng Từ và Xả Phạm Trú đã được giải thích chung ở 2 tâm sở Vô Sân và Hành Xả nên ở đây chỉ nói riêng hai pháp Phạm Trú còn lại là Bi Mẫn và Tùy Hỷ.

Theo Thanh Tịnh Đạo thì Từ Tâm (*mettā*) là lòng thương, mong người được tốt đẹp. Pháp đối lập trực tiếp của **Từ tâm** là lòng **Sân hận** (*dosa*) và trở ngại gián tiếp là sự **Ái luyến** (*pema*).

Tâm Bi Mẫn (*karuṇā*) là sự động lòng trắc ẩn trước nỗi khổ tha nhân, là lòng muốn người thoát khổ. Trở ngại trực tiếp của tâm **Bi Mẫn** là **Lòng Hại Người** (*hiṃsa*) và trở ngại gián tiếp là sự **Buồn Khổ Bi Lụy** (*domanassa*).

Tâm Tùy Hỷ (*muditā*) là trạng thái tâm vui theo, tùy thuận để chia sẻ niềm vui với người khác. Trở ngại trực tiếp của **Hỷ** là lòng **Ganh Tỵ** (*issā*) và trở ngại gián tiếp là sự **Xu Phụ** (*pahāsa*).

Và Xả tâm (*tatramajjhataṭā*) là sự thanh thản không thương ghét của một người đã tu tập ba Phạm Trú trên. Trở

ngại trực tiếp của **Xả** là **Tham ái** (*rāga*) và **Sân**, trở ngại gián tiếp là sự **Lãnh Đạm Vô Trí** (*aññāṇupekkhā*).

Xem thêm Chương 9. CÁC ĐỀ MỤC THIỀN ĐỊNH, phần Vô Lượng Tâm (*trang 390*).

Bảng 18- Biểu Đồ Tâm Sở Vô Lượng Phần

Tâm	Định nghĩa	Chi pháp (tâm sở)	Pháp đối lập trực tiếp	Pháp đối lập gián tiếp
Từ	Mong người được vui	Vô Sân	Tâm sân	Ái luyến
Bi	Mong người đừng khổ	Bi	Lòng hại người	Sự bi lụy
Hỷ	Vui theo sự tốt lành của người khác	Tùy Hỷ	Ganh tỵ	Xu phụ
Xả	sự thanh thản không thương ghét	Hành Xả	Tham, Sân	Lãnh đạm vô trí

D. TÂM SỞ TRÍ TUỆ (PAÑÑĀCETASIKA)

Trí Tuệ (*paññācetasika*): Là khả năng hiểu biết thấu suốt (không phải cái biết trực nhận của **Thức** hay cái biết kinh nghiệm của **Tướng**). Đối với hành giả tuệ quán hay thánh nhân thì đây là cái biết tự thân (không qua việc nghe hay đọc của người khác) về Tam Tướng hay Duyên Khởi của Danh Sắc, Ngũ uẩn. Chức năng của Trí Tuệ (*paññā*) là loại bỏ si mê (*moha*), cũng gọi là Vô Minh (*avijjā*).

Tâm sở Trí Tuệ có nhiều từ đồng nghĩa

- *Paññā*: Trí
- *Ñāṇa*: Tuệ
- *Amoha*: Vô Si

Thẩm Như Ý Túc (*vimamsa*) hay Trạch Pháp Giác Chi (*dhammavicaya*) hoặc Chánh Kiến (*sammādiṭṭhi*) trong Bát Chánh Đạo...nói cách nào cũng là tâm sở Trí Tuệ.

Tâm sở Trí Tuệ khi được phát triển chung với Định ở mức cao nhất sẽ thành ra Thắng Trí (*abhiññā*) để biết những chuyện nằm ngoài khả năng nghe nhìn thông thường của chúng sinh, dù vẫn là cảnh Tục đế. Khi trí tuệ được phát triển cùng với chánh niệm ở mức rốt ráo nhất thì sẽ dẫn đến thánh trí (thánh đạo, thánh quả và trí Phản Khán).

Ghi chú:

19 trí Phản khán tức trí nhìn lại (*paccave-kkhaṇañāṇa*):

- Phản khán phiền não đã trừ
- Phản khán phiền não dư sót

102 IV. TÂM SỞ TỊNH HẢO (SOBHAṄACETASIKA)

- Phản khán thánh đạo đã chứng
- Phản khán thánh quả đã chứng
- Phản khán níp-bàn đã thấy bằng thánh đạo

5 trí phản khán này đem nhân với 4 tầng thánh thành ra 19 vì vị A-la-hán không còn phiền não dư sót để phản khán.

V. TƯƠNG QUAN GIỮA TÂM SỞ ĐỐI VỚI TÂM (SAMPAYOGA)

A. TƯƠNG QUAN TỔNG QUÁT

- 7 tâm sở Biến Hành tương ứng với tất cả tâm.
- 6 tâm sở Biệt Cảnh có thể xuất hiện đủ hoặc thiếu trong tất cả tâm.
- 14 tâm sở Bất Thiện tương ứng với tất cả tâm bất thiện.
- Các tâm sở Bất Thiện Biến Hành tương ứng với tất cả tâm bất thiện, trong khi các tâm sở Bất Thiện còn lại (gồm Hôn Thụy và Hoài Nghi) thì tùy chỗ mà có mặt.
- 19 tâm sở Tịnh Hảo Biến Hành tương ứng với tất cả tâm tịnh hảo, mọi nơi mọi lúc.
- 6 tâm sở Tịnh Hảo đặc biệt thì chỉ tùy lúc mà xuất hiện trong các tâm tịnh hảo.

B. TƯƠNG QUAN CHI TIẾT

- 7 tâm sở Biến Hành tương ứng tất cả tâm.
- Tâm sở Tầm tương ứng với 55 tâm gồm 44 tâm Dục giới (trừ Ngũ song thức) và 11 tâm Sơ thiền.
- Tâm sở Tứ tương ứng 66 tâm như trên cộng thêm 11 tâm Nhị thiền.
- Tâm sở Thắng Giải tương ứng với 110 tâm (trừ Ngũ song thức và tâm si Hoài Nghi).

- Tâm sở Cần tương ứng 105 tâm (trừ Ngũ song thức, 2 Tiếp Thâu, 3 Quan Sát và Khai ngũ môn).
- Tâm sở Hỷ tương ứng 51 tâm hỷ thọ gồm 4 tham hỷ thọ, Quan sát hỷ thọ, Sinh Tiểu, 12 tịnh hảo Dục giới hỷ thọ, 11 Sơ thiền, 11 Nhị thiền và 11 Tam thiền.
- Tâm sở Dục tương ứng 101 tâm (trừ 2 tâm si và 18 Vô Nhân).

C. TƯƠNG QUAN THEO NHÓM

- Si, Vô Tàm, Vô Úy, Phóng Dật có thể tương ứng 12 tâm bất thiện.
- Tâm sở Tham tương ứng 8 tâm tham. Tâm sở Tà Kiến đi chung 4 tâm tham hợp tà và tâm sở Mạn đi chung 4 tâm tham ly tà.
- Sân, Tật, Lận, Hối đi với 2 tâm sân một cách tương ứng.
- Hôn Thụy tương ứng 5 tâm bất thiện hữu trợ.
- Tâm sở Hoài Nghi chỉ đi với si Hoài Nghi.
- 19 tịnh hảo Biến Hành tương ứng với 91 tâm tịnh hảo.
- 3 Giới Phần tương ứng với 8 tâm Đại thiện và 8 tâm Siêu thế.
- 2 Vô Lượng Phần tương ứng 8 tâm Đại thiện, 8 tâm Đại tố và 12 tâm Đáo đại (trừ 15 tâm Ngũ thiền).
- Tâm sở Trí Tuệ tương ứng với 12 thiện tịnh hảo Dục giới hợp trí, 27 tâm Đáo đại và 8 tâm Siêu thế.

VI. TƯƠNG QUAN GIỮA TÂM ĐỐI VỚI TÂM SỞ (SAṄGAHA)

A. MƯỜI HAI TÂM BẤT THIỆN

- Tâm tham vô trợ thứ nhất đi với 19 tâm sở: 13 Tợ Tha, 4 Bất Thiện biến hành, Tham và Tà Kiến.
- Tâm tham vô trợ thứ hai cũng đi với 19 tâm sở như trên nhưng Mạn thay thế Tà Kiến.
- Tâm tham vô trợ thứ ba đi với 18 tâm sở như ở tâm tham thứ nhất trừ tâm sở Hỷ.
- Tâm tham vô trợ thứ tư (18 tâm sở) giống như tâm tham thứ hai nhưng trừ Hỷ.

Ở các tâm tham hữu trợ còn cộng thêm 2 tâm sở Hôn Trầm và Thụy Miên, ngoài ra gì cũng giống như tâm vô trợ. Nghĩa là cứ cộng thêm 2.

- Tâm sân vô trợ hợp với 20 tâm sở là 12 Tợ tha (trừ Hỷ), 4 Bất Thiện Biến Hành và 4 Sân Phần. Tâm sân hữu trợ thì cộng thêm Hôn Trầm, Thụy Miên.
- Tâm si Hoài Nghi đi với 15 tâm sở: 4 tâm sở bất thiện Biến Hành, tâm sở Hoài Nghi và 10 tâm sở Tợ Tha (trừ Thắng giải, Hỷ, Dục).
- Tâm si Phóng Dật đi với 15 tâm sở: 4 tâm sở Bất Thiện Biến Hành, và 11 tâm sở Tợ Tha (trừ Hỷ, Dục).

B. CÁC TÂM VÔ NHÂN

- Ngũ song thức chỉ đi chung với 7 tâm sở Biến Hành.

- Quan Sát hỷ thọ đi chung với 11 tâm sở Tợ Tha (trừ Cần, Dục).
- Khai ý môn cũng có 11 tâm sở Tợ Tha (trừ Dục, Hỷ).
- Sinh Tiểu đi với 12 Tợ Tha (trừ Dục).
- Khai ngũ môn, 2 Tiếp Thân và 2 Quan Sát xả thọ đi với 10 Tợ Tha (trừ Cần, Hỷ, Dục).

C. CÁC TÂM ĐẠI THIỆN

- Cặp Đại thiện 1 đi với 38 tâm sở là 13 Tợ Tha và 25 tịnh hảo.
- Cặp Đại thiện 2 đi với 37 tâm sở là 13 Tợ Tha và 24 Tịnh Hảo (trừ Trí Tuệ).
- Cặp Đại thiện 3 đi với 37 tâm sở như cặp 1 là 12 Tợ Tha (trừ Hỷ) và 25 Tịnh Hảo.
- Cặp Đại thiện 4 đi với 36 tâm sở như cặp 2 là 12 Tợ Tha (trừ Hỷ) và 24 Tịnh Hảo (trừ Trí Tuệ).

Sự khác biệt giữa tâm bất thiện hữu và vô trợ dựa trên việc có hay không 2 tâm sở Hôn Thụy, riêng ở tâm **thiện hữu trợ và vô trợ** thì vấn đề nằm ở **tâm sở Tư** mạnh hay yếu.

D. CÁC TÂM ĐẠI QUẢ

- Cặp Đại quả thứ nhất đi với 33 tâm sở là 13 Tợ Tha, 20 tâm sở Tịnh Hảo (trừ Giới và Vô Lượng Phần).
- Cặp Đại quả thứ hai đi với 32 tâm sở là 13 Tợ Tha, 19 tâm sở Tịnh Hảo (trừ Giới Phần, Vô Lượng Phần, Trí Tuệ).

- Cặp Đại quả thứ ba đi với 32 tâm sở là 12 Tợ Tha (trừ Hỷ), 20 tâm sở Tịnh Hảo (trừ Giới và Vô Lượng Phần).
- Cặp Đại quả thứ tư đi với 31 tâm sở là 12 Tợ Tha (trừ Hỷ), 19 tâm sở Tịnh Hảo (trừ Giới và Vô Lượng Phần, Trí Tuệ).

E. CÁC TÂM ĐẠI TỔ

- Cặp Đại tổ thứ nhất đi với 35 tâm sở là 13 Tợ Tha, 22 tâm sở Tịnh Hảo (trừ Giới Phần).
- Cặp Đại tổ thứ hai đi với 34 tâm sở là 13 Tợ Tha, 21 tâm sở Tịnh Hảo (trừ Giới Phần và Trí Tuệ).
- Cặp Đại tổ thứ ba đi với 34 tâm sở là 12 Tợ Tha, 22 tâm sở Tịnh Hảo (trừ Giới Phần).
- Cặp Đại tổ thứ tư đi với 33 tâm sở là 12 Tợ Tha (trừ Hỷ), 21 tâm sở Tịnh Hảo (trừ Giới Phần và Trí Tuệ).

F. CÁC TÂM ĐÁO ĐẠI

- 3 tâm Sơ thiền đi với 35 là 13 Tợ Tha và 22 tâm sở Tịnh Hảo (trừ Giới Phần)
- 3 tâm Nhị thiền đi với 34 là 12 Tợ Tha (trừ Tầm) và 22 tâm sở Tịnh Hảo (trừ Giới Phần).
- 3 Tam thiền đi với 33 là 11 Tợ Tha (trừ Tầm, Tứ) và 22 tâm sở Tịnh Hảo (trừ Giới Phần).
- 3 Tứ thiền đi với 32 là 10 Tợ Tha (trừ Tầm, Tứ, Hỷ) và 22 tâm sở Tịnh Hảo (trừ Giới Phần).
- 3 Ngũ thiền đi với 30 là 10 Tợ Tha (trừ Tầm, Tứ, Hỷ) và 20 tâm sở Tịnh Hảo (trừ Giới và Vô Lượng Phần).

Các tâm Đáo đại không đi cùng Giới Phần vì chúng chỉ biết đến những gì có thể là cảnh đề mục, ngoài ra thì gì cũng không.

G. CÁC TÂM SIÊU THỂ

- 8 tâm Sơ thiền Siêu thể đi với 36 tâm sở là 13 tâm sở Tợ Tha và 23 tâm sở Tịnh Hảo (trừ Vô Lượng Phần).
- 8 tâm Nhị thiền Siêu thể đi với 35 tâm sở là 12 tâm sở Tợ Tha (trừ Tầm) và 23 tâm sở Tịnh Hảo (trừ Vô Lượng Phần).
- 8 tâm Tam thiền Siêu thể đi với 34 tâm sở là 11 tâm sở Tợ Tha (trừ Tầm, Tứ) và 23 tâm sở Tịnh Hảo (trừ Vô Lượng Phần).
- 8 tâm Tứ thiền Siêu thể đi với 33 tâm sở là 10 tâm sở Tợ Tha (trừ Tầm, Tứ, Hỷ) và 23 tâm sở Tịnh Hảo (trừ Vô Lượng Phần).
- 8 tâm Ngũ thiền Siêu thể đi với 33 tâm sở là 10 tâm sở Tợ Tha (trừ Tầm, Tứ, Hỷ) và 23 tâm sở Tịnh Hảo (trừ Vô Lượng Phần).

Bảng 19- Tương quan giữa 12 Tâm Bất Thiện đối với Tâm Sở

Tâm	7 Biên hành	Tâm	Tứ	Thăng Giải	Căn	Hỷ	Dục	4 Sĩ Phần	Tham	Tà Kiến	Ngã mạn	4 San Phần	Hôn Thủy	Hoài Nghi	Tổng cộng
Tham thọ hỷ hợp tà vô trợ	•	•	•	•	•	•	•	•	•	•					19
Tham thọ hỷ lý tà vô trợ	•	•	•	•	•	•	•	•	•		•				19
Tham thọ xả hợp tà vô trợ	•	•	•	•	•		•	•	•	•					18
Tham thọ xả lý tà vô trợ	•	•	•	•	•		•	•	•		•				18
Sân vô trợ	•	•	•	•	•		•	•				•			20
Sân hữu trợ	•	•	•	•	•		•	•				•	•		22
Si Phóng Dật	•	•	•	•	•			•							15
Si Hoài Nghi	•	•	•		•			•						•	15

Bốn tâm tham hữu trợ thì cũng theo cách trên nhưng cộng thêm 2 tâm sở Hôn Thủy

Bảng 21- Tương Quan Giữa 24 Tâm Tinh Hảo Đối Với Tâm Sở

Tâm	7 tâm sở Biến hành		Tâm	Tứ	Thắng Giải	Căn	Hỷ	Dục	19 tinh hảo biến hành	3 Giới Phần	2 Vô lượng phần	Tri Tuệ	Tổng cộng
	•	•	•	•	•	•	•	•	•		•	•	38
8 tâm Đại thiện	•		•	•	•	•	•	•	•		•	•	35
8 tâm Đại quả	•		•	•	•	•	•	•	•		•	•	33
8 tâm Đại tố	•		•		•	•	•	•	•		•	•	

Bảng 22- Tương quan giữa các Tâm Thiền Hiệp Thế đối với Tâm Sở

Tâm	7 tâm sở Biến hành	Tâm	Tứ	Thắng Giải	Căn	Hỷ	Dục	19 tính hảo biến hành	3 Giới Phần	2 Vô lượng phần	Trí Tuệ	Tổng cộng
3 tâm Sơ thiền	•	•	•	•	•	•	•	•		•	•	35
3 tâm Nhị thiền	•		•	•	•	•	•	•		•	•	34
3 tâm Tam thiền	•				•	•	•	•		•	•	33
3 tâm Tứ thiền	•				•		•	•		•	•	32
15 tâm Ngũ thiền					•		•	•			•	30

Bảng 23- Tương quan giữa các Tâm Thiền Siêu Thế đối với Tâm Sở

Tâm	7 tâm sở Biến hành	Tâm	Tứ	Thắng Giải	Căn	Hỷ	Dục	19 Tịnh Hạo biến hành	3 Giới Phần	2 Vô lượng phần	Trí Tuệ	Tổng cộng
8 tâm Sơ thiền Siêu thế	•	•	•	•	•	•	•	•	•		•	36
8 tâm Nhị thiền Siêu thế	•		•	•	•	•	•	•	•		•	35
8 tâm Tam thiền Siêu thế	•			•	•	•	•	•	•		•	34
8 tâm Tứ thiền Siêu thế	•			•	•		•	•	•		•	33
8 tâm Ngũ thiền Siêu thế				•	•		•	•	•		•	33

VII. HAI TRƯỜNG HỢP TÂM SỞ PHỐI HỢP TÂM

Trong 52 tâm sở có 41 **tâm sở Cố Định** và 11 **tâm sở Bất Định**. Bất định ở đây có nghĩa là lúc có lúc không.

11 tâm sở bất định là: Tật, Lận, Hối, Mạn, Hôn trầm, Thụy miên, 3 Giới Phần và 2 Vô Lượng Phần. Căn cứ vào ý nghĩa của từng tâm sở bất định ta sẽ thấy chúng chỉ có thể xuất hiện trong những trường hợp bất định mà thôi như Hối có mặt thì Lận không có mặt, hễ tâm vô trợ thì lại không có Hôn Thụy và từng Giới Phần cũng chỉ có mặt trong trường hợp ta có lòng ngăn trừ Thân ác nghiệp, Khẩu ác nghiệp. Sau đây là vài hình ảnh minh họa cho trường hợp này:

- Một người đàn ông bực mình vì bữa ăn xoàng của bà vợ dọn lên thì ở đây rõ ràng ông ta chỉ có 12 tâm sở Tợ Tha (trừ Hỷ), 4 Bất Thiện Biến Hành và Sân. Tật, Lận, Hối không có lý do xuất hiện ở đây.
- Một người cảm thấy khó chịu khi thấy đồng nghiệp được ông chủ đãi ngộ hơn mình thì sự khó chịu ở đây chính là tâm sân với các tâm sở trên nhưng cộng thêm tâm sở Tật Đố.
- Một người nhân viên cảm thấy bực bội vì ông chủ nhận thêm người mới. Ở đây tâm sân của ông ta có thể phải cộng thêm tâm sở Xan lận (bỏn xẻn) hoặc Tật Đố (ghen tỵ), vì anh ta không muốn chia sẻ công việc với người kia.
- Một tín nữ đi chùa với niềm hoan hỷ dựa trên kiến thức về Phật pháp thì tâm thiện của bà lúc này có thể là đại thiện hợp trí vô trợ.

- Một bé gái không biết Phật pháp đã miễn cưỡng thú nhận với mẹ là mình đã lén lấy một ít tiền trong bóp của bà. Động cơ của hành động tự thú này có thể là Đại thiện hữu trợ ly trí xả thọ với 12 Tợ Tha (trừ Hỷ), 19 tịnh hảo Biến Hành và tâm sở Chánh Ngữ (vì có ý nói thật).
- Một ngư dân sau khi nghe pháp, đã quyết định bỏ nghề đánh cá, lòng không vui nhưng phải miễn cưỡng. Động cơ của quyết định này có thể là tâm Đại thiện thọ xả hợp trí hữu trợ với 12 Tợ Tha (trừ Hỷ), 19 tâm sở Tịnh Hảo Biến Hành, Trí Tuệ và tâm sở Chánh Mạng.
- Một đứa bé không biết gì về Phật pháp đã động lòng trắc ẩn khi nhìn thấy một con chó bị xe cán. Động cơ của tâm trạng này có thể là tâm Đại thiện thọ xả ly trí vô trợ với 12 Tợ Tha (trừ Hỷ), 19 tâm sở Tịnh Hảo Biến Hành và tâm sở Bi.
- Một người cha hoan hỷ chúc mừng đứa con thi đậu. Bản thân ông không biết Phật pháp nên động cơ của việc chúc mừng đó có thể là Đại thiện thọ hỷ ly trí vô trợ với 13 tâm sở Tợ Tha, 19 tâm sở Tịnh Hảo Biến Hành và tâm sở Tùy Hỷ.
- Một người nhập định vào tầng Tứ thiền với Quang Tướng của đề mục Đất thì nội tâm lúc đó là tâm thiện Tứ thiền đi chung với Lạc và Định. Có 30 tâm sở đi chung trong tâm này là 10 tâm sở Tợ Tha (trừ Tầm, Tứ, Hỷ), 19 Tịnh Hảo Biến Hành và Trí Tuệ.

- Hãy cho biết có bao nhiêu tâm sở trong tâm Sơ quả Sơ thiền? Có tất cả là 36 gồm 13 tâm sở Tợ Tha, 19 tâm sở Tịnh Hảo Biến Hành, 3 tâm sở Giới Phần và Trí Tuệ.

Đức Phật đã phân tích tâm và tâm sở đến mức tận cùng cũng chỉ nhằm mục đích giúp ta hiểu rõ pháp Chân đế, chấm dứt Tà Kiến. Hiểu rõ Danh pháp hữu vi và tu tập để giải quyết những vấn đề của nó chính là cốt lõi của Phật pháp. Tuy nhiên với người sơ cơ, thì nên đọc thêm những kinh điển ngoài A-tỳ-đàm như Kinh Tạng, Thanh Tịnh Đạo và các tác phẩm của ngài Ledi Sayadaw chẳng hạn. Về trú xứ thì hành giả nên tìm đến những nơi chốn kiểu như trung tâm Pa-Auk Tawya. Và trên tất cả, chắc chắn có một sự khác biệt rất lớn giữa một hành giả có học A-tỳ-đàm và một hành giả không biết gì về giáo lý này.

CHƯƠNG 3

TẠP PHẦN TẬP YẾU (*pakiṇṇaka*)

Trong phần này ta sẽ đi sâu vào những nhóm pháp được xem là căn bản, vốn là nền tảng cho các giáo lý Duyên Hệ, Duyên Sinh, lộ Tâm, lộ Sắc. Gọi là tạp phần vì chúng là những vấn đề rời rạc và phức tạp.

I. THỌ TẬP YẾU (*VEDANĀSAṄGAHA*)

1. Các Thọ kể theo lục trần gồm có 3: Lạc thọ (*sukhavedanā*), Khổ thọ (*dukkhavedanā*) và Xả thọ (*upekkhāvedanā*).
2. Thọ kể theo pháp quyền (*Indriya*): **Khổ** (*dukkhavedanā*), **Lạc** (*sukhavedanā*), **Ưu** (*domanassavedanā*), **Hỷ** (*somanassavedanā*), **Xả** (*upekkhāvedanā*).

Ở trường hợp thứ nhất, thân lạc và tâm lạc kể chung trong lạc thọ, thân khổ và tâm khổ kể chung trong khổ thọ.

Ở nhóm thứ hai, hỷ thọ là cảm giác dễ chịu của tâm và lạc thọ là cảm giác dễ chịu của thân, trong khi đó ưu thọ là cảm giác khó chịu của tâm và khổ thọ là cảm giác khó chịu của thân. Ở đây **thọ** được phân tích kỹ như vậy là bởi vì **thân thọ** và **tâm thọ** thật ra có một khoảng cách rất lớn, một người đang bị khổ thân ghê gớm vẫn có thể được an lạc trong tâm như không có gì xảy ra.

Trong quan hệ với tâm thức, cảm thọ là một yếu tố không thể tách rời. Không có tâm nào lại không có một cảm thọ đi cùng:

- Lạc thọ luôn đi với tâm Thân thức thọ lạc.
- Khổ thọ luôn đi với tâm Thân thức thọ khổ.
- Ưu thọ luôn đi với 2 tâm sân.
- Hỷ thọ đi với 62 tâm gồm 18 tâm Dục giới hỷ thọ, 12 tâm Đáo đại hỷ thọ và 32 tâm Siêu thế hỷ thọ.
- Xả thọ đi với 55 tâm gồm 32 tâm Dục giới xả thọ, 15 tâm Đáo đại xả thọ và 8 tâm Siêu thế xả thọ.

Ở đây ta thấy chỉ nhắc đến tâm mà không nói gì đến tâm sở, thực ra điều đó phải được hiểu ngầm. Nếu được hỏi lạc thọ chẳng hạn có thể đi với tâm sở nào thì ta có thể trả lời là tâm sở nào đi với các tâm lạc thọ thì lúc đó chúng được kể là các tâm sở đi chung với lạc thọ. Với các thọ khác cũng vậy mà hiểu.

Xem lại bản đồ “Các Tâm Phân Theo Thọ (*vedanā*)”, chương 1.

II. NHÂN TẬP YẾU (*HETUSAṄGAHA*)

Tất cả tâm và tâm sở có thể kể gọn vào 3 nhóm với 6 căn tính:

- **Các pháp bất thiện** (*akusalahetu*) có 3 nhân gốc là Tham (*lobha*), Sân (*dosa*), Si (*moha*).
- **Các pháp thiện** (*kusalahetu*) thì có 3 nhân gốc là Vô Tham (*alobha*), Vô Sân (*adosa*), Vô Si (*amoha*).
- **Các pháp Vô Ký** (*avyākatahetu*) thì xét trên tên gọi cũng có 3 nhân gốc là Vô Tham (*alobha*), Vô Sân (*adosa*), Vô Si (*amoha*) nhưng 3 nhân này ở đây không mang tính thiện, chúng được gọi vậy chỉ vì không phải là ác.

3 bất thiện căn (Tham, Sân, Si) tạo nên các tâm bất thiện, 3 thiện căn là Vô Tham (*alobha*), Vô Sân (*adosa*), Vô Si (*amoha*) tạo nên các tâm thiện và các căn Vô Ký thì tạo nên tâm Dị thực và Tố (còn gọi là Duy Tác). Hai loại tâm này không có khả năng tạo quả như các tâm thiện và bất thiện.

SAU ĐÂY LÀ QUAN HỆ GIỮA CÁC CĂN (*MŪLA*) TỨC 6 NHÂN (*HETU*) ĐỐI VỚI TÂM.

- 18 tâm Vô Nhân (*ahetukacitta*) thì không có nhân nào đi cùng.
- 71 tâm hữu nhân (*sahetukacitta*) được chia thành 3 nhóm:
 - a. Tâm 1 nhân (*ekahetukacitta*) là 2 tâm si chỉ có 1 nhân Si (*mohahetu*). Nói vậy bởi vì trong tâm tham hoặc

tâm sân luôn có tâm sở Si đi cùng, riêng trong tâm si thì không có 2 nhân bất thiện kia.

- b. Tâm 2 nhân (*dvihetukacitta*) gồm có 8 tâm tham (nhân Tham, nhân Si), 2 tâm sân (nhân Sân, nhân Si), 12 tâm Dục giới tịnh hảo ly trí (Vô Tham, Vô Sân).
- c. Tâm 3 nhân (*tihetukacitta*) gồm có 47 tâm là 12 tâm Dục giới tịnh hảo hợp trí, 27 tâm Đáo đại và 8 Siêu thế (Vô Tham, Vô Sân, Trí Tuệ).

Bảng 24- Quan hệ giữa 3 nhân bất thiện đối với tâm bất thiện

Tâm	Nhân Tham	Nhân Sân	Nhân Si
2 Si			•
2 Sân		•	•
8 Tham	•		•

Bảng 25- Quan hệ giữa 3 nhân thiện đối với tâm thiện

Tâm	Nhân Vô Tham	Nhân Vô Sân	Nhân Vô Si
12 DG tịnh hảo ly trí	•	•	
12 DG tịnh hảo hợp trí	•	•	•
27 Đáo đại	•	•	•
8 Siêu thế	•	•	•

III. MƯỜI BỐN SỰ TẬP YẾU (*KICCASAṄGAHA*)

Tâm gì cũng chỉ có trạng thái căn bản là biết cảnh và tâm sở là những khía cạnh thuộc tánh của tâm nhưng một trong những điều kiện để ta dựa vào đó gọi chúng là tâm gì chính là chúng được sử dụng cho việc gì. 121 tâm và 52 tâm sở nói chung chỉ có 14 việc để làm trong suốt dòng sanh tử của chúng sanh:

1. Việc kết nối đời sống trước với đời sống sau của tâm Tái Sanh (*Paṭisandhikicca*)
2. Việc kéo dài dòng chảy tâm thức của tâm Hữu Phần (*Bhavaṅgakicca*)
3. Việc tiến dẫn trần cảnh của 2 tâm Khai môn (*āvajjanakicca*)
4. Việc thấy của tâm Nhãn thức (*Dassanakicca*)
5. Việc nghe của tâm Nhĩ thức (*Savanakicca*)
6. Việc ngửi của tâm Tỷ thức (*Ghāyanakicca*)
7. Việc nếm của tâm Thiệt thức (*Sāyanakicca*)
8. Việc xúc chạm của tâm Thân thức (*Phusanakicca*)
9. Việc tiếp nhận trần cảnh của tâm Tiếp Thu (*Sampaticchanakicca*)
10. Việc quan sát trần cảnh của tâm Quan Sát (*Santīraṇakicca*)
11. Việc phán đoán của tâm Đoán Định (*Voṭṭhapanakicca*)

12. Việc hưởng dụng trần cảnh của tâm Đồng lực (*Javanakicca*)

13. Việc tận thu trần cảnh của tâm Na Cảnh (*Tadāmbanakicca*)

14. Việc mạng chung của tâm Mệnh Chung (*Cutikicca*)

121 TÂM KẾ THEO 14 SỰ

- Việc tái tục do 19 tâm thực hiện: 2 tâm Quan Sát xả thọ, 8 tâm Đại quả và 9 tâm quả Đáo đạ. 19 tâm này chỉ được gọi là tâm Tái Tục (*paṭisandhiccitta*) khi chúng làm việc tái tục. Lúc chúng làm việc Hữu Phần thì được gọi là 19 tâm Hữu Phần (*bhavaṅgacitta*).
- 2 tâm Khai ngũ môn và Khai ý môn đóng vai trò Khai môn (*avajjanakicca*) tức mở cửa cho lộ Ngũ môn và lộ Ý môn xuất hiện.
- Việc thấy do 2 tâm Nhãn thức (*cakkhaviññānacitta*) thực hiện.
- Việc nghe do 2 tâm Nhĩ thức (*sotaviññānacitta*) thực hiện.
- Việc ngửi do 2 tâm Tỷ thức (*ghānaviññānacitta*) thực hiện.
- Việc nếm do 2 tâm Thiệt thức (*jivhāviññānacitta*) thực hiện.
- Việc xúc chạm của thân thể do 2 tâm Thân thức (*kāyaviññānacitta*) thực hiện.

- Việc tiếp nhận trần cảnh do 2 tâm Tiếp Thu (*sampaticchanaviññānacitta*) thực hiện.
- Việc quan sát trần cảnh do 3 tâm Quan Sát (*santiraṇaviññānacitta*) thực hiện.
- Việc phán đoán trần cảnh (*voṭṭhapanakicca*) do tâm Khai y môn (*manodvārāvajjanacitta*) thực hiện.
- Việc hưởng dụng trần cảnh (*javanakicca*) do 55 tâm thực hiện: 12 bất thiện, 21 thiện, 18 tâm Tố và 4 tâm quả Siêu thế.

Nếu phân loại thì có hai thứ Đồng lực:

- a. 29 tâm Đồng lực Dục giới gồm 12 tâm bất thiện, 8 tâm Đại thiện, 8 tâm Đại tố và 1 tâm Sinh Tiểu.
 - b. 26 Đồng lực kiên cố gồm 9 tâm thiện Đáo đại, 9 tâm tố Đáo đại và 8 tâm Siêu thế.
- Việc tận thu trần cảnh (*tadāmbanakicca*) của tâm Na Cảnh (*tadāmbanacitta*) thì do 11 tâm thực hiện: 3 tâm Quan Sát và 8 tâm Đại quả.
 - Việc mệnh chung (*cuticitta*) là do 19 tâm quả Hiệp thế trước đây làm việc Tái Tục thực hiện. Lúc này chúng được gọi là tâm Mệnh Chung. Chũ cũ gọi là tâm Tử.

NHIỆM VỤ CỦA CÁC TÂM

1. Tâm làm được một nhiệm vụ gồm có 68: Ngũ song thức (10) ; 3 tâm Ý giới (*manodhātu*) là tâm Khai ngũ môn và 2 tâm Tiếp Thu ; 55 tâm Đồng lực (*javanacitta*).

2. Tâm làm hai nhiệm vụ gồm có tâm Quan Sát hỷ thọ và tâm Khai ý môn.
3. Tâm làm ba nhiệm vụ gồm có 9 tâm quả Đáo đại.
4. Tâm làm bốn nhiệm vụ gồm có 8 tâm Đại quả.
5. Tâm làm năm nhiệm vụ gồm có 2 Quan Sát thọ xả.

Nhiệm vụ của tâm có thể kể thành 14 như trên, mà cũng có thể kể là 10 chức năng hay trường hợp (*thāna*) làm việc: Việc Tái Tục, việc Hữu Phần và việc Mệnh Chung (đều do 19 tâm quả thực hiện), việc Khai môn do 2 tâm Khai môn, việc tri nhận 5 cảnh vật chất (do Ngũ song thức), việc tiếp nhận trần cảnh (do 2 tâm Tiếp Thu), việc quan sát trần cảnh (do 3 tâm Quan Sát), việc phán đoán trần cảnh (do tâm Đoán Định), việc hưởng dụng trần cảnh (do 55 tâm), việc tận thu trần cảnh (do 11 tâm Na Cảnh) và việc mệnh chung (do 19 tâm mệnh chung).

Bảng 26- Tâm làm một nhiệm vụ

Tâm	Nhiệm vụ
2 Nhãn thức	Thấy
2 Nhĩ thức	Nghe
2 Tỷ thức	Ngửi
2 Thiệt thức	Nếm
2 Thân thức	Đụng
2 Tiếp thu	Tiếp nhận trần cảnh
Khai ngũ môn	Mở cửa lộ ngũ
12 bất thiện 21 Thiện 18 tâm tố 4 tâm quả Siêu thế	Hưởng dụng trần cảnh

Bảng 27- Tâm làm hai nhiệm vụ

Tâm	Nhiệm vụ
Quan sát thọ hỷ	- Quan sát - Tận thu trần cảnh
Khai ý môn	- Mở cửa lộ Ý - Phán đoán trần cảnh

Bảng 28- Tâm làm ba nhiệm vụ

Tâm	Nhiệm vụ
9 tâm quả Đáo đại	<ul style="list-style-type: none"> - Tái tục - Hữu phần - Mệnh chung

Bảng 29- Tâm làm bốn nhiệm vụ

Tâm	Nhiệm vụ
8 tâm Đại quả	<ul style="list-style-type: none"> - Tái tục - Hữu phần - Mệnh chung - Tận thu trần cảnh (Na cảnh)

Bảng 30- Tâm làm năm nhiệm vụ

Tâm	Nhiệm vụ
2 Quan Sát thọ xả	<ul style="list-style-type: none"> - Tái tục - Hữu phần - Mệnh chung - Tận thu trần cảnh (Na cảnh) - Quan sát

IV. LỤC MÔN TẬP YẾU (DVĀRASĀNGAHA)

Tâm và tâm sở đôi khi được kể gọn vào 6 môn, ở đây là chỗ dựa cho tâm và tâm sở:

1. Nhãn môn, tức thần kinh thị giác (*cakkhupasāda*) là chỗ dựa cho Tâm Nhãn thức.
2. Nhĩ môn, tức thần kinh thính giác (*sotapasāda*) là chỗ dựa cho Tâm Nhĩ thức.
3. Tỷ môn, tức thần kinh khứu giác (*ghānapasāda*) là chỗ dựa cho tâm Tỷ thức.
4. Thiệt môn, tức thần kinh vị giác (*jivhāpasāda*) là chỗ dựa cho tâm Thiệt thức.
5. Thân môn, tức thần kinh xúc giác (*kāyapasāda*) là chỗ dựa cho tâm Thân thức.
6. Ý môn, tức 19 tâm Hữu Phần (*bhavaṅgacitta*) là chỗ dựa cho Ý thức.

5 môn đầu là Sắc môn (*rūpadvāra*) và môn thứ 6 là Danh môn (*nāmadvāra*).

Theo đó mà nói, việc các tâm nương Lục môn gồm có 3 trường hợp:

1. Có 46 tâm nương Nhãn môn là tâm Khai ngũ môn, 2 tâm Nhãn thức, 2 tâm Tiếp Thâu, 3 tâm Quan Sát, tâm Đoán Định (Khai Ý), 29 tâm Đồng lực Dục giới và 8 tâm Na Cảnh (3 Quan Sát đã được kể riêng ở trên).

2. Tâm nương các môn Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân cũng gồm 46 tâm như trên với những thay đổi cần thiết, tức là 2 thức này được thay thế bằng 2 thức kia trong Ngũ song thức.
3. Tâm nương Ý môn gồm có 67: Khai ý môn (làm 2 việc), 55 tâm Đồng lực và 11 tâm Na Cảnh.

Ghi Chú:

1. Tổng số tâm phải nương Ngũ môn hay Sắc môn gồm có 54: tâm Khai ngũ môn, Ngũ song thức, 2 tâm Tiếp Thu, 3 tâm Quan Sát, tâm Đoán Định (Khai Ý), 29 tâm Đồng lực Dục giới và 8 tâm Na Cảnh.
2. Tâm Khai ngũ môn và 2 tâm Tiếp Thu thường được gọi chung là Ý giới (*manodhātu*).
3. Tâm luôn nương 6 môn (nương cố định) gồm có 31 thứ là Quan Sát hỷ thọ, Khai ý môn và 29 Đồng lực Dục giới.
4. Tâm thỉnh thoảng nương 6 môn (tức nương bất định) gồm có 10 là 2 tâm Quan Sát thọ xả và 8 tâm Đại quả.
5. Tâm không nương môn nào một cách cố định là 9 tâm quả Đáo đại.
6. 19 tâm Tái Tục (ngay cả khi Hữu Phần và Mệnh Chung) đều được gọi là tâm Ngoại môn (*dvāravimutti*) bởi 3 lẽ:
 - a. Chúng không xuất hiện qua bất cứ giác quan vật chất nào.
 - b. Tự thân chúng chính là Ý môn thì còn nương ai nữa.
 - c. Chúng tồn tại mà không cần đến bất cứ ngoại cảnh nào.

V. TRẦN CẢNH TẬP YẾU (*ĀLAMBANASAṄGAHA*)

Tất cả các tâm (luôn có tâm sở đi kèm) chỉ tồn tại nhờ sự biết cảnh. Có tất cả 6 cảnh (*ālambana, ārammaṇa*), tức tất cả những gì là đối tượng nhận biết của 6 thức còn gọi là 121 tâm.

- Cảnh Sắc (*rūpārammaṇa*): Là những gì chỉ được biết qua mắt, gồm hình dáng và màu sắc (*rūpā, vaṇṇa*). Nói theo A-tỳ-đàm thì đây là sắc cảnh Sắc.
- Cảnh Thính (*saddārammaṇa*): Là những gì chỉ được biết qua tai, tức tất cả các loại âm thanh. Nói theo A-tỳ-đàm thì đây là sắc cảnh Thính.
- Cảnh Khí (*gandhārammaṇa*): Là những gì chỉ được biết qua mũi, tức tất cả các mùi mà Khứu giác chúng sanh có thể ghi nhận. Nói theo A-tỳ-đàm thì đây là sắc cảnh Khí.
- Cảnh Vị (*rasārammaṇa*): Là những gì chỉ được biết qua lưỡi, tức những thứ ngon dở, đậm nhạt. Nói theo A-tỳ-đàm thì đây là sắc cảnh Vị.
- Cảnh Xúc (*phoṭṭhabbārammaṇa*): Là những gì chỉ được biết qua xúc giác, tức nóng lạnh, mịn nhám. Nói theo A-tỳ-đàm thì đây là 3 loại Sắc pháp Đất, Lửa, Gió.
- Cảnh pháp (*dhammārammaṇa*) gồm 5 Sắc Thần Kinh (*pasādarūpa*), 16 Sắc Tế (*sukhumarūpa*), 121 tâm (*citta*), 52 tâm sở (*cetasika*), Níp-bàn (*nibbāna*) và những khái niệm Tục đế (*sammutisacca*), kể cả các đề mục thiền Chỉ tịnh (*kaṣiṇanimitta*). Đã là cảnh pháp thì không thể xuất

hiện qua Ngũ môn (*pañcadvāra*), tức Ngũ song thức không thể biết được cảnh pháp.

TÂM VÀ CẢNH TRONG QUAN HỆ LỤC MÔN

1. Đối với mỗi môn trong 5 môn vật chất (Nhãn môn,...Thân môn) thì có 46 tâm nương tựa để biết các cảnh vật chất (Sắc, Thinh, Khí...):

• Khai ngũ môn	1
• Nhãn thức*	2
• Tiếp Thân	2
• Quan Sát	3
• Đoán Định (Khai Ý)	1
• Đồng lực Dục giới	29
• Na Cảnh	8
Tổng cộng	46

** Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân thức cũng vậy*

Na Cảnh chỉ kể 8 vì 3 tâm Quan Sát đã được kể riêng ở trên.

2. Có 67 tâm xuất hiện qua Ý môn để biết Cảnh pháp là:

- Khai ý môn (làm 2 việc)
- 55 tâm Đồng lực
- 11 tâm Na Cảnh

QUAN HỆ GIỮA TÂM VÀ CẢNH

- 1) Ngũ song thức chỉ có thể biết một cảnh thích hợp với mình, tức mỗi tâm một cảnh riêng. Mỗi tâm trong Ngũ song thức chỉ có thể biết được một cảnh tương thích. Như tâm Nhãn thức chỉ biết được cảnh sắc, tâm Thân thức chỉ biết được cảnh xúc.
- 2) 3 tâm Ý giới có thể biết được cả 5 cảnh vật chất.
- 3) 11 tâm Na Cảnh và Sinh Tiểu biết được 6 cảnh dục trần (*kāmārammaṇa*) gồm 54 tâm Dục giới (*kāmacitta*), 52 tâm sở hợp (*cetasika*) và 28 Sắc pháp (*rūpa*).
- 4) 12 tâm bất thiện, 4 tâm Đại thiện ly trí, 4 tâm Đại tố ly trí biết được 6 cảnh Hiệp thế (*lokiya*) gồm 81 tâm Hiệp thế (*lokiyacitta*), 52 tâm sở hợp (*cetasika*), 28 Sắc pháp và Chế định (*paññatti*).
- 5) 4 tâm Đại thiện hợp trí và tâm Thông thiện (*rūpakusalābhiññā*) biết được 6 cảnh gồm 87 tâm (trừ tâm Tứ đạo, tâm Tứ quả), 52 tâm sở hợp, 28 Sắc pháp, Níp-bàn và Chế Định.
- 6) 4 tâm Đại tố hợp trí, tâm Thông Tố (*kiriyaābhiññā*) và tâm Khai ý môn biết được 6 cảnh gồm 89 hay 121 tâm, 52 tâm sở, 28 Sắc pháp, Níp-bàn và Chế Định.
- 7) 15 tâm Sắc giới (trừ tâm Thông) chỉ biết cảnh Đề Mục (*kammaṭṭhāna*).
- 8) 3 tâm Hư Không Vô Biên và 3 tâm Vô Sở Hữu Xứ biết được 2 đề mục Vô sắc giả định tức khái niệm vô tận của Hư Không (*ākāsa*) và Vô Sở Hữu (*ākīñcañña*).

- 9) 3 tâm Thức Vô Biên và 3 tâm Phi Tướng Phi Phi Tướng lấy 2 tầng thiền Vô sắc còn lại làm Cảnh (ở đây chỉ lấy tâm thiện Vô sắc và tâm Tố Vô sắc).
- 10) 8 tâm Siêu thế biết cảnh Níp-bàn (*nibbāna*).
- 11) 19 tâm Tái Tục - Hữu Phần - Mạng Chung biết cảnh cận tử (*maraṇāsannanimitta*) của đời trước. Cảnh cận tử ở đây là một trong 3 cảnh Nghiệp Tướng (*kammārammaṇa*), Nghiệp Tướng (*kammanimitta*) và Thú Tướng (*gatinimitta*).

Bảng 31- Tâm và cảnh được biết (1)

Tâm	5 cảnh vật chất				
	Sắc	Thinh	Khí	Vị	Xúc
Nhãn thức	•				
Nhĩ thức		•			
Tỷ thức			•		
Thiệt thức				•	
Thân thức					•
3 Ý giới	•	•	•	•	•

Bảng 32- Tâm và cảnh được biết (2)

Tâm	Cảnh					
	5 cảnh vật chất	54 Dục giới	52 Tâm sở	28 Sắc pháp	81 Hiệp thế	Chế định
11 Na cảnh	•	•	•	•		
12 bất thiện	•		•	•	•	•
4 tâm Đại thiện ly trí	•		•	•	•	•
4 tâm Đại tổ ly trí	•		•	•	•	•

VI. VẬT TẬP YẾU (*VATTHUSĀNGAHA*)

Vật (*vatthu*) ở đây là chỗ nương cho tâm. Có tất cả là 6 vật, từ Nhãn vật là thần kinh thị giác (chỗ nương cho Nhãn thức) đến Thân vật là thần kinh xúc giác (chỗ nương cho tâm Thân thức) và Vật cuối cùng là Ý Vật (chỗ nương của Ý thức).

- Nhãn vật (*cakkhuvatthu*)
 - Thần kinh thị giác (*cakkhupasāda*)
- Nhĩ vật (*sotavatthu*)
 - Thần kinh thính giác (*sotapasāda*)
- Tỷ vật (*ghānavatthu*)
 - Thần kinh khứu giác (*ghānapasāda*)
- Thiệt vật (*jivhāvatthu*)
 - Thần kinh vị giác (*jivhāpasāda*)
- Thân vật (*kāyavatthu*)
 - Thần kinh xúc giác (*kāyapasāda*)
- Ý vật ở đây gồm 2 trường hợp: Ở cõi Ngũ uẩn thì tâm chúng sinh phải nương vào một điểm nào đó trong xác thân và từ chuyên môn gọi điểm đó là - Sắc Ý vật (*hadayavatthu*). Trường hợp thứ hai, ở cõi Vô sắc Ý vật chính là tâm Hữu phần, tức Danh pháp chứ không phải Sắc pháp.

Vai trò của Vật tuy nói là chỗ nương nhưng kỳ thực chỉ giống như chỗ đánh diêm trên một hộp diêm. Thời điểm gặp nhau của Căn, Cảnh và Thức chỉ là một khoảnh khắc chớp

nhoáng có thể hình dung qua động tác đánh diêm hay bật quẹt. Trần cảnh, giác quan (Vật) và thức phải cùng lúc có mặt không trước không sau. Sự chạm mặt đó được gọi là Xúc (*phassa*).

QUAN HỆ GIỮA 6 VẬT VÀ CÁC CẢNH GIỚI (*BHŪMI*)

1. Trong 11 cõi Dục giới có đủ cả 6 Vật.
2. Trong 15 cõi Sắc giới hữu tâm (*rūpaloka*) thì chỉ có 3 Vật là Nhãn Vật (*cakkhuvatthu*), Nhĩ Vật (*sotavatthu*) và Ý Vật (*hadayavatthu*). Phạm thiên các cõi này đều là người ly dục nên việc họ có 2 căn Nhãn, Nhĩ chỉ là để làm các việc lành như gặp Phật nghe pháp chứ không phải để hưởng thụ. Còn Sắc Ý Vật thì bắt buộc phải có để làm chỗ nương cho tâm và tâm sở.
3. Ở cõi Vô sắc giới (*arūpaloka*) không có Vật nào hết. Chỗ nương cho tâm thức cõi Vô sắc chỉ là tâm Hữu Phần (*bhavaṅgacitta*).

VII. BẢY THỨC GIỚI (*MANOVIÑÑĀṄADHĀTU*)

1. Nhãn thức giới (*cakkhaviññāṇadhātu*) tức 2 tâm Nhãn thức, phải dựa vào Nhãn vật mà có.
2. Nhĩ thức giới (*sotaviññāṇadhātu*) tức 2 tâm Nhĩ thức, nương ở Nhĩ vật.
3. Tỷ thức giới (*ghānaviññāṇadhātu*) tức 2 tâm Tỷ thức, nương ở Tỷ vật.
4. Thiệt thức giới (*jivhāviññāṇadhātu*) tức 2 tâm Thiệt thức, nương ở Thiệt vật.
5. Thân thức giới (*kāyaviññāṇadhātu*) tức 2 tâm Thân thức nương ở Thân vật.
6. Ý giới (*manoviññāṇadhātu*) tức Khai ngũ môn và 2 Tiếp Thân, nương ở Ý vật.
7. Ý thức giới (*manoviññāṇa*) gồm 76 tâm còn lại, nương ở Ý vật.

QUAN HỆ GIỮA TÂM (*CITTA*) VÀ VẬT (*VATTHU*)

1. Ngũ song thức (*dvipañcaviññāṇa*) phải luôn nương 5 Vật (*pañcavatthu*).
2. Có 33 tâm phải luôn nương Sắc Ý Vật (*hadayavatthu*), gồm 2 tâm sân, 3 tâm Ý giới, 3 tâm Quan Sát, tâm Sinh Tiểu, 8 tâm Đại quả, 15 tâm Sắc giới và 1 tâm Sơ đạo (tâm Sơ đạo này chỉ có được nhờ nghe pháp hay tu tập bằng thân Sắc pháp nên không thể có ở cõi Vô sắc).

3. Có 42 tâm nương Vật một cách bất định (đôi khi không cần Vật vẫn sinh được): 10 tâm bất thiện trừ 2 tâm sân, 8 tâm Đại thiện, 8 tâm Đại tố, 4 tâm thiện Vô sắc, 4 tâm Tố Vô sắc, 7 tâm Siêu thế (trừ tâm Sơ đạo) và tâm Khai ý môn.

Sở dĩ nói là bất định vì những tâm này có thể sinh khởi ở cõi Vô sắc, và khi đó thì không cần nương Vật.

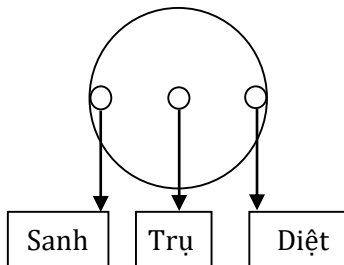
CHƯƠNG 4

TÂM LỘ (vīthi)

Tâm lộ ở đây chính là hành trình sinh diễn của tâm thức trong đời sống của chúng sinh. Được gọi là dòng tâm thức nhưng không phải là một cái gì đó liên tục không gián đoạn, mà cái gọi là dòng tâm thức ấy thực ra là **một chuỗi dài ghép nối vô số sát-na** (*khaṇa*) tâm. Thời gian tồn tại của mỗi sát-na tâm (*cittakhaṇa*) ngắn đến mức nằm ngoài mọi suy tưởng của phàm phu. Ta thử tính xem, mỗi giờ trung bình có bao nhiêu lần nháy mắt và mỗi lần nháy mắt dòng tâm thức khi đó có hơn một ngàn tỷ sát-na xuất hiện. Trong mỗi sát-na như vậy lại có ba giai đoạn Sanh (*uppāda*)-Trụ (*thīti*) - Diệt (*bhaṅga*) hẵn hoi.

Và tất cả vật chất được gọi theo A-tỳ-đàm là Sắc pháp thực ra cũng có thời gian sinh diệt mau chóng khó lường. Tốc độ sanh diệt của Sắc pháp, chẳng hạn các thành tố trong một sợi tóc, chỉ chậm hơn tâm pháp 17 lần mà thôi. Nếu ta

chia thời gian tồn tại của mỗi nhóm sắc ra thành từng sát-na thì cứ 17 sát-na tâm diệt đi sẽ có một sát-na sắc biến mất. Nói vậy có nghĩa là những gì ta nhìn thấy được bằng mắt thường chỉ là những ảo tượng như vỏ ngoài của một gò mối với vô vàn những biến chuyển bên trong mà ta không biết.



Hình 1- Sát-na tâm

Nói đến tiến trình sinh diệt của tâm pháp thì trước hết phải nhắc lại 6 loại tâm:

- 2 tâm Nhãn thức
- 2 tâm Nhĩ thức
- 2 tâm Tỷ thức
- 2 tâm Thiệt thức
- 2 tâm Thân thức
- 79 tâm Ý thức

Tiến trình hiện hữu của 5 thức đầu giống hệt nhau nên được gọi chung là tâm lộ Ngũ môn (đối tượng là 5 trần cảnh trực tiếp). Riêng cách xuất hiện của loại tâm thứ sáu, tức Ý thức thì khác hẳn nên chúng được gọi là tâm lộ Ý môn (đối

tượng nhận thức là cảnh Ngũ gián tiếp và cảnh pháp thuần túy). Nói vậy có tất cả 6 loại tâm lộ:

1- **Lộ Nhãn môn** (*cakkhudvāravīthi* hay *cakkhaviññāṇa-vīthi*)

Là diễn biến của tâm thức lúc mắt ta ghi nhận một hình ảnh nào đó.

2- **Lộ Nhĩ môn** (*sotadvāravīthi* hay *sotaviññāṇavīthi*)

Là diễn biến của tâm thức lúc tai ta ghi nhận một âm thanh nào đó.

3- **Lộ Tỷ môn** (*ghānavāravīthi* hay *ghānaviññāṇa-vīthi*)

Là diễn biến của tâm thức lúc mũi ta ghi nhận một thứ mùi nào đó.

4- **Lộ Thiệt môn** (*jivhādvāravīthi* hay *jivhāviññāṇa-vīthi*)

Là diễn biến của tâm thức lúc lưỡi ta ghi nhận một thứ dịch vị nào đó.

5- **Lộ Thân môn** (*kāyadvāravīthi* hay *kāyaviññāṇa-vīthi*)

Là diễn biến của tâm thức lúc thân ta ghi nhận một xúc chạm nào đó.

6- **Lộ Ý môn** (*manadvāravīthi* hay *monoviññāṇavīthi*)

Là diễn biến của tâm thức lúc tư tưởng ta đang suy nghĩ hay nhận biết một sự việc trừu tượng nào

I. NHÂN SANH CÁC TÂM LỘ

1. Bốn điều kiện để xuất hiện Tâm Lộ Nhãn Môn (*cakkhudvāravīthi*):

- Thần kinh thị giác (*cakkhupasāda*)
- Có cái để nhìn (*rūpārammaṇa*)
- Ánh sáng thích hợp (*āloka*)
- Phải có sự chú ý (*manasikāra*)

2. Bốn điều kiện để xuất hiện Tâm Lộ Nhĩ Môn (*sotadvāravīthi*):

- Thần kinh thính giác (*sotapasāda*)
- Có âm thanh nghe được (*saddārammaṇa*)
- Khoảng trống (*ākāsa*), tức không bị cách âm.
- Phải có sự chú ý (*manasikāra*)

3. Bốn điều kiện để xuất hiện Tâm Lộ Tỷ Môn (*ghānadvāravīthi*):

- Thần kinh khứu giác (*ghānapasāda*)
- Có mùi để ngửi (*gandhārammaṇa*)
- Không khí (*vāyo*)
- Phải có sự chú ý (*manasikāra*)

4. Bốn điều kiện để xuất hiện Tâm Lộ Thiệt Môn (*jivhādvāravīthi*):

- Thần kinh vị giác (*jivhāpasāda*)

- Có vị để nếm (*rasārammaṇa*)
- Có dịch chất dẫn vị (*āpo*)
- Phải có sự chú ý (*manasikāra*)

5. Bốn điều kiện để xuất hiện Tâm Lộ Thân Môn (*kāyadvāravīthi*):

- Thần kinh xúc giác (*kāyapasāda*)
- Có gì đó để sờ chạm (*phoṭṭhabbārammaṇa*)
- Vật chạm phải có ngại tướng rõ ràng (*thaddhapaṭhavi*)
- Phải có sự chú ý (*manasikāra*)

6. Bốn điều kiện để xuất hiện Tâm Lộ Ý Môn (*manodvāravīthi*):

- Phải có Ý môn tức 19 tâm Hữu Phần (*manodvāra*)
- Phải có cảnh pháp (*dhammārammaṇa*)
- Phải có Ý Vật (*hadayavatthu*)
- Phải có sự chú ý (*manasikāra*)

Trong các điều kiện sinh khởi tâm lộ trên đây, hầu như cái gì cũng có thể được chấp nhận bởi khoa học hiện đại. Chỉ riêng điều kiện thứ tư là khó chứng minh nhất, nhưng chung quy ai cũng có thể hiểu ngầm rằng thiếu sự chú ý thì khó mà có được một nhận thức nào. Ta có thể chứng minh bằng một hình ảnh rất dễ thấy là khi một bà mẹ đi đón con ở chỗ đông người nếu thiếu sự chú ý thì đứa con có đi qua mặt bà mẹ cũng không nhìn thấy. Ta có thể gọi đó là tác dụng của sự chú ý.

Bảng 34- Nhân Sanh Các Tâm Lộ

Lộ tâm	Điều kiện chủ quan	Cảnh	Điều kiện khách quan	Điều kiện tâm lý
Nhãn môn	Thị giác	Cái để nhìn	Ánh sáng thích hợp	Sự chú ý
Nhĩ môn	Thính giác	Âm thanh nghe được	Khoảng trống	Sự chú ý
Tỷ môn	Khứu giác	Mùi để ngửi	Không khí	Sự chú ý
Thiệt môn	Vị để nếm	Vị để nếm	Dịch chất dẫn vị	Sự chú ý
Thân môn	Xúc giác	Vật để sờ chạm	Vật chạm phải có ngại tương rõ ràng	Sự chú ý
Ý môn	19 tâm Hữu Phần	Cảnh pháp	Ý Vật	Sự chú ý

CÁC LOẠI CẢNH THEO MỨC ĐỘ (VISAYAPPAVATTI)

Có tất cả là 6 trường hợp đối tượng đậm nhạt khác nhau của tâm. Trong đó, đối với lộ Ngũ môn (tức lộ tâm lúc 5 giác quan vật chất làm việc) có 4 trường hợp:

- a. **Cảnh rất lớn** (*atimahantārammaṇa*) tức đối tượng trần cảnh trong trường hợp cực rõ.

- b. **Cảnh lớn** (*mahantārammaṇa*) là trường hợp 5 trần cảnh vừa đủ rõ ràng cho 5 giác quan ghi nhận dễ dàng.
- c. **Cảnh nhỏ** (*parittārammaṇa*) là trường hợp 5 trần cảnh có chút mờ nhạt, không rõ ràng cho lắm.
- d. **Cảnh rất nhỏ** (*atiparittārammaṇa*) là trường hợp 5 trần cảnh quá mơ hồ, như có như không.

Đối với lộ Ý (*manodvāravīthi*), tức trường hợp tâm thức biết cảnh trừu tượng phi vật chất thì có hai thứ đối tượng (nói ngắn gọn):

- a. **Cảnh rõ** (*vibhūtārammaṇa*)
- b. **Cảnh không rõ** (*avibhūtārammaṇa*)

II. TỔNG LƯỢC CÁC LOẠI TÂM THỨC

A. TÂM CHỦ QUAN VÀ TÂM KHÁCH QUAN

Ta cứ hình dung một người từ lúc nhập thai bằng tâm Tái Tục để bắt đầu kiếp sống mới thì ngay từ sát-na tâm đầu đời ấy, dòng tâm thức của đương sự phần lớn được trải dài bằng vô số tâm Hữu Phần (vốn là tâm tái tục biến thể) và cứ vậy kéo dài cho đến hết đời. Ngay giây phút mệnh chung chính tâm Hữu Phần lúc đó sẽ trở thành tâm Mệnh Chung để chấm dứt kiếp sống. Chính tâm Hữu Phần vừa kể được xem là khung sườn cho căn bản tâm thức của chúng sanh nên nó được gọi là tâm Chủ quan hay tâm ngoại lộ (*vīthimuttacitta*). Những khi 6 giác quan ghi nhận ngoại cảnh thì dòng chảy

Hữu Phần sẽ tạm ngưng để nhường chỗ cho các loại tâm chuyên biết ngoại cảnh (gồm 80 tâm trừ 9 quả Đáo đại). Các tâm này được gọi là tâm Khách quan (*āgantukacitta hay vīthicitta*).

Về tâm Chủ quan gồm có 19 là 2 Quan Sát xả thọ, 8 tâm Đại quả và 9 tâm quả Đáo đại. Ngoại trừ 9 quả Đáo đại, các tâm còn lại có thể làm nhiều hơn ba việc Nhập Thai, Hộ Kiếp và Mệnh Chung. Như vậy tâm Chủ quan tuyệt đối chỉ còn lại 9 tâm quả Đáo đại.

B. CẢNH CỦA TÂM CHỦ QUAN VÀ TÂM KHÁCH QUAN

Như đã nói, đối tượng của các tâm Khách quan là lục trần hiện tại, tức ngay kiếp sống này. Riêng đối với các tâm Chủ quan thì đối tượng của chúng chính là một trong ba cảnh cận tử đời trước (Nghiệp Tượng, Nghiệp Tướng và Thú Tướng mà đương sự nhận biết qua một trong lục thức của kiếp ấy). Các ngài giải thích rằng khi một người sắp hết duyên để sống thêm thì các quả nghiệp thiện ác từ vô số kiếp quá khứ sẽ tranh nhau tìm một cơ hội tác động lên dòng tâm thức tức Hữu Phần của đương sự để tạo nên một hình ảnh tốt xấu nào đó cho người này nhìn thấy. Những hình ảnh này được gọi là cảnh cận tử (*marañāsannanimitta*), gồm có ba là:

- **Nghiệp Tượng** (*kammāramaṇa*): Là những hình ảnh trực tiếp về một công việc nào đó trong quá khứ như thầy giáo thấy mình đang dạy học.

- **Nghiệp Tướng** (*kamma-nimitta*): Một hình ảnh gián tiếp mang tính gợi ý về một nghiệp cũ như thầy giáo nhìn thấy cổng trường, đồng phục học sinh hay phấn trắng, bảng đen.
- **Thú Tướng** (*gatinimitta*): Người sắp sanh địa ngục có thể thấy lửa cháy hoặc sắp sanh về trời có thể nhìn thấy những lâu đài lộng lẫy, rực rỡ.

C. BA LOẠI TÂM HỮU PHẦN (BHAVAṄGACITTA)

Vì tâm luôn sanh diệt với một tốc độ cực nhanh (hàng tỷ sát-na trong một nháy mắt) nên ngay trước khi một loạt các tâm Khách quan xuất hiện để ghi nhận ngoại cảnh vừa xảy đến thì dòng Hữu Phần phải có những xao động để nhường chỗ cho chuỗi tâm Khách quan kia.

Ba sát-na Hữu Phần sau cùng (nằm ngay trước chuỗi tâm Khách quan) sẽ thành ra ba loại tâm Hữu Phần khác nhau đó là:

- Hữu Phần vừa qua (*atītābhavaṅga*)
- Hữu Phần rung động (*bhavaṅgacalana*)
- Hữu Phần dứt dòng (*bhavaṅgupaccheda*)

Loại Hữu Phần thứ nhất xuất hiện ngay lúc trần cảnh chạm vào một trong 6 căn. Hữu Phần rung động xuất hiện ngay khi đối tượng đã xuất hiện trước 6 căn và Hữu Phần dứt dòng có mặt để chấm dứt hoàn toàn dòng tâm Chủ quan.

III. CÁC LỘ TÂM NGŨ MÔN

A. CÁC LỘ TÂM NHÃN MÔN

Sau đây là các lộ tâm nhãn môn phân theo cảnh.

1. Lộ tâm nhãn môn cảnh rất lớn

(cakkhudvārātimahantārammaṇavīthi)

HP: Hữu Phần (*bhavaṅga*). Ngay sau thời điểm tái sanh trong một kiếp sống mới, tâm Tái Tục trở thành một thứ tâm tên là Hữu Phần liên tục sanh diệt cho đến lúc ta qua đời. Dòng chảy Hữu Phần này thỉnh thoảng bị gián đoạn khi một trần cảnh nào đó xuất hiện và ta phải cần đến những loại tâm đặc biệt để ghi nhận nó. Các loại tâm này được gọi chung là tâm Khách quan.

V: Hữu Phần Vừa Qua (*atītabhavaṅga*). Đây cũng là tâm Hữu Phần nhưng mỗi khi một chuỗi tâm Khách quan sắp xuất hiện thì 3 sát-na Hữu Phần cuối cùng được gọi tên là Hữu Phần Vừa Qua, Rúng Động, Dứt Dòng để tạm thời khép lại dòng tâm Chủ Quan đó.

R: Hữu Phần Rúng Động (*bhavaṅgacalana*)

D: Hữu Phần Dứt Dòng (*bhavaṅgupaccheda*)

K5: Khai ngũ môn (*pañcadvārāvajjana*). Đây là thứ tâm có nhiệm vụ mở đường cho 1 trong 5 tâm giác quan biết 5 cảnh vật chất. Ta có thể xem nó như cánh cổng cho một lối đi.

NT: Nhãn thức (*cakkhuvīññāṇa*). Đây là thứ tâm nương tựa thần kinh thị giác để ghi nhận một hình ảnh nào đó. Khi tai ta nghe âm thanh thì chỗ này được thay thế bằng tâm Nhĩ thức nương tựa thần kinh thính giác. Cứ vậy mà hiểu 3 loại tâm giác quan còn lại.

TT: Tiếp Thâu (*sampaticchana*). Là thứ tâm có nhiệm vụ đón nhận chính thức đối tượng trần cảnh mà tâm giác quan vừa ghi nhận.

QS: Quan Sát (*santīraṇa*). Là thứ tâm có nhiệm vụ sấm soi trần cảnh vừa được tâm Tiếp Thâu đón nhận.

ĐĐ: Đoán Định (*voṭṭhapana*). Có nhiệm vụ phán đoán, đánh giá trần cảnh kia.

DL: Đồng lực (*javana*). Là thứ tâm có trách nhiệm phản ứng tâm lý trước trần cảnh như thích hay ghét, thiện hoặc ác. Chính loại tâm này khiến việc ta biết trần cảnh thành một thứ nghiệp thiện hay ác, tức biến cái biết trở thành một hành động.

NC: Na Cảnh (*tadāmbaṇa*). Trong trường hợp trần cảnh quá rõ nét thì sau loạt tâm Đồng lực sẽ xuất hiện 2 sát-na Na Cảnh để cái biết được trọn vẹn và không bỏ sót. Các ngài mô tả loại tâm này giống như động tác liếm tay hay liếm môi khi ta vừa ăn xong mà vẫn còn thấy tiếc thức ăn dư sót. Ngay sau 2 sát-na Na Cảnh thì dòng Hữu Phần tiếp tục xuất hiện như cũ. Ta có thể hiểu những sát-na tâm Khách quan vừa kể giống như một nắm sỏi ném xuống ao bèo và tâm Hữu Phần chính là những cánh bèo.

HP: Hữu Phần (*bhavaṅga*). Phần lớn thời gian trong đời sống chúng sanh là tâm Hữu Phần tức loại tâm Quả có được từ các tâm thiện ác quá khứ. Sau một sát-na duy nhất đóng vai trò tái tục cho kiếp sống mới, nó thành ra loại tâm Hữu Phần kéo dài suốt kiếp sống để cho đến lúc cuối đời trở thành sát-na tâm Mệnh Chung để kết thúc kiếp sống. Lúc này một tâm Tái Tục nào đó, cũng do nghiệp quá khứ, xuất hiện để dẫn sanh kiếp sống khác. Cứ vậy.

Số lần xuất hiện của tâm Hữu Phần chiếm hầu hết thời gian trong một kiếp sống, những khi 6 căn không bắt cảnh ngoại trần (cảnh hiện tại) thì Hữu Phần luôn có mặt. Khi mắt biết cảnh sắc hay tai nghe tiếng thì dòng tâm Hữu Phần biến mất bằng cách biến thể từ **Hữu Phần thuần túy** sang **Hữu Phần chuyên nghiệp** để chuẩn bị cho một tâm lộ Khách quan. Lúc này chúng có tên là Hữu Phần Vừa Qua, Rúng Động, Dứt Dòng và sau đó là các tâm Khách quan gồm 5 tâm Quả Vô Nhân (Khai Ngũ hoặc Khai ý môn, Ngũ song thức hoặc một Ý thức nào đó, Tiếp thân, Quan sát, Đoán định). Các tâm vừa kể không có tính năng thiện ác, chúng chỉ có một nhiệm vụ là ghi nhận trần cảnh một cách máy móc.

Sau đó là 7 (lúc đặc biệt chỉ có 5) sát-na Đồng lực làm nhiệm vụ gây nghiệp thiện ác. Đối với vị A-la-hán thì chỗ này chỉ là tâm Tố (Duy Tác).

Trong biểu đồ này các tâm Hữu Phần được biểu thị bằng màu xanh nhạt, các tâm Quả còn lại trong tâm lộ Khách Quan sẽ được biểu thị bằng màu xanh đậm. Đậm hay nhạt đều là **màu xanh** vì đó là những **tâm Quả**. Riêng loạt tâm Đồng lực thì được biểu thị bằng **màu đỏ** vì chúng là **tâm Nhân**. Nhìn vào đây ta thấy số lượng tâm Nhân trong đời sống chúng sanh có một tỷ lệ rất thấp so với tâm Quả.

Trước và sau chuỗi tâm Khách quan này là tâm Hữu Phần bình thường. Còn trong lộ tâm Khách quan trên tâm nào đảm nhiệm phận sự nào thì hầu như ta có thể nhìn tên mà đoán ra được. Chỉ trừ ba trường hợp đặc biệt là Đoán Định do tâm Khai ý môn đảm nhận (*manodvārāvajjana*), 7 tâm

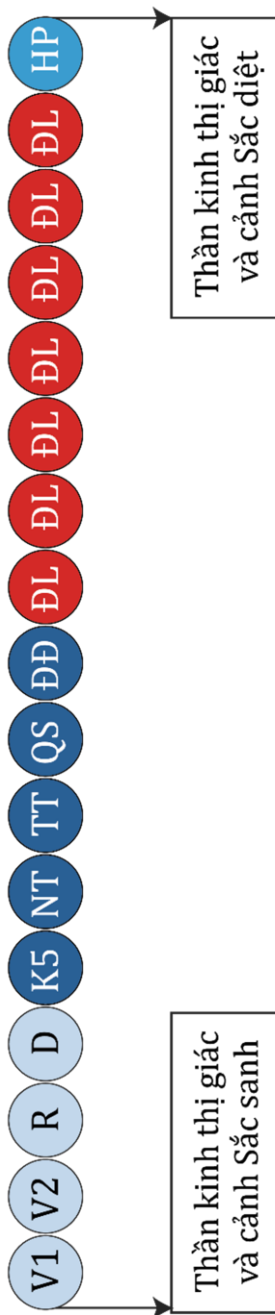
Đồng lực ở đây là 1 trong 29 tâm Đồng lực Dục giới (được trợ lực bởi tâm Đoán Định và tâm sở Tác Ý *Manasikāra* để kéo dài đến 7 lần xuất hiện) và trường hợp cuối cùng, 2 Na Cảnh do 11 tâm đắm nhận (8 tâm Đại quả và 3 tâm Quan Sát). Thần kinh thị giác và cảnh sắc sẽ diệt mất cùng lúc với tâm Na Cảnh thứ hai.

Tâm lộ có cảnh rất lớn cũng còn được gọi là **tâm lộ có đuôi Na Cảnh**.

2. Lộ tâm nhãn môn cảnh lớn (cakkhudvāramahantārammaṇavīthi)

Gồm có 2 trường hợp:

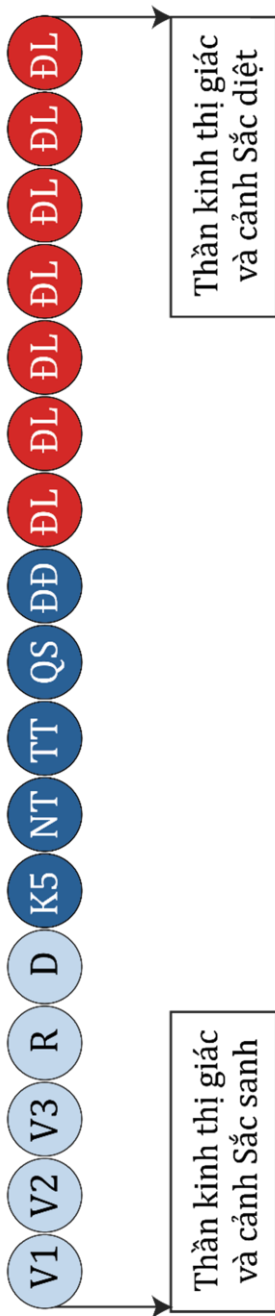
a. V-V-R-D-K5-NT-TT-QS-ĐĐ-ĐL-ĐL-ĐL-ĐL-ĐL-ĐL



Hình 3- Lộ Tâm Nhân Môn Cảnh Lớn - trường hợp 1

Trong lộ tâm này, cảnh sắc (*rūpārammaṇa*) và thần kinh thị giác (*cakkhupasāda*) cùng xuất hiện vào Hữu Phần Vừa Qua thứ nhất (V) và cảnh sắc ở đây phải cần đến 2 sát-na Hữu Phần Vừa Qua để đủ rõ nét vào sát-na Hữu Phần Rúng động (R), rồi thì dòng Hữu Phần sẽ thật sự chấm dứt ở sát-na Hữu Phần Dứt dòng (D). Trong lộ này cảnh sắc và thần kinh thị giác sẽ cùng biến mất vào sát-na Diệt của tâm Hữu Phần đầu tiên ngay sau Đồng lực thứ bảy.

b. V-V-V-R-D-K5-NT-TT-QS-ĐĐ-ĐL-ĐL-ĐL-ĐL-ĐL-ĐL



Hình 4- Lộ Tâm Nhãn Môn Cảnh Lớn - trường hợp 2

Tâm lộ này có đến 3 Hữu Phần Vừa Qua để đủ túc số sát-na tâm cho vừa với tuổi thọ của cảnh sắc và thần kinh thị giác để chúng cùng diệt mất vào sát-na Đồng lực thứ 7. Các tâm lộ Ngũ môn cảnh lớn còn được gọi là **lộ Ngũ môn có đuôi Đồng lực**.

Đối tượng trần cảnh trong tâm lộ này chỉ vừa đủ rõ chứ không thừa mứa như ở lộ tâm trước nên phải cần đến 2 Hữu Phần Vừa Qua và cũng không cần đến 2 sát-na Na Cảnh. Như sau khi nhai xong một hạt đậu phộng thì bàn tay ta sạch sẽ hơn là lúc vừa ăn xong một chiếc bánh in.

3. Lộ tâm nhãn môn cảnh nhỏ (*cakkhudvāraparittārammaṇavīthi*)

Ở đây gồm 6 trường hợp:

a. V-V-V-R-D-K5-NT-TT-QS-DD-DD-DD-HP-HP-HP-HP



Hình 5- Lộ Tâm Nhân Môn Cảnh Nhỏ - trường hợp 1

Ở đây cảnh sắc và thần kinh thị giác cùng xuất hiện ở Hữu Phần Vừa Qua thứ nhất và đến Hữu Phần Rúng Động thì chúng đã hoàn chỉnh rồi sau đó Hữu Phần mất hẳn ở Dứt Dòng. Vì ở đây đối tượng Ngũ môn không được rõ nét nên ngay sau 3 Đoán Định (xuất hiện để đánh giá cảnh tốt hay xấu) thì các Đồng lực không thể xuất hiện được. Cả 2 cảnh sắc và thần kinh thị giác trong lộ này đều cùng lúc diệt mất ở sát-na Hữu Phần thứ tư tính từ sau Đoán Định cuối cùng.

b. V-V-V-V-R-D-K5-NT-TT-QS-ĐĐ-ĐĐ-ĐĐ-ĐĐ-HP-HP-HP



Hình 6- Lộ Tâm Nhân Môn Cảnh Nhỏ - trường hợp 2

c. V-V-V-V-V-R-D-K5-NT-TT-QS-ĐĐ-ĐĐ-ĐĐ-ĐĐ-HP-HP



Hình 7- Lộ Tâm Nhân Môn Cảnh Nhỏ - trường hợp 3

d. V-V-V-V-V-V-R-D-K5-NT-TT-QS-ĐĐ-ĐĐ-ĐĐ-ĐĐ-HP



Hình 8- Lộ Tâm Nhân Môn Cảnh Nhỏ - trường hợp 4

e. V-V-V-V-V-V-R-D-K5-NT-TT-QS-ĐĐ-ĐĐ



Hình 9- Lộ Tâm Nhân Môn Cảnh Nhỏ - trường hợp 5

f. V-V-V-V-V-V-V-R-D-K5-NT-TT-QS-ĐĐ-ĐĐ



Hình 10- Lộ Tâm Nhân Môn Cảnh Nhỏ - trường hợp 6

Ở các tâm lộ trên số lượng của Hữu Phần Vừa Qua mỗi lúc một tăng dần để ta thấy rằng cảnh Ngũ ở các lộ mỗi lúc một yếu hơn. Ở đây ta thấy Đoán Định tối thiểu phải có 2 sát-na mới đủ mạnh để thay thế cho Đồng lực. Cả 6 lộ Ngũ môn cảnh nhỏ này đều tận cùng bằng Đoán Định nên chúng cũng được gọi là **lộ Ngũ môn có đuôi Đoán Định**. Những lộ kiểu này thường xuất hiện ở người có tâm thức muội lực như các em bé còn bú.

4. Lộ tâm nhãn môn cảnh rất nhỏ (*cakkhudvārātiparittārammaṇavīthi*)

Vì là cảnh quá mờ nhạt nên đối tượng trong các tâm lộ này không đủ mạnh để trợ sinh các tâm Khách quan như từ Khai môn trở đi. Ở đây ta có cả thấy 6 tâm lộ Ngũ môn cảnh rất nhỏ và chúng được liệt kê theo thứ lớp từ mạnh nhất đến yếu nhất.

a. V-V-V-V-V-V-V-V-R-R-HP-HP-HP-HP (10V-2R-5HP)



Hình 11- Lộ Tâm Nhãn Môn Cảnh Rất Nhỏ - trường hợp 1

b. V-V-V-V-V-V-V-V-V-R-R-HP-HP-HP (11V-2R-4HP)



Hình 12- Lộ Tâm Nhãn Môn Cảnh Rất Nhỏ - trường hợp 2

c. V-V-V-V-V-V-V-V-V-V-R-R-HP-HP-HP (12V-2R-3HP)



Hình 13- Lộ Tâm Nhãn Môn Cảnh Rất Nhỏ - trường hợp 3

Vẫn như trước, cảnh sắc và thần kinh thị giác cùng xuất hiện ở Hữu Phần Vừa Qua đầu tiên rồi cứ vậy mà kéo dài cho tới tối đa là 15 Hữu Phần Vừa Qua để cảnh sắc được hoàn chỉnh. Và cũng vì quá yếu nên các tâm lộ này cũng không cần đến sự can thiệp mạnh bạo của Hữu Phần Dứt Dòng, chỉ cần 2 lần Rúng Động là đã quá đủ. Về tuổi thọ của cảnh sắc và thần kinh thị giác ở đây thì cứ tính từ Vừa Qua đầu tiên trở đi cho đến 17 sát-na thì cả 2 đều cùng diệt. Chính vì các lộ này không có một thứ tâm Khách quan nào xuất hiện mà chỉ có những tâm Chủ quan biến động mà thôi, nên chúng được gọi chung là các tâm **lộ Hư Thoát** (*moghavāravīthi*).

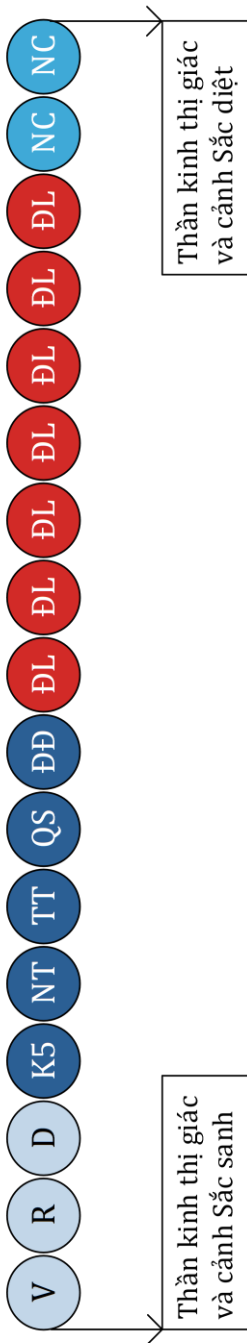
B. BẢY MƯƠI LĂM LỘ TÂM NGŨ MÔN

Căn cứ vào các tâm lộ vừa trình bày trên ta có:

- 1 tâm lộ Ngũ môn cảnh Cực Lớn kết thúc ở Na Cảnh (*tadarammaṇavāravīthi atimahantārammaṇa*)
- 2 lộ Ngũ môn Cảnh Lớn kết thúc ở Đồng lực (*javānavāravīthi mahantārammaṇa*)
- 6 lộ Ngũ môn Cảnh Nhỏ kết thúc ở Đoán Định (*voṭṭhapanavāravīthi parittārammaṇa*).
- 6 lộ Ngũ môn cảnh Cực Nhỏ đười Hư Thoát, trước sau chỉ có tâm Chủ quan (*moghavāravīthi atiparittārammaṇa*).

Lấy 15 lộ này nhân với 5 môn, ta có 75 (15×5) tâm lộ Ngũ môn.

V-R-D-K5-NT-TT-QS-ĐĐ-ĐL-ĐL-ĐL-ĐL-ĐL-ĐL-ĐL-ĐL-NC-NC



Hình 17- Ví dụ minh họa lộ Ngũ môn Cảnh Rất Lớn

Có một khách bộ hành vì mỏi mệt đã đến nằm ngủ dưới một gốc xoài. Giác ngủ này tượng trưng cho dòng Hữu Phần luôn trôi chảy trong tâm thức chúng sanh. Lúc bấy giờ một trái xoài chín đã rụng xuống bên cạnh người khách bộ hành kia. Trái xoài này tượng trưng cho cảnh sắc (hoặc bất cứ cảnh nào khác trong 5 trần cảnh). Tiếng động do trái xoài rụng đã đánh thức người khách kia và khiến anh ngẩng đầu nhìn quanh. Hình ảnh này tượng trưng cho sự xuất hiện của cảnh Ngũ ngay trước Ngũ môn khiến Hữu Phần biến động 2 lần và bị chấm dứt.

Người khách kia mở mắt nhìn quanh để tìm ra chỗ xuất phát của tiếng động. Động tác này tượng trưng cho tâm Khai ngũ môn tiến dẫn cảnh Ngũ cho Ngũ song thức. Hình ảnh người khách nhìn thấy trái xoài ám chỉ cho thời điểm Nhãn thức nhìn thấy cảnh sắc. Người khách nhặt trái xoài lên và đây là sát-na Tiếp Thu xuất hiện để tiếp nhận cảnh sắc. Người khách liếc sơ vỏ ngoài của trái xoài, đây chính là tâm Quan Sát đang tìm hiểu bước đầu đối với cảnh sắc. Bước tiếp theo người đàn ông tự xác định đó là trái xoài ngon. Sự xác định này tượng trưng cho tâm Đoán Định. Sẵn đang đói, người đàn ông cắn 7 miếng lớn lên trên trái xoài để thưởng thức hương vị của nó. 7 lần cắn này tượng trưng cho 7 tâm Đồng lực xuất hiện để hưởng dụng đối tượng. Trái xoài đã hết nhưng chất ngọt của nó còn dính đầy trên miệng và trên tay của người khách, anh ta liếm môi rồi liếm tay như để thưởng thức cho đến kỳ cùng hương vị trái xoài. Việc liếm môi và liếm tay này tượng trưng cho 2 tâm Na Cảnh. Khi

không còn chuyện để làm nữa, người khách bộ hành đã nằm xuống gốc xoài và ngủ trở lại. Hình ảnh này tượng trưng cho dòng Hữu Phần tiếp tục tái hiện ngay sau 2 Na Cảnh.

C. CÁC LOẠI TÂM TRONG LỘ NGŨ MÔN (PAÑCADVĀRAVĪTHICITTA)

Nhìn kỹ trong mỗi tâm lộ Ngũ môn ta thấy trong đó có tối đa là 7 thứ tâm Khách quan, tức những thứ tâm chỉ xuất hiện khi 5 căn vật chất biết cảnh Ngũ trần. Tất cả đều là tâm Dục giới.

- Tâm Khai ngũ môn (có 1)
- Các tâm Ngũ song thức (có 10)
- Tâm Tiếp thu (có 2)
- Tâm Quan Sát (có 3)
- Tâm Đoán Định (có 1)
- Tâm Đồng lực (có 29)
- Tâm Na Cảnh (có 8, nếu không kể 3 tâm Quan Sát)

D. CẢNH BIẾT VÀ VẬT NƯƠNG TRONG MỖI TÂM LỘ

Tất cả các tâm trong lộ Ngũ môn đều biết cảnh vật chất hiện tại. Tùy theo tâm mà vật nương là thứ nào trong 5 Vật, như Nhãn thức nương Nhãn vật, Ý thức thì nương Ý Vật. Các Vật và Cảnh trong lộ Ngũ môn cảnh rất lớn chẳng hạn thì cùng với 5 cảnh Ngũ xuất hiện trước 5 vật vào sát-na Hữu Phần Rúng động và cùng diệt mất vào sát-na Na Cảnh thứ hai.

Tuổi thọ của 5 Vật trong lộ Ngũ môn gồm có ba trường hợp:

1. Xuất hiện cùng lúc với cảnh sắc thì gọi là Trung thọ (*majjhimāyukavatthu*).
2. Các Vật xuất hiện sớm hơn cảnh Ngũ và cũng diệt mất sớm hơn thì gọi là Tảo thọ (*mandāyukavatthu*).
3. Ngũ Vật sanh sau diệt sau cảnh Ngũ thì gọi là Vãn thọ (*amandāyukavatthu*).

Nên nhớ tâm Khai ngũ môn phải nương vào Ý Vật mà sinh, Ý Vật này xuất hiện cùng lúc với Hữu Phần Rúng Động. Tâm Tiếp Thu thì nương vào Ý Vật sanh chung với tâm Nhân thức. Tâm Quan Sát thì nương vào Ý Vật mà đã xuất hiện cùng lúc với tâm Tiếp Thu. Cứ vậy mà hiểu cách xuất hiện của Ý Vật trong lộ Ngũ môn.

IV. TÂM LỘ Ý MÔN (MANODVĀRAVĪTHI)

Là loại tâm lộ xuất hiện khi Ý thức biết cảnh pháp tức những gì không thể biết được qua 5 giác quan vật chất. Lộ tâm Ý môn được chia thành 2 loại:

1. Lộ Ý môn Dục giới (*kāmajavanavāravīthi*)
2. Lộ Ý môn Kiên cố (*appanājavanavāravīthi*)

Để giải thích đó là những tâm lộ gì trước hết ta hãy bàn về các tâm lộ Ý môn Dục giới.

A. LỘ Ý MÔN DỤC GIỚI (KĀMAJAVANAMANODVĀRAVĪTHI)

Gồm có 4 lộ căn bản:

- a. **Lộ Ý môn Cảnh Rất Rõ** kết thúc ở Na Cảnh (*tadālambanavāravīthi*):
R-D-KY-ĐL-ĐL-ĐL-ĐL-ĐL-ĐL-NC-NC-HP



Hình 18- Lộ Ý môn Cảnh Rất Rõ kết thúc ở Na Cảnh

- b. **Lộ Ý môn Cảnh Rõ** kết thúc ở Đồng lực (*javānavāravīthi*):

R-D-KY-ĐL-ĐL-ĐL-ĐL-ĐL-ĐL-HP-HP



Hình 19- Lộ Ý môn Cảnh Rõ kết thúc ở Đồng lực

- c. **Lộ Ý môn Cảnh Không Rõ** kết thúc ở Đoán Định (*voṭṭhapanavāravīthi*):

R-D-KY-KY-KY-HP-HP



Hình 20- Lộ Ý môn Cảnh Không Rõ kết thúc ở Đoán Định

3 tâm Khai ý môn ở đây làm luôn cả việc Đoán Định.

- d. Lộ Ý môn **Cảnh Cực Vi** (rất mờ nhạt) trước sau chỉ có Hữu Phần, nên gọi là **lộ tâm Hư Thoát** (*moghavāravīthi*):

R-R-HP-HP-HP



Hình 21- Lộ Ý môn Cảnh Cực Vi

- Trong trường hợp cảnh pháp cực rõ (có thể là cảnh trong 3 thời hoặc ngoại thời) thì ngay sau 2 Hữu Phần Rúng Động, Dứt Dòng coi như cảnh pháp đã gặp Ý môn. Sau đó Khai ý môn khơi mào cho lộ Ý đón nhận cảnh pháp và cũng chính nó lúc này làm việc Đoán Định xem cảnh pháp ấy là tốt hay xấu. Ngay sau sát-na này 1 trong 29 Đồng lực Dục giới sẽ xuất hiện liên tục 7 lần, rồi thì 2 tâm Na Cảnh có mặt và sau đó là sự trở lại của tâm Hữu Phần.
- Ở loại tâm lộ thứ 2, sự rõ ràng của cảnh pháp chỉ ở mức vừa phải nên ngay sau chuỗi Đồng lực không cần đến 2 tâm Na Cảnh.

- Ở trường hợp thứ 3, cảnh pháp xuất hiện khá mờ nhạt nên sau 2 sát-na Hữu Phần mở đầu thì Khai ý môn xuất hiện 3 lần để ghi nhận cảnh. Và vì cảnh pháp ở đây không đủ rõ nét để phải cần đến các tâm Đồng lực nên sau Khai ý môn các tâm Hữu Phần lại tái hiện.
- Ở trường hợp cuối cùng, cảnh pháp còn mờ nhạt hơn cả trường hợp thứ ba, nó chỉ vừa đủ để đẩy lên một chút ba động cho dòng Hữu Phần qua 2 tâm Rúng Động rồi thì sau đó là các tâm Chủ quan.

Bảng 35- Biểu đồ lộ Ý môn

Lộ Ý môn (<i>manodvāravīthi</i>)	Lộ Ý môn Dục giới (<i>kāmajavanāvāravīthi</i>)	1- Lộ Ý môn Cảnh Rất Rõ có đuôi Na Cảnh (<i>tadālambdaṇavāravīthi</i>) 2- Lộ Ý môn Cảnh Rõ có đuôi Đồng lực (<i>javanāvāravīthi</i>) 3- Lộ Ý môn Cảnh Không Rõ có đuôi Đoán Định (<i>voṭṭhapanāvāravīthi</i>) 4- Lộ Ý môn Cảnh Cực Vi có đuôi Hur Thoát (<i>moghavāravīthi</i>)
	Lộ Ý môn Kiên cố (<i>appanājavanāvāravīthi</i>)	Lộ Ý môn Kiên cố Hiệp Thế (<i>Lokiyāppanāvīthi</i>)
		1- Lộ Ý môn Kiên cố Sắc giới (<i>rūpāvacarāppanāvīthi</i>) 2- Lộ Ý môn Kiên cố Vô sắc giới (<i>arūpāvacarāppanāvīthi</i>) 3- Lộ tâm Hiện Thông (<i>abhiññāppanāvīthi</i>)
		Lộ Ý môn Siêu thế (<i>Lokuttara- appanāvīthi</i>)
		1- Lộ Đắc Đạo (<i>maggavīthi</i>) 2- Lộ Nhập Quả Định (<i>phalasaṃpattivīthi</i>) 3- Lộ Nhập Thiền Diệt (<i>nirodhasaṃpattivīthi</i>)

Ghi chú:

1. Ý môn không phải là một giác quan vật chất mà là 1 trong 19 tâm Hữu Phần.
2. Cảnh pháp trong lộ Ý môn có thể là quá khứ, hiện tại, vị lai hoặc ngoại thời (Níp-bàn và Chế Định).
3. Các cảnh pháp gồm tâm (*citta*), tâm sở (*cetasika*), đề mục thiền (*kasīṇanimitta*) và Níp-bàn (*nibbāna*) khi hiển hiện qua Ý môn thì không cần Hữu Phần Vừa Qua (*atitābhavaṅga*). Chúng xuất hiện đơn giản như một cái gõ cửa vậy thôi.
4. Đối với cảnh pháp (*ārammaṇa*) nên được mô tả là Cảnh Rõ (*vibhūtārammaṇa*) hay Không Rõ (*avibhūtārammaṇa*) mà không nên gọi là lớn (*mahantā*) hay nhỏ (*paritta*).
5. Trong các tâm lộ Ý môn Dục giới chỉ có 3 loại tâm Khách quan (không nhiều như lộ Ngũ môn): Khai ý môn, Đồng lực và Na Cảnh. Số lượng sát-na trong mỗi tâm lộ Ý môn Dục giới cũng không nhiều: 1 Khai ý môn (*manodvāravajjanacitta*), 7 Đồng lực (*javanacitta*), 2 sát-na Na Cảnh (*tadālambaṇa*).
6. Về loại tâm thì chỉ có 41: 1 Khai ý môn, 29 Đồng lực Dục giới và 11 tâm Na Cảnh (8 tâm Đại quả và 3 tâm Quan Sát).

Ngoài trường hợp Ý môn biết cảnh độc lập (tức chỉ cảnh pháp), trong các tâm lộ Ý môn Dục giới còn có trường hợp lộ Ý bổ sung lộ Ngũ:

Để nhận diện một cảnh Ngũ nào đó thì chỉ riêng lộ Ngũ sẽ không đủ để nắm bắt trọn vẹn đối tượng. Chính vì lý do này ngay sau mỗi lộ Ngũ môn luôn có thêm 4 lộ Ý môn nối đuôi (*tadanuvattikavīthi*) để hoàn tất việc ghi nhận cảnh.

- Lộ Ý môn thứ nhất (*atītaggahanavīthi*) có mục đích níu **giữ ấn tượng quá khứ** từ lộ Ngũ.
- Lộ Ý môn thứ hai (*samuggahanavīthi*) xuất hiện để **kết nối các chi tiết** hay khía cạnh của các cảnh Ngũ (chẳng hạn một âm thanh hay hình ảnh nào đó luôn có nhiều nét nhỏ cần gom lại để cho ra một bức tranh tổng thể).
- Lộ Ý môn thứ ba (*atthagghanavīthi*) làm việc **định hình** đối tượng.
- Lộ Ý môn thứ tư (*nāmagghanavīthi*) làm việc **định danh** đối tượng để ta có thể biết đó là Cảnh Ngũ gì.

Theo ngài *Ledi Sayadaw* thì cảnh ngũ trần có hai trường hợp **TỊNH** và **ĐỘNG**.

ĐỘNG ở đây là những gì ta nghe thấy từ ngôn ngữ hay những biểu hiện thân thể (cái vẫy tay, hay việc giơ nắm đấm chẳng hạn) tức hai thứ Thân biểu tri và Khẩu biểu tri. Trong trường hợp nhìn thấy một cái vẫy tay hay nghe tiếng chào của một người nào đó thì ngoài lộ tâm Nhãn môn hoặc Nhĩ môn và 4 lộ tâm Ý môn nối đuôi như vừa nói trên thực ra còn có thêm 3 tâm lộ nữa để hoàn tất việc ghi nhận hình ảnh hay âm thanh đó. Chúng được gọi chung là chuỗi tâm lộ Ghi Nhận cảnh Biểu Tri (*viññattigghanavīthi*):

- **Lộ tâm sơ nhận đối tượng** (*saṅketaggahanavīthi*) để biết đại khái sự xuất hiện của cảnh.
- **Lộ tâm hình dung đối tượng** (*sambandhaggahanavīthi*) để kết nối các chi tiết lại với nhau.
- **Lộ tâm giải tích** (*vinicchayaggahanavīthi*) để phân tích ý nghĩa của hình ảnh hay âm thanh mà mình vừa nghe thấy được.

Đối với các cảnh ngũ loại TỊNH, là những gì ngẫu nhiên và vô nghĩa, như hình ảnh một cái bàn, một đóa hoa thì ngay sau 4 tâm lộ nối đuôi vừa kể sẽ là một loạt 6 tâm lộ khác để giúp ta biết được trọn vẹn một cảnh:

- **Lộ tâm ghi nhận toàn cảnh** (*samudayagāhikāvīthi*) để có được khái niệm chung nhất về cái mình vừa nghe thấy.
- **Lộ tâm ghi nhận hình sắc** (*vaṇṇasallakhaṇāgāhikāvīthi*) để xác định hình ảnh, màu sắc hay âm điệu...
- **Lộ tâm xác định ý nghĩa** hay tác dụng của cảnh (*vatthugāhikāvīthi*) để biết đó là cái gì.
- **Lộ tâm liên tưởng những chi tiết liên quan của đối tượng** (*vatthusallakhaṇāgāhikāvīthi*) để có được cái biết hoàn chỉnh hơn.
- **Lộ tâm định danh đối tượng** (*nāmagāhikāvīthi*) để biết tên gọi của nó là gì.
- **Lộ tâm liên tưởng những chi tiết liên quan đến tên gọi** (*nāmasallakhaṇāgāhikāvīthi*) để hoàn tất cái biết.

Vì tốc độ sanh diệt của tâm rất mau nên chỉ trong một động tác nghiêng tai hay liếc mắt thì cũng đã đủ các lộ Ngũ môn - Ý môn để ta nhận biết trọn vẹn một cảnh ngũ mà bản thân mình không ngờ được là nó phải trải qua chừng đó công đoạn. Đối với một hạt bụi nhỏ nhất ta có thể quan sát được bằng kính hiển vi, nhưng với sự vi tế của tâm thức thì ta chỉ có hai phương tiện là Cận Định và Kiên cố Định khi làm nền tảng cho trí tuệ.

Tôi đã phỏng vấn nhiều thiền sinh ở trung tâm Pa Auk Tawya (Miến Điện), nơi pháp môn Chỉ Quán song tu được hướng dẫn theo đúng chuẩn mực của Tam Tạng truyền thống. Ở đây nói là Chỉ Quán song tu, nhưng hành giả phải luôn tu thiền Chỉ tịnh trước để trao giới định lực. Khi thiền sư thấy tạm đủ, thì bước đầu tu Tuệ quán luôn được hướng dẫn quán sát 28 Sắc pháp rồi mới đến Danh pháp sau. Hành giả ở đây trước hết phải có khả năng quán sát tường tận **từng Căn, từng Cảnh** để nhận diện được **từng Thức**. Chỉ có vậy họ mới có dịp thấy rõ tâm lộ của mình như đã học từ kinh điển trường lớp. Phải nhận rằng kiểu huấn luyện này rất có hiệu quả. Nếu đọc giả có lòng nghi ngờ, xin thử một lần tìm đến trung tâm này xem sao.

B. LỘ Ý MÔN KIÊN CỐ (APPANĀJAVANAMANODVĀRAVĪTHI)

Ở đây bao gồm 3 lộ Kiên cố Hiệp thế và 3 lộ Kiên cố Siêu thế. Đây là diễn biến tâm thức trong lúc tu chứng thiền Chỉ tịnh và Tuệ quán. Trong các lộ tâm này, loạt tâm Đồng lực sẽ là 26 tâm Đồng lực Kiên cố bao gồm 5 tâm thiện Sắc giới,

4 tâm thiện Vô sắc, 9 tâm Tố Đáo đại và 8 tâm Siêu thế.

1. Ba trường hợp tâm lộ Kiên Cố Hiệp Thế (*lokiyāppanāvīthi*) là:

- a. 5 lộ chứng nhập thiền Sắc giới (*rūpāvaca-rāppanāvīthi*)
- b. 4 lộ chứng nhập thiền Vô sắc giới (*arūpāvaca-rāppanāvīthi*)
- c. 1 lộ hiện Thông (*abhiññāppanāvīthi*)

2. Ba trường hợp tâm lộ Kiên Cố Siêu Thế (*lokuttarāppanāvīthi*) là:

- a. Lộ Đắc Đạo (*maggāppanāvīthi*)
- b. Lộ nhập Thiền Quả, tức Quả Định (*phala-samāpattivīthi*)
- c. Lộ Nhập Thiền Diệt (*nirodhasamāpattivīthi*)

1. Ba trường hợp tâm lộ Kiên Cố Hiệp Thế (*lokiyāppanāvīthi*)

a. Năm Lộ Tâm chứng nhập thiền Sắc Giới (*rūpāvacarāppanāvīthi*)

- Người độn căn (*mandapaññā*):

R-D-KY-~~Chuẩn~~Bị-CậnHành-ThuậnThứ-ChuyểnTộc
-TâmThiền Jh-HP



Hình 22- Tâm Lộ Tâm chứng nhập thiền Sắc Giới của người độn căn

- Người Lợi Căn (*tikkhapaññā*):

R-D-KY-**Cận**Hành-**Thuận**Thứ-**Chuyển**Tộc
-*Tâm*Thiền Jh-HP



Hình 23- Tâm Lộ Tâm chứng nhập thiền Sắc Giới
của người lợi căn

Gọi là 5, là dựa trên 5 tầng thiền, về tâm lộ Chứng Nhập thì chỉ có hai là cho người độn căn (*mandapaññā*) và Lợi Căn (*tikkhapaññā*). Sau khi Quang Tướng (*paṭibhāganimitta*) của đề mục (*kaṣiṇa*) xuất hiện, tâm Hữu Phần sinh khởi 2 sát-na (Rúng Động, Dứt Dòng) để sau đó là tâm Khai ý môn nhằm mở cửa cho lộ Ý Kiên cố. Ngay sau tâm Khai ý môn là 1 trong 2 tâm Đại thiện thọ hỷ hợp trí (*somanassa-sahagataṃ nāṇasampayuttaṃ mahākusalacitta*) xuất hiện 4 lần liên tục với 4 chức năng (*upacārasamādhijavana*) khác nhau: Chuẩn Bị (*parikamma*), Cận Hành (*upacāra*), Thuận Thứ (*anuloma*) và Chuyển Tộc (*gotrabhū*), rồi mới đến tâm thiền mà người đó chứng.

Nên nhớ sát-na Chuẩn Bị chỉ cần thiết ở người độn căn (*mandapaññā*), với người lợi căn (*tikkhapaññā*) thì không cần. Tương cũng nên hiểu sơ về ý nghĩa của 4 sát-na Đại thiện này.

- **Sát-na Chuẩn Bị** (*parikamma*) là bước đầu làm quen với cảnh thiền (*jhāna*).

- **Sát-na Cận Hành** (*upacāra*) là một bước chân nữa tiến gần hơn đối với cảnh thiền.
- **Sát-na Thuận Thứ** (*anuloma*) đóng vai trò cầu nối giữa cảnh đề mục và cảnh thiền.
- **Sát-na Chuyển Tộc** (*gotrabhū*) có nhiệm vụ cắt đứt chủng tử Dục giới để hành giả bước lên cảnh giới Đáo đại. Ở lộ tâm Đắc Đạo thì Chuyển Tộc là bước chân lia bỏ phàm phu tánh.

Bốn tâm Đại thiện vừa kể được gọi chung là Đồng lực Cận Định (*upacārasamādhijavana*). Ngay sau sát-na Chuyển Tộc thì tâm thiện Sơ thiền Sắc giới sẽ xuất hiện một sát-na và chỉ riêng nó lúc này được gọi là Đồng lực Kiên cố. Sau một sát-na Sơ thiền này tâm Hữu Phần tái hiện như cũ.

Đối với trường hợp sơ chứng (chứng lần đầu) Nhị thiền, Tam thiền, Tứ thiền cũng giống hệt trường hợp sơ chứng Sơ thiền. Riêng lúc sơ chứng Ngũ thiền thì 2 tâm Đại thiện thọ hỷ hợp trí sẽ được thay thế bằng 2 tâm Đại thiện thọ xả hợp trí (*upekkhāsahagataṃ nāṇasampayuttaṃ mahākusalacitta*) để làm 4 nhiệm vụ: Chuẩn Bị, Cận Hành, Thuận Thứ và Chuyển Tộc (rời thấp lên cao).

Ghi chú:

1. Lúc chứng đắc thì có sự khác biệt về Đại thiện thọ hỷ hay Đại thiện thọ xả nhưng trong lúc tu tập thì chuyện này không thành vấn đề.
2. Khi một người nhập định Sắc giới thì các tâm Đồng lực trong giai đoạn Cận Định (*upacārasamāधि*), tức từ Cận

Hành trở đi, cùng với Đồng lực Kiên cố (*jhānajavana*) sau đó phải có cảm thọ (*vedanā*) giống nhau. Như 4 tầng thiền đầu có chi Lạc đi cùng thì 4 Đồng lực Cận Định của chúng phải là tâm thọ hỷ. Trong trường hợp nhập Ngũ thiền, vốn là xả thọ, thì giai đoạn Cận Định cũng phải là tâm xả thọ.

3. Đồng lực thiện (*kusalacitta*) phải gắn liền với Đồng lực thiền (*javana*).

b. Bốn Lộ Tâm chứng nhập thiền Vô Sắc
(*arūpāvacarāppanāvīthi*)

- Người độn căn (*mandapaññā*):

R-D-KY-**Chuẩn Bị**-Cận Hành-Thuận Thứ-Chuyển Tột
-Tâm Thiền Jh-HP



Hình 24- Lộ Tâm chứng nhập thiền Vô Sắc của người độn căn

- Người lợi căn (*tikkhapaññā*):

R-D-KY-Cận Hành-Thuận Thứ-Chuyển Tột-Tâm Thiền
Jh-HP



Hình 25- Lộ Tâm chứng nhập thiền Vô Sắc của người lợi căn

Nhìn chung thì các lộ này giống hệt như các lộ tâm thiền Sắc giới. Ở đây chỉ khác ở điểm là trình độ định tâm và khả năng an tĩnh của tầng này cao hơn tầng kia. Muốn chứng nhập thiền Vô sắc, ta phải nương vào Ngũ thiền Sắc giới. Nhưng để tập chú vào những đề mục không liên hệ Sắc pháp, hành giả phải làm lơ Quang Tướng của Kasiṇa mà mình đã dựa vào đó mà đắc Ngũ thiền, rồi chú niệm vào đề mục Hư Không (*ākāśa*). Hư Không ở đây không phải là Sắc pháp, chỉ là khái niệm về sự bao la vô tận của không gian, không có một chút liên hệ nào tới vật chất, tức hoàn toàn khác hẳn với đề mục Hư Không trong thiền Sắc giới vốn ám chỉ những khe hở hay khoảng cách của vật chất.

1. Khi cảnh Hư Không xuất hiện qua Ý môn, một sát-na Rúng Động và một sát-na Dứt Dòng xuất hiện rồi sau đó vẫn là trình tự Khai ý môn, Chuẩn Bị, Cận Hành, Thuận Thứ, Chuyển Tộc (lìa Sắc giới để lên Vô sắc giới). Với người lợi căn thì không cần sát-na Chuẩn Bị. Và 4 sát-na Cận Định này dĩ nhiên phải là **Đại thiện hợp trí xả thọ**. Sau 4 sát-na Cận Định, tâm thiện Hư Không Vô Biên xuất hiện một sát-na rồi sau đó là Hữu Phần (*bhavaṅga*) tái hiện.
2. Để chứng tầng Vô sắc thứ hai, trước hết cảnh Hư Không Vô Biên phải hiện qua Ý môn rồi sau đó là Rúng Động, Dứt Dòng...Chuyển Tộc và tâm thiện Thức Vô Biên xuất hiện một sát-na rồi sau đó là Hữu Phần.
3. Để chứng tầng thiền Vô sắc thứ ba, thì mọi sự như cũ, chỉ khác ở cảnh đầu tiên xuất hiện qua Ý môn là khái niệm Không-Có-Một-Thứ-Gì (phủ nhận Hư Không và Thức).

4. Để chứng tăng thiền thứ tư thì đề mục ở đây là khái niệm Vô Sở Hữu Xứ. Hành giả nghĩ tới và nhàm chán tăng thiền thứ ba. Khi ấn tượng này xuất hiện qua Ý môn thì Rúng Động và Dứt Dòng sẽ hiện ra 2 sát-na, sau đó là Khai ý môn, Chuẩn Bị (người lợi căn không có sát-na này), Cận Hành, Thuận Thứ, Chuyển Tịch và một sát-na Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ.

Xin xem lại chương 1. phần giải về tâm, mục Đáo đại để hiểu thêm phần này.

CÁC LỘ NHẬP THIỀN (SAMĀPATTIVĪTHI)

Một người đã chứng đắc tối thiểu Sơ thiền và tối đa là tăng thiền Vô sắc thứ tư, nếu muốn được sống trọn vẹn với tâm thiền mà mình đã chứng đắc, chỉ việc tác ý đến Quang Tướng của đề mục đã tu tập trước đó, rồi một lộ tâm nhập thiền (nhập định) sẽ xuất hiện và kéo dài đến bao lâu tùy thích. Thời gian này có thể là một giờ đồng hồ hay 5, 7 ngày. Từ Sơ thiền muốn nhập định Nhị thiền thì hành giả chỉ việc tác ý lìa bỏ chi Tầm (*vitakka*), hoặc vào Nhị thiền rồi tác ý từ bỏ chi Tứ (*vicāra*) để vào tam thiền. Cứ thế, diễn biến tâm lộ lúc nhập thiền giống hệt như lúc chứng thiền, chỉ khác ở điểm là số lượng tâm thiền ở đây là không giới hạn.

- Người độn căn (*mandapaññā*):

R-D-KY-ChuẩnBị-CậnHành-ThuậnThứ-ChuyểnTộc-Tâm Thiên số lượng bất định -HP



Hình 26- Lộ Nhập Thiên của người độn căn

- Người lợi căn (*tikkhapaññā*):

R-D-KY-CậnHành-ThuậnThứ-ChuyểnTộc-Tâm Thiên số lượng bất định -HP



Hình 27- Lộ Nhập Thiên của người lợi căn

Ghi chú:

1. Một người đã chứng qua các tầng thiền Đáo đại nếu muốn sống hết mình với nó để vui trong cảnh thiền, bỏ hết cảnh dục trần, để được hiện tại lạc trú thì chỉ việc nhập định bất cứ lúc nào mình muốn. Công việc này được bắt đầu rất đơn giản, trước hết hành giả chú tâm trở lại vào đề mục *Kasīṇa* mà mình đã tu và ngay lập tức Quang Tướng xuất hiện và vào lúc này không một tiếng động nào bên ngoài có thể chi phối hành giả. Khi Quang Tướng xuất hiện thì 2 sát-na Rúng Động, Dứt Dòng sẽ sinh khởi tiếp theo. Sau đó là Khai ý môn và 4 sát-na Cận Định (là một trong hai tâm Đại thiện hợp trí, thọ xả hay thọ hỷ tùy tầng thiền). Tiếp theo là 1 trong 5 tâm thiện thiền xuất hiện vô số lần, bao lâu tùy theo ý thích của hành giả. Khi đủ thời gian như ý thì Hữu Phần tái hiện trở lại.
2. Để nhập định Vô sắc, ở đây là đề mục Hư Không Vô Biên (với 3 đề mục kia cũng vậy). Trước hết hình tượng Hư Không Vô Biên hình thành vào ngay thời điểm Quang Tướng và hành giả cảm được nó chớ không phải là thấy nó rồi thì ngay lúc này 2 tâm Hữu Phần Rúng Động, Dứt Dòng xuất hiện. Sau đó là Khai ý môn, rồi tiếp theo là một trong hai Đại thiện hợp trí xả thọ xuất hiện 4 lần vào giai đoạn Cận Định (với người lợi căn thì không cần sát-na Chuẩn Bị). Ngay sau sát-na Chuyển Tộc sẽ là các sát-na thiện Không Vô Biên (hoặc các tầng Vô sắc cao hơn) xuất hiện vô số lần theo ý muốn của hành giả. Khi hết hạn đã định thì Hữu Phần xuất hiện trở lại.

c. **Lộ Tâm Hoá Thông hay Hiện Thông** (*abhiññāpanāvīthi*)

Hầu hết những người đã đắc tối thiểu là Ngũ thiền Sắc giới đều có khả năng thực hiện các loại Thần thông căn bản. Nên nhớ rằng nói đến thần thông thì không cần đến trình độ Vô sắc, nên một người dầu có chứng 4 tầng thiền Vô sắc thì khi muốn hoá hiện Thần thông cũng phải sử dụng Ngũ thiền Sắc giới. Đại khái có 5 loại Thần thông hay Thắng trí:

- 1- **Biến Hoá Thông** (*iddhividhañāṇa*), tức khả năng đi trên nước, trên không hay biến hình đổi dạng...
- 2- **Thiên Nhân Thông** (*dibbacakkhuñāṇa*) gồm có hai loại:
 - a. Khả năng thấy được những hình ảnh vi tế hay xa khuất mà mắt thường không thấy được.
 - b. Khả năng thấy được hạnh nghiệp nào đã dẫn đưa các loài chúng sinh kẻ siêu người đọa với những hoàn cảnh khác nhau. Thiên Nhân Thông loại này còn được gọi bằng thuật ngữ **Sanh Tử Minh** (*cutūpapātañāṇa-vijjā*).
- 3- **Thiên Nhĩ Thông** (*dibbasotañāṇa*) tức khả năng nghe được những âm thanh mà thính giác của người thường không thể nghe được.
- 4- **Tha Tâm Thông** (*paracittavijānanañāṇa hay cetopariyañāṇa*) tức khả năng đọc hiểu được suy nghĩ của người khác rõ ràng như biết bản thân mình đang nghĩ gì.
- 5- **Túc Mạng Thông** (*pubbenivāsānussatiñāṇa*) tức khả năng nhớ được những kiếp sống quá khứ của mình và

người khác. Loại thiên nhãn thứ hai đã nói ở trên là khả năng thấy được Nhân sanh tử và Túc Mạng Thông này là khả năng thấy được Quả sanh tử.

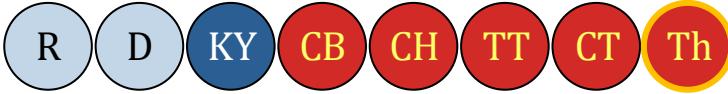
Kể chung là vậy nhưng khả năng thần thông của mỗi người không thể nào giống nhau. Trình độ cao thấp, ít nhiều là tùy thuộc vào túc duyên quá khứ đã tu tập dày mỏng ra sao.

Về cách hoá hiện Thần thông thì trước hết đương sự nhập định Ngũ thiền Sắc giới bằng đề mục cần thiết. Như muốn đi trên mặt nước vị ấy nhập vào đề mục Đất. Khi lộ nhập thiền kết thúc, Hữu Phần xuất hiện thì vị ấy lập nguyện: Hãy có một con đường băng qua hồ nước này. Với người đã đắc thiền lời nguyện này được thực hiện bằng một niềm tin bất động. Lúc đó ấn tượng về con đường kia hiện ra qua Ý môn để làm xuất hiện 2 sát-na Rúng Động Dứt Dòng. Tiếp theo sau là Khai ý môn và rồi là một trong hai tâm Đại thiện (hoặc Đại tố) hợp trí thọ xả sẽ xuất hiện 4 lần để làm nhiệm vụ Cận Định là Chuẩn Bị, Cận Hành, Thuận Thứ và Chuyển Tột. Ngay sau sát-na Chuyển Tột tâm Thiện (hoặc Tố) Ngũ thiền Sắc giới xuất hiện trong một sát-na. Lúc này tâm Thiện (hoặc Tố) Ngũ thiền Sắc giới được gọi là tâm Thắng trí hay tâm Thông. Sau đó là Hữu Phần xuất hiện và đương sự coi như đã xuất thiền. Ngay lúc này người hóa thông đã có thể bước đi trên mặt hồ.

Với các thứ thần thông khác cũng theo cách này mà hiểu. Kể trên ngôn ngữ thì dài dòng như vậy, nhưng trong thực tế, thời gian thực hiện một thần thông chỉ là nháy mắt. Đó là lý

do tại sao Đức Phật gọi thần thông là *iddhi* (ước nguyện hay ý muốn, từ động từ *Ijjhati* là mong muốn).

R-D-KY-ChuẩnBị-CậnHành-ThuậnThứ-ChuyểnTộc
-Tâm thông (Th)



Hình 28- Lộ Tâm Hoá Thông hay Hiện Thông

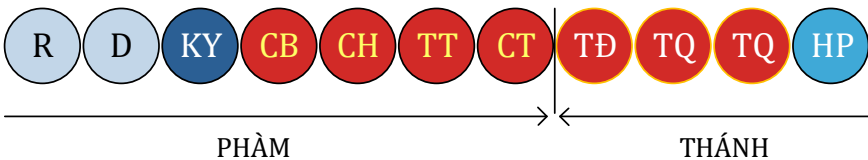
2. Ba trường hợp tâm lộ Kiên Cố Siêu Thế
(lokuttarāppanāvīthi)

a. Lộ Tâm Đắc Đạo (maggāppanāvīthi)

Đây là hành trình tâm thức của một hành giả tu đúng pháp môn Tuệ quán (và đầy đủ duyên lành Ba la mật) vào thời khắc chứng ngộ thánh trí.

- Người độn căn (*mandapaññā*):

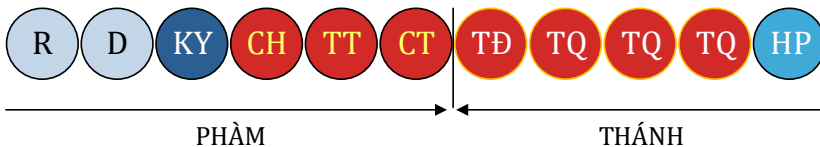
R-D-KY-ChuẩnBị-CậnHành-ThuậnThứ-ChuyểnTộc-
ThánhĐạo-ThánhQuả-ThánhQuả -HP



Hình 29- Lộ Đắc Đạo của người độn căn

- Người lợi căn (*tikkhapaññā*):

R-D-KY-CậnHành-ThuậnThứ-ChuyểnTộc-Thánh Đạo-
ThánhQuả-ThánhQuả-ThánhQuả -HP



Hình 30- Lộ Đắc Đạo của người lợi căn

Ghi chú:

1. Tùy theo căn cơ của hành giả (Tín, Định hay Trí mạnh nhất), một trong Tam Tướng (*tilakkhaṇa*) là Vô thường (*anicca*), Khổ (*dukkha*) và Vô Ngã (*anatta*) của Danh Sắc sẽ xuất hiện qua Ý môn của một phàm phu (người còn đủ 10 Triền Phược), tâm Hữu Phần sẽ xuất hiện 2 lần trong vai trò Rúng Động và Dứt Dòng, sau đó là Khai ý môn và một trong bốn tâm Đại thiện hợp trí sẽ xuất hiện ba lần trong vai trò Chuẩn Bị, Cận Hành, Thuận Thứ để quan sát Tam Tướng và sát-na Đại thiện thứ tư xuất hiện trong vai trò Chuyển Tộc để thấy rõ Níp-bàn và chấm dứt chủng tử phàm phu. Tiếp theo một sát-na Sơ đạo xuất hiện để quan sát Níp-bàn lần nữa và ngay lập tức sau đó là 2 hoặc 3 sát-na Sơ quả (tùy trường hợp độn căn hay lợi căn). Người độn căn cần có sát-na Chuẩn Bị nên sau sát-na Sơ đạo chỉ có 2 sát-na Sơ quả. Người lợi căn không cần sát-na Chuẩn Bị nên sau sát-na Sơ đạo thì có tới 3 sát-na Sơ quả.

Một người đã là thánh nhân thì không bao giờ có việc trở lui tình trạng phàm nhân hay trở xuống tầng thánh trí thấp hơn. Trong lộ tâm đặc Sơ quả, sát-na Chuyển Tộc (*gotrabhū*) có vai trò cắt đứt chủng tử phàm phu, ở lộ tâm chứng đắc các tầng thánh trí cao hơn thì sát-na Chuyển Tộc này được thay thế bằng sát-na Dũ Tịnh (*Vodāna*) có vai trò là đưa người từ thấp lên cao.

2. Trong trường hợp một vị Sơ quả đắc chứng Nhị quả, hay Nhị quả đắc chứng Tam quả hoặc Tam quả đắc chứng Tứ quả thì toàn bộ diễn tiến của lộ tâm cũng giống hết trường hợp số một, dĩ nhiên với những thay đổi cần thiết. Chẳng hạn **như sát-na Chuyển Tộc được thay thế bằng Dũ Tịnh.**

R-D-KY-ChuẩnBị-CậnHành-ThuậnThứ- **DũTịnh** -
ThánhĐạo-ThánhQuả-ThánhQuả -HP



Hình 31- Ví dụ Lộ Đắc 3 Đạo Cao của người độn căn

b. Lộ Tâm Nhập Thiên Quả (*phalasangāpatti*)

Thiên Quả hay Quả Định là một loại Đại Định mà qua đó một trong bốn hạng thánh nhân (Sơ, Nhị, Tam, Tứ quả) có thể an hưởng niềm tịnh lạc từ tầng thánh trí mà mình đã chứng đắc như là một chỗ nghỉ ngơi trong những khi cảm thấy mệt mỏi vì những vấn đề sức khỏe hay trách nhiệm trong đời sống thường nhật. Mỗi khi muốn nhập vào loại Đại Định này (thời gian từ vài giờ đồng hồ cho đến một tuần lễ),

vị thánh (một trong bốn tầng thánh) chỉ việc tác ý đến Tam Tướng của Danh Sắc nội thân. Thời gian cho việc này lâu mau bất định, nhưng chỉ vài giây là đủ. Ngay trước khi vào Định hẩn hoi, một trong ba pháp ấn (Tam Tướng) sẽ hiện ra qua Ý môn của vị thánh, khiến xuất hiện 2 sát-na Rúng Động, Dứt Dòng. Tiếp theo đó là Khai ý môn và rồi một trong bốn tâm Đại thiện (hoặc tâm Đại tố) hợp trí sẽ xuất hiện 3 lần để làm việc quan sát Tam Tướng trong vai trò Chuẩn Bị, Cận Hành, Thuận Thứ và xuất hiện lần thứ tư để quan sát Níp-Bàn và sát-na này được gọi là Dũ Tịnh (*Vodāna*). Ngay sau đó tùy tầng thánh mà một trong bốn tâm thánh quả sẽ xuất hiện vô số lần cho đến hết thời gian mà đương sự đã định.

- Người độn căn (*mandapaññā*):

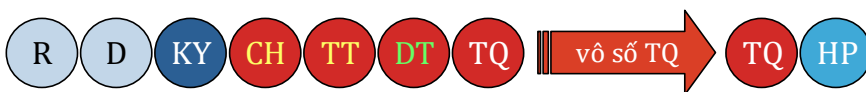
R-D-KY-**ChuẩnBị-CậnHành-ThuậnThứ-DũTịnh-**
ThánhQuả (vô số lần) – HP



Hình 32- Lộ Tâm Nhập Thiền Quả của người độn căn

- Người lợi căn (*tikkhapaññā*):

R-D-KY-CậnHành-ThuậnThứ-**DũTịnh-**
ThánhQuả (vô số lần) – HP



Hình 33- Lộ Tâm Nhập Thiền Quả của người lợi căn

c. Lộ Tâm Nhập Thiền Diệt (nirodhasamāpattivīthi)

Còn gọi là Diệt Thọ Tướng Định (*nirodha-samāpatti*). Đây là loại Đại Định chỉ dành riêng cho các vị Tam quả và A-la-hán đã chứng xong tất cả các tầng thiền Vô sắc giới. Loại Định này có tên gọi như vậy là vì đây là loại Đại Định duy nhất vắng mặt hoàn toàn đời sống tâm pháp. Trong suốt thời gian an trú loại định này vị thánh chỉ là một xác chết còn hơi ấm. Tuy được diễn tả là vậy, nhưng thời gian nhập định này chính là lúc vị thánh thật sự được nghỉ ngơi an dưỡng một cách đúng nghĩa.

Vị thánh muốn nhập vào loại định này, trước hết phải nhập vào Sơ thiền Sắc giới, sau đó xuất thiền nhìn lại Tam Tướng trong Sơ thiền rồi nhập Nhị thiền, Tam thiền, Tứ thiền, Ngũ thiền Sắc giới, Hư Không Vô Biên, Thức Vô Biên và Vô Sở Hữu Xứ. Sau khi xuất khỏi Vô Sở Hữu Xứ, quán sát Tam Tướng trong tầng thiền Vô sắc thứ ba này rồi thì lập nguyện (*adhiṭṭhāna*) mấy điều sau:

- Tôi sẽ an trú trong Đại Định không tâm này suốt thời gian 1, 2, 3, 4, 5, 6 hay 7 ngày. Vị thánh phải biết chắc tuổi thọ mình dài hơn thời gian nhập định.
- Vị thánh phải chú nguyện tất cả vật tùy thân đều được nguyên vẹn, không bị phá hủy bởi bất cứ lý do nào, dù là thiên nhiên hay sức người.
- Vị thánh phải chú nguyện cho mình lập tức xuất định ngay bất cứ lúc nào Đức Phật hay chư tăng cần gặp. Kinh nói, một Tỳ Kheo sứ giả chỉ cần đến trước mặt vị thánh

đang nhập Thiền Diệt và nói: “Thế Tôn (hay chư tăng) đang cần gặp mặt hiền giả” thì ngay lập tức 2 sát-na thánh quả (Tam quả hoặc Tứ quả) sẽ xuất hiện và như vậy, vị này đã xuất định và tâm pháp lại tái hiện như cũ. Sự cúng dường đến một bậc thánh vừa ra khỏi Diệt Định luôn là một Trọng nghiệp cho quả ngay đời hiện tại. Vì sự cúng dường này đồng nghĩa với việc cứu sống sinh mạng một bậc thánh và cũng là một người vừa nếm trái hương vị Níp-bàn ở mức độ rất ráo nhất ngay trong tấm thân sinh tử.

Trở lại tiến trình tâm pháp của vị thánh nhập Thiền Diệt. Ngay sau mấy điều lập nguyện ở tầng thiền Vô sắc thứ ba, vị này lại nhập vào tầng thiền Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ. Tâm này chỉ xuất hiện trong hai sát-na, rồi thì sau đó toàn bộ tâm, tâm sở và sắc tâm hoàn toàn diệt mất. Khi đã đủ thời hạn như đã lập nguyện thì một trong hai loại tâm thánh quả sẽ xuất hiện một sát-na (có nơi nói hai sát-na) và sau đó là Hữu Phần.

V. VÀI GHI CHÚ LIÊN QUAN VỀ LỘ TÂM

A. CÁC TÂM QUẢ DỊ THỰC (VIPĀKACITTA)

Là kết quả tương ứng của các nghiệp thiện ác. Chúng xuất hiện trong các tâm lộ theo sự chi phối của tiền nghiệp, tương ứng và chính xác như hình ảnh bên ngoài và hình ảnh trong gương. Chẳng hạn như các ác nghiệp quá khứ sẽ tạo ra Ngũ song thức quả bất thiện cùng các tâm Tiếp Thâu, Quan Sát, Na Cảnh trong lộ tâm thời hiện tại. Với tác động của thiện nghiệp quá khứ, đời này một người sẽ có được Ngũ song thức quả thiện cùng các tâm Tiếp Thu, Quan Sát, Na Cảnh để biết cảnh tốt (có thể bằng thọ xả hay thọ hỷ). Tâm thiện và tâm bất thiện không xuất hiện theo kiểu rập khuôn như tâm Dị Thực, nghĩa là muốn hay không cũng vẫn xuất hiện một cách tự nhiên. Riêng tâm thiện thì phải do sự khéo tác ý mới có và tâm bất thiện thì cũng phải do sự vụng tác ý mới thành.

B. TẦN SUẤT XUẤT HIỆN CỦA CÁC LOẠI ĐỒNG LỰC

- a. Về các Đồng lực Dục giới, số lượng thông thường trong mỗi lộ tâm là 7 sát-na. Trong các trường hợp đặc biệt như đối với các trẻ sơ sinh, người hấp hối hoặc người bất tỉnh thì vì Sắc vật quá yếu nên giai đoạn Đồng lực đôi khi chỉ 5 hoặc 6 sát-na trong một lộ. Trong lộ cận tử Dục giới cũng vậy.

Trong các lộ Phán Khán, chi thiền trong tâm của hành giả rất nhanh nhạy nên Đồng lực Dục giới cũng chỉ xuất hiện 4 hoặc 5 sát-na mỗi lộ.

Trong các lộ Đắc Đạo Đắc Thiền cũng thế, chỉ cần 4 sát-na Chuẩn Bị, Cận Hành, Thuận Thứ, Chuyển Tộc (Dĩ Tĩnh) là đã đủ. Với người lợi căn còn ít hơn nữa, bỏ thêm sát-na Chuẩn Bị.

b. Đối với các tâm Đồng lực Kiên cố (thiền định và thánh trí), người lần đầu đắc thiền Chỉ tịnh (*samatha*) cần một sát-na Đồng lực Đáo đại mà thôi. Trong khi đó những khi nhập lại các tầng thiền đã chứng, thì số lượng Đồng lực Đáo đại xuất hiện vô số lần trong nhiều ngày.

- Trong các lộ hiện thông, thì một trong hai tâm thông chỉ xuất hiện một sát-na.
- Trong các lộ Đắc Đạo, thì tâm Đạo chỉ xuất hiện một sát-na và thánh quả thì 2 hoặc 3 sát-na (tùy độn hay lợi căn).
- Trong các lộ nhập Quả Định (Thiền Quả), các tâm thánh quả xuất hiện vô số lần, nhiều khi trong cả 7 ngày.
- Trong lộ nhập Thiền Diệt, tâm Phi Tưởng Phi Phi Tưởng xuất hiện hai lần trước khi tâm pháp hoàn toàn biến mất. Khi hết hạn Thiền Diệt, tâm Tam hoặc Tứ quả sẽ xuất hiện một sát-na để khởi động lại đời sống tâm pháp.
- Các Đồng lực đi cạnh nhau phải luôn có thọ giống nhau. Như giai đoạn Cận Định gồm 4 sát-na trong lộ Đắc Thiền hay Đắc Đạo phải luôn có thọ tương ứng với các Đồng lực Kiên cố đi sau chúng.

C. ĐÔI ĐIỀU VỀ TÂM NA CẢNH (TADĀLAMBANA)

Tâm này chỉ xuất hiện ở người cõi Dục giới trong các lộ tâm biết cảnh dục trần. Thông thường thì nếu 7 Đồng lực trong đó là thọ ưu hay xả thì Na Cảnh phải là thọ xả, khi Đồng lực là thọ hỷ thì Na Cảnh mới là thọ hỷ. Sau đây là những trường hợp xuất hiện của tâm Na Cảnh:

- Sau 4 tâm Đại tố xả thọ và 2 Đồng lực Sân thì Na Cảnh là 4 tâm Đại quả xả thọ và 2 tâm Quan Sát xả thọ.
- Sau 4 tâm Đại tố hỷ thọ và Sinh Tiểu thì Na Cảnh là 4 tâm Đại quả hỷ thọ và 1 tâm Quan Sát hỷ thọ.
- Sau 10 Đồng lực bất thiện và 8 tâm Đại thiện thì Na Cảnh có thể là 1 trong cả 11 tâm Na Cảnh.

D. HỘ KIẾP KHÁCH (ĀGANTUKABHAVANĀ)

Đối với người tái sinh bằng tâm hỷ thọ thì Hữu Phần của họ dĩ nhiên cũng là hỷ thọ. Lý do là tâm Tái Tục và tâm Hữu Phần luôn tương đồng nhau ở 5 khía cạnh:

- Cảnh giới (*bhūmi*)
- Loại tâm gồm 19 (*citta*)
- Có chung loại tâm sở đi cùng (*sampayutta-cetasika*)
- Cảm thọ (*vedanā*)
- Hữu hay vô trợ (*saṅkhāra*)

Khi đương sự khởi Sân tâm, tức trong tâm lộ có Đồng lực ưu thọ thì Na Cảnh không thể là hỷ thọ (dù trên nguyên tắc thì Na Cảnh và tâm Đồng lực phải đồng thọ với nhau) nên

ngay lúc này 1 Quan Sát xả thọ phải xuất hiện để làm nhiệm vụ trung hoà trong 1 sát-na để sau đó dòng Hữu Phần trở lại hỷ thọ như trước. Tâm Quan Sát xả thọ trong thời điểm đặc biệt này được gọi là Hữu Phần Khách (*āgantukabhavaṅga*). Từ đó mà hiểu thì xả thọ có thể tương ứng với cả ưu và hỷ thọ trong trường hợp cần thiết. Có điều là Hữu Phần Khách ở đây xuất hiện không phải để biết lại đối tượng của các Đồng lực Sân trước đó mà là những cảnh dục trần nào đó đã từng biết qua vài lần trong quá khứ.

E. TƯƠNG QUAN GIỮA TÂM (CITTA) VÀ CẢNH GIỚI (BHŪMI)

- Trong các lộ tâm sinh khởi ở cõi Dục giới, có được 80 tâm, trừ 9 tâm quả Đáo đại.
- Trong các cõi Sắc giới Hữu tâm thì chỉ có 69 tâm xuất hiện để làm nên các tâm lộ (ngoại trừ 2 Tỷ thức, 2 Thiet thức, 2 Thân thức, 8 Đại quả, 2 tâm sân, 4 tâm quả Vô sắc). Trong 69 tâm này, 5 tâm Quả Sắc giới dĩ nhiên chỉ đóng vai trò Hữu Phần, tức tâm Chủ quan (*vīthimuttacitta*).
- Ở 4 cõi Vô sắc chỉ có 42 tâm Khách quan là 10 tâm bất thiện (trừ 2 tâm sân), 8 tâm Đại thiện, 8 tâm Đại tố, 4 tâm thiện Vô sắc, 4 tâm Tố Vô sắc, 7 tâm Siêu thế (trừ Sơ đạo) và tâm Khai ý môn. 4 tâm Chủ quan ở đây là 4 tâm Quả Vô sắc.

F. CÁC HẠNG NGƯỜI TRONG A-TỠ-ĐÀM (PUGGALABHEDA)

Cách phân loại chúng sanh trong A-tỳ-đàm rất đặc biệt,

không phải dựa vào cảnh giới hiện hữu mà dựa vào tiêu chuẩn tâm thức. Do đó trong A-tỳ-đàm kể có 12 hạng chúng sinh:

1. Phạm phu (*Puthujjana*)

- 1- **Người Khổ** còn gọi là người Vô nhân (*duggatya-hetukapuggala*), tái sinh bằng tâm **Quan Sát thọ xả quả bất thiện**. Hạng này bao gồm chúng sanh ở địa ngục, ngạ quĩ, bàng sanh, A-tu-la (có mặt ở cõi Tứ Thiên Vương, cõi người và địa ngục).
- 2- **Người Lạc Vô Nhân** (*sugatyahetukapuggala*) là hạng chúng sinh tái tục bằng tâm **Quan Sát thọ xả quả thiện**. Họ là những người tàn tật bẩm sinh (không do ngoại lực tác động sau lúc tái tục, chẳng hạn những tai nạn trong lúc bà mẹ mang thai hay sau khi đứa bé ra đời) và một số thiên nhân ở cõi Tứ Thiên Vương. Phạm thiên cõi Vô Tướng tuy không tâm nhưng cũng được kể vào loài này. Họ được gọi là người Lạc vì các hạng người ở đây không thuộc đọa xứ, nhưng gọi là Vô Nhân vì tâm Tái Tục của họ là tâm quả Vô Nhân.
- 3- **Người Nhị Nhân** (*dvihetukapuggala*) là những người và tiên Dục giới tái sinh bằng **4 tâm Đại quả ly trí**. Họ hoàn toàn có thể là những người linh hoạt, lanh lẹ trong đời sống thường nhật nhưng tuyệt đối không có khả năng chứng đắc thiên Chỉ tịnh và Thánh Trí. Về điều này thì giống hệt như hai hạng Vô nhân trên.
- 4- Hạng **Người Tam Nhân** (*tihetukapuggala*) gồm các hạng chúng sanh trong các cõi Hữu Tâm (từ cõi Vô sắc

đến các loài Dạ Xoa, nhân loại) tái sinh bằng các **tâm Đại quả hợp trí**. Hạng người này, nếu đủ duyên lành thì đủ trí tuệ để đắc chứng thiền định hoặc thánh trí. Nói đại khái là vậy nhưng Tam nhân cũng có 3 trường hợp:

- Tái sinh bằng tâm Tam nhân nhưng không đắc gì hết.
- Chỉ đắc được thiền định.
- Có thể đắc thánh trí.

Người đắc được thánh trí thường khi có thể đắc thiền định. Nhưng người đắc thiền định chưa hẳn đủ sức đắc được thánh trí.

2. Thánh nhân (*ariyapuggala*)

• Người Đạo (*maggatthapuggala*)

- 5- Người Sơ đạo (*sotāpattimaggattha*)
- 6- Người Nhị đạo (*sakadāgamimaggattha*)
- 7- Người Tam đạo (*anāgāmicimaggattha*)
- 8- Người Tứ đạo (*arahattamaggattha*)

Bốn người Đạo thật ra chỉ là một sát-na thánh đạo nhưng vẫn kể là một hạng người.

• Người Quả (*phalatthapuggala*)

- 9- Người Sơ quả (*sotāpattiphalattha*)
- 10- Người Nhị quả (*sakadāgamiphalattha*)
- 11- Người Tam quả (*anāgāmiciphalattha*)
- 12- Người Tứ quả (*arahattaphalattha*)

Bốn người Quả chỉ cho bốn tầng thánh quả.

VI. NGƯỜI (*PUGGALA*) CÓ BAO NHIÊU TÂM (*CITTA*)

Ở cõi Dục giới, nếu vị ấy có tu thiền thì phải cộng thêm 9 tâm Đáo đại.

1. Người Khổ có được 37 tâm

- 12 tâm bất thiện
- 17 tâm Vô Nhân (trừ Sinh Tiếu)
- 8 tâm Đại thiện

2. Người Lạc và người Nhị Nhân có được 41 tâm

- 12 tâm bất thiện
- 17 tâm Vô Nhân (trừ Sinh Tiếu)
- 8 tâm Đại thiện
- 4 tâm Đại quả ly trí

3. Người Tam Nhân cõi Dục giới có 45 tâm

- 12 tâm bất thiện
- 17 tâm Vô Nhân (trừ Sinh Tiếu)
- 8 tâm Đại thiện
- 8 tâm Đại quả

Ở cõi Dục giới, với người tu thiền thì phải cộng thêm 9 tâm Đáo đại.

4. Người Tam Nhân cõi Sắc Giới có 39 tâm

- 10 tâm bất thiện (trừ 2 tâm sân)
- 11 tâm Vô Nhân (trừ 2 Tỷ thức, 2 Thiệt thức, 2 Thân thức, Sinh Tiếu)

202 VI. NGƯỜI (PUGGALA) CÓ BAO NHIÊU TÂM (CITTA)

- 8 tâm Đại thiện
- 9 tâm thiện Đáo đạ
- 1 trong 5 Quả Sắc giới

5. Người Tam Nhân cõi Vô Sắc Giới có 24 tâm

- 10 tâm bất thiện
- Khai ý môn
- 8 tâm Đại thiện
- 4 tâm thiện Vô sắc
- 1 trong 4 Quả Vô sắc giới

6. Người Sơ Quả cõi Dục giới có 41 tâm

- 7 tâm bất thiện (trừ 4 tham hợ tà, 1 si Hoài Nghi)
- 17 tâm Vô Nhân
- 8 tâm Đại thiện
- 8 Đại quả
- Tâm Sơ quả

Nếu vị ấy có tu thiền thì phải cộng thêm 9 tâm Đáo đạ.

7. Người Sơ Quả cõi Sắc Giới có 35 tâm

- 5 tâm bất thiện (là 4 tham ly tà, 1 si Phóng Dật)
- 11 tâm Vô Nhân
- 8 tâm Đại thiện
- 9 thiện Đáo đạ
- 1 trong 5 tâm Quả Sắc giới
- Tâm Sơ quả

8. Người Sơ Quả cõi Vô Sắc Giới có 20 tâm

- 5 tâm bất thiện (là 4 tham ly tà, 1 si Phóng Dật)
- Khai ý môn
- 8 tâm Đại thiện
- 4 thiện Vô sắc
- 1 trong 4 tâm Quả Vô sắc giới
- Tâm Sơ quả

9. Người Nhị Quả ở 3 cõi cũng có số tâm giống hết người Sơ quả, chỉ thay đổi tâm Sơ quả bằng tâm Nhị quả.

10. Bạc Tam Quả ở cõi Dục giới có 39 tâm

- 5 bất thiện (là 4 tham ly tà, 1 si Phóng Dật)
- 17 Vô Nhân
- 8 Đại thiện
- 8 Đại quả
- 1 trong 5 tâm Tam quả

Nếu vị ấy có tu thiền thì phải cộng thêm 9 tâm Đáo đại.

11. Bạc Tam Quả ở cõi Sắc giới và Vô sắc giới có số tâm giống hết như vị Sơ quả ở 2 cõi này, chỉ thay thế tâm Sơ quả bằng tâm Tam quả.

12. Bạc Tứ Quả ở cõi Dục giới có 35 tâm là

- 18 tâm Vô Nhân
- 8 Đại quả
- 8 Đại tố

204 VI. NGƯỜI (PUGGALA) CÓ BAO NHIÊU TÂM (CITTA)

- 1 trong 5 tâm Tứ quả.

Nếu vị ấy có tu thiền thì phải cộng thêm 9 tâm Tố Đáo đại.

13. Bạc Tứ Quả ở cõi Sắc Giới có 31 tâm là

- 12 tâm Vô Nhân (trừ 3 cặp Tỷ, Thiệt và Thân thức)
- 8 Đại tố
- 9 Tố Đáo đại
- 1 trong 5 Quả Sắc giới
- 1 trong 5 tâm Tứ quả. (theo cõi tương ứng)

14. Bạc Tứ Quả ở cõi Vô Sắc Giới có 15 tâm là

- Khai ý môn
- 8 Đại tố
- 4 Tố Vô sắc
- 1 trong 4 Quả Vô sắc giới
- 1 trong 5 tâm Tứ quả.

Trong bốn người Đạo, mỗi người chỉ có một tâm thánh đạo mà thôi.

Bảng 36- Biểu Đồ người có bao nhiêu tâm - phần 1

Người	Cõi Dục giới		Cõi Sắc giới		Cõi Vô Sắc giới	
	Người Khố	Tâm bất thiện 12	Tâm Vô Nhân 17	Tâm Đại thiện 8	Tổng cộng 37	Không có
Người Lạc vô nhân và người Nhị nhân	Tâm bất thiện	12	Tâm Vô Nhân	17	Không có	Không có
	Tâm Đại thiện	8	Tâm Đại quả	4		
	Tổng cộng	41				
	Tâm bất thiện	10	Tâm bất thiện	10		
Người Tam nhân	Tâm Vô Nhân	17	Tâm Vô nhân	11	Khai ý môn	1
	Tâm Đại thiện	8	Tâm Đại thiện	8	Tâm Đại thiện	8
	Tâm Đại quả	8	Tâm Đại quả	9	Tâm Đại đại	4
	Tổng cộng	45	Tâm quả Sắc	1	Tâm quả Vô sắc	1
			Tổng cộng	39	Tổng cộng	24

Bảng 37-Biểu Đồ người có bao nhiêu tâm - phần 2

Người	Cõi Dục giới		Cõi Sắc Giới		Cõi Vô Sắc Giới	
		Tâm bất thiện Tâm Vô Nhân	7 17	Tâm bất thiện Tâm Vô Nhân	5 11	Tâm bất thiện Khai ý môn
Người Sơ quả	Tâm Đại thiện	8	Tâm Đại thiện	8	Tâm Đại thiện	8
	Tâm Đại quả	8	Tâm Đáo đại	9	Tâm Đáo đại	4
	Tâm Sơ quả	1	Tâm quả SG	1	Tâm quả Vô sắc	1
	Tổng cộng	41	Tổng cộng	35	Tổng cộng	20
Người Nhị quả	Như Người Sơ quả, thay thế bằng tâm Nhị quả		Như Người Sơ quả, thay thế bằng tâm Nhị quả		Như Người Sơ quả, thay thế bằng tâm Nhị quả	
Người Tam quả	Tâm bất thiện	5	Tâm bất thiện	5	Tâm bất thiện	5
	Tâm Vô Nhân	17	Tâm Vô Nhân	11	Khai ý môn	1
	Tâm Đại thiện	8	Tâm Đại thiện	8	Tâm Đại thiện	8
	Tâm Đại quả	8	Tâm Đáo đại	9	Tâm Đáo đại	4
	Tâm Tam quả	1	Tâm quả SG	1	Tâm quả Vô sắc	1
	Tổng cộng	39	Tổng cộng	35	Tổng cộng	20

Bảng 38- Biểu Đồ người có bao nhiêu tâm - phần 3

Người	Cối Dục giới		Cối Sắc Giới		Cối Vô Sắc Giới	
		Tâm Vô Nhân	18	Tâm Vô Nhân	12	Tâm bất thiện
Người Tứ quả	Tâm Đại tố	8	Tâm Đại tố	8	Khai ý môn	8
	Tâm Đại quả	8	Tâm Tố Đáo đại	9	Tâm Đại thiện	4
	Tâm Tứ quả	1	Tâm quả SG	1	Tâm Tố Đáo đại	1
	Tổng cộng	35	Tâm Tứ quả	1	Tâm quả Vô	1
			Tổng cộng	31	Tổng cộng	15

CHƯƠNG 5

SINH LOẠI - CẢNH GIỚI - TÁI SINH

Do các nghiệp thiện ác do Thân Khẩu Ý thực hiện được tác động bằng 12 tâm bất thiện, 8 tâm Đại thiện và 9 tâm thiện Đáo đại nên chúng sinh trong đời mới có 19 thứ tâm sau đây để tái sinh vào 31 cõi (11 cõi Dục giới, 16 cõi Sắc giới và 4 cõi Vô sắc giới):

- 2 tâm Quan Sát thọ xả (*upekkhāsantīraṇacitta*)
- 8 tâm Đại quả (*mahāvipāka*)
- 9 tâm quả Đáo đại (*mahaggatavipākacitta*)

Ngay sau tâm Mệnh Chung của một kiếp sống, tùy theo hạnh nghiệp mỗi người mà 1 trong 19 tâm này sẽ xuất hiện để một người sanh vào cảnh giới nào đó. Ngay sau sát-na tâm đầu đời là tâm tái tục vừa nói, từ đó cho đến khi mạng chung, tâm Tái Tục này sẽ thành ra thứ tâm Hữu Phần thường xuyên xuất hiện trong phần lớn thời gian của một

kiếp sống. Thỉnh thoảng khi một trong sáu căn biết cảnh ngoại lai, tức một cảnh nào đó trong hiện tại thì loại tâm này tạm thời biến mất để nhường chỗ cho các tâm lộ Khách quan kia làm việc. Khi xong việc, các Hữu Phần lại tiếp tục xuất hiện triền miên như cũ. Cứ vậy cho đến lúc chúng sinh qua đời. Tâm Hữu Phần sau cùng của một kiếp sống có tên gọi là tâm Tử hay tâm Mệnh Chung, lúc này nó có nhiệm vụ là kết thúc một cuộc đời và tiếp theo sau nó là một tâm Tái Tục khác, để bắt đầu một kiếp sống mới. Chúng sanh trong 31 cõi được phân loại thành 4 theo khía cạnh cảnh giới như sau:

1. **Loài Đọa Xứ** (*apāya*) là các chúng sinh tái tục bằng tâm Quan Sát xả thọ bất thiện và sống trong 4 cảnh giới (chưa hẳn là cõi): Địa ngục (*naraka hoặc niraya*), a-tu-la (*asurakāya*), bàng sanh (*tiracchānayani*) và ngạ quỷ (*pettivisaya*). Trong số đó, ngoại trừ chúng sanh ở địa ngục (chỉ sống ở địa ngục), 3 loài còn lại có mặt ở khắp 3 cõi là Tứ Thiên Vương, nhân loại, và Địa ngục.
2. **Thiện Thú** (*sugati*) Dục giới gồm nhân loại và chư thiên ở cõi người và 6 cõi Dục thiên (Tứ Thiên Vương, Đạo Lợi, Dạ Ma, Đâu Suất, Hoá Lạc thiên và Tha Hoá Tự Tại). Nhân thiên cõi Dục giới nói chung tái sinh bằng một trong ba loại tâm: Quan Sát thọ xả quả thiện, Đại quả ly trí và Đại quả hợp trí.
3. **Sắc Giới** gồm 16 cõi Phạm thiên, dành riêng cho những người đã chứng đắc từ Sơ thiên đến Ngũ thiên Sắc giới. Trong đó có một cõi chỉ có Sắc mà không tâm (cõi Vô Tướng) và 5 cõi dành riêng cho bậc thánh Tam quả (Ngũ

Tịnh Cư gồm Vô Phiền, Vô Nhiệt, Thiện Hiện, Thiện Kiến và Sắc Cứu Cánh cũng còn gọi lại cõi Hữu Đảnh (*bhavagga*), vì đây là cõi đã vào thì không còn trở ra để tiếp tục sinh tử). Chúng sanh trong 16 cõi Sắc giới tái tục bằng 1 trong 5 tâm Quả Sắc giới tùy theo trường hợp.

Nên biết, với một vị A-na-hàm cả đời chưa từng chứng qua một tầng thiền Đáo đại nào, thì vào phút lâm chung, do năng lực của sự ly dục, ly sân mà tự nhiên thành tựu Sơ thiền cận tử để sau đó sanh về cõi Sơ thiền. Còn nếu bình sinh vị ấy đã chứng đắc một tầng thiền nào đó, dưới ngũ thiền, thì sau khi chết dĩ nhiên sẽ sanh về một cõi Phạm thiên tương ứng. Trong trường hợp một vị Tam quả đã đắc qua ngũ thiền nhưng chưa đủ duyên chứng quả A-la-hán ngay đời hiện tại thì vị này có nhiều lựa chọn:

- Tín quyền mạnh trội thì sanh về cõi Vô Phiền (*avihā*).
- Tấn quyền mạnh trội thì sanh về cõi Vô Nhiệt (*ātappā*).
- Niệm quyền mạnh trội thì sanh về cõi Thiện Hiện (*sudassā*).
- Định quyền mạnh trội thì sanh về cõi Thiện Kiến (*sudassī*).
- Tuệ quyền mạnh trội thì sanh về cõi Sắc Cứu Cánh (*akanitṭha*).

Nếu cả 5 quyền đều yếu thì điều tự nhiên là Tín quyền của vị ấy vẫn được xem là mạnh trội nhất, nghĩa là sau khi mệnh chung vị này sẽ sanh về cõi Vô Phiền và cứ vậy sanh đủ 5 cõi Tịnh Cư. Trong 5 cõi Tịnh Cư không hề có việc trở xuống cõi thấp, và cõi Sắc Cứu Cánh là cõi sau cùng đã vào đó thì không còn đi đâu nữa.

4. **Vô Sắc Giới** gồm có 4 cõi dành cho những vị Phạm thiên đã đắc Ngũ thiên Sắc giới và nhằm chán sắc pháp, rồi tu tập các đề mục Vô sắc. Người 4 cõi này tái tục bằng 1 trong 4 tâm Quả Vô sắc.

I. BÀN THÊM VỀ CÁC CÕI (*BHŪMI*)

1- Theo các tập Sớ giải A-tỳ-đàm thì nhân loại, bàng sanh, ngạ quỷ (*peta*) và a-tu-la (*asura*) đều sống nương tựa trên mặt đất. Riêng a-tu-la có 2 hạng: Địa a-tu-la (còn gọi là A Tu la đạo) thì sống xen lẫn với các loài từ Tứ Thiên Vương trở xuống, riêng a-tu-la thiên thì có cõi riêng tráng lệ như cõi Đạo Lợi nằm dưới đáy núi Tu Di.

2- Về vị trí các cõi Địa ngục (*niraya*) thì cũng có hai trường hợp:

- Trong lòng địa cầu
- Một chỗ tập trung nào đó trong vũ trụ mà mắt thường không thấy.

Có vô số cõi địa ngục tương ứng với tội trạng nặng nhẹ của chúng sinh. Cõi địa ngục có tuổi thọ lâu nhất là 84 ngàn Đại Kiếp nằm ở ranh giới của các vũ trụ, nơi ánh sáng mặt

trăng mặt trời không thể chiếu rọi tới và không bị ảnh hưởng trong các vụ kiếp hoại. Địa ngục này được gọi là địa ngục không gian (*lokantariyaniraya*) dành cho người Đoạn Kiến Cố Định (*niyatadiṭṭhika*), tức kẻ không sao cải sửa quan điểm được. Chúng sanh ở đây đầu treo ngược như dơi và không nhìn thấy nhau. Họ lủng lẳng trong bóng tối mịt mù và bên dưới là một vùng nước cường toan cực mạnh. Khi di chuyển và chạm vào nhau, họ rơi xuống tán loạn và lập tức hoàn hình trở lại như cũ. Cứ vậy cho đến 84 ngàn đại kiếp mới hết tuổi thọ ở đây. Tuổi thọ ngắn hơn địa ngục này thì có vô số, nhưng trong kinh chỉ nhắc đến khoảng vài chục mà thôi. Chẳng hạn như các địa ngục Sen Xanh (*uppala*), Sen Trắng (*puṇḍarika*), Sen Hồng (*paduma*) hoặc A tỳ địa ngục có tuổi thọ kéo dài đến 1/5 hoặc 1/10 Đại Kiếp. Như một ngày một đêm ở địa ngục Sen hồng lâu bằng tuổi thọ của chư thiên cõi Tha Hóa Tự Tại, tức hơn 9 tỷ rưỡi (9,5 tỷ) năm nhân loại. Tất cả những rừng núi hay sông hồ trong các địa ngục đều là Sắc Quý Tiết do nghiệp tạo và ở đâu cũng là chỗ đầy đọa chúng sanh như nước luân sôi và đất đá cây cỏ đều bén nhọn. Không một nơi nào ở địa ngục mà chúng sanh có thể nằm ngồi đi đứng mà không bị đau đớn. Muốn biết thêm về địa ngục, xin xem trong Chú giải Bốn Sanh hoặc Tương Ưng Bộ Kinh. Thông thường thì Phật tử chỉ được biết đến 8 Đại Địa Ngục và non 150 tiểu địa ngục mà thôi. Trong đó ghê rợn nhất là A Tỳ địa ngục, có tuổi thọ tối đa là một Trung Gián Kiếp (*antarakappa*).

3- Về vị trí của cõi người thì Sớ Giải nói là cõi này gồm bốn hành tinh bằng phẳng ở bốn trục của núi Tu Di (mắt thường không thấy).

Hành tinh ở phía nam gọi là Nam Thiệm Bộ Châu (*jambudīpa*), chính là hành tinh chúng ta đang ở, có tuổi thọ tối thiểu là 10, tối đa là A-tăng-kỳ năm (viết là 1 cộng với 140 con số không). Điều cần thừa thêm ở đây là xưa nay với học Phật Việt Nam do thiếu điều kiện nghiên cứu Hán tạng nên cứ theo chữ in cũ không chính xác mà gọi là Nam **Thiện** Bộ Châu thay vì là Nam **Thiệm** Bộ châu mới phải. Bởi lẽ chữ Thiệm Bộ này là tiếng phiên âm từ chữ *Jambù* trong tiếng *Pāli* và cả Sanskrit, [như lẽ ra theo chữ *Pāli* phải gọi là Đông Thắng Thân châu (Châu Thắng Thân-*videha* ở phía đông) hoặc Tây Ngưu Xa Châu (*Goyāna*: Xe bò) chứ không phải Tây Ngưu Hóa Châu]. Nơi đây thiện ác có đủ. Chí thiện như bậc Chánh Đẳng Giác và cực ác như người sát hại mẹ cha cũng đều đủ mặt. Sinh kế và điều kiện sinh hoạt ở châu này cách nào cũng có, từ sướng như chư thiên đến khổ như bàng sanh hay ngã quý cũng đều có đủ.

Hành tinh thứ hai nằm ở phía đông của núi Tu di thì gọi là Đông Thắng Thân Châu (*pubbavideha*), tuổi thọ tối đa là A-tăng-kỳ năm và tối thiểu là 700 năm. Đời sống ở đây không có những nhọc nhằn như Nam Thiệm Bộ Châu. Mọi người ăn và mặc bằng những thứ tự mọc trong thiên nhiên do phước chúng sanh ở đây mà có.

Hành tinh nằm về phía tây của Tu Di sơn gọi là Tây Ngưu Xa Châu (*aparagoyāna*) có tuổi thọ tối đa là A-tăng-kỳ năm

và tối thiểu là 500 năm. Điều kiện sinh hoạt ở đây cũng an nhàn như bên Đông Thắng Thân Châu (*pubbavideha*). Nhưng do đặc điểm người ở đây chỉ có một phương tiện di chuyển duy nhất là xe bò nên được gọi là Tây Ngưu Xa Châu. Như ở châu phía đông núi Tu Di dân chúng có đặc điểm là xinh đẹp hơn cả nên mới được gọi là Đông Thắng Thân Châu.

Hành tinh nằm về phía bắc núi Tu Di có tên là Bắc Cưu (Câu) Lưu Châu (*uttarakuru*). Nhân loại ở đây có tuổi thọ tối đa là một A-tăng-kỳ năm và tối thiểu là 1000 năm. Điểm đặc biệt là dân Bắc Cưu Lưu Châu từ lúc sanh ra đã giữ ngũ giới tự nhiên. Nói cho đúng là họ không có lý do để vi phạm ngũ giới và vì vậy lòng họ cũng hiền thiện như một người nghiêm trì Ngũ giới. Người dân châu này khi thương nhau không cần cưới hỏi, chỉ việc tìm đến một lùm cây nào đó để gần gũi rồi người nữ sau đó sanh con, vất bừa bất cứ nơi đâu cũng được. Điều kiện thiên nhiên ở đây an bình đến mức đứa bé có thể hoàn toàn vô sự như một con thú rừng. Khách qua đường bất luận nam nữ ai cũng có thể cho nó bú bằng cách đưa ngón tay cho ngậm. Đứa bé chỉ cần 10 tháng thì có thể biết đi biết chạy để hòa nhập vào xã hội. Toàn bộ y phục, thực phẩm và trang sức ở châu này đều có thể được hái xuống từ những cây Như Ý Thọ (*kapparukkha*) mọc đầy khắp nơi. Khi có một người qua đời, người Bắc Cưu Lưu Châu không hề than khóc, họ lấy vải trắng quấn chặt tử thi rồi đem tới một chỗ vắng bỏ đó. Một loài chim đại bàng sẽ tha xác chết này về những vùng xa xôi không người.

4- Sáu cõi Dục Thiên gồm thấp nhất là cõi Tứ Thiên Vương (*catummahārājikā*), tuổi thọ trung bình là 9 triệu năm nhân loại và cao nhất là cõi Tha Hoá Tự Tại có tuổi thọ hơn 9 tỷ rưỡi năm. Ở cõi Tứ Thiên Vương hầu như có đủ các loài siêu đọa ở đây từ ngựa quý, bàng sanh, a-tu-la, rồng và kim sí điểu (*garuda*).

Từ cõi Đạo Lợi (*tāvatisā*) trở lên đến cõi Dục thiên cao nhất chỉ thuần túy là chư thiên không có loài nào khác. Con voi riêng của Đức Đế Thích hay Ác Ma thiên tử thực ra chính là hai vị trời hóa hiện thành khi chủ của họ cần đến. Hạnh phúc ở các cõi Dục thiên càng lên cao càng vi tế dần. Đến cả cách bày tỏ tình cảm nam nữ cũng thế. Từ cõi Đạo Lợi trở xuống, mọi chuyện giống hệt cõi người. Ở cõi Dạ Ma (*yāmā*) chỉ ôm chầm nhau, ở cõi Đâu Suất (*tusitā*) chỉ nắm tay nhau, ở Hoá Lạc thiên (*nimmānarati*) chỉ mỉm cười với nhau và ở cõi Tha Hóa Tự Tại (*paranimmitavasavati*) chỉ cần nhìn nhau bằng tâm dục nhiễm. Cõi càng cao thì tham dục càng ít và tuổi thọ càng lâu. Đó cũng là lý do khiến điều kiện sanh lên các cõi Dục thiên cao cấp cũng khó khăn. Người muốn về đây phải có Bát Giới thanh tịnh và một đời sống ly dục nhẹ nhàng. Nên nhớ chư thiên cõi thấp không thể nhìn thấy chư thiên cõi cao hơn, trừ phi họ hóa hiện thô tướng.

5- 16 cõi Sắc Giới (*rūpabhūmi*) gồm có:

- Tầng Sơ thiên gồm có 3 cõi: Phạm Chúng (*brahmapārisajja*), Phạm Phụ (*brahmapurohita*) và Đại Phạm thiên (*mahābrahma*).

- Tầng Nhị thiền gồm có 3 cõi: Thiếu Quang thiên (*parittābhā*), Vô Lượng Quang thiên (*appamāṇābhā*) và Quang Âm thiên (*ābhassarā*).
- Tầng Tam thiền gồm có 3 cõi: Thiếu Tịnh thiên (*parittasubhā*), Vô Lượng Tịnh thiên (*appamāṇasubhā*) và Biến Tịnh thiên (*subhakiṇhā*).
- Tầng Tứ thiền (theo Kinh Tạng) gồm có 7 cõi: Quảng Quả thiên (*vehapphala*), Vô Tướng thiên (*asaññāsatta, asaññī*) và 5 cõi Tịnh Cư (*suddhāvāsā*).

6- Bốn cõi Vô Sắc (*arūpabhūmi*) gồm:

- Hư Không Vô Biên (*ākāsānañcāyatanabhūmi*)
- Thức Vô Biên (*viññāṇañcāyatanabhūmi*)
- Vô Sở Hữu (*ākiñcaññāyatanabhūmi*)
- Phi Tướng Phi Phi Tướng (*nevasaññānāsaññāyatanabhūmi*)

Nói là cõi nhưng ở đây tuyệt đối không có bất cứ dấu vết nào của vật chất từ hình bóng chúng sanh đến hoa viên lâu đài hồ nước đều không có gì.

Bảng 39- Biểu Đồ Tóm Lược 31 Cõi

Cõi Dục giới <i>(kāmadhūmi)</i>	4 địa xứ <i>(apāyabhūmi)</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Địa ngục (<i>niraya</i>) - Bàn sanh (<i>tiracchānayoni</i>) - Ngạ quỷ (<i>petavisaya</i>) - A-tu-la (<i>asurakāya</i>)
	7 cõi lành <i>(kāmasugati)</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Nhân loại (<i>manussa</i>) gồm 4 hành tinh có người ở trong mỗi vũ trụ. - Tứ Thiên Vương (<i>catummahārājikā</i>) - Đạo Lợi (<i>tāvatisā</i>) - Dạ Ma (<i>yāmā</i>) - Đâu Suất (<i>tusitā</i>) - Hoá Lạc thiên (<i>nimmānarati</i>) - Tha Hoá Tự Tại (<i>paranimitavasavattī</i>)
Cõi Sắc Giới <i>(rūpāvacarabhūmi)</i>	Cõi Sơ Thiên <i>(pathamajjhāna)</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Phạm Chúng (<i>brahmapārisajja</i>) - Phạm Phụ (<i>brahmapurohita</i>) - Đại Phạm thiên (<i>mahābrahma</i>)
	Cõi Nhị Thiên <i>(dutiyaajjhāna)</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Thiếu Quang thiên (<i>parittābhā</i>) - Vô Lượng Quang thiên (<i>appamāṇābhā</i>) - Quang Âm thiên (<i>ābhassarā</i>)
	Cõi Tam Thiên <i>(tatiyaajjhāna)</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Thiếu Tịnh thiên (<i>parittasubhā</i>) - Vô Lượng Tịnh thiên (<i>appamāṇasubhā</i>) - Biến Tịnh thiên (<i>subhakiṇhā</i>)
	Cõi Tứ Thiên <i>(catutthajjhāna)</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Quảng Quả thiên (<i>vehapphala</i>) - Vô Tướng thiên (<i>asaññāsatta, asaññī</i>) 5 cõi Tịnh Cư (<i>suddhāvāsā</i>): - cõi Vô Phiền (<i>avihā</i>) - cõi Vô Nhiệt (<i>ātappā</i>) - cõi Thiện Hiện (<i>sudassā</i>) - cõi Thiện Kiến (<i>sudassī</i>) - cõi Sắc Cứu Cánh (<i>akaniṭṭha</i>)
Cõi Vô Sắc Giới <i>(arūpāvacara-bhūmi)</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Hư Không Vô Biên (<i>ākāsānañcāyatanabhūmi</i>) - Thức Vô Biên (<i>viññāṇañcāyatanabhūmi</i>) - Vô Sở Hữu (<i>ākīñcaññāyatanabhūmi</i>) - Phi Tưởng Phi Phi Tưởng <i>(nevasaññānāsaññāyatanabhūmi)</i> 	

Xem thêm phần giải thích về các cõi phía trên

II. CHÚNG SANH (PUGGALA) VÀ CẢNH GIỚI (BHŪMI)

1. Ở 4 cõi đọa xứ (*apāya*) chỉ có người Khổ (*duggatyāhetuka*).
2. Ở cõi người và Tứ Thiên Vương có 11 hạng người trừ người Khổ.
3. Từ cõi Đạo Lợi đến Tha Hóa Tự Tại có 10 hạng người trừ người Khổ và người Lạc vô nhân.
4. Ở 10 cõi Phạm thiên phạm Ngũ uẩn thì có được người Tam nhân và 8 bậc thánh.
5. Ở cõi Vô Tướng chỉ có người Lạc vô nhân. Gọi là Lạc vì đây không phải là cõi đọa xứ, gọi là Vô Nhân vì đây là cõi không tâm nên không có 6 nhân.
6. Ở 5 cõi Tịnh Cư thì chỉ có 3 hạng là Tam quả, Tứ đạo và Tứ quả.
7. Ở 4 cõi Vô sắc có được 8 hạng người, hạng Tam nhân và 7 thánh nhân (trừ Sơ đạo).

Bảng 40- Biểu Đồ Tóm Lược chúng sanh và cảnh giới

Cảnh giới	Chúng sanh
- 4 đọa xứ	Người khổ
- Người - Tứ đại thiên vương	- 8 bậc thánh nhân - người tam nhân - người nhị nhân - người lạc Vô Nhân - người khổ
- Đạo lợi - Dạ ma - Đâu suất - Hóa lạc thiên - Tha hóa tự tại	- 8 bậc thánh nhân - người tam nhân - người nhị nhân
- Phạm thiên ngũ uẩn	- 8 bậc thánh nhân - người tam nhân
- Phạm thiên vô tướng	- người lạc Vô Nhân
- Ngũ tịnh cư	- người tứ quả - người tứ đạo - người tam quả
- 4 cõi vô sắc	- 7 thánh nhân (trừ Sơ đạo) - người tam nhân

III. VỀ VẤN ĐỀ TÁI SANH (PAṬISANDHI)

- 1- Bốn loài đọa xứ tái sanh bằng tâm Quan Sát thọ xả quả bất thiện. Chính tâm này cũng là tâm Hữu Phần và Mệnh Chung của họ. Nhóm này được gọi là Người Khổ.
- 2- Trong cõi người và Tứ Thiên Vương có những cá nhân dị dạng bẩm sinh, tái tục bằng tâm Quan Sát thọ xả quả bất thiện. Hạng này được gọi là Người Lạc vô nhân.
- 3- Trong 7 cõi thiện thú Dục giới, hầu hết nhân loại và chư thiên tái sinh bằng 1 trong 8 tâm Đại quả. Trong đó, những Người và Trời thuộc hạng Nhị nhân thì chỉ tái tục bằng tâm Đại quả ly trí mà thôi.
- 4- Các cõi Phạm thiên:
 - a. Phạm thiên 3 cõi Sơ thiên tái tục bằng tâm Quả Sơ thiên
 - b. Phạm thiên 3 cõi Nhị thiên tái tục bằng tâm Quả Nhị thiên (Tạng Kinh) hoặc tâm Quả Tam thiên (Tạng A-tỳ-đàm).
 - c. Phạm thiên 3 cõi Tam thiên tái tục bằng tâm Quả Tam thiên (Tạng Kinh) hoặc Tứ thiên (Tạng A-tỳ-đàm).
 - d. Phạm thiên 3 cõi Tứ thiên (trừ Vô Tướng) tái tục bằng tâm Quả Ngũ thiên (nói theo Tạng kinh là Tứ thiên).
 - e. Phạm thiên cõi Vô Tướng tái tục bằng 9 Sắc Nghiệp gồm 8 Sắc Bất Ly và Sắc Mạng Quyền.
 - f. Bốn cõi Vô sắc tái tục bằng một tâm quả Vô sắc tương ứng.

Ghi chú:

Một người độn căn (*mandapuggala*), tức kẻ trí chậm, sau khi đắc Sơ thiền phải bỏ bớt từng chi thiền một để lần lượt chứng đắc các tầng thiền cao hơn. Với người lợi căn thì sau khi chứng Sơ thiền, có thể cùng lúc bỏ cả Tầm, Tứ để đắc Nhị thiền. Tức là Nhị thiền của người lợi căn có phẩm tính tương đương Tam thiền của người độn căn. Và Tứ thiền của người lợi căn tương đương với Ngũ thiền của người độn căn. Như vậy cách tính 4 tầng thiền là dành cho người lợi căn. Trong thực tế tu chứng, như đã được quan sát ở trung tâm Pa Auk, thiền sinh ở đây thường chọn cách kể thiền Sắc giới có 4, còn việc họ có là lợi căn hay không thì chưa rõ. Sau đây là biểu đồ minh họa cho cả 2 cách tính các tầng thiền.

Bảng 41- Biểu Đồ Các Chi Thiền theo 2 cách tính và cõi tương ứng

Chi Thiền (<i>jhānanga</i>)	Cách tính Ngũ Thiền (A-tỳ-đàm)	Cách tính Tứ Thiền (Kinh)	Cõi Phạm thiền
Tầm, Tứ, Hỷ, Lạc, Định	Sơ Thiền	Sơ Thiền	Sơ Thiền
Tứ, Hỷ, Lạc, Định	Nhị Thiền	/	Sơ thiền
Hỷ, Lạc, Định	Tam Thiền	Nhị Thiền	Nhị Thiền
Lạc, Định	Tứ Thiền	Tam Thiền	Tam Thiền
Xả, Định	Ngũ Thiền	Tứ Thiền	Tứ Thiền

IV. SANH CHỨNG VÀ THỌ LƯỢNG

Tất cả chúng sinh trong 31 cõi nếu tính theo cách thọ sanh thì gồm có bốn loài là:

- Noãn sanh, tức sanh ra bằng trứng (*aṇḍajapaṭisandhi*).
- Thai sanh, tức sanh ra nguyên con trực tiếp từ tử cung (*jalābujapaṭisandhi*).
- Thấp sanh, tức sanh ra trong môi trường thiên nhiên (*samsedajapaṭisandhi*).
- Hóa sanh, tức tự xuất hiện không cần bất cứ một môi trường sinh học nào (*opapātikapaṭisandhi*).

Ghi chú:

- Chúng sanh địa ngục thuộc hạng Hóa sanh.
- Ngạ quỷ và A-tu-la có cả hai dạng Thai sanh và Hóa sanh.
- Bàn sanh có thể sinh ra bằng cả bốn cách.
- Nhân loại thời sơ kiếp thuộc dạng Hóa sanh, sau đó thì đôi khi có đủ cả 4 dạng.
- Các loài địa cư thiên (tính luôn cõi Tứ Thiên Vương) thì sanh ra bằng một trong hai cách Thai sanh hoặc Hóa sanh.
- Chư thiên trong các cõi Dục thiên từ Đao lợi trở lên và Phạm thiên Sắc giới chỉ có thể sanh ra bằng cách Hóa sanh.

Về thọ lượng (tuổi thọ) của các loài chúng sanh thì như sau:

1. Đối với bốn loài Đọa xứ thì tuổi thọ bất định, ngắn dài tùy theo hạnh nghiệp mỗi cá nhân. Có nhiều loài vi sinh tuổi thọ ngắn hơn một giây đồng hồ, và có những địa ngục chỉ một ngày đêm cũng hơn 9 tỷ năm, thậm chí thọ lượng lên đến 84.000 đại kiếp.
2. Tuổi thọ loài người cũng là bất định, kẻ vầy người khác. Dù trong mỗi thời kỳ tuổi thọ trung bình của nhân loại có thể ấn định là bao nhiêu đó, nhưng không phải ai cũng sống lâu bằng nhau.
 - Cứ một lần tuổi thọ tăng từ 10 lên đến A-tăng-kỳ (10^{140}) năm rồi giảm xuống 10 trở lại thì gọi là một Trung gián kiếp (*antarakappa*).
 - 64 Trung gián kiếp làm thành một A-tăng-kỳ kiếp (*asankheyyakappa*). Có nơi nói là 20 Trung gián kiếp làm thành một A-tăng-kỳ kiếp. A-tăng-kỳ kiếp ở đây là tên gọi cho một đơn vị thời gian, không phải là một con số mà thường được biểu thị là 10^{140} như khi nói một A-tăng-kỳ năm hay thời gian tu hành của bồ tát là bốn A-tăng-kỳ Đại kiếp (A-tăng-kỳ lúc này là một con số).

Thời gian của một A-tăng-kỳ kiếp được Đức Phật so sánh với thời gian người ta lấy hết số hạt cải từ một cái thùng mỗi cạnh một do-tuần (khoảng 11 km), và mỗi trăm năm chỉ lấy ra một hạt.

- 4 A-tăng-kỳ kiếp vừa nói cộng thành một Đại Kiếp (*mahākappa*), tức 4 giai đoạn Thành-Trụ-Hoại-Không của một trái đất.
3. Các loài địa cư thiên và a-tu-la đọa trong cõi Tứ Thiên Vương cũng không có thọ lượng nhất định.
 4. Từ cõi Đao Lợi trở lên đến cõi Vô sắc cao nhất thì có thọ lượng nhất định.
 - Cõi Tứ Thiên Vương sống được 500 tuổi trời ở đây (một ngày đêm bằng 50 năm nhân loại), tương đương với 9 triệu năm cõi người.
 - Chư thiên Đao Lợi sống được 1.000 tuổi cõi này (một ngày đêm bằng 100 năm của loài người), tương đương 36 triệu năm nhân loại.
 - Chư thiên Dạ Ma sống được 2.000 tuổi cõi này (một ngày đêm bằng 200 năm của loài người), tương đương 144 triệu năm nhân loại.
 - Chư thiên Đâu Suất sống được 4.000 tuổi cõi này (một ngày đêm bằng 400 năm của loài người), tương đương 576 triệu năm nhân loại.
 - Chư thiên Hóa Lạc sống được 8.000 tuổi cõi này (một ngày đêm bằng 800 năm của loài người), tương đương hai tỷ 304 triệu năm nhân loại.
 - Chư thiên Tha Hóa Tự Tại sống được 16.000 tuổi cõi này (một ngày đêm bằng 1.600 năm của loài người), tương đương 9 tỷ 216 triệu năm nhân loại.

Đó là lý do tại sao Chư Phật ba đời luôn chọn cõi trời làm chỗ thuyết giảng A-tỳ-đàm. Với thời gian của chư thiên, để nghe xong Tạng A-tỳ-đàm chỉ là một khoảnh khắc. Tính theo cõi Đao Lợi, chỉ là 3,6 phút. Trong suốt thời gian đó chư thiên không hề cần đến một sinh hoạt nào xen kẽ như ăn uống, vệ sinh hay nghỉ ngơi.

Nói về vấn đề kiếp hoại, tức sự tan rã của mỗi trái đất, thì Đức Phật dạy không một hành tinh hay thiên thể nào, kể cả trái đất của chúng ta, lại có thể trường tồn bất hoại. Mỗi trái đất có thể bị tiêu hủy bằng một trong ba nhân: Lửa, nước hay gió. Khi bị hoại bằng lửa, từ địa ngục thấp nhất cho đến hết ba tầng Sơ thiên đều bị cháy tan thành tro bụi. Sau bảy trái đất bị tiêu hoại bằng lửa thì sẽ có một trái đất tiêu hoại bằng nước. Trận hồng thủy này tàn phá cả ba cõi Nhị thiên. Sau bảy lần hoại bằng nước thì sẽ có một lần địa cầu bị hoại bằng gió. Trận cuồng phong này thổi tung cả ba cõi Tam thiên.

100.000 năm trước khi xảy ra vụ hoại kiếp, chư thiên sẽ xuất hiện trong hình thức những người mặt áo đỏ đi khắp nơi khuyến tấn mọi người tu tập thiền định để cùng rời khỏi Dục giới. Những chúng sanh vô duyên sẽ lần lượt tái sanh về các hệ vũ trụ khác.

Cũng nên biết một ngàn năm trước khi một vị Chánh Đẳng Giác ra đời, một trăm năm trước khi Chuyển Luân Vương ra đời, 7 hoặc 12 năm trước khi Phật Đốc Giác hoặc các đạo sĩ đức trọng ra đời thì chư thiên (*lokapāladeva*) cũng tìm cách thông báo cho thiên hạ được biết trước. Dĩ

nhiên chỉ những người hữu phúc, hữu duyên thì mới có niềm tin và biết chuẩn bị làm lành để chờ gặp các vị đó.

Bảng 42- Chu Kỳ Tiêu Hoại của Thế Giới

		Lần thứ								
		1	2	3	4	5	6	7	8	
Chu kỳ	1	Lửa	Lửa	Lửa	Lửa	Lửa	Lửa	Lửa	Lửa	Nước
	2	Lửa	Lửa	Lửa	Lửa	Lửa	Lửa	Lửa	Lửa	Nước
	3	Lửa	Lửa	Lửa	Lửa	Lửa	Lửa	Lửa	Lửa	Nước
	4	Lửa	Lửa	Lửa	Lửa	Lửa	Lửa	Lửa	Lửa	Nước
	5	Lửa	Lửa	Lửa	Lửa	Lửa	Lửa	Lửa	Lửa	Nước
	6	Lửa	Lửa	Lửa	Lửa	Lửa	Lửa	Lửa	Lửa	Nước
	7	Lửa	Lửa	Lửa	Lửa	Lửa	Lửa	Lửa	Lửa	Nước
	8	Lửa	Lửa	Lửa	Lửa	Lửa	Lửa	Lửa	Lửa	Gió

Bảng 43- Tuổi Thọ Ở Cõi Trời Dục Giới

Cõi trời Dục giới (<i>kāmadevabhūmi</i>)	Tuổi trời	Năm ở cõi người
* Tứ Thiên Vương (<i>catummahārājika</i>)	500	9.000.000
* Đao Lợi (<i>tāvātimsa</i>)	1.000	36.000.000
* Dạ Ma (<i>yāma</i>)	2.000	144.000.000
* Đâu Suất (<i>tusita</i>)	4.000	576.000.000
* Hoá Lạc thiên (<i>nimmānarati</i>)	8.000	2.314.000.000
* Tha Hoá Tụ Tại (<i>paranimmitavasavati</i>)	16.000	9.216.000.000

Bảng 44- Tuổi Thọ các cõi Phạm thiên

Tầng thiên	Tên cõi	Thọ lượng
Sơ Thiên	- Phạm Chúng (<i>brahmapārisajja</i>) - Phạm Phụ (<i>brahmapurohita</i>) - Đại Phạm thiên (<i>mahābrahma</i>)	$\frac{1}{3}$ Tăng-kỳ kiếp $\frac{1}{2}$ Tăng-kỳ kiếp 1 Tăng-kỳ kiếp
Nhị Thiên	- Thiếu Quang thiên (<i>parittābhā</i>) - Vô Lượng Quang thiên (<i>appamāṇābhā</i>) - Quang Âm thiên (<i>ābhassarā</i>)	2 Đại kiếp 4 Đại kiếp 8 Đại kiếp
Tam Thiên	- Thiếu Tịnh thiên (<i>parittasubhā</i>) - Vô Lượng Tịnh thiên (<i>appamāṇasubhā</i>) - Biến Tịnh thiên (<i>subhakiṇhā</i>)	16 Đại kiếp 32 Đại kiếp 64 Đại kiếp
Tứ Thiên	- Quả thiên (<i>vehapphala</i>) - Vô Tướng thiên (<i>asaññāsatta, asaññī</i>)	500 Đại kiếp 500 Đại kiếp
	5 cõi Tịnh Cư (<i>suddhāvāsā</i>): - cõi Vô Phiền (<i>avihā</i>) - cõi Vô Nhiệt (<i>ātappā</i>) - cõi Thiện Hiện (<i>sudassā</i>) - cõi Thiện Kiến (<i>sudassī</i>) - cõi Sắc Cứu Cánh (<i>akaniṭṭha</i>)	Đại kiếp Đại kiếp Đại kiếp Đại kiếp 16.000 Đại kiếp
Vô Sắc	- Hư Không Vô Biên (<i>ākāsānañcāyatanabhūmi</i>)	20.000 Đại kiếp
	- Thức Vô Biên (<i>viññānañcāyatanabhūmi</i>)	40.000 Đại kiếp
	- Vô Sở Hữu (<i>ākīñcaññāyatanabhūmi</i>)	60.000 Đại kiếp
	- Phi Tướng Phi Phi Tướng (<i>nevasaññānāsaññāyatanabhūmi</i>)	84.000 Đại kiếp

V. ĐÔI ĐIỀU VỀ NGHIỆP BÁO

Nghiệp ở đây là tâm sở Tư trong các tâm thiện ác để tạo ra tam nghiệp (Thân, Khẩu, Ý ác hay lành). Một cách đại khái nghiệp có hai loại: Nghiệp Dục giới và nghiệp Đáo đại để dẫn sanh 31 cõi. Mỗi loại nghiệp có một cách cho Quả Dị Thục khác nhau. Sau đây là các loại nghiệp được phân tích theo các khía cạnh.

A. NGHIỆP KẾ THEO NHIỆM VỤ (KICCA)

1. **Sanh Nghiệp** (*janakakamma*), tức nghiệp tạo ra Ngũ uẩn, nói gọn là nghiệp tái sinh.
2. **Trì Nghiệp** (*upatthambhakakamma*), tức những nghiệp có nhiệm vụ bảo trì đời sống của một chúng sinh.
3. **Chướng Nghiệp** (*upapīlakakamma*) là những loại nghiệp làm ngăn trở hay gây khó khăn trong đời sống bình nhật của chúng sinh.
4. **Đoạn Nghiệp** (*upaghātakakamma*), tức loại nghiệp có tác dụng tàn phá hay chặn đứng sức sống của một chúng sanh.

Ta có thể lấy cuộc đời của ông Devadatta để minh họa cho 4 loại nghiệp này: Nhờ Sanh nghiệp tốt nên ông là người Tam nhân trong một gia đình hoàng tộc. Nhờ Trì nghiệp tốt nên ông có cả một thời tuổi trẻ mà ai cũng mong muốn. Chướng nghiệp bắt đầu xuất hiện khi ông có lòng chống đối Đức Phật và chia rẽ Tăng già, những thứ tốt đẹp mà ông có

trước đó cũng vì vậy mà dần dần mất sạch, từ thiền định, thăng trí đến uy tín và sức khoẻ. Và Đoạn nghiệp đã xuất hiện khi ông bị đất rút vì đã cùng lúc tạo hai nghiệp Vô Gian là Chia rẽ tăng và Làm thân Phật chảy máu.

B. NGHIỆP PHÂN THEO CÁCH CHO QUẢ (PĀKADĀNAPARIYĀYA)

1. **Trọng Nghiệp** (*garukakamma*): Gồm những nghiệp thiện ác có khả năng mãnh liệt không thể ngăn chặn được bằng bất cứ một nghiệp nào khác và chắc chắn sẽ cho Quả Dị Thục ngay đời kế tiếp.
 - Trọng nghiệp bất thiện gồm **Tà Kiến Cố Định** (*niyatamicchādittṭhi*) và 5 tội đại nghịch còn gọi là **Nghiệp vô gian** (*pañcānantariyakamma*) là **giết cha** (*pitughāta*), **giết mẹ** (*matughāta*), **giết A-la-hán** (*arahattaghāta*), **chia rẽ tăng chúng** (*sanghabhedana*) và **làm thân Phật chảy máu** (*lohituppāda*).
 - Trọng nghiệp thiện gồm có các tầng thiền Định Sắc giới, Vô sắc giới và thánh đạo (*lokuttaramagga*).
2. **Cận Tử Nghiệp** (*maraṇāsannakamma*): Là các nghiệp được thực hiện ngay trước giờ phút lâm chung.
3. **Thường Nghiệp** (*āciṇṇakamma*): Là những nghiệp thiện ác tuy không lớn lao nhưng được lập đi lập lại nhiều lần trong lúc bình sinh, như nghề nghiệp hoặc những việc thường làm mỗi ngày.

4. **Khinh Thiểu Nghiệp** (*katattākamma*): Là những nghiệp thiện ác vặt vãnh, rơi rớt trong một đời người mà thường khi ta cũng không nhớ đến.

Nếu ta đã tạo một trong các loại Trọng nghiệp như đã kể thì chính nó sẽ đưa ta đi tái tục ngay kiếp sau ở một cảnh giới tương ứng. Trong trường hợp không có Trọng nghiệp thì Cận tử nghiệp là loại nghiệp có sức mạnh thứ hai. Nên nhớ Cận tử nghiệp luôn chịu một tác động rất lớn từ Thường nghiệp. Nghĩa là tùy thuộc vào thói quen thường ngày mà Cận tử nghiệp kia có đủ mạnh để ảnh hưởng đến việc tái sinh của ta hay không. Kinh kể rằng ở Tích Lan ngày xưa có một vị A-la-hán tên *Soṇa*. Thân phụ của ngài cả đời là một thợ săn, về già đi xuất gia sống chung chùa với người con trai. Phút cận tử, vị sư già này nhìn thấy Thú tướng địa ngục hiện ra, và dĩ nhiên rất sợ hãi, đem chuyện kể lại cho con mình là ngài *Soṇa*. Vị thánh tăng nhờ người khiêng giường của cha đến bên cạnh ngôi đại tháp của chùa và cho trang hoàng ở đó thật nhiều bông hoa, nhang đèn. Khi nhà sư già nhìn thấy cảnh tượng này rồi khởi tâm hoan hỷ thì hình ảnh Thú Tướng kia lập tức biến mất. Thay vào đó là Thú tướng thiên giới và vị sư già được sinh thiên.

Chuyện thứ hai là của vua Tích Lan tên *Duṭṭhāgamiṇi*. Suốt thời bình sinh, vua là một cư sĩ thuần thành rất mực. Lần đó, vua bị đảo chánh và phải lẩn trốn trong rừng sâu, hoàn cảnh cực kỳ bi đát, trong tay chỉ còn lại một bát cơm. Nhưng vua không muốn ăn một mình, cầm bát cơm mà ông cứ thăm mong nhìn thấy được một tỳ kheo đầu đà nào đó

trong rừng để cúng dường. Khi ấy một vị A-la-hán lục thông đã xuất hiện trước mặt vua, ngay trên hư không. Vua mừng rỡ và cúng hết phần cơm cho ngài. Sau đó, biết vua đang đói, vị A-la-hán lúc này đã đi mất nhưng đã dùng thần thông gửi đến vua một bát cơm đầy qua đường hư không để củng cố niềm tin của vua. Về sau cuộc nội loạn chấm dứt, vua lấy lại được ngài vàng và càng hết lòng hộ trì Phật pháp. Vua đã cho xây dựng rất nhiều đại tháp để thờ phụng Xá Lợi Phật. Tất cả công đức của vua sau đó đã được ghi lại thành sách, tức là cuốn *Thūpavamsa* là một trong những sử liệu quan trọng bậc nhất của Phật giáo Tích Lan. Sau này, lúc lâm chung, vua được nghe người ta đọc lại bộ sách này và với hồi ức mãnh liệt về chuyện cũ, vua đã sanh về cõi Đâu Suất. Nói vậy có nghĩa là có lúc Cận tử nghiệp có thể là những Thường nghiệp được tái hiện lại trong giờ cận tử.

Ngài *Buddhaghosa* có đưa một ví dụ về 4 loại nghiệp trên như sau: Mỗi sáng, khi một chuồng bò được mở cửa thì con bò mạnh nhất hoặc con bò đứng gần cửa nhất sẽ có dịp chạy ra ngoài đầu tiên. Con bò mạnh nhất tượng trưng cho Trọng nghiệp. Nếu không có con bò này, thì con bò gần cửa chuồng nhất (tượng trưng cho Cận tử nghiệp) sẽ là con đầu tiên chạy ra. Loại nghiệp thứ ba đứng sau Cận tử nghiệp là Thường nghiệp. Và như đã nói loại nghiệp này cũng có thể biến thành Cận tử nghiệp khi được dàn dựng bối cảnh.

Loại nghiệp yếu nhất chính là Khinh thiếu nghiệp. Tuy nói là yếu nhất nhưng đôi khi nó cũng có thể là Cận tử nghiệp để đưa người đi tái sinh. Đó là trường hợp của hoàng hậu

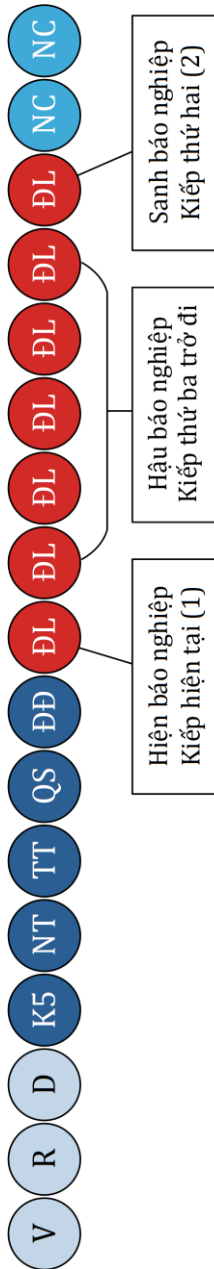
Mallikā. Bà suốt đời là một tín nữ thuần cổ đạo tâm, là vị hoàng hậu được sủng ái nhất của vua Ba Tư Nặc (một vị Phật tương lai). Chính bà là người đã nghĩ ra buổi cúng dường Vô Song Thí (*asadisadāna*) đến Đức Phật nhưng phút lâm chung bà đã không nhớ gì mà chỉ có lòng hối hận vì đã có một lần nói dối gạt vua. Chuyện đó chỉ là Khinh thiểu nghiệp nhưng cũng đã trở thành Cận tử nghiệp để đưa bà xuống địa ngục trong 7 ngày (tính theo thời gian nhân loại) trước khi sanh về cõi Đâu Suất.

C. NGHIỆP PHÂN THEO THỜI GIAN CHO QUẢ (PĀKAKĀLA)

Theo cách phân chia này thì có 4 loại nghiệp:

1. **Hiện Báo Nghiệp** (*ditṭhadhammavedanīyakamma*): Nghiệp cho quả ngay đời hiện tại được tạo ra bởi tâm sở Tư trong Đồng lực thứ nhất.
2. **Sanh Báo Nghiệp** (*upapajjavedanīyakamma*): Nghiệp cho quả nhất định ở đời kế tiếp, ngay sau kiếp này. Sanh báo nghiệp được tạo bởi tâm sở Tư trong Đồng lực thứ bảy. Nếu không có cơ hội ở kiếp thứ hai này thì nó trở thành Vô hiệu nghiệp.
3. **Hậu Báo Nghiệp** (*aparāpariyavedanīyakamma*): Nghiệp cho quả từ đời thứ ba trở đi cho đến khi không còn hiệu lực. Nghiệp này được tạo ra bởi tâm sở Tư trong 5 Đồng lực giữa. Đến cả chư Phật Toàn Giác vẫn không thoát được sự ảnh hưởng của các Hậu báo nghiệp quá khứ.
4. **Vô Hiệu Nghiệp** (*ahosikamma*), gồm các trường hợp:

- Các nghiệp thiện ác đã hết hạn cho quả (do bị chèn lấn bởi các nghiệp khác mạnh hơn).
- Với người đã không còn cơ hội chịu quả (như với người sanh cõi cao hoặc vị A-la-hán đã viên tịch).
- Các nghiệp không còn giữ được tác dụng cũ (như người đắc được Nhị thiên thì lúc lâm chung Sơ thiên của vị ấy là Vô hiệu nghiệp).



Hình 34- Nghiệp Phân Theo Thời Gian Cho Quả

D. CÁC LOẠI NGHIỆP CĂN (PĀKATHĀNA)

Tức nghiệp được phân tích theo tâm và tâm sở gồm có 4 loại sau đây:

1. **Nghiệp Bất Thiện (*akusala*):** Gồm tâm sở Tư trong 12 tâm bất thiện, có năng lực dẫn sanh đọa xứ.
2. **Nghiệp Thiện Dục Giới (*kāmāvacarakusala-kamma*):** Là tâm sở Tư trong 8 tâm Đại thiện, có năng lực dẫn sanh 7 cõi nhân thiên Dục giới.
3. **Nghiệp Thiện Sắc Giới (*rūpāvacarakuslakamma*):** Là tâm sở Tư trong 5 tâm thiện Sắc giới, có năng lực dẫn sanh 16 cõi Sắc giới.
4. **Nghiệp Thiện Vô Sắc Giới (*arūpāvacarakusala-kamma*):** Là tâm sở Tư trong 4 tâm thiện Vô sắc giới, có năng lực dẫn sanh 4 cõi Vô sắc giới.

Tất cả các nghiệp vừa kể chung quy tạo ra 2 thứ quả báo:

- Danh uẩn Dị Thục (*vipākanāmakkhanda*), là tất cả tâm quả Hiệp thế. Nói vậy có nghĩa là các tâm thiện ác đời này hoàn toàn không phải là nghiệp quá khứ mà do ta tạo ra ngay hiện tại. Nếu có một quan hệ nào đó trong quá khứ thì chỉ là vấn đề thói quen huân tập từ trước cộng với hoàn cảnh hiện tại.
- Sắc pháp sinh học (*kaṭattarūpa*) chỉ cho Sắc Nghiệp (*kammajarūpa*) và Sắc Nhiệt Lượng (*utujarūpa*) trong cơ thể chúng sanh hay có liên hệ gián tiếp đến đời sống của chúng sanh.

E. NGHIỆP MÔN (KAMMADVĀRA)

Chúng sanh có 3 cách tạo nghiệp, ở đây gọi là nghiệp môn:

1. **Thân nghiệp** (*kāyakamma*), tức nghiệp thiện ác được thực hiện qua ngũ thân, với sự trợ giúp của thân biểu tri.
2. **Khẩu nghiệp** (*vacīkamma*) tức ngôn ngữ hay lời nói được tác động bằng tâm thiện hay bất thiện và được thực hiện bởi khẩu biểu tri.
3. **Ý nghiệp** (*manokamma*), tất cả tư tưởng thiện ác diễn ra trong nội tâm, không cần thể hiện qua hành động hay lời nói.

F. MƯỜI BẤT THIỆN NGHIỆP (AKUSALAKAMMAPATHA)

Thân nghiệp bất thiện kể vắn tắt theo kinh gồm có 3:

- Sát sanh (*pāṇātipātā*)
- Trộm cắp (*adinnādānā*)
- Tà dâm (*kamesumicchācārā*)

Khẩu nghiệp bất thiện kể vắn tắt theo kinh gồm có 4:

- Nói dối (*musāvādā*)
- Nói đâm thọc (*pisuṇavācā*)
- Nói lời ác ngữ (*pharusavācā*)
- Nói phiếm luận (*samphappalāpa*)

Ý nghiệp bất thiện kể vắn tắt theo kinh gồm có 3:

- Tham ác (*abhijjhā*), lòng tham đủ mạnh để tạo các nghiệp bất thiện qua đường Thân Khẩu.

- Sân ác (*vyāpāda*), lòng sân đủ mạnh để tạo các nghiệp bất thiện qua đường Thân Khẩu.
- Tà kiến (*micchādittḥi*) gồm Thường kiến và Đoạn Kiến.

Trong 10 nghiệp bất thiện trên đây, sát sanh, ác ngữ và sân hận được tạo bởi tâm sân (*dosamūlacitta*). Tà dâm, tham, tà kiến được tạo bởi tâm tham (*lobhamūlacitta*). Trộm cắp, nói dối, nói đâm thọc và phiếm luận được tạo bởi tâm tham hoặc tâm sân.

Bảng 45- Mười Bất Thiện Nghiệp

Bất thiện nghiệp	Nghiệp tạo qua	Tâm bất thiện
Sát sanh	Thân	Sân
Trộm cắp	Thân	Tham hoặc Sân
Tà dâm	Thân	Tham
Nói dối	Khẩu	Tham hoặc Sân
Nói đâm thọc	Khẩu	Tham hoặc Sân
Nói lời ác ngữ	Khẩu	Sân
Nói phiếm luận	Khẩu	Tham hoặc Sân
Tham ác	Ý	Tham
Sân ác	Ý	Sân
Tà Kiến	Ý	Tham

G. MƯỜI THIỆN NGHIỆP (KUSALAKAMMAPATHA)

Sự cố ý tránh xa (*virati*) 10 nghiệp bất thiện vừa kể thì được gọi là 10 thiện nghiệp. Hoặc cũng có cách kể khác, gồm chung 3 nghiệp môn (Thân, Khẩu, Ý).

1. Thân Thiện Hạnh (*kāyasucarita*), tức những hành động tốt đẹp gồm có 3:

- Cố ý tránh xa sự sát sanh (*pāṇātipātāvirati*)
- Cố ý tránh xa sự trộm cắp (*adinnādānāvirati*)
- Cố ý tránh xa sự tà dâm (*Kamesu-micchācārāvirati*)

2. Khẩu Thiện Hạnh (*vacīsucarita*), tức ngôn ngữ tốt đẹp gồm 4:

- Cố ý tránh xa sự nói dối (*musāvādāvirati*)
- Cố ý tránh xa sự nói lời đâm thọc (*pisunavācāvirati*)
- Cố ý tránh xa sự nói lời ác ngữ (*pharusavācāvirati*)
- Cố ý tránh xa sự nói phiếm luận (*samphappalāpavirati*)

3. Ý Thiện Hạnh (*Kusalamanokamma*), tức những tư tưởng tốt đẹp gồm có 3:

- Vô Tham (*anabhijjhā*)
- Vô Sân (*avyāpāda*)
- Chánh Kiến (*sammā-ditṭhi*)

H. PHƯỚC NGHIỆP SỰ (PUÑÑAKIRIYAVATTHU)

Gồm các nghiệp lành mà trong kinh thường kể có 10 điều sau đây, được chia thành 3 nhóm:

1. **Nhóm Bồ Thí** (*dāna*) do tâm sở Vô Tham tác động, đối lập với tâm sở Tham và Lận, gồm:
 - Bồ Thí (*dāna*): Là sự xả tài giúp người.
 - Hồi Hướng (*puñña-uddissa*): Là chia sẻ phước báo.
 - Tùy Hỷ (*anumodanā*): Là sự vui theo hạnh lành của người khác.

Hạnh này được ví dụ như hai chân của một người.

2. **Nhóm Trì Giới** (*sīla*) là các hạnh lành do tâm sở Vô Sân tác động, đối lập với tâm sở Sân và Tật, gồm:
 - Giới (*sīla*)
 - Cung Kính (*apacāyana*)
 - Phục vụ (*veyyāvacca*)

Nhóm này tượng trưng cho phần thân thể một người.

3. **Nhóm Tu Tiển** (*bhāvanā*) là các hạnh lành do tâm sở Trí Tuệ tác động, đối lập lại với tâm sở Si, gồm:
 - Chỉ Quán (*bhāvanā*)
 - Nghe pháp (*dhammassavana*)
 - Thuyết pháp (*dhammadesana*)
 - Điều chỉnh tri kiến (*ditṭhujukatā*)

Nhóm này tượng trưng cho cái đầu của một người.

VI. PHÂN LOẠI CÁC THIỆN NGHIỆP

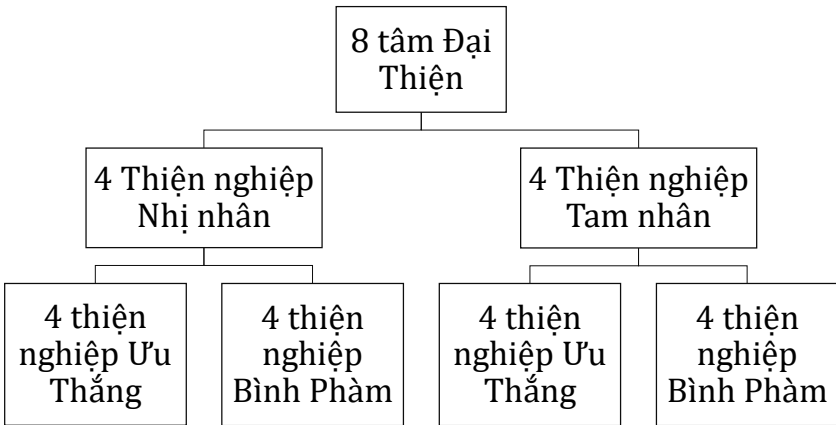
Thiện nghiệp, tức nghiệp lành được phân tích thành 2 trường hợp.

A. THIỆN NGHIỆP LẤY TÂM SỞ TRÍ TUỆ LÀM GỐC

Có trường hợp ta làm thiện bằng tâm tam nhân (*tihetukakusalakamma*) tức là tâm có được **một trong hai loại trí đi cùng, là trí về Nghiệp lý và trí về Tam tướng danh sắc**. Chỉ có loại tâm Đại thiện này mới có đủ 3 nhân thiện Vô Tham, Vô Sân, Vô Si (tâm sở Trí Tuệ). Đây được gọi là thiện nghiệp Tam nhân. Cũng có trường hợp ta làm công đức bằng loại tâm thiện không có được 2 loại trí trên, đó được gọi là thiện nghiệp Nhị nhân (*dvihetukakusalakamma*).

B. THIỆN NGHIỆP LẤY TÂM SỞ TƯ LÀM GỐC GỒM CÓ 2 TRƯỜNG HỢP

Thứ nhất thiện nghiệp Ưu Thắng (*ukkattha*) là việc thiện có đủ tâm sở Tư trước khi, đang khi và sau khi thực hiện và trường hợp thứ hai là thiện nghiệp Bình Phàm (*omaka*) là thiện nghiệp bị thiếu tâm sở Tư vào một thời điểm nào đó (trước khi, đang khi hay sau khi thực hiện).



Hình 35- Phân loại các thiện nghiệp

VII. CÁCH THỨC NGHIỆP CHO QUẢ

Quả ở đây là quả của nghiệp thiện ác, còn gọi là dị thực, như đã nói là ám chỉ cho các tâm quả Hiệp thế, tâm sở đi cùng và Sắc nghiệp. Các loại Sắc Quý Tiết cần thiết cho đời sống của chúng sinh cũng do sự tác động gián tiếp của nghiệp mà xuất hiện.

Chẳng hạn như tâm sở Tư trong 11 tâm bất thiện (trừ Tư đi chung với si Phóng Dật) vào thời tái tục thì tạo ra Quan Sát xả bất thiện để dẫn sanh đọa xứ. Trong thời bình sinh thì cả 12 Tư bất thiện tạo ra 7 tâm quả Vô Nhân bất thiện trong 11 cõi Dục giới và 4 quả bất thiện Vô Nhân trên 15 cõi Sắc giới ngũ uẩn.

Bảng 46- Cách thức nghiệp bất thiện cho quả

Tâm Sở Tư của tâm	Quả bình nhật	Quả bình nhật có mặt ở	Quả làm việc tái sinh	Cảnh giới tái sinh / Người
11 bất thiện (trừ si phóng dật)	* 7 quả bất thiện * 4 quả bất thiện	* 11 cõi Dục giới * 15 cõi Sắc giới (trừ Tỷ, Thiệt, Thân)	Tâm Quan sát thọ xả quả bất thiện	4 đọa xứ/ người Khổ
Si phóng dật	* 7 quả bất thiện * 4 quả bất thiện	* 11 cõi Dục giới * 15 cõi Sắc giới (trừ Tỷ, Thiệt, Thân)	/	/

Đối với nghiệp thiện Dục giới, như đã nói có 2 loại tam nhân và nhị nhân, mỗi loại còn có hai trường hợp ưu thắng và bình phàm.

Bốn Đại thiện nhị nhân bình phàm thời tái tục tạo ra Quan Sát thọ xả quả thiện dẫn sanh thành người Lạc Vô nhân trong cõi người và Tứ Thiên Vương. Thời bình nhật, 4 nghiệp này tạo ra 8 quả thiện Vô Nhân trong 11 cõi Dục giới, 5 quả thiện Vô Nhân (trừ Tỷ thức, Thiệt thức, Thân thức) ở 15 cõi Sắc giới ngũ uẩn.

4 Đại thiện nhị nhân ưu thắng và 4 Đại thiện tam nhân bình phàm trong thời tái tục tạo ra 4 Đại quả ly trí dẫn sanh 7 cõi lành Dục giới làm người nhị nhân. Trong thời bình nhật 4 nghiệp này tạo ra 8 tâm quả thiện Vô Nhân và 4 Đại quả ly trí trong 7 cõi lành Dục giới, 8 quả thiện Vô Nhân trong 4 cõi khổ, 5 quả thiện Vô Nhân trong 15 cõi Sắc giới ngũ uẩn.

4 Đại thiện tam nhân ưu thắng thời tái tục tạo ra 4 Đại quả hợp trí dẫn sanh 7 cõi lành Dục giới cho làm người Tam nhân. Trong thời bình sinh thì có thêm 8 quả thiện Vô Nhân trong 11 cõi Dục giới, 5 quả thiện Vô Nhân trong 15 cõi Sắc giới ngũ uẩn.

Bảng 47- Cách thức nghiệp thiện cho quả

Loại tâm	Quả bình nhật	Cõi	Quả tái tục	Cảnh giới tái sinh	Người
- 4 Đại thiện nhị nhân bình phạm	8 (hoặc 5) quả thiện Vô Nhân	- 11 cõi Dục giới - 15 cõi Sắc giới (trừ Tỷ, Thiệt, Thân)	Quan Sát Xả thiện	cõi Người và Tứ Thiên Vương	Người Lạc vô nhân
- 4 Đại thiện nhị nhân ưu thắng	8 (hoặc 5) quả thiện Vô Nhân	- 11 cõi Dục giới - 15 cõi Sắc giới (trừ Tỷ, Thiệt, Thân)	4 Đại quả ly trí	7 cõi lành Dục giới	Người Nhị nhân
- 4 Đại thiện tam nhân bình phạm	4 Đại quả ly trí	- 7 cõi lành Dục giới			
- 4 Đại thiện tam nhân ưu thắng	8 (hoặc 5) quả thiện Vô Nhân	- 11 cõi Dục giới - 15 cõi Sắc giới (trừ Tỷ, Thiệt, Thân)	4 Đại quả hợp trí	7 cõi lành Dục giới	Người Tam nhân

Về các nghiệp thiện Sắc giới, căn cứ trên Tứ Trường (Dục, Cần, Tâm, Thẩn) trong mỗi tâm thiện mà Quả Dị Thục được chia thành 3 loại (hạ, trung, thượng):

1. Sơ Thiện

- Sơ thiện thiện bậc hạ (có Tứ Trường yếu) dẫn sanh cõi Phạm chúng thiên.
- Sơ thiện thiện bậc trung (có Tứ Trường trung bình) dẫn sanh cõi Phạm phụ thiên.
- Sơ thiện thiện bậc thượng (có Tứ Trường mạnh) dẫn sanh cõi Đại phạm thiên.

2. Nhị Thiện

- Nhị thiện bậc hạ và Tam thiện bậc hạ dẫn sanh cõi Thiếu Quang thiên.
- Nhị thiện bậc trung và Tam thiện bậc trung dẫn sanh cõi Vô Lượng Quang thiên.
- Nhị thiện bậc thượng và Tam thiện bậc thượng dẫn sanh cõi Quang âm thiên.

3. Tứ Thiện

- Tứ thiện bậc hạ dẫn sanh cõi Thiếu Tịnh thiên.
- Tứ thiện bậc trung dẫn sanh cõi Vô Lượng Tịnh thiên.
- Tứ thiện bậc thượng dẫn sanh cõi Biến Tịnh thiên.

4. Ngũ Thiện

- Ngũ thiện bậc hạ dẫn sanh cõi Quảng Quả thiên.

- Với vị đắc Ngũ thiền nhằm chán tâm thức thì sanh về Vô Tướng thiên bằng Sắc tái tục.
- Nếu người đắc ngũ thiền là bậc Tam quả thì sẽ tùy thuộc vào 5 Quyền mà sẽ sanh về một cõi tương ứng (xin xem lại phần trước).

Về các nghiệp thiện Vô sắc giới thì tâm thiền tầng nào dẫn sanh cõi Vô sắc nấy.

VIII. BÀN RỘNG VỀ CÁI CHẾT THEO A-TỀ-ĐÀM (MARAṆUPPATTI)

Như một ngọn đèn bị hết dầu, thiếu không khí hay tim lụn thì phải bị tắt đi, đôi khi chỉ một trong ba lý do cũng đã quá đủ. Sinh mệnh của một chúng sinh có thể bị kết thúc bởi một trong các nguyên nhân sau đây:

1. **Do hết tuổi thọ** (*āyukkhaya*): Nghĩa là đã sống đủ thọ lượng của sanh chủng đó, cảnh giới đó. Như nhân loại thời nay có sống lâu bao nhiêu cũng khó mà hơn được 100 tuổi.
2. **Chết do hết nghiệp** (*kammakkhaya*): Chẳng hạn như các loài đọa xứ khi đã chịu hết thời gian thọ nghiệp thì cũng tự mạng chung để sanh về cõi khác.
3. **Chết do cả hai nguyên nhân trên cộng lại** (*ubhayakkhayamarāṇa*).
4. **Chết bất đắc kỳ tử** (*upacchedakamarāṇa*): Do sự can thiệp bất ngờ của Đoạn nghiệp. Như chết trong một tai nạn hoặc tự sát.

Chỉ trừ những trường hợp tử vong khẩn cấp hay hôn mê sâu trong một thời gian quá dài, ở những cái chết thông thường, người sắp mệnh chung thường thấy một trong ba cảnh sau đây, hiện ra qua cả 6 giác quan:

- a. **Nghiệp Tượng** (*kammārammaṇa*): Hình ảnh trọn vẹn của một thiện nghiệp hay ác nghiệp nào đó trong quá khứ như một lần sát sanh, hay dịp bố thí nào đó.

- b. **Nghiệp Tướng** (*kammanimitta*): Hình ảnh vụn vặt nhưng mang tính tượng trưng cho các thiện ác nghiệp mà đương sự từng làm trong quá khứ. Như người thợ săn nhìn thấy lại cung tên, thầy giáo thấy lại phấn trắng bảng đen.
- c. **Thú Tướng** (*gatinimitta*): Hình ảnh tiêu biểu cho cảnh giới mà mình sắp sanh về (chỉ trong trường hợp các cõi Dục giới).

Vì cảnh Nghiệp Tướng là do một tâm sở Tư (*cetanā*) quá khứ tạo thành, nên trong lúc cận tử nó phải hiện qua Ý môn.

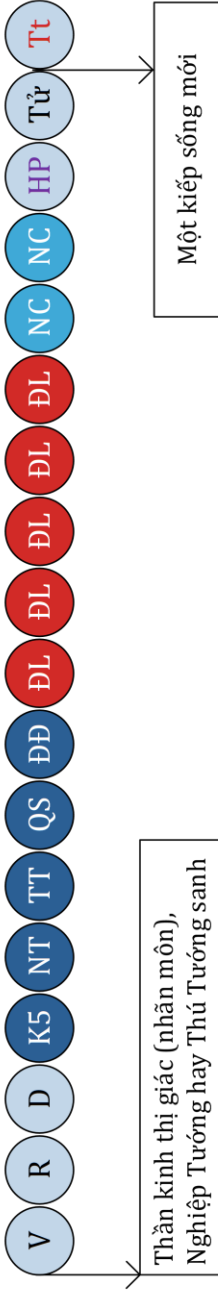
Về Nghiệp Tướng, nếu do một nghiệp đời quá khứ tạo nên thì bây giờ nó xuất hiện qua Ý môn. Nếu nó thuộc về nghiệp đời hiện tại thì nó có thể xuất hiện qua cả 6 môn.

- Nếu nghiệp đó liên đến cảnh sắc thì Nghiệp Tướng sẽ hiện qua Nhãn môn.
- Nếu nghiệp đó liên đến cảnh thanh thì Nghiệp Tướng sẽ hiện qua Nhĩ môn...Xem lại phần này ở mục Dẫn nhập lộ tâm.

IX. CÁC LOẠI TÂM LỘ CẬN TỬ (MARANĀSANNĀVĪTHI)

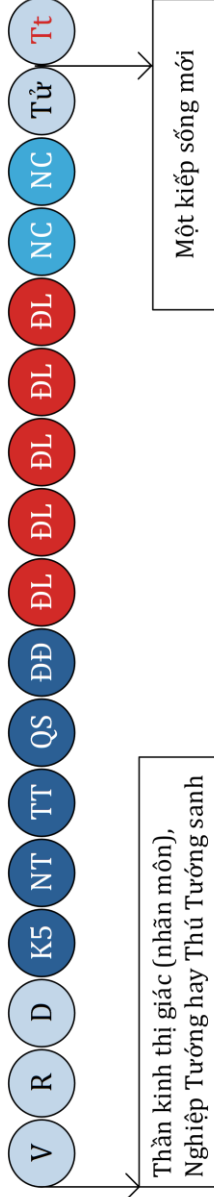
Khi một trong ba cảnh trên đây hiện ra qua 6 môn, Khai ý môn (hoặc Khai Ngũ Môn) sẽ xuất hiện để đón nhận và từ đó bắt đầu một tâm lộ cận tử. Do lực tác động của thứ nghiệp sẽ dẫn sanh kiếp sống kế tiếp, một tâm thiện hay bất thiện sẽ xuất hiện 5 sát-na ở chặng Đổng lực trong tâm lộ cận tử này. Sau đây là một số tâm lộ cận tử thường thấy:

- a. **Lộ Nhân môn cận tử cảnh rất lớn** gồm có 2 trường hợp
- V-R-D-KN-NT-TT-QS-ĐĐ-5ĐL-NC-NC-HP-TỬ-TÁI TỤC



Hình 36- Lộ Nhân môn cận tử cảnh rất lớn - trường hợp 1

- V-R-D-KN-NT-TT-QS-ĐĐ-5ĐL-NC-NC-TỬ-TÁI TỤC



Hình 37- Lộ Nhân môn cận tử cảnh rất lớn - trường hợp 2

Ở đây, cảnh Nghiệp Tướng hay Thú Tướng hiện ra ở Nhãn môn vào sát-na sinh của Hữu Phần Vừa Qua. Vì là cảnh quá rõ nên ở sát-na Rúng Động thì đã hoàn chỉnh. Trình tự của tâm lộ này cũng giống hệt như lộ Ngũ môn cảnh rất lớn thời bình nhật, chỉ khác là có 5 Đồng lực thay vì 7 và kết thúc bằng Tử tâm. Ở trường hợp thứ nhất có xen Hữu Phần rời mệnh chung, ở trường hợp hai thì không cần. Ngay sau khi tâm mệnh chung diệt mất thì tâm Tái Tục lập tức xuất hiện để dẫn sanh đương sự về đâu đó. Thời gian tái sinh vào bụng người nằm cạnh mình hay sanh về một cõi Phạm thiên cách xa nhiều năm ánh sáng cũng không hề khác biệt nhau. Trong giáo lý A-tỳ-đàm không hề nhìn nhận một linh hồn trôi nổi từ nơi này qua nơi khác. Nhân và Quả chỉ tồn tại qua từng sát-na, cái này tạo ra cái kia và mỗi cái cũng do nhiều thứ hợp thành.

b. Lộ Nhân môn cận tử cảnh lớn gồm có 2 trường hợp

- V-V-R-DD-KN-NT-TT-QS-ĐĐ-5ĐL-HP-TỬ-TÁI TỤC



Hình 38- Lộ Nhân môn cận tử cảnh lớn - trường hợp 1

- V-V-R-DD-KN-NT-TT-QS-ĐĐ-5ĐL-TỬ-TÁI TỤC



Hình 39- Lộ Nhân môn cận tử cảnh lớn - trường hợp 2

c. **Lộ Nhân môn cận tử cảnh lớn** gồm có 2 trường hợp

- V-V-R-DD-KN-NT-TT-QS-ĐĐ-5ĐL-HP-TỬ-TÁI TỤC



Hình 40- Lộ Nhân môn cận tử cảnh lớn - trường hợp 1

- V-V-R-DD-KN-NT-TT-QS-ĐĐ-5ĐL-TỬ-TÁI TỤC



Hình 41- Lộ Nhân môn cận tử cảnh lớn - trường hợp 2

Trong trường hợp các cảnh cận tử xuất hiện qua Ý môn thì Hữu Phần chỉ hiện ra 2 lần, không có Vừa Qua.

• **Lộ Ý môn cận tử cảnh rõ** gồm có 2 trường hợp

- R-DD-KY-5ĐL-HP-TỬ-TÁI TỤC



Hình 42- Lộ Ý môn cận tử cảnh rõ - trường hợp 1

- R-DD-KY-5ĐL-TỬ-TÁI TỤC



Hình 43- Lộ Ý môn cận tử cảnh rõ - trường hợp 2

Về tâm Tái Tục, thực chất chỉ là kết quả của một nghiệp xưa nay dẫn sanh kiếp mới. Tâm tái tục có nhiệm vụ kết nối kiếp trước với đời sau nên tên gọi trong tiếng Pāli là *Patisandhicitta* (tâm kết nối hai kiếp sống). Tâm nào cũng phải có các tâm sở đi cùng, tâm tái tục cũng vậy. Chỗ nương cho tâm tái tục là Sắc Ý Vật (*hadayavatthu*) cũng được tạo ra bởi cùng một thứ nghiệp đã tạo ra tâm tái tục. Cho nên ở cõi Vô sắc không có Sắc Ý Vật. Cảnh của tâm tái tục chính là cảnh cũ của các Đồng lực cận tử đời trước. Từ đó tất cả Hữu Phần trong đời sống mới cũng lấy cảnh đó làm đối tượng. Đối với tâm Hữu Phần của Phạm thiên cõi Sắc giới thì có cảnh là Quang Tướng của đề mục trong thời cận tử đời trước. Tâm Tái Tục và Hữu Phần của Phạm thiên Vô sắc lấy cảnh là đề mục Vô sắc hoặc tâm thiền Vô sắc thấp hơn.

X. CẢNH GIỚI TÁI SANH

Chết chỉ là sự chấm dứt tạm thời của một hiện tượng phù du. Trong A-tỳ-đàm, chết là thời điểm biến mất của Sắc Mạng Quyền (*jīvitindriya*), hơi nóng (*usma*) tức yếu tố Lửa (*tejo dhātu*) và Thức (*viññāṇa*). Chết là giai đoạn phải có để chúng sinh đi từ hoàn cảnh này sang hoàn cảnh khác mà hưởng chịu tiền nghiệp của mình.

1. Khi một Phạm thiên Vô sắc mệnh chung, vị ấy có thể tái sinh trở lại cõi cũ hoặc về cõi cao hơn, nhưng không thể xuống cõi Vô sắc thấp hơn. Trong trường hợp không thể tiếp tục ở lại cõi Vô sắc, vị này phải sanh về cõi Dục giới thiện thú trong một đời như là một gạch nối, sau đó thì bất định. Như vậy một Phạm thiên ở cõi Không Vô Biên mất đi có thể dùng đến 4 tâm Tái Tục Vô sắc và 4 tâm Tái tục Dục giới Tam nhân.
 - Với Vị Phạm thiên ở cõi Thức Vô Biên khi mệnh chung cũng có được 4 tâm Tái tục Dục giới Tam nhân và 3 tâm tái tục Vô sắc trừ Không Vô Biên.
 - Ở cõi Vô Sở Hữu Xứ thì chỉ còn lại 2 tâm Tái Tục Vô sắc thứ ba, thứ tư và 4 tâm Tái tục Dục giới Tam nhân.
 - Ở cõi Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ thì chỉ còn lại 1 tâm Tái Tục Vô sắc thứ tư và 4 tâm Tái tục Dục giới Tam nhân.

2. Ngoại trừ Vô Tướng thiên và Tịnh Cư thiên, Phạm thiên các cõi Sắc giới có thể tái sinh hầu hết các cảnh giới, ngoại trừ đọa xứ. Cũng do thiên định cũ, các vị không sanh làm người cùng khổ hoặc a-tu-la địa. Nói vậy thì sau khi rời khỏi Phạm thiên giới các vị có thể theo nghiệp mà tái tục bằng 17 tâm Tái Tục ngoại trừ 2 tâm Tái Tục Vô Nhân. 17 tâm đó là 4 Đại quả nhị nhân, 4 Đại quả tam nhân, 5 Quả Sắc giới và 4 Quả Vô sắc. Với các vị Vô Tướng thiên, sau khi mệnh chung chắc chắn phải sanh về cõi Dục giới bằng 4 tâm Đại quả nhị nhân hay 4 tâm Đại quả tam nhân.
3. Khi nhân loại hay một vị Dục thiên mệnh chung thì tùy theo trình độ tâm thức lúc cuối đời mà đi về một cõi tương ứng. Người Tam nhân có đức thiên thì sanh về Phạm thiên, thánh Hữu Học tuyệt đối không bị đọa và các hạng còn lại theo nghiệp mà đi. Như vậy người cõi Dục giới có đủ tất cả loại tâm tái tục để lựa chọn.
4. Người Nhị nhân và Vô nhân khi mệnh chung chỉ có được 10 tâm tái tục để đi.

CHƯƠNG 6

SẮC PHÁP VÀ NÍP-BÀN

I. SẮC PHÁP (*RŪPA*)

Vạn pháp trong đời nếu đem phân tích rất ráo đều nằm gọn trong 4 pháp Chân đế (*paramattha*) gồm: **Tâm** (*citta*), **Tâm Sở** (*cetasika*), **Sắc pháp** (*rūpa*) và **Níp-bàn** (*nibbāna*). Ta đã biết đại khái về tâm và tâm sở, trong khi phần lớn người học Phật ít khi quan tâm vấn đề Sắc pháp vốn chiếm một vị trí quan trọng trong những thứ làm nên cuộc đời. Định nghĩa nôm na thì Sắc pháp trong A-tỳ-đàm chính là tất cả những thành tố đã tạo nên toàn bộ cái gọi là Vật Chất trong và ngoài chúng sinh. Không giống như Danh pháp, Sắc pháp luôn có thể biến đổi hoặc tiêu mất vì những tác động ngoại lai như nhiệt độ hoặc những sự cố không liên quan tâm thức. Gọi là món này vật kia thật ra chỉ là một tổ hợp của nhiều thành tố Sắc pháp.

Trong A-tỳ-đàm, cái gọi là vật chất chỉ là những trạng thái

không hình dáng và khối lượng. Mọi thứ chỉ là gì đó khi có sự kết hợp một cách hợp lý của nhiều thứ vật chất. Một món đồ cổ có tuổi đời hàng chục năm trong suy nghĩ của thiên hạ, nhưng theo A-tỳ-đàm thì không một thành tố nào trong đó tồn tại quá một sát-na. Có nhiều thứ Sắc pháp cộng lại để tạo nên món đồ đó và tùy thuộc vào nhiều điều kiện ngoại tại, các thành tố đó của món đồ cổ ấy luôn biến chuyển không ngừng. Rồi đến một lúc nào thích hợp, chúng không tiếp tục tồn tại nữa, món đồ cổ kia dầu không bị tay người phá hoại cũng tự hư mất.

Theo A-tỳ-đàm cái gọi là Vật chất hay Sắc pháp ở dạng rất ráo nhất thì là những thành tố vật chất có tuổi thọ dài lâu hơn tâm pháp 17 lần. Từ thân xác chúng sinh đến sông biển đất đá, cùng các thiên thể tinh tú trong vũ trụ đều có được từ 4 nguồn nghiệp (*kamma*), tâm (*citta*), nhiệt lượng (*utu*) và Vật Thực (*āhāra*). Nếu phân loại thì tất cả vật chất nằm trong hai nhóm Tứ Đại (*bhūtarūpa*) và Y Đại Sinh (*upādāyarūpa*).

A. SẮC TỨ ĐẠI (MAHĀBHŪTA)

1. **Địa Đại** (*paṭhavi*): Là trạng thái cứng hay mềm của vật chất. Từ cái nhìn ba chiều, người ta có ảo giác rằng mọi vật có hình dáng nọ kia và cơ hồ nó là một khối lượng có thể choán chỗ không gian. Trong khi đó theo A-tỳ-đàm thì **từng trạng thái vật chất không hề có trọng lượng hình dáng thì làm gì có được khối lượng**. Đó là lẽ tương đối của pháp Tục đế.

Ngay cả khái niệm cứng hay mềm cũng chỉ là ý niệm giả lập. A được xem là cứng khi so với B nhưng lại là mềm khi so với C. Đặc tướng của Địa Đại là **chất ngại** nên được xem là cái giá đỡ cho sự tồn tại của các thành tố Sắc pháp đồng sinh.

2. **Thủy Đại** (*āpo*): Là trạng thái **ngưng tụ và tan chảy** của vật chất, có tính năng nối kết các thành tố vật chất lại với nhau.
3. **Hỏa Đại** (*tejo*): Chính là **nhật độ** của vật chất, nói rõ ra là trạng thái nóng hay lạnh của Sắc pháp. Nhiệt độ nào cũng kể là nhiệt độ, cao thấp hay lạnh nóng bao nhiêu cũng gọi là Hỏa Đại.
4. **Phong Đại** (*vāyo*): Là thứ năng lượng thúc đẩy sự **lay động** hay **trương phòng** của Sắc pháp. Có thể nói mọi động thái xô dịch, giao động, lay lắt, di chuyển và áp suất đều là những tác động từ Phong Đại.

Nói vậy có nghĩa là khái niệm Đất, Nước, Lửa, Gió trong A-tỳ-đàm không giống như trong cách nghĩ thông thường của người đời. Và chính từ những định nghĩa kiểu vậy, người học Phật mới có dịp thấy ra cái gọi là bản chất thật sự của vật chất trong và ngoài mình.

B. SẮC Y ĐẠI SINH (UPĀDĀRŪPA)

Cũng là những thành tố Sắc pháp nhưng phải dựa trên Tứ Đại để trở thành một tổ hợp vật chất và phải nhiều tổ hợp như vậy cộng lại để làm nên những gì mà 5 giác quan ta biết được như cây cỏ, đất đá, ghế bàn, chén nĩa...

Có tất cả 24 Sắc Y Đại Sinh chia thành 10 nhóm:

1. **Năm sắc Thần kinh** (*pasādarūpa*) gồm:

- Thần kinh thị giác (*cakkhupasāda*)
- Thần kinh thính giác (*sotapasāda*)
- Thần kinh khứu giác (*ghānapasāda*)
- Thần kinh vị giác (*jivhāpasāda*)
- Thần kinh xúc giác (*kāyapasāda*)

2. **Bảy sắc cảnh giới** (*gocararūpa*) gồm:

- Sắc cảnh sắc (*rūpārammaṇa*), những gì thấy được bằng mắt.
- Sắc cảnh thính (*saddārammaṇa*), những gì nghe được bằng tai.
- Sắc cảnh khí (*gandhārammaṇa*), những gì ngửi được bằng mũi.
- Sắc cảnh vị (*rasārammaṇa*), những gì nếm được bằng lưỡi.
- Sắc cảnh xúc (*phoṭṭhabbārammaṇa*), những gì biết được bằng xúc giác. Ở đây cảnh xúc bao gồm 3 Đại là Đất (*pathavī*), Lửa (*tejo*), Gió (*vāyo*).

Thủy đại chỉ là trạng thái để ta hình dung chứ không thể biết được qua xúc giác như là nước trong cách nghĩ của người đời.

3. **Hai sắc Giới tính** (*bhāvarūpa*) tức các sắc tố làm nên nam tính và nữ tính gồm:

- Sắc tố nữ (*itthibhāva*)
 - Sắc tố nam (*pumabhāva*)
4. **Sắc Ý Vật** (*hadayavatthu*): Là chỗ dựa sinh lý cho tâm thức chúng sinh. Trong một thân người có đến hàng tỷ Sắc Ý Vật hòa huyền trong máu. Đối với những loài không máu thì là những dịch chất luân lưu trong cơ thể.
 5. **Sắc Mạng Quyền** (*jīvitarūpa*): Ở đây là sức sống tiềm ẩn trong mỗi nhóm Sắc pháp. Đối với một vật đã đến lúc rã tan, Sắc Mạng Quyền phải biến mất thì sự tan rã đó mới có thể diễn ra. Đối với đời sống của tâm pháp thì sức sống kiểu này cũng là cần thiết nên trong mỗi sát-na tâm cũng phải luôn có tâm sở Mạng Quyền đi kèm như là nguồn năng lượng cho sự tồn tại của nó. Tâm sở này nằm trong 7 tâm sở Biến hành (*sabbacittasādhāraṇacetasika*) đi chung với tất cả tâm.
 6. **Sắc Vật Thực** (*āhārarūpa, ojā*): Là nguồn dưỡng tố luôn có sẵn trong cơ thể chúng sinh để nuôi dưỡng các Sắc pháp.
 7. **Sắc Giao Giới** (*paricchedarūpa, ākāśadhātu*): Gọi là Sắc nhưng thực ra nó chỉ là khoảng trống nằm giữa các nhóm Sắc pháp để phân định A với B.
 8. **Hai Sắc Biểu Tri** (*viññattirūpa*) gồm:
 - Thân Biểu Tri (*kāyaviññatti*) là những động tác lớn nhỏ hữu tâm hay vô thức của thân.
 - Khẩu Biểu Tri (*vacīviññatti*) là động tác phát ngôn của miệng.

9. **Năm Sắc Đặc Biệt** (*vikārarūpa*): Là 3 trạng thái mềm, nhẹ, linh hoạt của Sắc pháp cộng thêm 2 sắc Biểu Tri.

- Khinh Sắc (*rūpassalahutā*) ở đây là sự nhẹ nhàng cần có trong hoạt động của Sắc pháp.
- Nhu Sắc (*rūpassamudutā*) ở đây là sự mềm dẻo cần có cho hoạt động của Sắc pháp.
- Sắc Thích Nghiệp (*rūpassakammaññatā*) là trạng thái thích nghi hay khả năng thuận ứng của Sắc pháp.

Ngài *Ledi Sayadaw* gọi 5 Sắc Đặc Biệt là những điều kiện hay khả năng đặc dụng của Sắc pháp. Ngài *Narada* của Tích Lan thì gọi 5 Sắc này là khả năng linh hoạt hay cơ động của Sắc pháp.

10. **Sắc Tứ Tướng** (*lakkaṇarūpa*): Tuổi thọ của Danh Sắc nói chung thường được chia thành 3 giai đoạn Sanh (*uppāda*), Trụ (*tṭhiti*), Diệt (*bhaṅga*) nhưng đối với Sắc pháp đôi khi còn được phân tích qua 4 giai đoạn:

- Sắc Hình Thành (*upacayarūpa*) là khoảng thời gian Sắc pháp sơ hiện và hoàn chỉnh.
- Sắc Thừa Tiếp (*santatirūpa*): Là sự tiếp diễn của Sắc pháp sau khi đã hình thành hoàn chỉnh.
- Sắc Lão Suy (*jaratā*) là giai đoạn xuống dốc để chuẩn bị tiêu mất của Sắc pháp, thời gian tương đương với 15 sát-na tâm.
- Sắc Vô Thường (*aniccatā*) là giai đoạn biến mất của Sắc pháp, tuổi thọ chỉ là một sát-na.

Ghi chú:

- Trong Sắc Tứ Tướng, Sắc Hình Thành và Sắc Thừa Tiếp được kể là giai đoạn Sanh, nên trong trường hợp đó thì Sắc pháp phải được kể là 27 thay vì 28.
- Ngoại trừ 2 sắc Biểu Tri và sắc Tứ Tướng, các sắc còn lại có tuổi thọ tương đương 17 sát-na tâm.
- Nói rõ ràng thì không phải là Sắc Tứ tướng mà phải là Tam tướng tức giai đoạn xuất hiện, già cỗi và biến mất của Sắc pháp mà thôi.

C. MƯỜI TÁM SẮC CHÂN ĐẾ (NIPPHANNARŪPA)

Đây là tên gọi chung cho 18 thứ Sắc pháp có thực tướng và đặc tính chân đế hẳn hoi, gồm 4 Đại, 5 sắc Thần kinh, 5 Sắc cảnh giới (sắc cảnh xúc chính là Đất, Lửa, Gió), 2 sắc Giới tính, Ý Vật, Mạng Quyền và Vật Thực.

Chúng được tạo nên bởi 4 nhân là Nghiệp (*kamma*), Tâm (*citta*), nhiệt lượng (*utu*) và Dưỡng tố (*āhāra*). 18 sắc này còn được gọi là Sắc Thực tính (*sabhāvarūpa*). Mỗi thứ sắc trong 18 sắc này đều có 3 giai đoạn Sanh Trụ Diệt nên chúng còn được gọi là Sắc Hữu Tướng (*salakkhanarūpa*). Và cũng chính 18 thứ Sắc pháp này mới là đối tượng nhận thức, tức đề mục quán chiếu Tam Tướng của hành giả Tuệ quán nên chúng cũng được gọi là Sắc Đối Tượng (*Sammasanarūpa*).

D. MƯỜI SẮC PHI THỰC TÍNH (ANIPPHANNARŪPA)

10 Sắc còn lại được gọi là Sắc Phi Thực Tính, không phải

đối tượng Tuệ quán và bản thân chúng không có đặc tính Chân đế, không có duyên tạo và cũng không có riêng các giai đoạn Sinh, Trụ, Diệt. Lý do đơn giản bởi chúng chỉ là những giai đoạn hay tình trạng khác nhau của các Sắc pháp mà thôi. Như nói Sắc Sanh (Hình Thành) thật ra chỉ là sự xuất hiện của một thứ Sắc pháp nào đó, sắc Giao giới chỉ là khoảng cách của các nhóm Sắc pháp.

E. PHÂN LOẠI SẮC PHÁP

Trong A-tỳ-đàm, Sắc pháp được hình dung qua nhiều khái niệm và tên gọi như là:

- Vô nhân (*ahetuka*) không có 6 nhân (tham, sân, si, vô tham, vô sân, vô si) đi kèm.
- Hữu duyên (*sappaccaya*) do 4 duyên (nghiệp, tâm, nhiệt lượng và dưỡng tố) mà có.
- Hữu lậu (*sāsava*) vì có thể là cảnh cho phiền não.
- Hữu vi (*saṅkhāta*) vì sanh diệt do nhân duyên.
- Hiệp thế (*lokiya*) còn nằm trong cõi sanh tử.
- Dục giới (*kāmāvacara*) vì là đối tượng của 5 giác quan vật chất.
- Vô cảnh (*anārammaṇa*) vì không có khả năng nhận biết.
- Bất ứng trừ (*appahātatta*) vì không phải là đối tượng cần loại bỏ bởi thánh trí...

Sắc pháp được phân loại dựa trên nhiều khía cạnh và tùy chỗ mà gọi tên:

1. **Nội sắc** (*ajjhattikarūpa*) chỉ cho 5 sắc Thần kinh và **Ngoại Sắc** (*bāhirarūpa*) là 23 Sắc pháp còn lại.
2. **Vật Sắc** (*vatthurūpa*) chỉ cho 5 sắc Thần kinh và Ý vật vốn là chỗ nương cho 6 thức. Các Sắc còn lại được gọi là **Sắc Phi Vật** (*avatthurūpa*).
3. **Môn Sắc** (*dvārarūpa*) gồm 5 sắc Thần kinh và 2 Biểu Tri. 5 sắc Thần kinh là Môn sắc vì chúng là cửa ngõ cho lộ ngũ môn. Còn 2 Sắc Biểu Tri thì là cửa ngõ để bày tỏ hay biểu lộ. Các Sắc còn lại là **Sắc Phi Môn** (*advārarūpa*).
4. **Quyền Sắc** (*indriyarūpa*) gồm 5 sắc Thần kinh, 2 sắc Giới tính và Sắc Mạng Quyền, vì chúng nằm trong 22 Quyền vốn là những pháp chủ đạo trong đời sống của chúng sanh. Chẳng hạn như 5 sắc thần kinh giúp ta nhận thức thế giới qua ngũ quan, các sắc giới tính phân định ai là nam và ai là nữ, các thọ là đời sống cảm giác của chúng sinh. 20 sắc còn lại là **Sắc Phi Quyền** (*anindriyarūpa*).
5. **Thô Sắc** (*olārikarūpa*) gồm 5 sắc Thần kinh và 7 Sắc cảnh giới. 16 Sắc còn lại là **Sắc Tế** (*sukhumarūpa*). Gọi là Thô hay Tế ở đây là dựa vào việc có thể được biết bằng các giác quan vật chất hay ý thức. Do đó Sắc Thô còn được gọi là **Sắc Gần** (*santikerūpa*) và **Sắc Tế** còn được gọi là **Sắc Xa** (*dūrerūpa*). 12 Sắc Thô cũng có tên gọi khác là **Sắc Hữu Đối Chiếu** (*sappatigharūpa*) vì phải được nhận biết bằng sự tương chiếu với 5 căn vật chất. Riêng 16 Sắc Tế được gọi là **Sắc Phi Đối Chiếu** (*asappatigharūpa*) bởi không cần đến sự va chạm với các sắc Thần kinh vật chất.

6. **Sắc do Thủ** (*upādinnarūpa*) ở đây chỉ cho 18 Sắc Nghiệp vốn hình thành từ Tham Ái (*taṇhā*) và Tà Kiến (*diṭṭhi*) đời trước. 10 Sắc còn lại gọi là **Sắc Phi do Thủ** (*anupādinnarūpa*).
7. **Sắc Hữu Kiến** (*sanidassanarūpa*): Chỉ cho sắc Cảnh sắc có thể nhìn thấy bằng mắt. Các Sắc còn lại gọi là Sắc Phi Hữu Kiến (*sanidassarūpa*).
8. **Sắc Nhiếp Cảnh** (*gocaraggāhikarūpa*): Chỉ cho 5 sắc Thần kinh. Các Sắc còn lại là **Sắc Vô Nhiếp Cảnh** (*agocaraggāhikarūpa*).
9. Trong 5 sắc Thần kinh, thần kinh thị giác và thần kinh thính giác được gọi là **Sắc Nhiếp Viễn Cảnh** (*asampattagāhaka*) vì có thể biết cảnh từ một khoảng cách xa. Riêng 3 sắc Thần kinh còn lại gọi là **Sắc Nhiếp Cận Cảnh** (*sampattagāhaka*) vì chúng phải làm việc bằng cách tiếp cận trực tiếp với cảnh.
10. **Sắc Bất Ly** (*avinibbhogarūpa*): Ở đây gồm 8 thứ Đất, Nước, Lửa, Gió, sắc cảnh sắc, sắc cảnh khí, sắc cảnh vị và Dưỡng tố (Vật thực nội). Gọi là Bất Ly vì bất cứ ở đâu có Sắc pháp, tức vật chất nói chung, thì ở đó phải có 8 Sắc này. Theo phân tích qua A-tỳ-đàm thì sự có mặt của 8 Sắc này có thể được hiểu như là những electron, proton và neutron trong Vật lý. Theo những gì vừa trình bày ở trên về Sắc pháp thì những khái niệm vật chất trong A-tỳ-đàm cơ hồ phải hiểu khác đi rất nhiều so với những khái niệm vật chất thường tình của thế gian. Từ đó, đối với một người học A-tỳ-đàm thì trong nước luôn có lửa và trong

lửa luôn có nước bởi ở đâu cũng có 8 Sắc Bất Ly. Chúng đi chung với nhau thành nhóm để làm nền tảng cho vật chất và nếu nói cụ thể một chút thì kích cỡ của mỗi nhóm Bất ly có thể tương đương với một điện tử (electron).

F. BỐN ĐIỀU KIỆN TẠO SINH SẮC PHÁP (RŪPASAMUTṬHĀNA)

1. **Tiền nghiệp** (*kamma*): Có 25 loại nghiệp có thể tạo ra Sắc pháp là 12 nghiệp bất thiện, 8 nghiệp thiện Dục giới và 5 nghiệp thiện Sắc giới. Các Sắc do tiền nghiệp tạo gọi là Sắc Nghiệp. Nghiệp Vô sắc giới không thể tạo ra Sắc pháp.
2. **Tâm thức** (*citta*): Có tất cả 75 tâm có thể tạo ra Sắc Tâm, ngoại trừ Ngũ song thức và 4 Quả Vô sắc. Tất cả tâm tái tục và tâm mệnh chung của vị A-la-hán cũng không tạo được Sắc pháp.

Bắt đầu từ Hữu Phần đầu tiên của kiếp sống cho đến khi mệnh chung, 75 tâm kể trên liên tục tạo ra Sắc Nghiệp trong từng khoảnh khắc. Trong 75 tâm đó, 26 Đồng lực Kiên cố không chỉ tạo ra Sắc Tâm mà còn có thể hỗ trợ Tứ Oai Nghi (đi, đứng, nằm, ngồi). Sau đây là từng trường hợp chi tiết:

- a. Khai ý môn, 29 Đồng lực Dục giới và 2 tâm Thông ngoài việc tạo Sắc Tâm, hỗ trợ Tứ Oai Nghi, còn tạo ra 2 Biểu Tri để Thân, Khẩu làm việc.
- b. Cũng trong 32 tâm này, 13 tâm Đồng lực thọ hỷ còn tạo ra các cách cười trong khi 2 Đồng lực thọ ưu thì tạo ra các kiểu than khóc.

- c. Tâm Sinh Tiểu và 4 tâm Đại tố hỷ thọ tạo ra nụ cười cho các vị A-la-hán.
 - d. 2 tâm tham thọ hỷ ly tà và 4 tâm Đại thiện thọ hỷ còn tạo ra nụ cười cho các bậc thánh Hữu Học.
 - e. Tất cả phàm phu có thể cười bằng cả 4 tâm tham thọ hỷ và 4 Đại thiện thọ hỷ.
 - f. 3 Ý giới, 11 Na Cảnh và 5 Quả Sắc giới (tổng cộng 19) chỉ có thể tạo ra Sắc tâm thông thường, tức những co duỗi hay nhút nhít của thân, nói rõ hơn là những động tác vô danh.
3. **Nhiệt lượng** (*utu*): Ở đây là Hỏa Đại trong và ngoài thân xác chúng sinh. Sự cao thấp, ít nhiều của nhiệt độ trong cùng một môi trường nào đó cũng có thể tác động cho Sắc pháp sanh diệt.
4. **Dưỡng tố** (*āhāra*): Ở đây chỉ cho tất cả những thành phần hoá chất có tác dụng nuôi lớn các thứ vật chất trong và ngoài cơ thể chúng sinh. Có những thứ Sắc pháp không thể được sinh ra bằng sự tác động của Nghiệp, Tâm hay nhiệt lượng, mà phải cần đến sự trợ giúp của các thứ Dưỡng tố. Trong A-tỳ-đàm gọi chúng là Sắc Dưỡng Tố, cách gọi xưa giờ ở Việt Nam là sắc vật thực.

Nói đại khái là vậy, nhưng trong thực tế có những Sắc chỉ do một nhân mà có, có những Sắc pháp phải do nhiều nhân mà có: hai, ba, bốn đủ cả.

- 1. **Sắc nhất nhân** (*ekajarūpa*): Gồm 11 Sắc là 5 sắc Thần kinh, 2 sắc Giới tính, Ý Vật và Mạng Quyền chỉ do nghiệp sanh. 2 Sắc Biểu Tri chỉ do Tâm sanh.

2. **Sắc nhị nhân** (*dvijarūpa*): Sắc cảnh thính (*sadda*) được tạo ra bởi 2 nhân là Tâm và nhiệt lượng. Từ tiếng khóc cười của người đến những âm thanh như từ nhạc cụ, hay gió thổi, sấm chớp bên ngoài chúng sinh cũng đều có thể do nhiệt lượng mà sinh.
3. **Sắc tam nhân** (*tijarūpa*): Gồm 3 Sắc Khinh, Nhu, Thích Nghiệp do cả 3 nhân sanh, gồm tâm, nhiệt lượng và dưỡng tố.
4. **Sắc tứ nhân** (*catujarūpa*): Gồm 8 Bất Ly và Giao giới.
5. **Sắc đa nhân** (*anekajarūpa*): Trong 18 Sắc Nghiệp (*kammajarūpa*) có 9 Sắc do 1 nhân sanh và 9 Sắc do 4 nhân sanh.
6. Trong 15 Sắc Tâm (*cittajarūpa*) có 2 sắc do 1 nhân sanh và 13 sắc do nhiều nhân sanh (trong đó có 9 sắc 4 nhân sanh, 1 sắc do 2 nhân sanh là sắc cảnh thính và 3 Sắc do 3 nhân sanh).
7. Trong 13 Sắc Nhiệt Lượng (*utujarūpa*) do nhiều nhân sanh giống hệt như 13 Sắc tâm do nhiều nhân sanh vừa kể trên.
8. 12 Sắc Vật Thực (*āhārajarūpa*) có 3 nhân sanh.

Ghi chú:

Sắc Tứ Tướng chỉ là 4 giai đoạn của các Sắc nên không có nhân sanh. Sắc pháp không thể xuất hiện riêng rẽ từng thứ mà phải đi thành nhóm với nhau. Các Sắc trong mỗi nhóm phải cùng sinh, cùng diệt, cùng nương 4 Đại và không thể

rời nhau mà tồn tại. Tuy nói Sắc pháp đi chung với nhau trong từng Nhóm (*kalāpa*), nhưng mỗi nhóm sắc nhỏ đến mức ta chỉ có thể hình dung trong óc chứ không thể nhìn thấy bằng bất cứ phương tiện nào. Theo mô tả trong kinh thì kích thước của mỗi nhóm sắc trong cõi nhân loại còn nhỏ hơn một phần tỷ của một hạt vi trần (*paramāṇu*) vốn được coi là còn nhỏ hơn một nguyên tử (atom), tức chỉ tương đương với một hạt điện tử (electron) hay quang tử (photon).

Bảng 48- Bốn điều kiện tạo ra Sắc Pháp

	Sắc pháp được tạo bởi			
	Nghiệp	Tâm	Nhiệt Lượng	Dưỡng tố
- 5 sắc thần kinh - 2 sắc giới tính - Sắc ý vật - Sắc mạng quyền	• • • •			
- 2 sắc biểu tri		•		
- Sắc cảnh thính		•	•	
- 3 sắc khinh, nhu, thích		•	•	•
- 8 sắc bất ly - Sắc giao giới	• •	• •	• •	• •

G. HAI MƯƠI MỐT NHÓM SẮC PHÁP (KALĀPA)

- 9 nhóm Sắc Nghiệp

- 6 nhóm Sắc Tâm
- 4 nhóm Sắc Nhiệt Lượng
- 2 nhóm Sắc Vật Thực

1. Chín nhóm Sắc Nghiệp (*kammajakalāpa*)

Được hình thành từ 18 Sắc nghiệp. Trong đó 8 Sắc Bất Ly luôn đóng vai trò hạt nhân. Tất cả Sắc nghiệp đều đi chung với Sắc Mạng Quyền. Nhóm Sắc Nghiệp đơn giản nhất cũng phải có 9 loại sắc là 8 Sắc Bất Ly và Sắc Mạng Quyền. Dưới đây là 9 nhóm Sắc Nghiệp.

- Nhóm Nhãn gồm 8 Bất Ly, Mạng Quyền và thần kinh thị giác.
- Nhóm Nhĩ gồm 8 Bất Ly, Mạng Quyền và thần kinh thính giác.
- Nhóm Tỷ gồm 8 Bất Ly, Mạng Quyền và thần kinh khứu giác.
- Nhóm Thiệt gồm 8 Bất Ly, Mạng Quyền và thần kinh vị giác.
- Nhóm Thân gồm 8 Bất Ly, Mạng Quyền và thần kinh xúc giác.
- Nhóm Nữ tính gồm 8 Bất Ly, Mạng Quyền và Sắc tố Nữ.
- Nhóm Nam tính gồm 8 Bất Ly, Mạng Quyền và Sắc tố Nam.
- Nhóm Ý vật gồm 8 Bất Ly, Mạng Quyền và Sắc Ý Vật.
- Nhóm Mạng quyền gồm 8 Bất Ly, Mạng Quyền.

Bảng 49- Biểu đồ 9 nhóm Sắc Nghiệp (do nghiệp tạo)

		8 Bất Ly	Mạng Quyền	Cộng thêm
Nhóm	Nhãn	•	•	thần kinh thị giác
	Nhĩ	•	•	thần kinh thính giác
	Tỷ	•	•	thần kinh khứu giác
	Thiệt	•	•	thần kinh vị giác
	Thân	•	•	thần kinh xúc giác
	Nữ	•	•	Sắc tố nữ
	Nam	•	•	Sắc tố nam
	Ý vật	•	•	Sắc ý vật
	Mạng quyền	•	•	/

2. Sáu nhóm Sắc Tâm (cittajakalāpa)

Được hình thành từ 14 Sắc tâm trừ Giao giới.

- Nhóm thuần Sắc Tâm gồm **8 Bất Ly do tâm tạo**.
- Nhóm Thân Biểu Tri gồm 8 Bất Ly và Thân Biểu Tri.
- Nhóm Thinh Khẩu Biểu tri gồm 8 Bất Ly, Khẩu Biểu Tri và sắc cảnh thinh.
- Nhóm Đặc Biệt gồm 8 Bất Ly và Khinh, Nhu, Thích Nghiệp.

- Nhóm Thân biểu tri Đặc Biệt gồm 8 Bất Ly, Thân biểu tri và 3 Đặc Biệt.
- Nhóm Thinh Khẩu biểu tri Đặc Biệt gồm 8 Bất Ly, Khẩu biểu tri, sắc cảnh thinh và 3 Đặc Biệt.

Bảng 50- Biểu đồ 6 nhóm Sắc Tâm (do Tâm tạo)

		8 Bất Ly	Thân biểu tri	Khẩu biểu tri	3 Đặc biệt
Nhóm	Thuần	•			
	Thân biểu tri	•	•		
	Thinh Khẩu biểu tri	•		•	
	Đặc biệt	•			•
	Thân biểu tri đặc biệt	•	•		•
	Thinh Khẩu biểu tri đặc biệt	•		•	•

3. Bốn nhóm Sắc Nhiệt Lượng (utujakalāpa)

- Nhóm thuần Nhiệt Lượng gồm 8 Bất Ly do nhiệt lượng tạo.
- Nhóm cảnh thinh gồm 8 Bất Ly và sắc cảnh thinh.
- Nhóm Đặc Biệt gồm 8 Bất Ly và 3 Đặc Biệt.

- Nhóm Thịnh Đặc Biệt gồm 8 Bất Ly, sắc cảnh thịnh và 3 Đặc Biệt.

*Bảng 51- Biểu đồ 4 nhóm Sắc Nhiệt Lượng
(do nhiệt lượng tạo)*

		8 Bất Ly	Sắc cảnh thịnh	3 Đặc Biệt
Nhóm	Thuần nhiệt lượng	•		
	Cảnh thịnh	•	•	
	Đặc Biệt	•		•
	Thịnh Đặc Biệt	•	•	•

4. Hai Nhóm Sắc Dưỡng Tố (āhārajalāpa)

Được hình thành từ 8 Bất Ly và 3 Đặc Biệt do dưỡng tố sanh.

- Nhóm thuần Dưỡng Tố gồm 8 Bất Ly do dưỡng tố tạo.
- Nhóm Đặc biệt gồm 8 Bất Ly và 3 Đặc Biệt.

*Bảng 52- Biểu đồ 2 nhóm Sắc Dưỡng tố
(do Dưỡng tố tạo)*

		8 Bất Ly	3 Đặc Biệt
Nhóm	Thuần Dưỡng tố	•	
	Đặc biệt	•	•

21 nhóm Sắc pháp trên đây chỉ xuất hiện bên trong cơ thể chúng sanh. Trong đó Sắc tố Nữ không thể xuất hiện ở người nam và ngược lại. Với người mù điếc bẩm sinh thì không có sắc thần kinh thị giác, thần kinh thính giác.

Trong thế giới thiên nhiên bên ngoài chúng sanh chỉ có 2 nhóm Sắc Nhiệt Lượng:

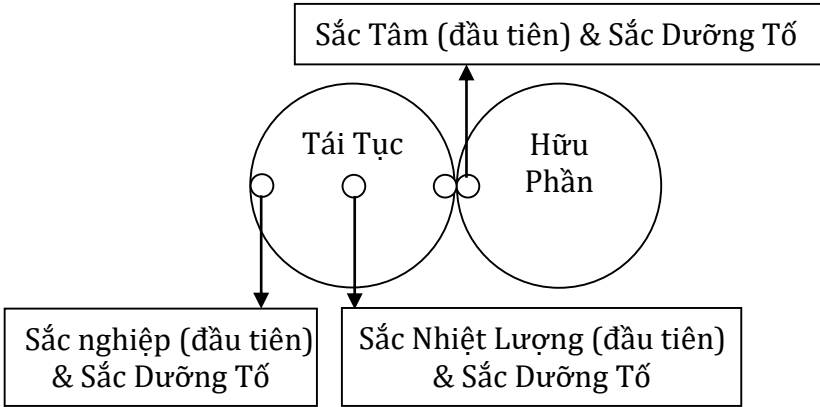
- Tất cả những vật vô tri như cây cỏ, đất đá, núi non... được tạo ra từ các nhóm sắc Thuần Nhiệt Lượng, tức 8 Bất Ly do nhiệt lượng tạo.
- Trong trường hợp âm thanh thì phải cộng thêm sắc cảnh thính.

II. LỘ TRÌNH SINH DIỄN CỦA SẮC PHÁP (RŪPAPAVATTIKKAMA)

Để tìm hiểu về phần này, ta nên đọc lại chương 5. Đại khái mà nói, trong thời tái tục, loài Thấp Sanh và Hóa Sanh có được 7 nhóm Sắc nghiệp là nhóm Nhãn, nhóm Nhĩ, nhóm Tỷ, nhóm Thiệt, nhóm Thân, nhóm Giới tính và nhóm Ý Vật. Trong trường hợp đặc biệt, có thể sẽ bị thiếu từ 1 đến 4 nhóm Nhãn, Nhĩ, Tỷ và Giới tính (như người Lạc vô nhân ở cõi Tứ Thiên Vương).

Với loài Thai sanh, thời tái tục chỉ có 3 nhóm Sắc Nghiệp là nhóm Thân, Giới tính và Ý vật. Có trường hợp không có nhóm Giới tính (người bất thường về sinh lý). Với người bình thường thì các nhóm Sắc Nghiệp còn lại phải xuất hiện từ từ.

Về thời điểm xuất hiện, Sắc nghiệp có mặt ngay từ lúc tái tục. Sắc Tâm bắt đầu xuất hiện từ sát-na Hữu Phần đầu đời (kế sau tâm tái tục). Sắc Nhiệt Lượng có mặt ngay từ sát-na Trụ của tâm Tái Tục. Lý do là Hoả giới trong nhóm Sắc nghiệp đầu đời xuất hiện vào sát-na Trụ của tâm tái tục. Sau đó Hoả giới tạo ra Sắc Nhiệt Lượng trong mỗi sát-na tiểu cho đến suốt đời.



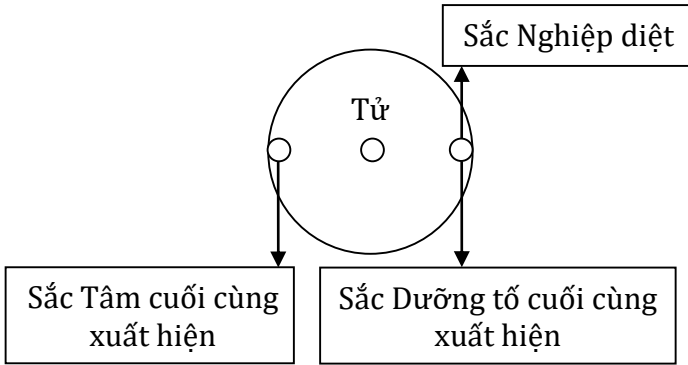
Hình 44- Lộ trình sinh diễn của Sắc Pháp tại sát-na tái tục

Trong mỗi nhóm Sắc pháp luôn có Sắc Dưỡng Tố đi kèm. Sắc Dưỡng Tố đầu đời do nghiệp tạo, nhưng về sau thì do vật thực ngoại tạo nên gồm các nguồn máu sữa của mẹ hay thức ăn thức uống. Dầu là loại Sắc pháp nào thì tuổi thọ cũng tương đương với 17 sát-na tâm và cứ vậy sanh diệt cho đến hết đời.

Khi một người vừa mệnh chung, Danh Mạng Quyền và Sắc Mạng Quyền đồng thời biến mất cho nên tất cả Sắc Nghiệp cũng vì vậy mà chấm dứt vì không còn Mạng Quyền bên cạnh nữa. Vào sát-na sinh của sát-na thứ 17 trước tâm mệnh chung là thời điểm xuất hiện của nhóm Sắc nghiệp sau cùng. Nhóm Sắc nghiệp này sẽ diệt mất vào sát-na diệt của tâm Mệnh Chung.

Sắc Tâm suốt đời cứ sanh diệt liên tục, phải đợi đến sát-na sinh của tâm Mệnh Chung thì không còn sinh cái mới nữa. Nên mới có trường hợp nhóm Sắc tâm cuối đời chỉ tồn tại trong một sát-na, về 16 sát-na còn lại coi như chỉ là cái trốn.

Sắc Dưỡng Tố xuất hiện lần cuối cùng vào sát-na diệt của tâm Mệnh Chung. Sau đó sẽ diệt mất trong khoảng thời gian tương đương 17 sát-na.



Hình 45- Lộ trình sinh diễn của Sắc Pháp tại sát-na tử

Như vậy vào lúc mệnh chung 3 loại Sắc Nghiệp, Sắc Tâm và Sắc Dưỡng Tố đều mất theo cùng người chết. Nhưng Sắc Nhiệt Lượng thì tiếp tục tồn tại cho đến bao giờ hình hài đó hoàn toàn rã tan. Sắc nhiệt lượng từ lúc này tồn tại là do ngoại nhiệt (*bāhira-utu*), không phải nội nhiệt (*ajjhattika-utu*) như trong cơ thể sống.

Trên các cõi Phạm thiên Sắc giới Ngũ uẩn, thời tái tục chỉ có các nhóm Nhãn, Nhĩ, Ý Vật và Mạng Quyền. Thời bình nhật có thêm nhóm Sắc Tâm và nhóm Sắc Nhiệt Lượng. Ở đây không hề có mặt các nhóm Tỷ, nhóm Thiệt, nhóm Thân, nhóm Giới tính và nhóm Dưỡng Tố.

Đối với Vô Tưởng thiên, thời tái tục chỉ có nhóm Sắc Mạng Quyền, sau đó là nhóm Sắc Nhiệt Lượng, trừ ra nhóm Sắc cảnh Thịnh.

Nói vậy có nghĩa là ở cõi Dục giới có đủ 28 Sắc pháp, ở cõi Sắc giới hữu tâm chỉ có 23 Sắc pháp (trừ Tỷ, Thiệt, Thân và 2 Giới Tính), ở Vô Tưởng thiên chỉ có 17 Sắc pháp gồm 8 Bất ly, Mạng Quyền, Giao giới, 3 Đặc biệt và Tứ Tướng.

Thời tái tục của các loài nói chung không có Sắc cảnh Thinh, 5 Đặc Biệt và 2 sắc sau của Tứ Tướng (sắc Lão Suy và sắc Vô Thường).

Những điều vừa nói ở trên về Sắc pháp chỉ là đề tài hứng thú cho những hành giả Tuệ quán hay Chỉ tịnh. Những khía cạnh chi ly của Sắc pháp không thể được kiểm chứng qua các phương tiện khoa học mà phải bằng cái nhìn của người có chứng ngộ. Một người có định lực cao có thể quan sát các nhóm sắc trong cơ thể của mình, đôi khi không phải bằng mắt mà là một sự cảm nhận thông qua những kiến thức đã học trước đó cộng với tâm lực bây giờ. Chẳng hạn như biết rõ thần kinh thị giác, thần kinh thính giác tồn tại ở đâu trong cơ thể, khi mắt, tai làm việc vị đó có thể hình dung ra sự có mặt của 2 thần kinh đó.

Thần kinh xúc giác, 2 Sắc Tính, Sắc Tâm, Sắc Nhiệt Lượng và Sắc Dưỡng Tố thì có mặt ở khắp châu thân. Bằng ba trí Văn, Tư, Tu, hành giả dễ dàng thấy ra bức tranh Sắc pháp ở mình và người. Sắc pháp mà ta còn cảm nhận được thì chưa phải là Sắc pháp chân đế tuyệt đối vốn vô hình và không khối lượng. Người quan sát nó chỉ biết qua một liên tưởng trung gian như người nhìn một mảnh kim loại và biết rõ bên trong đó gồm có những hóa chất gì.

III. NÍP-BÀN (*NIBBĀNA*)

Là một trong bốn pháp Chân đế nhưng nằm ngoài tất cả những gì thuộc về chúng sanh, cảnh giới, vạn vật. Níp-bàn là một thực tại chỉ được nhận thức qua thánh trí gồm 4 tâm Đạo (*maggañāṇa*), 4 tâm Quả (*phalañāṇa*). Ta chỉ có thể nghĩ về Níp-bàn bằng cách hình dung rằng khi các phiền não (*kilesa*) được chấm dứt một phần hay chấm dứt toàn bộ thì sự khổ tâm của vị thánh nhân cũng giảm bớt một phần hay chấm dứt toàn bộ. Sự an lạc (*pīti*) và thanh tịnh (*santi*) của một người đã chấm dứt phiền não tuyệt không thể giải thích bằng ngôn ngữ cho phàm phu. Một trong các định nghĩa phổ biến và nổi tiếng nhất về Níp-bàn theo Tam Tạng Pāli là **Ái tận tức Níp-bàn**. Hễ còn một tí Tham Ái (*taṇhā*) thì ta còn có chỗ để tái sinh và do vậy còn phải già chết. Khi tham ái được chấm dứt hoàn toàn rồi thì đương sự không còn bất cứ một mối lo nào nữa. Khi cần thiết thì người học Phật chỉ nên hình dung về Níp-bàn đến chừng đó thôi. Mọi suy diễn xa hơn lời Phật đều là vô ích hoặc nguy hiểm.

Trong cách nghĩ của nhiều người thì Níp-bàn là cái gì đó thuộc tâm lý như một trạng thái tình cảm thương thích hay buồn vui. Nhưng thực ra Níp-bàn là một pháp tánh độc lập như là Tâm pháp hay Sắc pháp vậy. Chính vì vậy nên Níp-bàn thường được mô tả thành 2 trường hợp:

- Sự biến mất vĩnh viễn của phiền não bằng thánh trí, không phải tạm thời như bằng thiền định, thì gọi là **Hữu Dư Y Níp-bàn** (*saupādisesanibbāna*), hay phiền não

Níp-bàn (*kilesanibbāna*) nghĩa là Níp-bàn được chứng ngộ trong khi tám thân này vẫn còn đó, gồm các tâm Quả (*vipākanāmakhandha*) và Sắc Nghiệp (*kammaja-rūpa*).

- Trường hợp thứ hai là **Vô Dư Y Níp-bàn** (*anupādisesanibbāna, khandhanibbāna*) tức sự chấm dứt toàn bộ 5 uẩn của một vị A-la-hán lúc viên tịch.

Xét trên thực tính Chân đế, Níp-bàn chỉ có một, nhưng đôi khi ta thấy ở đâu đó những phân tích nọ kia chỉ nhằm để minh họa các khía cạnh tu chứng mà thôi.

1. **Không Tánh Níp-bàn** (*suññatānibbāna*): Là nói đến khía cạnh vắng mặt của phiền não và danh sắc. Người học Phật tuyệt không nên ngộ nhận rằng Níp-bàn chỉ là một khái niệm hay là sự vắng mặt danh sắc. Người nhiều trí tuệ (**Tuệ Quyền** mạnh) khi tu Tuệ quán thì khía cạnh **Vô Ngã** nổi bật hơn là hai khía cạnh Khổ Não và Vô Thường. Nếu vị ấy chứng thánh thì được gọi là Không Tánh Níp-bàn.
2. **Vô Nguyên Níp-bàn** (*appaṇihitanibbāna*): Là khía cạnh ly ái, Vô Tham của Níp-bàn. Thế giới này tồn tại bằng sức đẩy của lòng tham muốn. Níp-bàn thì không phải vậy, là cái gì đó đối lập lại. Người **Định Quyền** mạnh khi tu Tuệ quán sẽ thấy **Khổ Tướng** rõ nhất nên nếu chứng thánh thì được gọi là đã đắc Vô Nguyên Níp-bàn.
3. **Vô Tướng Níp-bàn** (*animittanibbāna*): Là khía cạnh vô hình vô tướng không thể định dạng của Níp-bàn. Thế giới này được phàm phu ngộ nhận bằng những bày vẽ

Tục đế như cao thấp dài ngắn, đẹp xấu...bởi họ không thấy được sự ráp nối, tổng hợp của các thành tố trong đó. Người **Tín Quyền** mạnh khi tu Tuệ quán sẽ thấy khía cạnh **Vô Thường** rõ nhất, nhìn đâu cũng thấy những đồ gãy, rời rạc. Người này nếu chứng thánh thì được gọi là đã chứng Vô Tướng Níp-bàn.

Từ những giải thích trên, Níp-bàn còn được gọi bằng nhiều từ đồng nghĩa khác để mô tả những khía cạnh đặc thù:

- **Bất Tử (*accuta*):** Là một thực tại nằm ngoài cái chết.
- **Bất Tận (*accanta*):** Níp-bàn là một thực tại không có sự kết thúc hay biên tế.
- **Vô Vi (*asankhata*):** Là một thực tại không do một nguyên tố nào tạo nên như các pháp hữu vi phải luôn được tạo ra từ bốn nguyên tố nghiệp, tâm, nhiệt lượng và dưỡng tố.
- **Vô Thượng (*anuttara*):** Không còn cái gì cao hơn Níp-bàn nữa, tức người đã chứng Níp-bàn thì không còn mong mỗi một thứ gì khác.
- **Thực tại (*padam*):** Tức cái gì đó có thật nhưng chỉ có thể nhận biết bằng trí tuệ thánh nhân.

IV. LỘ TÂM VIÊN TỊCH (PARINIBBĀNAVĪTHI)

Các vị A-la-hán khi viên tịch thì danh sắc sẽ chấm dứt, không còn tái tục, đạt được Vô Dư Y Níp-bàn. Diễn tiến của dòng tâm thức khi vị A-la-hán viên tịch gọi là Tâm Lộ Viên Tịch (*parinibbānavīthi*). Đây đều là tâm lộ cận tử ý môn, được chia thành hai trường hợp lớn:

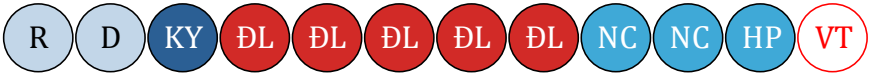
1. Tâm lộ viên tịch thông thường: Tâm viên tịch sanh kế tục một loạt đồng lực dục giới.
2. Tâm lộ viên tịch đặc biệt: Tâm viên tịch sanh kế tục một loạt đồng lực kiên cố.

Cảnh sở tri của tâm lộ viên tịch không là một trong 3 cảnh chủ quan (nghiệp tượng, nghiệp tướng, thú tướng) vì lý do là trong tâm của vị A-la-hán không còn cái gì là thiện, hay bất thiện nữa.

A. LỘ VIÊN TỊCH Ý MÔN THÔNG THƯỜNG (MARĀṄASANNACITTANIBBĀNAVĪTHI)

Đây là lộ tâm viên tịch của vị A-la-hán chưa đắc thiền, hoặc vị đã đắc thiền nhưng không nhập thiền. Lộ tâm này diễn tiến như lộ tử ý môn nhưng sau khi tử không còn tái tục. Gồm có 4 loại do chia thành loại kết thúc ở Na Cảnh và kết thúc ở Đồng Lực, hoặc chia thành Có xen Hữu Phần và Không xen Hữu phần. Loại có Na Cảnh chỉ dành cho 7 cõi vui dục giới.

a. R, D, KY, 5ĐL, 2NC, HP, Viên Tịch



Hình 46- Lộ Viên Tịch Ý Môn Thông Thường, kết thúc ở Na Cảnh, xen hữu phần

b. V, R, D, KY, 5ĐL, 2NC, VT



Hình 47- Lộ Viên Tịch Ý Môn Thông Thường, kết thúc ở Na Cảnh, không xen hữu phần

c. V, R, D, KY, 5ĐL, HP, VT



Hình 48- Lộ Viên Tịch Ý Môn Thông Thường, kết thúc ở Đồng Lực, xen hữu phần

d. R, D, KY, 5ĐL, VT



Hình 49- Lộ Viên Tịch Ý Môn Thông Thường, kết thúc ở Đồng Lực, không xen hữu phần

B. LỘ VIÊN TỊCH ĐẶC BIỆT

Có cả thảy 4 tâm lộ viên tịch đặc biệt :

1. Lộ viên tịch liên thiền (*Jhānasamanantaravīthi*).
2. Lộ viên tịch liên thông (*Abhiññāsamanantaravīthi*).
3. Lộ viên tịch liên phản khán (*Paccavekkhanasamanantaravīthi*).
4. Lộ viên tịch chí mạng (*Jīvitasamasivīthi*).

1. Lộ viên tịch liên thiền (*Jhānasamanantaravīthi*)

Nếu muốn viên tịch bằng cách này thì trước hết vị A-la-hán phải nhập thiền định (*Jhānasamāpattivīthi*) để làm tịnh chỉ các khổ thọ trong cơ thể tâm lộ nhập thiền định này diễn ra như sau: Rúng động, Dứt dòng, Khai ý môn, Chuẩn bị, Cận hành, Thuận thứ, Chuyển tộc (4 sát-na này do 1 đại tố nào đó lần lượt đóng vai), sau chuyển tộc thì một trong 9 tổ đáo đại sẽ khởi lên bắt cảnh án xứ (như *Kasina* chẳng hạn). Tâm tố này sẽ xuất hiện qua ít hay nhiều sát-na tùy theo ý muốn của đương sự. Tâm tử sẽ kế tục sát-na đồng lực cuối cùng, không qua một hữu phần trung gian nào cả.

Đây là tâm lộ viên tịch nối liền một cách trực tiếp với lộ nhập thiền, mà không có một tâm khách quan nào khác xen vào giữa. Vị A-la-hán có thể nhập và xả xuôi ngược qua các tầng thiền trước rồi mới vào lộ viên tịch này. Một trong 30 tục lệ của vị Chánh Đẳng Giác là viên tịch bằng lộ này.

Tâm lộ viên tịch liên thiền sanh được ở 7 cõi vui Dục giới, 15 cõi sắc giới (trừ cõi vô tướng), 4 cõi vô sắc.

Có tất cả 36 tâm lộ viên tịch liên thiên = 2 (có/không xen hữu phần) x 9 (tổ đạo đại) x 2 (độn/lợi căn)

a. Xét lộ chót: R, D, KY, CB, CH, TT, CT, *Tâm Thiên số lượng bất định*, HP, VT



Hình 50- Lộ Viên Tịch Liên Thiên – của người độn căn xen hữu phần

b. Xét lộ chót: R, D, KY, CB, CH, TT, CT, *Tâm Thiên số lượng bất định*, VT



Hình 51- Lộ Viên Tịch Liên Thiên – của người độn căn không xen hữu phần

c. Xét lộ chót: R, D, KY, CH, TT, CT, *Tâm Thiên số lượng bất định*, HP, VT



Hình 52- Lộ Viên Tịch Liên Thiên – của người lợi căn xen hữu phần

d. Xét lộ chót: R, D, KY, CH, TT, CT, *Tâm Thiên số lượng bất định*, VT



Hình 53- Lộ Viên Tịch Liên Thiên – của người lợi căn không xen hữu phần

2. *Lộ viên tịch liên thông (Abhiññāsamanantaravīthi)*

Muốn hóa hiện thần lực trước khi viên tịch thì vị A-la-hán phải nhập thiền cơ rồi xuất ra, chú nguyện thứ phép lạ mà mình muốn thị hiện rồi lại nhập vào thiền cơ bặt nhì. Khi vừa xuất khỏi thiền cơ thì tâm lộ hiện thông (*abhiññāvīthi*) lập tức khởi lên, nó diễn tiến như sau:

- Rúng động, Dứt dòng, Khai ý môn, (Chuẩn bị,) Cận hành, Thuận thứ, Chuyển tộ, thông tố (1 sát-na duy nhất). Khi tâm thông tố hiện khởi thì phép lạ nào mình đã ước nguyện sẽ hiển nhiên tức khắc.
- Sau khi tâm thông tố vừa diệt xong thì tâm tử sẽ lập tức kế tục hoặc là có một hữu phần xen vào giữa Thông tố và tâm tử.

Vậy trong trường hợp viên tịch liên thông này có đến hai mô thức viên tịch: Đồng lực nối liền tâm tử hoặc giữa Đồng lực (thông tố) và tâm tử có hữu phần xen vào.

Đây là tâm lộ viên tịch nối liền trực tiếp với tâm thông mà không bị một tâm khách quan nào xen vào giữa. Chữ Thông trong thuật ngữ "tâm lộ viên tịch liên thông" ám chỉ cho biến hóa thông (*iddhividha*). Vị A-la-hán có thể sanh khởi nhiều lộ hiện thông trước khi vào lộ viên tịch hiện thông.

Tâm lộ viên tịch liên thông có thể sanh được ở 7 cõi vui dục giới và 15 cõi sắc giới (trừ cõi vô tưởng). Tâm lộ viên tịch liên thông không thể sinh khởi ở 4 cõi vô sắc là do chư Phạm Thiên ở đó không có tâm ngũ thiền sắc giới, phương tiện cơ bản cho việc hóa thông.

Chỉ có 4 tâm lộ viên tịch liên thông thôi, tức là ta lấy hai hạng độn căn, lợi căn đem nhân với 02 cách viên tịch là có hoặc không xen hữu phần.

a. Xét lộ chót: R, D, KY, CB, CH, TT, CT, Th, HP, VT



Hình 54- Lộ Viên Tịch Liên Thông – của người độn căn xen hữu phần

b. Xét lộ chót: R, D, KY, CB, CH, TT, CT, Th, rồi Viên Tịch



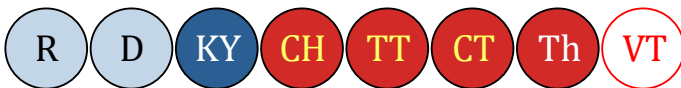
Hình 55- Lộ Viên Tịch Liên Thông – của người độn căn không xen hữu phần

c. Xét lộ chót: R, D, KY, CH, TT, CT, Th, HP, VT



Hình 56- Lộ Viên Tịch Liên Thông – của người lợi căn xen hữu phần

d. Xét lộ chót: R, D, KY, CH, TT, CT, Th, VT



Hình 57- Lộ Viên Tịch Liên Thông – của người lợi căn không xen hữu phần

3. *Lộ viên tịch liên phản khán* (*Paccavekkhanasamanantaravīthi*)

Nếu muốn viên tịch bằng cách này thì trước hết vị A-la-hán phải nhập thiền (*Jhānasamāpatti*) để làm tịnh chỉ các cảm thọ đau đớn trong thân thể Tâm lộ nhập thiền định này diễn tiến như sau:

- Rúng động, Dứt dòng, Khai ý môn, (Chuẩn bị,) Cận hành, Thuận thứ, Chuyển tộc thiền tố giai đoạn này do 1 trong 9 tố đáo đại đảm nhiệm, tâm thiền này cứ sinh diệt liên tục, ít nhiều tùy theo ý muốn của đương sự.
- Vừa chấm dứt tâm lộ nhập thiền định xong thì tâm lộ phản khán lập tức khởi lên để quán xét chi thiền, tâm lộ phản khán này sẽ tái hiện hằng trăm hằng ngàn bận một cách thích ứng rồi diệt đi, tâm tử sẽ sanh kế tục đồng lực phản khán (*paccayakkhaṇajavana*) cuối cùng hoặc là có hữu phần xen vào giữa.

Đây là tâm lộ viên tịch nối liền với các đồng lực phản khán chi thiền mà không bị một tâm khách quan nào khác xen vào giữa. Riêng tâm lộ phản khán cuối cùng chỉ có 5 sát-na Đồng Lực.

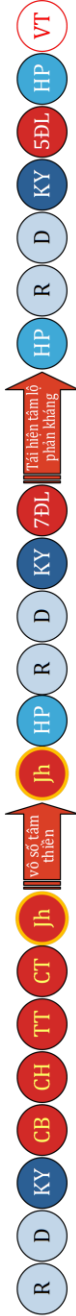
Tâm lộ viên tịch liên phản khán sanh được ở 7 cõi vui Dục giới, 15 cõi sắc giới (trừ cõi vô tưởng) 4 cõi vô sắc.

Tâm lộ viên tịch liên phản khán có cả thảy $48 = 2$ (có/không xen hữu phần) x 24 chi thiền.

24 chi thiền = 5 chi sơ thiền + 4 chi nhị thiền + 3 chi tam thiền + 2 chi tứ thiền + 2 chi ngũ thiền sắc giới + 2 chi thiền vô sắc giới x 4 thiền vô sắc giới.

Tùy theo vị A-la-hán là độn hay lợi căn mà có hay không có tâm Chuẩn Bị trong tâm lộ nhập thiền trước tâm lộ viên tịch. Ở đây chỉ minh họa sơ đồ cho trường hợp vị độn căn.

- a. R, D, KY, (CB,) CH, TT, CT, Tâm Thiên số lượng bất định, (HP, R, D, KY, 7ĐL) × n, HP, R, D, KY, 5ĐL, HP, VT



Hình 58- Lộ Viên Tịch Phán Khán Chi Thiên có xen hữu phần.

- b. R, D, KY, (CB,) CH, TT, CT, Tâm Thiên số lượng bất định, (HP, R, D, KY, 7ĐL) × n, HP, R, D, KY, 5ĐL, VT



Hình 59- Lộ Viên Tịch Phán Khán Chi Thiên không xen hữu phần.

4. Lộ viên tịch chí mạng (*Jīvitasamasīvīthi*)

Đối với vị A-na-hàm tranh thủ chứng đạt Tứ Quả trong giờ phút lâm chung tâm lộ đặc đạo lúc ấy được gọi là tâm lộ đặc đạo chí mạng, diễn tiến như sau:

- Rúng động, Dứt dòng, Khai ý môn, (Chuẩn bị,) Cận hành, Thuận thứ, Dũ tịnh (4 sát-na này do một đại thiện tương ứng trí nào đó lần lượt đóng vai), Kế tục Dũ tịnh là một sát-na Tứ Đạo, rồi (2) sát-na Tứ quả.
- Khi tâm Tứ Quả thứ hai vừa diệt xong thì tâm lộ phản khán liền khởi lên để quan sát Đạo Quả, Níp-bàn cùng phiền não đã diệt Tâm lộ phản khán này cứ tái hiện hàng trăm hàng ngàn lần một cách tương ứng. Riêng tâm lộ phản khán cuối cùng chỉ có 5 sát-na Đồng Lực.
- Lúc tâm đồng lực phản khán (*paccavekkhaṇa-samanantaravīthi javana*) cuối cùng vừa diệt mất thì tâm tử sanh kế tục tức khắc hoặc là sau khi có hữu phần xen vào tâm tử mới sanh lên.

Để nắm rõ ý nghĩa của thuật ngữ *Jīvitasamasī*, ta phải hiểu rằng ngũ uẩn này có 2 cái đầu (*sīsa*):

- 1) *Vatṭasīsa*: chỉ có tâm sở Mạng Quyền và sắc mạng quyền, chúng là đầu của luân hồi khổ.
- 2) *Kilesasīsa*: Chỉ cho tâm sở Si, nó là cái đầu của tất cả phiền não.

Người đặc đạo chí mạng (*Jīvitasamasī*) là người biết tranh thủ giây phút ngắn ngủi trong thời điểm hấp hối của mình để triển khai tâm lý yếm ly tam giới tu tập 4 niệm xứ

là chúng đạt lần lượt 4 tầng thánh quả trong phút giây chớp nhoáng ấy để *vaṭṭasīsa* và *kilesasīsa* cùng lúc bể tan khi tâm lộ chúng đắc Tứ quả khởi lên vừa xong. Phiền não cùng 2 thứ mạng quyền chấm dứt đồng lượt nói trên phương diện thời gian thông thường (*vekā*) không y cứ vào thời gian "chơn đế" (*khana* hay sát-na).

Tâm lộ đặc đạo chí mạng chỉ có thể sanh khởi ở 7 cõi vui dục giới vì ở các tầng Phạm Thiên giới không có cái chết đau đớn, thậm chí không có sự buồn đau trong tư tưởng (*cetasikadukkhavedanā*).

Không phải chỉ có vị A-na-hàm, trường hợp đặc đạo chí mạng của phạm tam nhân, vị Dự Lưu, hoặc Nhất Lai thì quy trình đó được diễn ra với 4, 3 hoặc 2 tâm lộ đặc đạo liên tục cùng với mỗi tâm lộ phản khán tương ứng, sau đó tâm tử mới khởi lên.

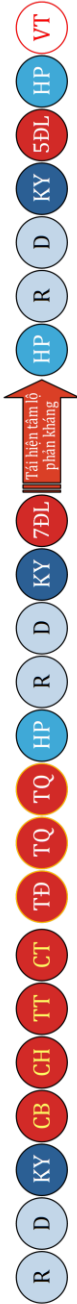
Tâm lộ viên tịch chí mạng đó có tất cả 22, được phân thành 4 trường hợp:

- Quán xét Đạo Quả, Níp-bàn rồi viên tịch theo mô thức "đồng lực nối liền tâm viên tịch". (1 tâm lộ)
- Quán xét Đạo Quả, Níp-bàn rồi hữu phần mô thức "đồng lực - hữu phần - viên tịch". (1 tâm lộ)
- Quán xét 10 phiền não đã diệt rồi viên tịch, đây là mô thức "đồng lực nối liền tâm viên tịch". (10 tâm lộ)
- Quán xét 10 phiền não đã diệt rồi hữu phần xen vào trước khi tâm tử khởi lên. Đây là mô thức "đồng lực - hữu phần - viên tịch". (10 tâm lộ)

Trong 22 tâm lộ viên tịch chí mạng này, 2 tâm lộ đầu chắc chắn phải khởi lên nơi một vị đắc đạo chí mạng (*Jīvitasamasīsīpuggalā*), dĩ nhiên, chỉ một trong hai thôi. Còn 20 tâm lộ sau thì bất định.

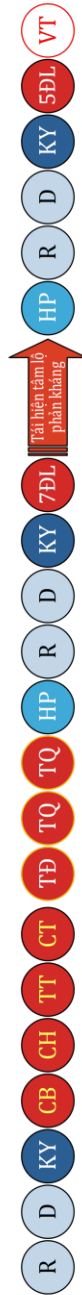
Tùy theo vị A-la-hán là độn hay lợi căn mà có hay không có tâm Chuẩn Bị và 2 hay 3 tâm Thánh Quả trong tâm lộ đắc đạo trước tâm lộ viên tịch. Ở đây chỉ minh họa sơ đồ cho trường hợp vị độn căn. Trước tâm lộ phản khán có thể có vài tâm Hữu Phần xen giữa, ở đây chỉ minh họa 1 tâm.

a. R, D, KY, (CB,) CH, TT, DT, TĐ, TQ, (HP, R, D, KY, 7ĐL) × n, HP, R, D, KY, 5ĐL, HP, VT



Hình 60- Lộ Viên Tịch Chí Mạng – xen hữu phần

b. R, D, KY, (CB,) CH, TT, DT, TĐ, TQ, (HP, R, D, KY, 7ĐL) × n, HP, R, D, KY, 5ĐL, VT



Hình 61- Lộ Viên Tịch Chí Mạng – không xen hữu phần

CHƯƠNG 7

A-TỶ-ĐÀM TẬP YẾU (Samuccaya)

Tất cả các pháp Siêu thế và Hiệp thế được gom chung lại trong 72 pháp Thực Tính (*sabhāvadhamma*):

- 1 Tâm (*citta*), kể rộng là 89 hoặc 121.
- 52 Tâm Sở (*cetasika*)
- 18 Sắc Chân đế (*nipphannarūpa*)
- 1 Níp-bàn (*nibbāna*)

72 pháp này lại được xếp vào 4 nhóm:

- I. Bất Thiện Tập Yếu
- II. Tạp Phần Tập Yếu
- III. Giác Phần Tập Yếu
- IV. Thực Tính Tập Yếu.

I. BẤT THIỆN TẬP YẾU (AKUSALASAṄGAHA)

Gồm có 9 phần:

A. TỨ LẬU (ĀSAVA)

Chữ *Āsava* ở đây có hai nghĩa là **căn bã** hay sự **rò rỉ**. Đức Phật dùng từ này để gọi tên những thứ phiền não căn bản tạo nên cuộc luân hồi.

- **Dục Lậu** (*kāmāsava*): Là tâm sở Tham (*lobha*) trong 8 tâm tham (*lobhamūlacitta*) trong trường hợp lấy 5 dục làm đối tượng.
- **Hữu Lậu** (*bhavāsava*): Là tâm sở Tham (*lobha*) hợp với 4 tham ly tà (*lobhamūladiṭṭhigatavippayuttacitta*) trong trường hợp đắm mê trong 9 tầng thiền Đáo đại và các cõi Phạm thiên.
- **Kiến Lậu** (*diṭṭhāsava*): Là tâm sở Tà Kiến (*diṭṭhi*) trong 4 tâm tham đi chung Tà Kiến (*lobhamūladiṭṭhigatasampayuttacitta*) trong trường hợp Thường Kiến và Đoạn Kiến, kể rộng có 62 Tà Kiến (xem lại kinh Phạm Võng trong Trường Bộ Kinh).
- **Vô Minh Lậu** (*avijjāsava*): Là tâm sở Si (*moha*) trong 12 tâm Bất thiện (*akusalacitta*). Si ở đây là sự bất tri Tứ Đế, Duyên Khởi và Tam Thế Luân Hồi.

Như vậy cốt lõi của Tứ Lậu chỉ có 3 thứ phiền não là **Tham, Tà Kiến và Si**. Chính 3 pháp này đã tạo nên vòng tròn Duyên Khởi.

B. TỨ BỘC (OGHA)

Ogha có nghĩa là dòng nước chảy mạnh, thường được dịch là Bộc Lưu. Tứ Bộc là tên gọi khác của Tứ Lậu trong trường hợp ám chỉ khía cạnh cuốn trôi chúng sanh vào đường sanh tử.

- Dục Bộc (*kāmogha*)
- Hữu Bộc (*bhavogha*)
- Kiến Bộc (*ditṭhogha*)
- Vô Minh Bộc (*avijjogha*)

C. TỨ PHƯỢC (YOGA)

Yoga ở đây có nghĩa là sự ràng buộc hay trói cột. Tứ Lậu đôi khi được gọi là Tứ Phược vì nó giống như cái ách ràng buộc chúng sinh vào cỗ xe luân hồi. Phàm phu như những con bò cứ phải đi tới mà không biết phải làm sao để tháo cỡi ra được.

- Dục Phược (*kāmayoga*)
- Hữu Phược (*bhavayoga*)
- Kiến Phược (*ditṭhiyoga*)
- Vô Minh Phược (*avijjāyoga*)

D. TỨ KẾT (GANTHA)

Chữ này có nghĩa là sợi dây hay sự kết nối các phiền não sau đây được ví dụ như là những sợi dây trói chặt phàm phu.

- **Tham Độc** (*abhijjhā*): Là tâm sở Tham (*lobha*) trong 8 tâm tham (*lobhamūlacitta*), nói rộng là tất cả hình thức của tham ái trong tam giới.

- **Sân Độc** (*vyāpāda*): Là tâm sở Sân (*dosa*) trong 2 tâm sân (*dosamūlacitta*), nói rộng là tất cả hình thức bất mãn của tâm.
- **Giới Cấm Thủ** (*sīlabbataparāmāsa*): Là sự chấp chặt trong các tín điều không nhắm đến cứu cánh Níp-bàn và cách hành trì nằm ngoài Bát Chánh Đạo. Chi pháp là tâm sở Tà Kiến (*micchādiṭṭhi*) trong 4 tâm tham hợp tà (*lobhamūladiṭṭhisampayuttacitta*).
- **Cực Đoan Kiến** (*idaṃsaccābhinivesa*): Là thái độ ôm ấp những điều sai lầm hoặc khiếm khuyết rồi phủ nhận những điều mình chưa thấy, chưa biết. Chi pháp cũng là tâm sở Tà Kiến (*micchādiṭṭhi*) trong 4 tâm tham hợp tà (*lobhamūladiṭṭhisampayuttacitta*).

E. TƯ THỦ (UPĀDĀNA)

Thuật ngữ này có nghĩa là sự nắm níu (*upa + ādāna*). Các phiền não như Ái và Kiến ở mức độ mãnh liệt thì gọi là Thủ. Các ngài ví dụ Tham Ái (*taṇhā*) là tên trộm trong đêm và Thủ (*upādāna*) là động tác cầm nắm vật trộm.

- **Dục Thủ** (*kāmuṇupādāna*): Tâm sở Tham (*lobha*) trong 8 tâm tham (*lobhamūlacitta*) trong trường hợp đam mê Ngũ Dục (*pañcakāma*).
- **Kiến Thủ** (*diṭṭhupādāna*): Sự chấp trước những Tà Kiến nằm ngoài Giới Cấm Thủ và Ngã Chấp Thủ. Như tin Thượng đế tối cao, thiên đường vĩnh cửu hay thờ phụng ma quỷ, thần vật. Chi pháp là tâm sở Tà Kiến

(*micchādiṭṭhi*) trong 4 tâm tham hợp tà (*lobhamūla-diṭṭhisampayuttacitta*).

- **Giới Cấm Thủ** (*silabbatūpādāna*): Xem lại định nghĩa trên.
- **Ngã Chấp Thủ** (*attavādūpādāna*): Đây là từ đồng nghĩa của Thân Kiến (*sakkāyadiṭṭhi*). Thủ này là sự chấp chặt quan điểm Ngã (*ahankāra*) và Ngã Sở (*mamaṅkāra*) như có tôi, của tôi, có hẳn, của họ. Chi pháp là tâm sở Tà Kiến (*micchādiṭṭhi*) trong 4 tâm tham hợp tà (*lobhamūladiṭṭhisampayuttacitta*).

F. SÁU TRIỀN CÁI (NĪVĀRAṆA)

Trong quan điểm truyền thống thì Triền Cái được kể có 5 khi nói đến trường hợp ngăn chặn thiền định (*samādhi*). Nhưng ở đây kể thêm một triền cái nữa là Vô Minh để nhắm đến ý nghĩa ngăn chặn Tuệ quán tức trí tuệ giải thoát.

- **Dục Cái** (*kāmachanda*): Sự đam mê trong cảnh dục trần. Chi pháp là tâm sở Tham (*lobha*) trong 8 tâm tham (*lobhamūlacitta*).
- **Sân Cái** (*vyāpāda*): Tức tất cả những sự bất mãn của tâm. Chi pháp là tâm sở Sân (*dosa*) trong 2 tâm sân (*dosamūlacitta*).
- **Hôn Thụy Cái** (*thīnamiddha*): Tức sự lười biếng và buồn ngủ. Chi pháp là 2 tâm sở Hôn Trầm (*thīna*), tâm sở Thụy Miên (*middha*).

- **Trạo Hối Cái** (*uddhaccakukkucca*): Tức sự bồn chồn và cắn rứt. Chi pháp là tâm sở Phóng Dật (*uddhacca*) và tâm sở Hối (*kukkucca*).
- **Hoài Nghi Cái** (*vicikicchā*): Sự hoài nghi, thắc mắc hay phân vân lưỡng lự. Chi pháp là tâm sở Hoài Nghi (*vicikicchā*).
- **Vô Minh Cái** (*avijjā*): Tâm sở Si (*moha*) trong 12 tâm bất thiện (*akusalacitta*).

Hôn Thụy được kể chung vì chúng có 3 điểm giống nhau:

- Chức năng (*icca*) là không tha thiết với công việc.
- Nhân sanh (*hetu*) là sự không khéo tác ý.
- Pháp đối lập (*paccanika*) là trạng thái thụ động của tâm, đối lập lại sự tinh tấn.

Trạo Hối được kể chung vì có 3 điểm đồng:

- Chức năng là sự xáo trộn nội tâm.
- Nhân sanh là sự thiếu điểm tựa của tâm.
- Pháp đối lập là sự an tĩnh của tâm.

Để hiểu thêm về các Triền Cái xin vào Tăng Chi Bộ Kinh đọc lại 5 ví dụ của Phật về 5 pháp Cái. (Tâm có Dục Cái như nước bị pha màu, tâm có Sân Cái như nước bị sôi, tâm có Hôn Thụy như nước bị rong rêu, tâm có Trạo Hối như nước bị gió thổi, tâm có Hoài Nghi như nước bị bùn sinh, vẩn đục).

G. BẢY TIỀM MIÊN (ANUSAYA)

Thuật ngữ này có nghĩa là sự ẩn mật hay tiềm tàng. Ở đây

tiềm miên phiền não là khả năng xuất hiện của các phiền não. Một người phàm phu đang có thiện tâm, kể cả người chứng thiền định, vẫn được xem là có khả năng sinh khởi phiền não khi có điều kiện thích hợp. Khả năng tiềm tàng đó được gọi là tiềm miên. Ở đây có 7 thứ phiền não Tiềm miên:

- **Dục tiềm miên** (*kāmārāgānusaya*): Tức khả năng đam mê trong cảnh dục trần. Chi pháp là tâm sở Tham (*lobha*) trong 8 tâm tham (*lobhamūlacitta*).
- **Hữu Ái Tiềm miên** (*bhavarāgānusaya*): Là khả năng đam mê trong các tầng thiền Đáo đại và sự hiện hữu ở các cõi Phạm thiên. Chi pháp là tâm sở Tham (*lobha*) hợp với 4 tâm tham ly tà (*lobhamūladiṭṭhigatavippayuttacitta*).
- **Sân Tiềm miên** (*paṭighānusaya*): Là tất cả sự bất mãn (ghét, sợ, giận, ghen, tiếc nuối). Là tâm sở Sân (*dosa*) trong 2 tâm sân (*dosamūlacitta*).
- **Mạn tiềm miên** (*mānānusaya*): Là ý chấp hơn thua, tức sự coi trọng việc so sánh đây với kia. Chi pháp là tâm sở Mạn (*māna*) trong 4 tâm tham ly tà (*lobhamūladiṭṭhivippayuttacitta*).
- **Kiến tiềm miên** (*diṭṭhānusaya*): Là tất cả những suy nghĩ sai lầm về các pháp, gom chung là Thường Kiến và Đoạn Kiến. Chi pháp là tâm sở Tà Kiến (*micchādiṭṭhi*) trong 4 tâm tham hợp tà (*lobhamūladiṭṭhisampayuttacitta*).
- **Hoài Nghi tiềm miên** (*vicikicchānusaya*): Là tất

cả những Hoài Nghi liên hệ Tà Kiến. Chi pháp là tâm sở Hoài Nghi (*vicikicchā*) trong tâm si Hoài Nghi (*mohamūlavicikicchā-sampayuttacitta*).

- **Vô Minh tiềm miên** (*avijjānusaya*): Là sự bất tri trong Tứ Đế. Chi pháp là tâm sở Si (*moha*) trong 12 tâm bất thiện (*akusalacitta*).

H. MƯỜI TRIỀN PHƯỚC (SAMYOJANA)

Là những phiền não trói buộc chúng sanh không cho ra khỏi vòng quay của các khổ. Đức Phật tùy duyên mà nhấn mạnh những phiền não nào đó trong trường hợp cần thiết. Có lúc chỉ kể phiền não có 1, có lúc là 4, 5, 6, 7, 10. Nhưng chung quy vẫn là chừng đó. Sau đây là 10 Triền Phước kể theo Kinh Tạng (*suttapīṭaka*), về định nghĩa xin xem lại ở trên:

- Dục Ái (*kāmarāgasamyojana*)
- Sắc Ái (*rūparāgasamyojana*)
- Vô sắc ái (*arūparāgasamyojana*)
- Sân (*paṭighāsamyojana*)
- Mạn (*mānasamyojana*)
- Kiến (*ditṭhisamyojana*)
- Giới cấm Thủ (*silabbatasamyojana*)
- Hoài nghi (*vicikicchāsamyojana*)
- Phóng Dật (*uddhaccasamyojana*)
- Vô Minh (*avijjāsamyojana*)

Trong khi đó, nếu kể theo Tạng A-tỳ-đàm (*abhidhamma*) thì là:

- Dục Ái (*kāmarāgasamyojana*)
- Hữu Ái (*bhavarāgasamyojana*) gồm
 - Sắc Ái (*rūparāgasamyojana*)
 - và Vô sắc ái (*arūparāgasamyojana*)
- Sân (*paṭighāsamyojana*)
- Mạn (*mānasamyojana*)
- Kiến (*ditṭhisamyojana*)
- Giới cấm Thủ (*silabbatasamyojana*)
- Hoài nghi (*vicikicchāsamyojana*)
- Ganh Ty (*issāsamyojana*)
- Bỏn xẻn (*macchariyasamyojana*)
- Vô Minh (*avijjāsamyojana*)

Như vậy nếu kể theo Tạng Kinh thì chi pháp của 10 Triền Phược là 7 tâm sở: Tham, Sân, Si, Mạn, Kiến, Hoài nghi, Phóng Dật.

Nếu kể theo Tạng A-tỳ-đàm thì có 8: Tham, Sân, Si, Mạn, Kiến, Hoài nghi, Ganh Ty, Bỏn Xẻn.

Gom chung cả 2 nguồn thì có 9 tâm sở.

I. MƯỜI PHIỀN NÃO (KILESA)

Là tất cả những gì đốt cháy nội tâm chúng sanh.

- Tham (*lobha*)
- Sân (*dosa*)
- Si (*moha*)
- Mạn (*māna*)
- Kiến (*ditṭhi*)

- Hoài Nghi (*vicikicchā*)
- Hôn Trầm (*thina*)
- Phóng Dật (*uddhacca*)
- Vô Tàm (*ahirika*)
- Vô Quý (*anottappa*)

Bảng 53- Biểu đồ Bất Thiên Tập Yếu

Tứ Lộ	Tứ Bộc	Tứ Phược	Tứ Kết	Tứ Thủ
- Dục - Hữu - Kiến - Vô Minh	- Dục - Hữu - Kiến - Vô Minh	- Dục - Hữu - Kiến - Vô Minh	- Tham độc - Sân độc - Giới cấm thủ - Cực đoan kiến	- Dục - Kiến - Giới cấm - Ngã chấp

6 Triển cái	7 Tiềm miên
- Dục - Sân - Hôn Thụy - Trạo hối - Hoài nghi - Vô minh	- Dục - Hữu ái - Sân - Mạn - Kiến - Hoài nghi - Vô minh

Xem tiếp biểu đồ ở trang kế...

10 Triền Phược		10 Phiền não
theo Tạng Kinh	theo A-tỳ-đàm	
- Dục ái	- Dục ái	- Tham
- Sắc ái	- Hữu ái	- Sân
- Vô sắc ái	- Ganh tỵ	- Si
- Sân	- Sân	- Hôn Trầm
- Mạn	- Mạn	- Mạn
- Kiến	- Kiến	- Kiến
- Giới cấm thủ	- Giới cấm thủ	- Phóng dật
- Hoài nghi	- Hoài nghi	- Hoài nghi
- Phóng dật	- Bỏn xẻn	- Vô Tàm
- Vô minh	- Vô minh	- Vô Úy

1500 Phiền Não (kilesa)

71 pháp thực tính (trừ Níp-bàn) khi được cộng thêm 4 Sắc Tướng (*lakkaṇarūpa*) thì thành ra 75 pháp thực tính hữu vi (*saṅkhatasabhāvadhamma*). 75 pháp này lại có 2 trường hợp nội phần (*ajjhattika*) và ngoại phần (*bahiddha*). Như vậy ta có 150 pháp thực tính. Khi 150 pháp này là đối tượng cho từng thứ phiền não (10 thứ) kể trên thì ta có 1500 phiền não.

108 Tham Ái (taṇhā)

Cách tính đặc biệt này lại mở ra một cách phân tích khác về tham ái. Về thực tính Ái chỉ có một là sự ham thích, nhưng nếu xét về cảnh giới thì Ái có ba là:

310 I. BẤT THIÊN TẬP YẾU (AKUSALASAṄGAHA)

- Dục Ái (*kāmatanḥā*): Sự ưa thích trong cảnh dục trần.
- Hữu Ái (*bhavatanḥā*): Sự ưa thích trong các tầng thiên và cõi thiên.
- Vô Hữu Ái (*vibhavatanḥā*): Sự ham thích liên hệ Đoạn Kiến.

Nếu xét trên đối tượng thì Ái có 6 là:

- Sắc Ái (*rūpatanḥā*)
- Thinh Ái (*saddatanḥā*)
- Khí Ái (*gandhatanḥā*)
- Vị Ái (*rasatanḥā*)
- Xúc Ái (*phoṭṭhabbatanḥā*)
- Pháp Ái (*dhammatanḥā*)

Lấy 3 Ái trên x 6 Ái dưới = 18 Ái

18 Ái x (nội + ngoại) = 36 Ái

36 Ái x 3 thời = 108 Ái

Ghi chú:

1. Tâm sở Tham xuất hiện trong 9 trường hợp: Tứ Lộ, Tứ Bộc, tứ Phược, Tứ Kết, Tứ Thủ, 5 hoặc 6 Triền Cái, 7 Tiềm Miên, 10 Kiết Sử (triền phược) và 10 hoặc 1500 phiền não.
2. Trong bản đồ trên tâm sở Tà Kiến xuất hiện 8 lần.
3. Căn bản của Tứ Lộ, Tứ Bộc và Tứ Phược chỉ là 3 phiền não là Tham, Tà Kiến và Si.
4. Chi pháp căn bản của Tứ Kết gồm có 3 là Tham, Tà Kiến và Sân.

II. CÁC THỂ TÀI PHỨC HỢP (MISSAKASAṄGAHA)

Vào thế kỷ thứ X Phật lịch, ngài Anuruddha đã làm một việc có sức ảnh hưởng đủ làm thay đổi gương mặt Phật giáo hậu thời là y cứ ba Tạng để rút gọn tạng A-tỳ-đàm thành một tập sách mỏng có 9 chương bàn về những vấn đề cốt lõi cần lưu tâm khi nghiên cứu A-tỳ-đàm Tạng và cho cả hành giả Tuệ quán.

Tập sách đó chính là Thắng Pháp Tập Yếu (*Abhidhammatthasaṅgaha*). Cuốn tài liệu này là công trình dịch giải tác phẩm đó của ngài. Chương này là một trong chín chương của Thắng Pháp Tập Yếu, có thể xem là chìa khóa cho người học A-tỳ-đàm qua các thể tài.

A. SÁU NHÂN (HETU)

Gọi là tâm bất thiện hay thiện là bởi y cứ trong tâm đó có Tham, Sân, Si hay không. Nếu có thì gọi là tâm bất thiện. Trong trường hợp 3 yếu tố đó được thay thế bằng 3 tâm sở đối lập (Vô Tham, Vô Sân, Trí Tuệ) thì đó là tâm thiện. Như vậy nhân ở đây gồm có 6:

- Tham (lobha)
- Sân (dosa)
- Si (moha)
- Vô Tham (alobha)
- Vô Sân (adosa)
- Vô Si (amoha)

6 tâm sở trên đây được gọi là 6 Nhân (*hetu*), vì chúng là gốc của thiện ác.

Nên nhớ tâm thiện không có nhân bất thiện nhưng có các nhân thiện. Còn các tâm Vô Ký thì không có cả nhân thiện lẫn bất thiện. Nhưng nếu cần thì ta vẫn có thể nói Vô Ký có 3 khía cạnh Vô Tham, Vô Sân, Vô Si nhưng chúng không phải là nhân thiện.

B. BẢY CHI THIỀN (JHĀNAṄGA)

Ngoài 5 chi thiền căn bản là Tầm, Tứ, Hỷ, Lạc, Định, ở đây kể thêm Ưu và Xả. Nói vậy có nghĩa là chi thiền ở đây không chỉ là những yếu tố cho thiền định mà còn là yếu tố hỗ trợ cho tất cả các tâm thiện ác nói chung.

- Tầm (*vitakka*)
- Tứ (*vicāra*)
- Hỷ (*pīti*)
- Định (*ekaggatā*)
- Lạc (*sukhavedanā*)
- Ưu (*domanassavedanā*)
- Xả (*upekkhāvedanā*)

C. MƯỜI HAI CHI ĐẠO (MAGGAṄGA)

Cũng như trường hợp 7 chi thiền, chi đạo ở đây không chỉ gói gọn trong Bát Chánh Đạo dẫn đến giải thoát mà còn gồm chung tất cả những gì làm nên con đường ra vào hay lên xuống cho tất cả chúng sinh trong ba cõi sáu đường.

- **Chánh Kiến** (*sammādiṭṭhi*): Tâm sở Trí (*paññā*) trong 8 tâm Đại thiện (*mahākusalacitta*), 8 tâm Đại tố (*mahākiriya-citta*) và 26 tâm Đồng lực Kiên cố (*appanājavana*).
- **Chánh Tư Duy** (*sammāsaṅkappa*): Tâm sở Tầm (*vitakka*) trong 42 tâm kể trên.
- **Chánh Ngữ** (*sammāvācā*): Tâm sở Chánh Ngữ (*sammāvācā*) trong 8 tâm Đại thiện (*mahākusalacitta*) và 8 hay 40 tâm Siêu thế (*lokuttaracitta*).
- **Chánh Nghiệp** (*sammākammanta*): Tâm sở Chánh Nghiệp (*sammākammanta*) trong 8 Đại thiện (*mahākusalacitta*) và 8 hay 40 tâm Siêu thế (*lokuttaracitta*).

- **Chánh Mạng** (*sammājīva*): Tâm sở Chánh Mạng (*sammā-ājīva*) trong 8 Đại thiện (*mahākusalacitta*) và 8 hay 40 tâm Siêu thế (*lokuttaracitta*).
- **Chánh Tinh Tấn** (*sammāvāyāma*): Tâm sở Cần (*viriya*) trong 8 Đại thiện (*mahākusalacitta*), 8 tâm Đại tổ (*mahākiriyacitta*) và 26 tâm Đồng lực Kiên cố (*appanājavana*).
- **Chánh Niệm** (*sammāsati*): Tâm sở Niệm (*sati*) trong 42 tâm kể trên.
- **Chánh Định** (*sammāsamādhi*): Tâm sở Định (*ekaggatā*) trong 42 tâm kể trên.
- **Tà Kiến** (*micchādiṭṭhi*): Tâm sở Tà Kiến (*micchādiṭṭhi*) trong 4 tham hợp tà (*lobhamūladiṭṭhisampayuttacitta*).
- **Tà Tư Duy** (*micchāsankappa*): Tâm sở Tầm (*vitakka*) trong 12 tâm bất thiện (*akusalacitta*).
- **Tà Tinh Tấn** hay Tà Cần (*micchāvāyāma*): Tâm sở Cần (*viriya*) trong 12 tâm bất thiện (*akusalacitta*).
- **Tà Định** (*micchāsamādhi*): Tâm sở Định (*ekaggatā*) trong 12 tâm bất thiện (*akusalacitta*).

D. HAI MƯƠI HAI QUYỀN (INDRIYA)

Là những pháp căn bản đóng vai trò chủ yếu cho đời sống chúng sinh trong Tam Giới. Chính các pháp này đã làm nên sự khác biệt giữa Phàm với Thánh, Dục giới với Đáo đạ, Nam với Nữ, đời sống tinh thần và vật chất... Có tất cả 22 Quyền chia thành 6 nhóm như sau:

1. Sắc Quyền (*rūpa-indriya*)

- Nhãn quyền (*cakkhundriya*): Tức thần kinh thị giác (*cakkhupāsada*)
- Nhĩ quyền (*sotindriya*): Tức thần kinh thính giác (*sotapāsada*)
- Tỷ quyền (*ghānidriya*): Tức thần kinh khứu giác (*ghānapāsada*)
- Thiệt quyền (*jivhindriya*): Tức thần kinh vị giác (*jivhāpāsada*)
- Thân quyền (*kāyindriya*): Tức thần kinh xúc giác (*kāyapāsada*)
- Nữ quyền (*itthindriya*): Tức sắc tố nữ (*itthibhāvarūpa*)
- Nam quyền (*purisindriya*): Tức sắc tố nam (*purisabhāvarūpa*)

2. Nhóm Mạng Quyền (*jīvitindriya*)

- Mạng quyền (*jīvitindriya*): Gồm cả Danh (*jīvitindriya-cetasika*) và Sắc mạng quyền (*jīvitarūpa*), tức sức sống tiềm ẩn hay nguồn năng lượng duy trì sự tồn tại.

3. Nhóm Danh Quyền (*nāma-indriya*)

- Ý quyền (*manindriya*): Gồm 89 hoặc 121 tâm (*citta*).
- Tín quyền (*saddhindriya*): Tức là niềm tin.
- Tấn quyền (*viriyindriya*): Tức sự cố gắng.

- Niệm quyền (*satindriya*): Tức khả năng ghi nhớ.
- Định quyền (*samādhindriya*): Tức khả năng tập trung tư tưởng.

4. Nhóm Thọ Quyền (*vedanā-indriya*)

- Khổ quyền (*dukkhindriya*): Tức cảm giác đau đớn của thân.
- Lạc quyền (*sukhindriya*): Tức cảm giác dễ chịu của thân.
- Ưu quyền (*domanassindriya*): Tức cảm giác khó chịu của tâm lý.
- Hỷ quyền (*somanassindriya*): Tức cảm giác dễ chịu của tâm lý.
- Xả quyền (*upekkhindriya*): Tức cảm giác hững hờ, lãnh đạm của tâm lý.

5. Nhóm Tuệ Quyền (*paññā-indriya*)

- Tuệ quyền (*paññindriya*): Tức khả năng hiểu biết, nhận thức vấn đề một cách đúng đắn.
- Vị Tri quyền (*anaññātiññassāmīindriya*): Tức tâm sở Trí Tuệ (*paññā*) trong tâm Sơ đạo (*sotāpattimagga*), được gọi như vậy vì đây là trí biết được điều mình chưa từng biết bao giờ, tức sự giác ngộ Tứ đế.
- Dĩ Tri quyền (*aññindriyapaññā*): Là trí biết thêm đôi phần về điều mình đã từng biết qua một lần, ở đây chỉ cho tâm sở Trí Tuệ trong 3 Đạo cao và 3 Quả thấp.

- Cự Tri quyền (*aññātāvindriyapaññā*): Là trí biết được một cách rốt ráo lý Tứ đế mà mình đã từng biết qua, ở đây chỉ cho tâm sở Trí Tuệ trong tâm A-la-hán Quả (*arahattaphala*).

Bảng 55- Biểu đồ 22 Quyền

Nhóm Sắc Quyền	Mạng Quyền	Nhóm Danh Quyền	Nhóm Thọ Quyền	Nhóm Tuệ Quyền
- Nhãn - Nhĩ - Tỷ - Thiệt - Thân - Nữ - Nam	- Mạng	- Ý - Tín - Tấn - Niệm - Định	- Khổ - Lạc - Ưu - Hỷ - Xả	- Tuệ - Vị tri - Dĩ tri - Cự tri

E. CHÍN LỰC (BALA)

Là 9 sức mạnh của pháp thiện và bất thiện. Chúng được gọi là Lực vì chúng là nguồn sức mạnh đối phó với pháp đối lập trong cả thiện lẫn ác.

- Tín Lực (*saddhābala*): Tâm sở Tín (*saddhā*) trong các tâm tịnh hảo (*sobhaṇacitta*).
- Tấn Lực (*viriyabala*): Tâm sở Cần (*viriya*) trong 73 tâm Hữu Cần.
- Niệm Lực (*satibala*): Tâm sở Niệm (*sati*) trong các tâm tịnh hảo (*sobhaṇacitta*).

- **Định Lực (*samādhibala*):** Tâm sở Định (*ekaggatā*) trong 72 tâm Hữu Định, ngoại trừ 16 tâm không đi với Cần và tâm si Hoài Nghi. (73 tâm hữu Cần trừ si Hoài Nghi).
- **Tuệ Lực (*paññābala*):** Tâm sở Trí Tuệ (*paññā*) trong 47 tâm tam nhân (*tihetukacitta*).
- **Tàm Lực (*hiribala*):** Tâm sở Tàm (*hiricetasika*) trong các tâm tịnh hảo (*sobhaṇacitta*).
- **Úy Lực (*ottappabala*):** Tâm sở Quý (*ottappa*) trong các tâm tịnh hảo (*sobhaṇacitta*).
- **Vô Tàm Lực (*ahirikabala*):** Tâm sở Vô Tàm (*ahirika*) trong 12 tâm bất thiện (*akusalacitta*).
- **Vô Quý Lực (*anottappabala*):** Tâm sở Vô Quý (*anottappa*) trong 12 tâm bất thiện (*akusalacitta*).

F. TỨ TRƯỞNG (ADHIPATI)

Là 4 pháp dẫn đầu cho các nghiệp thiện ác lớn nhỏ. Nếu đem so sánh, Tứ Trượng có vai trò của một ông vua, còn các pháp quyền thì vốn như các vị bộ trưởng.

- **Dục trượng (*chandādhipati*):** Tức ý muốn hành động, ở đây ám chỉ tâm sở Dục (*chanda*) trong 18 tâm Đồng lực Nhị nhân (8 tâm tham, 4 tâm Đại thiện ly trí và 4 tâm Đại tố ly trí) và 34 Đồng lực Tam nhân (4 tâm Đại thiện hợp trí, 4 Đại tố hợp trí, 9 tâm thiên Đáo đại, 9 tâm Tố Đáo đại và 8 tâm Siêu thế).
- **Cần trượng (*viriyādhipati*):** Tâm sở Cần (*viriya*) trong 18 Đồng lực Nhị nhân và 34 Đồng lực Tam nhân.

- **Tâm trưởng** (*cittādhīpati*): Là bản thân 18 Đồng lực Nhị nhân và 34 Đồng lực Tam nhân.
- **Thâm trưởng** (*vimamsādhīpati*): Tâm sở Trí Tuệ (*paññā*) trong 34 Đồng lực Tam nhân.

G. TỨ THỰC (ĀHĀRA)

Ở đây chỉ chung cho tất cả những gì có tác dụng nuôi dưỡng đối với Sắc và Danh pháp hữu vi.

- **Đoàn Thực** (*kabalīṅkārahāra*): Ở đây bao gồm hai thứ vật thực nội và ngoại. Vật thực ngoại là thức ăn chưa tiêu hóa và vật thực nội là các sinh tố (*ojā*) trong thức ăn lúc đã vào trong máu.
- **Xúc Thực** (*phassāhāra*): Tức tâm sở Xúc (*phassa*) trong tất cả tâm. Xúc được gọi là Vật thực vì nó tạo ra các thọ (*vedanā*).
- **Tư Niệm Thực** (*manosañcetanāhāra*): Tức tâm sở Tư (*cetanā*) trong 29 Đồng lực tạo nghiệp (12 bất thiện, 8 Đại thiện, 9 thiện Đáo đại).
- **Thức Thực** (*viññāṇāhāra*): Tất cả 121 tâm vì chúng là nguồn tiếp dưỡng cho các tâm sở (*cetasika*) và Sắc Tâm (*cittajarūpa*).

III. GIÁC PHẦN TẬP YẾU (BODHIPAKKHIYASAṄGAHA)

Trong phần này ta sẽ bàn về 37 thiện pháp có công năng dẫn đến giác ngộ vốn được chia chẻ và phân nhóm từ Bát Chánh Đạo mà ra. Nghĩa là từng nhóm giác phần trong 37

Giác phần có nội dung tiêu biểu cho **cả Bát Thánh Đạo** và Đức Phật đã tùy duyên thuyết giảng nhóm nào đó trong các Giác phần để thích hợp với căn cơ với chúng sinh.

A. TỨ NIỆM XỨ (SATIPATTHANA)

Là công phu phát triển chánh niệm y cứ trên 4 đề mục:

- **Thân Quán Niệm Xứ** (*kāyānupassanāsatiṭṭhāna*): Lấy Sắc uẩn làm đối tượng ghi nhận.
- **Thọ Quán Niệm Xứ** (*vedanānupassanāsatiṭṭhāna*): Lấy Thọ uẩn (*vedanākhanda*) làm đối tượng ghi nhận.
- **Tâm Quán Niệm Xứ** (*cittanupassanāsatiṭṭhāna*): Lấy Thức uẩn và Tưởng uẩn làm đối tượng ghi nhận.
- **Pháp Quán Niệm Xứ** (*dhammānupassanāsatiṭṭhāna*): Lấy Tưởng uẩn và Hành uẩn làm đối tượng ghi nhận.

Niệm ở đây là tâm sở Niệm (*sati*) trong 8 tâm Đại thiện (*mahākusalacitta*), 8 tâm Đại tố (*mahākiriya-citta*), 26 Đồng lực Kiên cố (*appanājavana*) và 8 tâm Siêu thế (*lokuttaracitta*). Chánh niệm trong Tứ Niệm Xứ có 3 khía cạnh cần được lưu tâm:

- Đối tượng của Niệm ở đây là Thân, Thọ, Tâm, Pháp.
- Sở dụng của Niệm ở đây là phát hiện 4 khía cạnh Bất Mỹ (*asubha*), Đau Khổ (*dukkha*), Vô Thường (*anicca*) và Vô Ngã (*anatta*). Nói gọn lại là bốn khía cạnh Xấu (không đẹp), Khổ (không vui), Giả (không thật), Tạm (không bền). Phần lớn Phật tử Việt Nam vẫn dựa vào Hán Tạng

gọi khía cạnh *asubha* trên đây là Bất Tịnh tức dơ bẩn, không sạch sẽ, nhưng thực ra chữ *asubha* này còn có nghĩa thứ hai là Bất Mỹ, tức không đẹp. Trong ý nghĩa Bất Mỹ có thể bao hàm cả khía cạnh Bất Tịnh, nhưng trong cái gọi là Bất Tịnh thì không hẳn có cái Bất Mỹ.

- Cứu cánh của Niệm Xứ là sự chấm dứt các tri kiến điên đảo cho đời là đẹp (*subha*), hạnh phúc (*sukha*), thường tồn (*nicca*) và có cái tôi (*atta*).

B. TỨ CHÁNH CẦN (SAMMAPPADHĀNA)

Là sự nỗ lực nhắm tới mục đích giác ngộ sinh tử. Cần ở đây là tâm sở Cần (*virīya*) trong 8 tâm Đại thiện (*mahākusalacitta*), 9 tâm thiện Đáo đại (*mahaggatakusalacitta*) và 4 tâm Đạo (*maggacitta*). Tổng cộng là 21 tâm. Kể theo Tạng Kinh thì Tứ Chánh Cần gồm 4 ý nghĩa:

- Ngăn ác pháp chưa đến (*anuppannākusalapahāna*).
- Trừ ác pháp đang xuất hiện (*uppannākusalapahāna*).
- Tu tập các thiện pháp chưa có (*anuppannakusala-bhāvanā*).
- Phát triển những thiện pháp đã có (*uppannakusala-bhāvanā*).

C. TỨ NHƯ Ý TỨC (IDDHIPĀDA)

Là 4 pháp nền tảng cho thiền định và Đạo Quả, tức các trí tuệ Đáo đại và Siêu thế. Trên tên gọi thì Tứ Như Ý Túc và Tứ Trưởng giống nhau, nhưng trong chi pháp thì Tứ Như Ý Túc chỉ gồm thiện pháp.

- Dục Như Ý Túc (*chanda-iddhipāda*): Là tâm sở Dục (*chanda*) trong 21 tâm thiện (*kusalacitta*).
- Cần Như Ý Túc (*virīya-iddhipāda*): Là tâm sở Cần (*virīya*) trong 21 tâm thiện.
- Tâm Như Ý Túc (*citta-iddhipāda*): Là 21 tâm thiện gồm 8 tâm Đại thiện, 9 tâm Đạo đại và 4 tâm thánh đạo.
- Thấm Như Ý Túc (*vimamsā-iddhipāda*): Là tâm sở Trí Tuệ (*paññā*) trong 21 tâm trên.

D. NGŨ QUYỀN (INDRIYA)

Gồm 5 yếu tố tâm lý không thể thiếu được trên hành trình giải thoát.

- Tín quyền (*saddhindriya*): Là tâm sở Tín (*saddhā*) trong 8 tâm Đại thiện, 8 tâm Đại tố và 26 Đồng lực Kiên cố.
- Tấn quyền (*virīyindriya*): Là tâm sở Cần (*virīya*) trong 42 tâm trên.
- Niệm quyền (*satindriya*): Là tâm sở Niệm (*sati*) trong 42 tâm trên.
- Định quyền (*samādhindriya*): Là tâm sở Định (*ekaggatā*) trong 42 tâm trên.
- Tuệ quyền (*paññindriya*): Là tâm sở Trí Tuệ (*paññā*) trong 42 tâm trên.

Trong thực tế tu chứng, Tín và Tuệ phải được cân bằng, vì **Tín** quá trội sẽ dẫn đến **Cuồng Tín** và **Tuệ** quá trội sẽ làm hỏng khả năng **Định** tâm. Cũng vậy, Cần và Định cũng phải

được cân đối vì **Cần** quá mạnh sẽ dẫn đến **Phóng Dật** và **Định** quá mạnh sẽ dẫn đến **Hôn Thụy**. Riêng Niệm thì luôn cần thiết trong mọi lúc. **Niệm** chỉ có thiếu chứ không bao giờ dư.

E. NGŨ LỰC (BALA)

Nội dung giống hệt Ngũ quyền. Sở dĩ gọi là Lực vì Đức Phật muốn nhấn mạnh khía cạnh cần thiết của 5 quyền **đối với sự tu tập**.

- Tín Lực (saddhābala).
- Tấn Lực (viriyabala).
- Niệm Lực (satibala).
- Định lực (samādhibala).
- Tuệ lực (paññābala).

F. THẤT GIÁC CHI (BOJJHAṄGA)

Có lúc toàn bộ hành trình giác ngộ được kể thành 7 vấn đề:

- **Niệm Giác Chi** (*satisambojjhaṅga*): Là tâm sở Niệm (*sati*) trong 8 tâm Đại thiện, 8 tâm Đại tố và 26 Đồng lực Kiên cố.
- **Trạch pháp Giác Chi** (*dhammavicayasambojjhaṅga*): Là tâm sở Trí Tuệ (*paññā*) trong 42 tâm trên.
- **Cần Giác Chi** (*viriyasambojjhaṅga*): Là tâm sở Cần (*viriya*) trong 42 tâm trên.
- **Hỷ Giác Chi** (*pītisambojjhaṅga*): Là tâm sở Hỷ (*pīti*) trong các tâm thọ hỷ rút từ 42 tâm trên.

- **Tĩnh Giác Chi** (*passaddhisambojjhaṅga*): Là tâm sở Tĩnh Tánh (*kāyapassaddhi*), Tĩnh Tâm (*citta-passaddhi*) trong 42 tâm trên.
- **Định Giác Chi** (*samādhisambojjhaṅga*): Là tâm sở Định (*ekaggatā*) trong 42 tâm trên.
- **Xả Giác Chi** (*upekkhāsambojjhaṅga*): Là tâm sở Hành Xả (*upekkhā*) trong trong các tâm thọ xả rút từ 42 tâm trên.
 Trạch, Cần và Hỷ Giác Chi đối trị Hôn Thụy.
 Tĩnh, Định và Xả Giác Chi đối trị Phóng Dật.
 Niệm Giác Chi thì cần thiết mọi nơi mọi lúc.

G. BÁT CHÁNH ĐẠO (MAGGAṄGA)

Tức 8 chi phần của Đạo để được chia thành 3 nhóm theo Tam học.

1. Tuệ Thánh Đạo (*paññāmaggaṅga*)

- Chánh Kiến (*sammādiṭṭhi*): Là trí tuệ trong Tam tướng và Nhân quả.
- Chánh Tư Duy (*sammāsaṅkappa*): Gồm ly dục tư duy (*nekkhammasaṅkappa*) là những suy nghĩ chán sợ Dục lạc, Vô sân tư duy (*abyāpādasāṅkappa*) là những suy nghĩ chan chứa Từ tâm và Bất hại tư duy (*avihiṃsasāṅkappa*) là những suy nghĩ có Bi tâm đi kèm.

2. Giới Thánh Đạo (*sīlamaggaṅga*)

- Chánh Ngữ (*sammāvācā*): Gồm sự kiêng tránh 4 thứ tà ngữ (nói dối, nói đâm thọc, nói độc ác, nói lời vô ích) và

sự nói năng trên những đề tài dẫn đến sự trưởng dưỡng 10 thánh đạo (bát thánh đạo cộng với chánh trí và chánh giải thoát).

- Chánh Nghiệp (*sammākammanta*): Là sự kiêng tránh tất cả thân ác nghiệp.
- Chánh Mạng (*sammājīva*): Là sự kiêng tránh tất cả những sinh kế bất thiện.

3. Định Thánh Đạo (*samādhimagga*)

- Chánh Tinh Tấn (*sammāvāyāmo*): Gồm Tứ chánh cần.
 - Ngăn ngừa ác pháp chưa đến (*anuppannākusalapahāna*)
 - Trừ bỏ ác pháp đang xuất hiện (*uppannākusalapahāna*)
 - Tu tập các thiện pháp chưa có (*anuppannakusalabhāvanā*)
 - Phát triển những thiện pháp đã có (*uppannakusalabhāvanā*)
- Chánh Niệm (*sammāsati*): Là sự tu tập Tứ niệm xứ.
- Chánh Định (*sammāsamādhi*): Gồm 3 loại định là sát-na định, cận định và kiên cố định (từ sơ thiền đến tầng vô sắc thứ tư) trong quá trình Tam Học.

Kể theo Bát Chánh Đạo thì trật tự Tam Học được bắt đầu từ phần Tuệ, nhưng trong tu tập thực tế thì hành giả phải bắt đầu từ Giới Phần trước. Không có Giới Phần thì không thể có Định Phần. Định ở đây là Cận Định và Kiên cố Định.

Thiếu một trong hai Định này thì không thể có Tuệ Phần đúng mức, tức Tuệ Phần có khả năng đoạn trừ phiền não. Nói vậy có nghĩa là kể cả một người chưa từng tu thiền định cũng vẫn phải có tối thiểu khả năng Cận Định trong khoảng khắc cao điểm của Tuệ quán (từ sau Hành Xả Tuệ). Cho nên tâm thánh đạo thấp nhất cũng phải là Thánh Đạo Sơ thiền có lý do là vậy.

Chánh Kiến ở đây có thể hiểu gồm 2 loại phàm trí và thánh trí. Phàm trí là trí Nhân Quả (*kammassakatāñāṇa*, *yathākammūpagañāṇa*) và trí Tuệ quán (16 trí Tuệ quán).

Xét trên chi pháp của A-tỳ-đàm thì cốt lõi của 37 pháp Giác phần này chỉ gói gọn trong 14 tâm sở: Niệm, Cần, Dục, Định, Tín, Tuệ, Hỷ, Tịch (Tịch Tánh, Tịch Tâm), Xả, Tầm và 3 Giới Phần. Có điều là tùy trường hợp mà các tâm sở trên đây được nhắc đến bao nhiêu lần, như Cần thì 9 lần, Niệm thì 8 lần, Định thì 4 lần, Tuệ thì 5 và Tín thì 2 lần.

IV. A-TỠ-ĐÀM TỔNG NHIẾP (*SABBASAṄGAHA*)

A. NGŨ UẨN HAY NGŨ THỦ UẨN (*UPĀDĀNAKHANDHA*)

- Sắc uẩn (*rūpa-upādānakhandha*): Gồm 28 Sắc pháp.
- Thọ uẩn (*vedanā-upādānakhandha*): Tâm sở Thọ.
- Tưởng uẩn (*saññā-upapādānakhandha*): Tâm sở Tưởng.
- Hành uẩn (*saṅkhārā-upādānakhandha*): 50 tâm sở còn lại trừ Thọ và Tưởng.
- Thức uẩn (*viññāṇupādānakhandha*): 121 tâm

5 uẩn dù thuộc quá khứ, hiện tại, vị lai, trong ngoài, liệt thảng, gần xa, thô hay tế cũng chỉ là vậy thôi không có gì khác, nghĩa là luôn Vô thường, Khổ, Vô Ngã và đều do Tham Ái, Tà Kiến quá khứ tạo nên. Đây cũng là lý do đôi khi Đức Phật gọi 5 uẩn là 5 Thủ uẩn, tức do Tứ Thủ đời trước mà có và trong hiện tại cũng là đối tượng cho Tứ Thủ nhận biết. Trong 4 pháp Chân đế, Níp-bàn là pháp nằm ngoài 5 uẩn (*khandhamutta*).

B. MƯỜI HAI XỨ (*ĀYATANA*)

Gồm 6 xứ Nội và 6 xứ Ngoại. 6 nội xứ là 5 sắc Thần kinh (Nhãn xứ...) và Ý xứ (121 tâm). 6 ngoại xứ là 5 cảnh vật chất (sắc Cảnh sắc..., Xúc xứ là Đất, Lửa, Gió) và Pháp xứ (52 tâm sở, 16 Sắc tế, Níp-bàn).

• **6 Nội Xứ (*ajjhattikāyatana*)**

1. Nhãn xứ (*cakkhāyatana*): Là thần kinh thị giác (*cakkhupasāda*)
2. Nhĩ xứ (*sotāyatana*): Là thần kinh thính giác (*sotapasāda*)
3. Tỷ xứ (*ghānāyatana*): Là thần kinh khứu giác (*ghānapasāda*)
4. Thiệt xứ (*jivhāyatana*): Là thần kinh vị giác (*jivhāpasāda*)
5. Thân xứ (*kāyāyatana*): Là thần kinh xúc giác (*kāyapasāda*)
6. Ý xứ (*manāyatana*): Là 89 hoặc 121 tâm.

• **6 Ngoại Xứ (*bāhirāyatana*)**

1. Sắc xứ (*rūpāyatana*): Là sắc cảnh sắc (*vaṇṇa*)
2. Thính xứ (*saddāyatana*): Là sắc cảnh thính (*sadda*)
3. Khí xứ (*gandhāyatana*): Là sắc cảnh khí (*gandha*)
4. Vị xứ (*rasāyatana*): Là sắc cảnh vị (*rasa*)
5. Xúc xứ (*phoṭṭhābbāyatana*): Là sắc cảnh xúc gồm 3 Đại là Đất, Lửa, Gió (*pathavī, tejo, vāyo*)
6. Pháp xứ (*dhammāyatana*): Là sắc cảnh pháp gồm 52 tâm sở (*cetasika*), 16 sắc Tế (*sukhumarūpa*) và Níp-bàn (*nibbāna*).

Nói vậy, cả 4 pháp Chân đế đều nằm trong 12 Xứ. Các pháp Tục đế vì chỉ là những khái niệm y cứ trên Chân đế nên không kể vào đây. Cách phân tích các pháp thành Uẩn, Xứ, Giới, Đế là tùy thuộc vào căn cơ của chúng sinh. Có người thích hợp với lối phân tích Danh Sắc, có người thì thích 5 uẩn, có người thì thích chiêm nghiệm các pháp qua 12 Xứ. Gọi là Xứ (*āyatana*) vì nhắm đến khía cạnh hữu vi nhiều hơn là vô vi. Bản thân chữ *āyatana* đã mang nghĩa dẫn đến hay tạo ra.

C. MƯỜI TÁM GIỚI (DHĀTU)

Đối với những người thích rõ ràng chi tiết thì Đức Phật phân tích 12 Xứ thành 18 Giới tức chia chẻ phần Ý xứ cho rộng rãi hơn. Từ đó ta có con số 18, gồm 6 Căn cộng với 6 Cảnh và 6 Thức:

- 6 Căn ở đây là Nhãn giới tức thần kinh thị giác...Ý giới là Khai ngũ môn và 2 tâm Tiếp Thu.
- 6 Cảnh ở đây là Sắc giới tức sắc cảnh sắc...Xúc giới là 3 Đại, Pháp giới là 52 tâm sở, 16 Sắc tế, Níp-bàn, tức tương đương với Pháp xứ bên 12 Xứ.
- 6 Thức ở đây là 2 tâm Nhãn thức... Ý thức giới là 76 tâm trừ Ngũ song thức và 3 Ý giới.

Trong đó:

▪ 6 Căn tức 6 Môn (*dvāra*)

1. Nhãn giới (*cakkhuhātu*): Là thần kinh thị giác (*cakkhupasāda*)

2. Nhĩ giới (*sotadhātu*): Là thần kinh thính giác (*sotapasāda*)
3. Tỷ giới (*ghānadhātu*): Là thần kinh khứu giác (*ghānapasāda*)
4. Thiệt giới (*jivhādhātu*): Là thần kinh vị giác (*jivhāpasāda*)
5. Thân giới (*kāyadhātu*): Là thần kinh xúc giác (*kāyapasāda*)
6. Ý giới (*mānোধātu*): Là Khai ngũ môn (*pañcadvārāvajjana*) và 2 tâm Tiếp Thu (*sampaticchana*).

▪ **6 Cảnh (*ārammaṇa*):**

1. Sắc giới (*rūpādhātu*): Là sắc cảnh sắc (*vaṇṇa*)
2. Thính giới (*saddādhātu*): Là sắc cảnh thính (*sadda*)
3. Khí giới (*gandhādhātu*): Là sắc cảnh khí (*gandha*)
4. Vị giới (*rasādhātu*): Là sắc cảnh vị (*rasa*)
5. Xúc giới (*phoṭṭhābbadhātu*): Là sắc cảnh xúc gồm 3 Đại là Đất, Lửa, Gió (*pathavī, tejo, vāyo*)
6. Pháp giới (*dhammadhātu*): Là sắc cảnh pháp gồm 52 tâm sở (*cetasika*), 16 sắc Tế (*sukhumarūpa*) và Níp-bàn (*nibbāna*).

▪ **6 Thức (*viññāṇa*)**

1. Nhãn thức (*cakkhuvīññāṇadhātu*): Là 2 tâm Nhãn thức (*cakkhuvīññāṇacitta*)

2. Nhĩ giới (sotaviññāṇadhātu): Là 2 tâm Nhĩ thức (sotaviññāṇacitta)
3. Tỷ thức (ghānaviññāṇadhātu): Là 2 tâm Tỷ thức (ghānaviññāṇacitta)
4. Thiệt thức (jivhāviññāṇadhātu): Là 2 tâm Thiệt thức (jivhāviññāṇacitta)
5. Thân thức (kāyaviññāṇadhātu): Là 2 tâm Thân thức (kāyaviññāṇacitta)
6. Ý thức giới (mānoviññāṇadhātu): Là 76 tâm trừ Ngũ song thức (pañcadvānaviññāṇa) và trừ 3 Ý giới (manodhātucitta)

Như vậy 18 Giới cũng bao gồm đủ cả 4 pháp Chân đế như là 12 Xứ.

D. TỨ ĐẾ

- Một cách vắn tắt thì **Khổ Đế** (*dukkhasacca*) là tất cả mọi thứ trong đời, chỉ trừ ra những gì là Tập đế, Diệt đế và Đạo đế. Nói chi tiết thì Khổ đế là 81 tâm, 51 tâm sở (trừ Tham), 28 Sắc pháp trong tam giới. Nói chung mọi sự tồn tại đều là khổ, bởi cái gì cũng bị vô thường và sự biến đổi của chúng chắc chắn khiến ta đau khổ.
- **Tập Đế** (*samudayasacca*): Là tâm sở Tham (*lobha*) trong tâm tham gồm Dục Ái, Hữu Ái và Vô Hữu Ái. Tham Ái là nguồn khổ bởi nó tạo ra mọi sự tồn tại ở đời, và như đã nói sự tồn tại nào cũng là khổ.

- **Diệt Đế** (*nirodhasacca*): Nói rõt ráo chính là Níp-bàn, còn trong thực tế tu chứng thì Diệt đế là sự đoạn trừ của tham ái.
- **Đạo Đế** (*maggasacca*): Là 8 Chi Đạo trong 4 tâm thánh đạo.

Khổ đế và Tập đế được gọi là Hiệp thế đế (*lokiyasacca*). Diệt đế và Đạo đế là Siêu thế đế (*lokuttarasacca*). Theo phần *đông Phật tử Miến Điện* thì một kẻ mang thân người mà không biết gì về Uẩn, Xứ, Giới, Đế thì đời họ không đáng sống nữa. Đời sống kiểu vậy chỉ là cơ hội để kéo dài sanh tử mà thôi.

CHƯƠNG 8

DUYÊN SINH (*paṭīccasamuppāda*) - DUYÊN HỆ (*paṭṭhāna*) - CHẾ ĐỊNH (*paññati*)

I. DUYÊN SINH (PAṬĪCCASAMUPPĀDA)

Trong Phật giáo có hai thứ giáo lý quan trọng làm nền tảng cho tất cả kiến giải Phật học, đó là **giáo lý Duyên Sinh** hay **Duyên Khởi** (*paṭīccasamuppāda*) giải thích lý do sinh tử của muôn loài và **Giáo Lý Duyên Hệ** (*Paṭṭhāna*) giải thích cách thức tồn tại của vạn hữu không riêng gì chuyện luân hồi. Ở phần này ta học về 12 Duyên Khởi tức vòng tròn sinh tử của chúng sinh. Đã nói là vòng tròn thì không có điểm bắt đầu hay kết thúc, nhưng điểm kết thúc hay bắt đầu ấy có thể là bất cứ ở đâu trên vòng tròn. Luân hồi là sự quẩn quanh trên vòng tròn Duyên Khởi và giải thoát là ra khỏi vòng tròn ấy. Có nhiều cách để nói về điểm bắt đầu cũng như sự kết thúc của vòng tròn sanh tử, nhưng phổ biến hơn cả vẫn là cách nói lấy Vô Minh làm điểm xuất phát.

A. VÔ MINH DUYÊN HÀNH (AVIJJĀPACCAYĀ SAṆKHĀRĀ)

Chính vì không hiểu được Tứ đế nên phàm phu đắm mê trong Lục trần và từ đó làm đủ mọi chuyện để sống và hưởng thụ. Sự không hiểu biết này được gọi là Vô Minh. Nói chi tiết thì Vô Minh ở đây gồm 8 sự Bất Tri: 4 sự bất tri về Tứ đế, 3 sự bất tri về Danh Sắc 3 đời (quá khứ, hiện tại, vị lai) và sự bất tri trong Lý Duyên Khởi.

Phàm phu có ba cách sống:

- **Phúc Hành** (*puññābhisāṅkhāra*)

Do Vô Minh nên đi tìm hạnh phúc trong các cõi lành bằng cách hành động bằng 8 tâm Đại thiện (*mahākusalacitta*) và 5 thiện Sắc giới (*rūpāvacarakusalacitta*) để sanh về các cõi Dục thiên và Sắc giới thiên. Hết tuổi thọ ở đó, người ta tiếp tục đọa lạc làm trùn dế, mọi thứ bắt đầu trở lại.

- **Bất Động Hành** (*anenjābhisāṅkhāra*)

Có người sau khi đắc thiên Sắc giới thấy vẫn chưa đủ nên tu lên tầng thiên Vô sắc có tuổi thọ tối đa 84.000 đại kiếp (lâu nhất trong tam giới), khi hết tuổi thọ thì trở về cõi Dục giới, tiếp tục vòng quay đọa lạc.

- **Phi Phúc Hành** (*apuññābhisāṅkhāra*)

Trên đây chỉ nói về thiểu số chúng sanh, đại đa số phàm phu cũng mong được hạnh phúc nhưng chỉ biết sống bằng 12 tâm bất thiện (*akusalacitta*) nên phải bị trầm luân trong các khổ cảnh. Cơ hội đi xuống luôn nhiều hơn đi lên, nên chúng sanh cõi khổ luôn nhiều hơn chúng sanh cõi lành.

Nói vắn tắt do Vô Minh nên không hiểu được Tứ đế, không hiểu được rằng cái gì ở đời cũng là khổ nên mới tìm đến những thứ hạnh phúc giả lập thông qua ba Hành trên đây. Nói rõ ràng thì Hành trong trường hợp này là tâm sở Tư (*cetanā*) trong tất cả tâm bất thiện và thiện Hiệp thế, tức những tâm có khả năng tạo quả tái sinh.

B. HÀNH DUYÊN THỨC (SAṄKHĀRAPACCAYĀ VIÑÑĀNAM)

Như đã nói do Vô Minh trong Tứ đế nên mới dẫn đến 3 Hành là tâm sở Tư trong 17 thiện Hiệp thế và 12 tâm bất thiện. Chính 29 tâm này tạo ra 32 tâm quả Hiệp thế (*lokiyavipākacitta*), trong đó có 19 tâm làm việc tái sinh các cõi. Như vậy Thức trong câu Hành duyên Thức là chỉ cho các tâm tái tục này. Trong đó 12 Tư bất thiện, tức Phi Phúc Hành, tạo ra 7 tâm quả bất thiện (với tâm Quan Sát quả bất thiện dẫn sanh 4 đọa xứ), 8 Tư Đại thiện và 5 Tư thiện Sắc giới, tức Phúc Hành, tạo ra 8 quả thiện Vô Nhân, 8 Đại quả và 5 Quả Sắc giới) trong đó Quan Sát quả thiện Vô Nhân và 13 tâm Quả hữu nhân làm việc dẫn sanh các cõi lành Dục giới và Sắc giới và cuối cùng 4 Tư Vô sắc (tức Bất Động Hành) thì tạo ra 4 tâm Quả Vô sắc dẫn sanh cõi Vô sắc.

Bảng 57- Hành Duyên Thức

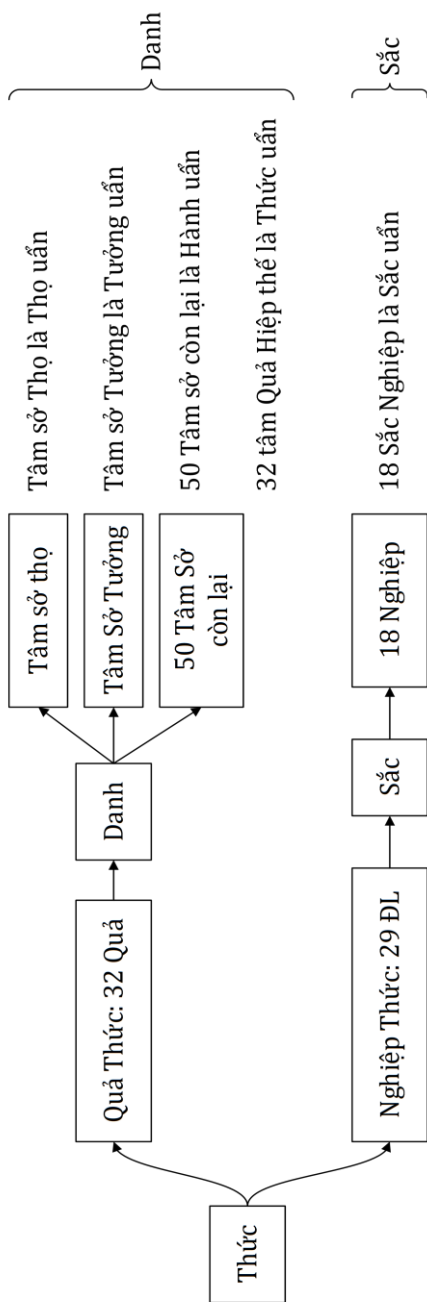
Hành	Chi pháp	Quả bình nhật	Quả tục sinh	Cảnh giới tái sinh
Phi Phúc Hành	11 Bất Thiện (trừ si phóng dật)	7 quả bất thiện	Tâm Quan Sát thọ xả quả bất thiện	4 đọa xứ
	Si Phóng Dật		/	/
Phúc Hành	8 Đại thiện	8 quả thiện Vô Nhân. 8 Đại quả	Quan Sát thọ xả quả thiện. 8 Đại quả	7 cõi lành
	5 thiện Sắc giới	5 Quả Thiền SG	5 Quả Thiền Sắc giới	16 cõi Sắc giới
Bất Động Hành	4 tâm thiền Vô sắc giới	4 Quả Vô sắc	4 Quả Vô sắc	4 cõi Vô sắc
Tổng cộng	SH Tư trong 29 (28)	32 Quả bình nhật	19 Quả tục sinh	31 cõi

C. THỨC DUYÊN DANH SẮC (VIÑÑĀṄAPACCAYĀ NĀMARŪPAM)

Danh ở đây là 35 tâm sở hợp (*cetasika*) với các tâm Tái Tục và Sắc ở đây là 18 Sắc nghiệp thời tái tục. Như vậy là trường hợp các tâm tái tục (Thức) giúp cho Danh pháp là 35 tâm sở đi cùng và Sắc pháp là 18 Sắc nghiệp được có mặt trong thời tái tục. Nên nhớ trong 4 loài Noãn, Thai, Thấp, Hoá thời tái tục có số lượng Danh Sắc khác nhau.

Cái gọi là tâm thức của chúng sanh nói chung chỉ gồm trong 2 thứ Quả thức (*vipākaviññāṇa*) chỉ cho 32 tâm Quả Hiệp thể và Nghiệp thức là 29 tâm Hiệp thể thiện ác. Chính 29 tâm này tạo ra 32 tâm Quả vừa kể và 18 thứ Sắc pháp trong cơ thể chúng sanh. Khi nói Thức duyên Danh Sắc thì ta phải hiểu Danh ở đây là 35 tâm sở có mặt trong 32 tâm Quả Hiệp thể, chúng nằm trong 3 uẩn Thọ, Tưởng, Hành. Còn Sắc ở đây chính là 18 Sắc Nghiệp. Xin xem lại Chương 6.

Đến đây thì ta đã hiểu được sanh tử là gì. Do không hiểu Tứ đế (Vô Minh) nên phàm phu mới tạo các nghiệp thiện ác (Hành), do các nghiệp thiện ác mới có các tâm tái tục (Thức), do có các tâm tái tục nên mới có sự xuất hiện của 35 tâm sở và Sắc nghiệp thời tái tục (ngay chỗ này chúng được gọi bằng thuật ngữ Danh Sắc).



Hình 62- Thức Duyên Danh Sắc

D. DANH SẮC DUYÊN LỤC NHẬP (NĀMARŪPAPACCAYĀ SAĪĀYATANAM)

Lục Nhập ở đây là 6 Nội xứ (Ý xứ lúc này là 32 tâm Quả Hiệp thể). Nói cho dễ hiểu thì từ chuyện tái tục mới có sự xuất hiện của 6 căn, tùy loài mà sự xuất hiện này sớm hay muộn. 6 nội xứ ở đây gồm 5 sắc thần kinh và 32 tâm quả Hiệp thể (có 35 tâm sở đi cùng). Như vậy Danh Sắc duyên Lục Nhập ở đây chính là Danh Sắc thời tái tục dẫn sanh 5 căn vật chất và 35 tâm sở đi chung với các tâm Quả.

E. LỤC NHẬP DUYÊN XÚC (SAĪĀYATANAPACCAYĀ PHASSO)

Vì có 6 căn nên mới có sự va chạm hay hợp mặt giữa mắt với cảnh sắc và Nhãn thức. Đối với các xúc còn lại cũng cứ vậy mà hiểu. Xúc ở đây là tâm sở Xúc trong 32 tâm quả Hiệp thể. Toàn bộ đời sống của chúng ta nói cho cùng chỉ là những lần hợp mặt giữa 3 thứ Căn, Cảnh và Thức. Chẳng hạn như vì có lưỡi (Căn) và có thứ gì đó để nếm (Cảnh) cộng với cái Biết (tức Tâm hay Thức) nên ta mới làm xong việc thưởng thức một hương vị nào đó. Nói thật rất ráo, tâm chỉ có một là sự nhận thức đối tượng nhưng dựa trên chỗ nương của nó và đối tượng nhận biết mà nó được gọi là tâm gì. Dĩ nhiên ở mỗi trường hợp khác nhau thì số lượng tâm sở đi cùng với mỗi thứ tâm luôn ít nhiều khác biệt nhau.

F. XÚC DUYÊN THỌ (PHASSAPACCAYĀ VEDANĀ)

Từ 6 sự va chạm kia (Xúc) mới đồng thời tạo ra sự có mặt của các cảm thọ. Nên nhớ thọ ở đây bao gồm cả 5 thọ xuất

hiện sau khi mắt, tai... va chạm cảnh. Tùy cảnh tốt xấu mà các thọ xuất hiện một cách tương thích.

Nói cho rõ ràng thì thọ ở đây là tâm sở Thọ trong 32 tâm quả Hiệp thế. Thọ và Xúc là những tâm sở đồng thời xuất hiện trong tất cả tâm. Tuy nhiên, trong chuỗi Duyên Khởi này Xúc được coi như là điều kiện để tạo ra Thọ bởi tùy theo loại Xúc xuất hiện mà một trong 6 thọ cũng theo đó mà có mặt. Như vậy từ Nhãn xúc mới có Nhãn thọ... Từ Ý xúc mới có Ý thọ. Đại khái là vậy.

G. THỌ DUYÊN ÁI (VEDANĀPACCAYĀ TAṆHĀ)

Một cách nôm na mà nói cảm thọ chính là cảm giác tiêu cực hay tích cực của tâm trước đối tượng. Trong trường hợp nói về nguyên nhân tái sanh thì ở đây ta phải ngầm hiểu là đang nói đến trường hợp Lục Nhập biết cảnh vừa ý từ đó dẫn đến Xả thọ hay hỷ thọ trong tâm tham. Nói vắn tắt thì 6 Xúc dẫn đến 6 thọ, 6 thọ dẫn đến 6 Ái là:

- Sắc Ái (*rūpatañhā*)
- Thinh Ái (*saddatañhā*)
- Khí Ái (*gandhatañhā*)
- Vị Ái (*rasatañhā*)
- Xúc Ái (*phoṭṭhabatañhā*)
- Pháp Ái (*dhammatañhā*)

Ái cũng được kể có 3 là Dục Ái (sự đam mê trong 3 cõi nói chung), Hữu Ái là tâm tham gắn liền với Thường Kiến và Vô

Hữu Ái là tâm tham gắn liền với Đoạn Kiến.

Xem lại 108 Tham Ái ở phần Bất Thiện Tập Yếu.

H. ÁI DUYÊN THỦ (TANHĀPACCAYĀ UPĀDĀNAM)

Tham Ái ở giai đoạn mãnh liệt và có Tà Kiến đi cùng thì được gọi là Thủ. Nói Ái duyên Thủ là ý này. Thủ gồm có 4:

- Dục Thủ (*kāmapādāna*) là sự đam mê trong 5 cảnh dục trần.
- Kiến Thủ (*ditṭhupādāna*) là sự đam mê trong những điều mình chấp trước.
- Giới Cấm Thủ (*sīlabbatupādāna*) là sự chấp chặt trong những pháp tu nằm ngoài Bát Chánh Đạo.
- Ngã Chấp Thủ (*attavādupādāna*) là sự chấp chặt trong ý niệm “Tôi, của tôi” do tác động của Thân Kiến.

I. THỦ DUYÊN HỮU (UPĀDĀNAPACCAYĀ BHAVO)

Khi Tham Ái và Tà Kiến trở nên mạnh mẽ để có thể gọi là Thủ thì chúng có khả năng đưa đẩy chúng sinh vào dòng trầm luân bằng 2 Hữu:

- Nghiệp Hữu (*kammabhava*) chính là 29 Đồng lực Hiệp thế.
- Sanh Hữu (*upapattibhava*) là 32 tâm Quả Hiệp thế (*lokiyavipākacitta*), 35 tâm sở đi cùng và 18 Sắc Nghiệp (*kammajarūpa*).

Như vậy Hành (*saṅkhāra*) tạo ra Thức (*viññāṇa*) và Danh Sắc (*nāmarūpa*) là thuộc thời quá khứ, còn Nghiệp Hữu hiện tại thì tạo ra Sanh Hữu trong tương lai. Khi Nghiệp Hữu là thiện thì tạo ra Sanh Hữu là quả thiện, khi Nghiệp Hữu là bất thiện thì tạo ra Sanh Hữu là quả bất thiện.

J. HỮU DUYÊN SANH (BHAVAPACCAYĀ JĀTI)

Hữu ở đây là 29 Nghiệp Hữu tạo ra 32 tâm Quả Hiệp thế, , 35 tâm sở đi cùng và 18 Sắc nghiệp. Sự xuất hiện của Sanh Hữu chính là Sanh trong câu “Hữu duyên Sanh” này.

K. SANH DUYÊN LÃO, TỬ, SẪU, BI, KHỔ, ƯU, NÃO (JĀTIPACCAYĀ JARĀMARANĀM SOKAPARIDEVADUKKHA-DOMANASSŪPĀYĀSĀ SAMBHAVANTI)

Một khi đã xuất hiện ở một cảnh giới nào đó bằng các tâm và sắc vừa kể thì tất cả phàm phu coi như đã bắt đầu một hành trình vui ít khổ nhiều, đầy dẫy những nguy cơ bất trắc như sanh ly tử biệt, thương phải xa, ghét phải gần, muốn mà không được. Tất cả nỗi khổ ở đời chỉ có mặt khi một chúng sanh có mặt.

Như vậy tính từ Vô Minh cho đến Lão, Tử ta có 12 vấn đề, trong đó vừa là Nhân vừa là Quả, 2 món này xoắn chặt nhau làm nên cuộc luân hồi.

Xét trên thời gian tính (*kāla*) của các kiếp tái sinh, Vô Minh và Hành của đời trước (**quá khứ**) tạo ra các hệ quả của đời này (**hiện tại**) là Thức, Danh Sắc, Lục Nhập, Xúc, Thọ,

Ái, Thủ, Nghiệp Hữu. Để rồi từ các thứ duyên này ở một kiếp sau (**vị lai**) nào đó Sinh Hữu (cũng là Sanh) và Lão, Tử, Sầu Bi tiếp tục có mặt.

Xét trên khía cạnh Nhân Quả thì vấn đề thời gian trong Duyên Khởi được tính như sau:

- Vô Minh, Hành, Ái, Thủ, Nghiệp Hữu kiếp trước là các pháp **nhân quá khứ** (*atītahetu*).
- Thức, Danh Sắc, Lục Nhập, Xúc, Thọ kiếp này là **quả hiện tại** (*vattamānaphala*).
- Ái, Thủ, Nghiệp Hữu, Vô Minh, Hành ngay kiếp này là các pháp **nhân hiện tại** (*vattamānahetu*).
- Thức, Danh Sắc, Lục Nhập, Xúc, Thọ trong các kiếp sau là **quả tương lai** (*anāgataphala*).

Bảng 58- Nhân và Quả trong Duyên Sinh

Nhân quá khứ	Quả hiện tại	Nhân hiện tại	Quả tương lai
Vô Minh	Thức	Ái	Thức
Hành	Danh Sắc	Thủ	Danh Sắc
Ái	Lục Nhập	Nghiệp Hữu	Lục Nhập
Thủ	Xúc	Vô Minh	Xúc
Nghiệp Hữu	Thọ	Hành	Thọ

L. TỔNG LƯỢC GIÁO LÝ DUYÊN SINH

Trước hết, hệ thống này gồm 12 phân khúc (*anga*). Trong đó các phân khúc được trình bày thành 3 Thời Điểm (*kāla*), 20 Chi Tiết, 4 Yếu Đoan (*saṅkhepa*), 3 Tục Đoan (*sandhi*), 3 Luân hồi (*vaṭṭa*) và 2 Căn Bản (*mūla*).

1. Mười Hai Phân Khúc

Là Vô minh, Hành, Thức, Danh Sắc, Lục Nhập, Lục Xúc, Lục Thọ, Lục Ái, Tứ Thủ, Nhị Hữu, Sanh, Lão, Tử.

2. Ba Thời Điểm (*kāla*)

Ở đây được trình bày như sau: Vô minh và Hành thuộc quá khứ. Thức, Danh Sắc, Lục Nhập, Lục Xúc, Lục Thọ, Lục Ái, Tứ Thủ và Nghiệp Hữu thuộc thời hiện tại. Sanh, Lão, Tử thuộc thời tương lai.

Một cách nôm na, ta có thể hiểu rằng một người vì không hiểu được (Vô Minh) cái khổ trầm luân nên làm ra các nghiệp thiện ác (Tam Hành). Dựa vào điểm này mà Vô minh và Hành được kể là thời quá khứ, không nên hiểu chữ quá khứ này theo nghĩa thông thường, vì nó chỉ là quá khứ trong hệ thống này mà thôi. Từ Hành quá khứ, tức tiền nghiệp đời trước, nên mới có đời sống hiện tại, bắt đầu từ thức tái tục sau đó là danh sắc bình nhật rồi thì Lục Nhập, Lục Xúc, Lục Thọ, Lục Ái, Tứ Thủ và Nhị Hữu. Do vậy 8 phân khúc này được kể vào đời hiện tại. Từ Nghiệp Hữu (trong Nhị Hữu) một đời sống khác (Sanh Hữu trong Nhị Hữu) mới được

chuẩn bị. Mà đã có sanh thì phải có già và chết. Đó là lý do Sanh, Lão, Tử được kể vào tương lai.

3. Hai Mươi Chi Tiết

- Nhân quá khứ (*atitahetu*) gồm Vô Minh, Tam Hành, Lục Ái, Tứ Thủ và Nghiệp Hữu.
- Quả hiện tại (*vattamānaphala*) gồm Thức, Danh Sắc, Lục Nhập, Lục Xúc, Lục Thọ.
- Nhân hiện tại (*vattamānahetu*) gồm Lục Ái, Tứ Thủ, Nghiệp Hữu, Vô Minh, Tam Hành.
- Quả tương lai (*anāgataphala*) gồm Thức, Danh Sắc, Lục Nhập, Lục Xúc, Lục Thọ.

Khi ta nhìn về quá khứ, như đã nói ở trước, chỉ có Vô Minh và Hành được xem là nhân quá khứ, nhưng xét kỹ Lục Ái và Tứ Thủ cũng đều có vị trí và tác dụng giống hệt Vô Minh, đều là phiền não luân hồi, cùng xuất hiện trong một tâm nên ở đây chúng cũng được kể vào nhân quá khứ. Lại nữa, Hành thuộc về nghiệp luân hồi mà cũng chính là Nghiệp Hữu, nên khi nhắc đến Hành thì cũng là nói đến Nghiệp Hữu. Do vậy, trong trường hợp ở đây nhân quá khứ đôi khi cũng được kể là 5. Thức, Danh Sắc, Lục Nhập, Lục Xúc và Lục Thọ kiếp này chính là quả hiện tại có từ nhân quá khứ. Và ngay thời hiện tại, Lục Ái, Tứ Thủ và Nghiệp Hữu lại tiếp tục làm nhân sinh cho sự hiện hữu tương lai. Và như đã nói, ở đâu có Lục Ái và Tứ Thủ thì ở đó cũng có Vô Minh đi cùng. Hơn nữa Hành luôn được kể chung với Nghiệp Hữu, cho nên Lục Ái, Tứ

Thủ, Nghiệp Hữu, Vô Minh và Hành lúc này trở thành nhân hiện tại để tạo ra đời sống tương lai.

Trong thời tương lai của hệ thống Duyên Sinh thì chỉ kể Sanh, Lão, Tử. Nói vậy bởi vì Sanh, Lão, Tử ở đây chính là sự xuất hiện, già cõi và biến mất của Thức, Danh Sắc, Lục Nhập, Lục Xúc và Lục Thọ. Như trong Thanh Tịnh Đạo có ghi:

Năm Nhân trong quá khứ
Tạo năm Quả hiện tại
Năm Nhân đời hiện tại
Tạo năm Quả tương lai

Chúng ta nên nhớ rằng thoát nhìn thì trong hệ thống Duyên Khởi có vẻ như một nhân tạo ra một quả, nhưng kỳ thật mỗi phân khúc là sự họp mặt của cùng lúc rất nhiều nhân và từ đó cũng tạo ra rất nhiều quả.

4. Bốn Yếu Đoan (*saṅkhepa*)

- Năm nhân quá khứ là 1 yếu đoan
- Năm quả hiện tại là 1 yếu đoan
- Năm nhân hiện tại là 1 yếu đoan
- Năm quả tương lai là 1 yếu đoan

5. Ba Tục Đoan (*sandhi*)

Tục đoan ở đây có nghĩa là mối nối. Hành và Thức là mối nối giữa nhân quá khứ và quả hiện tại. Thọ và Ái là mối nối giữa quả hiện tại và nhân hiện tại. Nghiệp Hữu và sanh là mối nối giữa nhân hiện tại và quả tương lai.

Tu hành hay phóng dật chỉ là vấn đề ở mối nối Thọ và Ái. Nếu ta có chánh niệm vững mạnh thì thấy chỉ là thấy, nghe chỉ là nghe...Lúc này là Thọ duyên cho Trí thay vì là Thọ duyên cho Ái. Có học được chỗ này ta mới thấy ra vai trò của chánh niệm trên hành trình giải thoát.

6. Ba Luân Hồi (vaṭṭa)

Vaṭṭa ở đây là sự xoay vần hay vòng tròn. 12 chi Duyên Khởi vận hành theo mô hình của một bánh xe. Ở đây ta có 3 vòng tròn hay là 3 vòng quay:

- Vòng quay thứ nhất là Phiền não Luân hồi (*kilesavaṭṭa*) gồm Vô Minh, Lục Ái và Tứ Thủ.
- Vòng quay thứ hai là Nghiệp Luân Hồi (*kammavaṭṭa*) gồm Nghiệp Hữu và Hành.
- Vòng quay thứ ba là Quả Luân Hồi (*vipākavaṭṭa*) gồm Sanh Hữu, Thức, Danh Sắc, Lục Nhập. Lục Xúc, Lục Thọ, Sanh, Lão, Tử.

Vô Minh, Lục Ái và Tứ Thủ đều là phiền não nên được kể chung nhóm Phiền não luân hồi. Nghiệp Hữu và Hành chính là tâm sở Tư trong các tâm thiện ác nên được kể là Nghiệp Luân Hồi. Các chi còn lại đều có từ nghiệp thiện ác nên được gọi chung là Quả Luân Hồi. Trong đời quá khứ, vì có Vô Minh nên ta mắc phải tà kiến và tham đắm trong lục trần. Tà Kiến và Tham Ái đó khi phát triển đến mức mạnh mẽ thì được gọi là Tứ Thủ, điều kiện để tạo ra Nghiệp Hữu và Hành. Như vậy là quan hệ giữa phiền não luân hồi đối với nghiệp luân hồi trong quá khứ.

Kiếp này do Nghiệp Hữu và Hành của đời trước nên ta mới có đời sống hiện tại mà phân tích cho rõ ràng thì chỉ là sự hiện hữu của Sanh Hữu, Thức, Danh Sắc, Lục Nhập, Lục Xúc, Lục Thọ, Sanh, Lão, Tử. Ngay đời sống này, chỉ cần còn là phàm phu thì Thức của chúng ta chính là chỗ dựa của Vô Minh, Lục Ái và Tứ Thủ trong hình thức tiềm miên phiền não. Khi Lục Nhập tiếp xúc với Lục Trần, Lục Xúc và Lục Thọ xuất hiện và chỉ cần thiếu chánh niệm thì các tiềm miên phiền não lập tức hiện rõ. Đó là mối quan hệ giữa Nghiệp Luân Hồi và Quả Luân Hồi đối với Phiền não Luân hồi. Từ Phiền não Luân hồi này, Nghiệp Luân Hồi xuất hiện và bắt đầu một vòng quay mới. Cứ như vậy dòng luân hồi được tái hiện từ đời này sang kiếp khác triển miên không dứt.

7. Hai Căn Bản (*mūla*)

Toàn bộ dòng chảy Duyên Sinh được nói đến này giờ có thể được phân tích ngắn gọn thành 2 phần căn bản:

- Trước hết là Vô Minh trong chuỗi quan hệ giữa Nhân quá khứ và Quả hiện tại gồm Vô Minh, Hành, Thức, Danh Sắc, Lục Nhập, Lục Xúc và Lục Thọ.
- Chính là Tham Ái trong chuỗi quan hệ giữa Nhân hiện tại và Quả tương lai gồm Lục Ái, Tứ Thủ, Nhị Hữu, Sanh, Lão, Tử. Như vậy một khi Vô Minh và Tham Ái được cắt đứt thì toàn bộ dòng luân hồi cũng sẽ kết thúc. Con đường duy nhất dẫn đến sự kết thúc này chính là Chỉ và Quán kết hợp. Khi ta nhìn thấy được bản chất thật sự của các pháp thì

Tham Ái và Vô minh không còn chỗ dựa nữa. Đó chính là cứu cánh giải thoát.

8. Nguồn Gốc Của Vô Minh

Trong mô thức thường thấy, Đức Phật bắt đầu vòng tròn Duyên Khởi từ điểm xuất phát là Vô Minh, sau đó là Hành, Thức...Điều tất yếu ở đây là một câu hỏi liệu Vô Minh có phải là nguyên nhân đầu tiên hay trước Vô Minh còn có một nguồn cội khác. Câu trả lời là có. Vô Minh không phải là nguyên nhân đầu tiên để bắt đầu một vòng tròn Duyên Khởi. Một cách kín đáo, Vô Minh có điểm xuất phát là Tứ Lậu của kiếp sống quá khứ. Tứ Lậu là Dục Lậu (*kāmāsava* - sự thích thú trong 5 cảnh dục trần), Hữu Lậu (*bhavāsava* - sự thích thú trong các tầng thiên và cảnh giới Phạm thiên), Kiến Lậu (*ditṭhāsava* - gồm hai thứ Thường kiến và Đoạn kiến), Vô Minh Lậu (*avijjāsava* - chính là Vô Minh). Trong Sớ Giải có đúc kết vấn đề này qua bài kệ ngắn như sau:

*“Jarāmaṇamucchāya
Pīlitānamabhiṇhaso
Āsavānaṃ samuppādā
Avijjā ca pavattati”*

“Do bị mê loạn bởi các nỗi khổ sanh tử,
kẻ phàm phu huân tập Tứ Lậu và
từ đó Vô Minh có mặt.”

Khi gặp phải một điều bất toại lớn nhỏ nào đó từ cái chết, cái bệnh đến sự mất mát tiền, tình, địa vị thì phàm phu nào cũng đau khổ, nhẹ thì buồn và nặng thì than khóc hay bất

tính. Những động thái này là biểu hiện của Dục lậu, khi cái thích bị tổn hại thì người ta mới đau khổ.

Đối với các vị Phạm thiên, cái chết cũng không phải là điều hay ho. Nó làm cho họ thiếu an lạc. Điều này là do Hữu Lậu tác động. Còn đối với Kiến Lậu thì sự tình càng rõ ràng hơn. Toàn bộ đau khổ của phàm phu đều khởi đi từ những cái nhìn sai lầm. Chính các ý niệm TÔI LÀ, CỦA TÔI đã khiến thiên hạ đau đớn khôn nguôi trước những mất mát. Như vậy Vô Minh không phải là nguồn cội đầu tiên hay duy nhất để tạo nên vòng xoáy đau khổ cho chúng sinh. Mà dòng sinh tử của phàm phu được tạo nên bởi sự tổng hợp của nhiều thứ như vừa nói. Khi đau khổ xuất hiện thì các loại tâm bất thiện cũng theo đó mà xuất hiện, lúc tham, lúc sân. Còn Vô Minh tức Si thì luôn luôn có mặt mọi nơi, mọi lúc. Như vậy ở đây ta thấy ra một vòng lẫn quẩn mới: Từ Tứ Lậu mới có sầu khổ, từ sầu khổ Vô Minh xuất hiện và vòng tròn luân hồi được bắt đầu với một quỹ đạo mới.

9. Dòng Luân Hồi Là Vô Thủy

Vô thủy ở đây nghĩa là không có điểm bắt đầu. Cuộc luân hồi của phàm phu là một vòng tròn khép kín, trong đó 5 uẩn liên tục sanh diệt trong từng khoảnh khắc. Ta tuyệt đối không thể dùng khái niệm thời gian thường thức để hình dung ra một điểm bắt đầu nào đó của vòng tròn này. Như không ai có thể nói đến một giới hạn của vũ trụ, về thời gian thì ta cũng không thể nào nói đến một điểm bắt đầu của dòng chảy tử sinh. Cứ hình dung đó là một dòng chảy miên

viễn bất tuyệt, mỗi kiếp sống chỉ là một dấu chấm bé xíu. Đức Phật đã giải thích cuộc luân hồi đó bằng hệ thống nhân quả trong giáo lý Duyên Khởi. Để hiểu được hệ thống giáo lý này ta chỉ có một con đường duy nhất là tu tập Tuệ quán. Đây là lý do mà trung tâm Tuệ quán Pa Auk đã xem việc quán chiếu 12 Duyên Khởi là một kiểu tu Tứ Niệm Xứ rất ráo.

Ta hãy thử vẽ một vòng tròn với một điểm bắt đầu, khi vòng tròn đã hoàn tất thì rõ ràng ở đó ta không thể tìm thấy một điểm đầu hay điểm cuối nào hết. Dòng chảy của 12 Duyên Sinh cũng vậy, cũng không có điểm đầu và cuối. Vòng tròn đó chỉ được phá vỡ khi nào ta cắt đứt được 2 căn cội sanh tử là Vô Minh và Tham Ái. Trong kinh Đại Duyên số 15 của Trường Bộ Kinh, Đức Phật đã dạy:

-“Này Ananda, giáo lý Duyên Khởi này vô cùng sâu sắc. Vì không hiểu được nó nên thế giới này rối mù như một cuộn chỉ, một tổ chim, một đám sậy và chúng sinh phàm phu đã không thoát khỏi sinh tử và đọa lạc”.

Bảng 59- Sự tương quan trong 3 đời sinh tử

Quá khứ	1. Vô Minh 2. Hành	Nghiệp Hữu (<i>Kammabhava</i>) 5 nguyên nhân: Vô Minh, Hành, Ái, Thủ, Nghiệp Hữu
Hiện tại	3. Thức 4. Danh Sắc 5. Lục Nhập 6. Xúc 7. Thọ	Sanh Hữu (<i>Upapattibhava</i>) 5 Quả: Thức, Danh Sắc, Lục Nhập, Xúc, Thọ
	8. Tham 9. Thủ 10. Nghiệp Hữu	Nghiệp Hữu (<i>Kammabhava</i>) 5 nguyên nhân: Vô Minh, Hành, Ái, Thủ, Nghiệp Hữu
Vị lai	11. Sanh 12. Già, Chết	Sanh Hữu (<i>Upapattibhava</i>) 5 Quả: Thức, Danh Sắc, Lục Nhập, Xúc, Thọ

II. GIÁO LÝ DUYÊN HỆ (*PAṬṬHĀNA*)

Bộ cuối cùng trong 7 bộ A-tỳ-đàm có dung lượng lớn nhất trong cả Tạng bàn về 24 cách quan hệ giữa Danh Sắc với nhau. Đây là cách phân tích rất ráo nhất về sự hiện hữu của tất cả hữu vi.

1. **Nhân Duyên (*hetupaccaya*):** Gồm 6 nhân thiện và bất thiện trong mối tương quan với các tâm sở và sắc tâm, sắc nghiệp. 6 nhân được ví dụ như gốc rễ của một cội cây.
2. **Cảnh Duyên (*ārammaṇapaccaya*):** Là mối quan hệ giữa 6 cảnh đối với tâm và tâm sở. 6 Cảnh ở đây được ví dụ như cây gậy của người tàn tật.
3. **Trưởng Duyên (*adhipatipaccaya*):** Là mối quan hệ giữa Tứ Trưởng đối với các pháp đồng sanh, giống như quan hệ của một ông vua hay ông chủ đối với những người dưới quyền. Từ duyên gốc là Trưởng duyên, nếu phân tích thêm thì ta còn có 2 duyên nhánh là Cảnh Trưởng duyên (giúp bằng cách làm đối tượng lớn) và Câu Sanh Trưởng duyên (giúp bằng cách cùng xuất hiện và giữ vai trò chủ đạo).
4. **Vô Gián Duyên (*anantarapaccaya*):** Là khía cạnh tiếp nối nhau không gián đoạn của Danh pháp trước và sau. Chính sự tương tục triền miên này là bộ mặt Vô thường, Vô Ngã của pháp hữu vi. Mối quan hệ này được ví dụ bằng hình ảnh một vị thái tử kế thừa ngai vàng của vua cha.

5. **Đẳng Vô Giác Duyên (*samanantarapaccaya*):** Giống hệ như Vô Giác duyên. Kinh nói Phật giảng thêm duyên này vì nhắm đến những vị trời chưa kịp hiểu Vô Giác duyên.
6. **Câu Sanh Duyên (*sahajātapaccaya*):** Là sự quan hệ giữa những thứ Danh Sắc phải đồng thời xuất hiện chung nhau mới có mặt được. Hình ảnh ví dụ là ngọn lửa môi và ánh sáng của một ngọn đèn dầu.
7. **Hỗ Tương Duyên (*aññamaññapaccaya*):** Là mối quan hệ giữa các pháp với nhau qua mô hình cái này phải tựa vào cái kia như một cái vạc ba chân: Chân nào cũng tuyệt đối quan trọng đối với hai chân còn lại.
8. **Y Chỉ Duyên (*nissayapaccaya*):** Là mối quan hệ giữa các pháp với nhau trong trường hợp A giúp B bằng cách làm chỗ dựa. Hình ảnh ví dụ là một người qua sông phải nhờ con thuyền hay mặt đất đối với các loài sinh vật trên cạn.
9. **Cận Y Duyên (*upanisayapaccaya*):** Là sự tiếp xúc lẫn nhau giữa các pháp như mưa đối với cây cỏ hay cha mẹ đối với con cái.
10. **Tiền Sanh Duyên (*purejātapaccaya*):** Là sự hỗ trợ giữa các pháp với nhau bằng cách có trước để làm nền tảng. Như mặt trăng và mặt trời đối với các sinh vật trên hành tinh.
11. **Hậu Sanh Duyên (*pacchājātapaccaya*):** Là trường hợp các pháp hỗ trợ nhau bằng cách xuất hiện muộn hơn.

Hình ảnh ví dụ là một chú kên kên con. Theo luật thiên nhiên, kên kên mẹ không mớm mồi cho con, nên sau khi nở ra, có hình hài rồi, kên kên con phải tự tìm thức ăn. Cơn đối của kên kên con là Hậu Sanh duyên cho hình hài của nó.

12. **Trùng Dụng Duyên (*āsevanapaccaya*):** Là trường hợp các pháp giúp nhau bằng cách lập lại nhiều lần tác dụng của mình. Đây cũng là chuyện thường thấy trong thiên nhiên. Nói rất ráo thì chi pháp của duyên này thuộc về nội tâm chúng sinh (giai đoạn Đồng lực) nhưng khía cạnh trùng dụng thì ta có thể bắt gặp ở bất cứ đâu trong đời sống thường nhật. Như việc người ta phải đọc lại đôi lần để hiểu một đoạn văn khó, hay như một cái chuông gió, một dòng nước suối...chỉ có thể làm được việc khi chúng tái hiện nhiều lần cách vận động cũ.
13. **Nghiệp Duyên (*kammapaccaya*):** Là trường hợp tâm sở Tư tác động lên các pháp cùng sanh hay sanh sau mình. Kể cả trường hợp tiền nghiệp quá khứ (tâm sở Tư trong nghiệp thiện ác kiếp xưa) đối với 5 uẩn bây giờ cũng là trường hợp Nghiệp duyên.
14. **Dị Thục Duyên (*vipākappaccaya*):** Quả báo phải do nhân trước mà có, và nhân trước phải có quả sau mới được định danh (gọi tên). Như để gọi đó là nhân dục giới hay đáo đại thì phải xem quả của nó là gì. Khi các pháp giúp nhau trong vai trò một quả báo dị thục thì được gọi là Quả duyên.

15. **Vật Thực Duyên (*āhārapaccaya*):** Mỗi quan hệ giữa các pháp với nhau khi A giúp B trong vai trò dưỡng tố, ở đây là một trong Tứ Thực.
16. **Quyền Duyên (*indriyapaccaya*):** Là sự trợ giúp của một trong 22 Quyền đối với các pháp khác, như sự hỗ trợ của các vị bộ trưởng trong các ngành.
17. **Thiền Na Duyên (*jhānapaccaya*):** Là sự trợ giúp của 7 chi thiền (Tâm, Tứ, Hỷ, Lạc, Định, Ưu, Xả) đối với các pháp khác, Danh hoặc Sắc. Chi thiền ở đây gồm cả thiện lẫn ác.
18. **Đồ Đạo Duyên (*maggapaccaya*):** Là sự trợ giúp của 12 chi đạo (8 chánh đạo và tà kiến, tà định, tà cần, tà tư duy) đối với Danh Sắc thích ứng.
19. **Tương Ưng Duyên (*sampayuttapaccaya*):** Là trường hợp Danh pháp hỗ trợ nhau bằng cách đan xen hoà quyện vào nhau. Cách hỗ trợ này không thể kể Sắc pháp. Duyên này được ví dụ bằng hình ảnh của các thứ dịch chất trong một chiếc lọ.
20. **Bất Tương Ưng Duyên (*vippayuttapaccaya*):** Là trường hợp các pháp hỗ trợ nhau mà vẫn giữ riêng vị thế độc lập. Duyên này được ví dụ như các món nữ trang trong một chiếc hộp, hay từng thứ linh kiện trong một cỗ máy.
21. **Hiện Hữu Duyên (*atthipaccaya*):** Là trường hợp các pháp giúp nhau bằng cách cùng có mặt như bà mẹ đối với đứa bé.

22. **Vô Hữu Duyên (*natthipaccaya*):** Là trường hợp các pháp giúp nhau bằng sự vắng mặt của mình, khoa học hiện đại gọi đó là luật Phủ Định, cái này phải mất đi để nhường chỗ cho cái khác.
23. **Ly Khứ Duyên (*vigatapaccaya*):** Là trường hợp các pháp giúp nhau bằng cách rời nhau, giống hệt như trường hợp Vô Hữu duyên.
24. **Bất Ly Duyên (*avigatapaccaya*):** Là trường hợp các pháp giúp nhau bằng cách không rời nhau, giống hệt trường hợp Hiện Hữu duyên.

Kinh nói chỉ có Phật trí Toàn Giác mới có thể trình bày rõ ràng giáo lý Duyên Hệ này và chỉ có giáo lý Duyên Hệ mới là bản chất tận cùng của thế giới và điều thú vị là lâu nay nhiều thế hệ tăng tục Miến Điện vẫn xem bài tụng 24 Duyên là mật chú để trừ tà, xua đuổi mãnh thú hay ngăn chặn thiên tai rất hiệu quả.

A. LƯỢC GIẢI GIÁO LÝ DUYÊN HỆ (PACCAYANIDDESA)

1. Nhân Duyên (*Hetupaccayo*)

Nhân duyên là:

6 nhân hỗ trợ cho Danh pháp tương ưng nhân và các Sắc pháp từ-đó-sanh (từ Danh pháp tương ưng).

2. Cảnh Duyên (*ārammaṇapaccayo*)

Cảnh duyên là:

- Sắc xứ (cảnh sắc) hỗ trợ cho Nhãn thức giới (nhãn thức) cùng các pháp tương ứng bằng Cảnh duyên.
- Thinh xứ hỗ trợ cho Nhĩ thức giới cùng các pháp tương ứng bằng Cảnh duyên.
- Khí xứ hỗ trợ cho Tỷ Thức giới cùng các pháp tương ứng bằng Cảnh duyên.
- Vị xứ hỗ trợ cho Thiệt thức giới cùng các pháp tương ứng bằng Cảnh duyên.
- Xúc xứ hỗ trợ cho Thân thức giới cùng các pháp tương ứng bằng Cảnh duyên.
- Sắc xứ...tới Xúc xứ (6 ngoại xứ) hỗ trợ cho Ý giới và các pháp tương ứng bằng Cảnh duyên.
- Tất cả các pháp (Hữu Vi và Vô Vi) hỗ trợ cho Ý thức giới và các pháp đồng sanh bằng Cảnh duyên.
- Tất cả các pháp làm đối tượng cho Danh pháp thì luôn hỗ trợ cho Danh pháp bằng Cảnh duyên.

3. Trưởng Duyên (*adhipatipaccayo*)

Trưởng duyên là:

- Dục trưởng hỗ trợ cho Danh pháp tương ứng Dục và các Sắc pháp từ-đó-sanh bằng Trưởng duyên.
- Cần trưởng hỗ trợ cho Danh pháp tương ứng Cần và các Sắc pháp từ-đó-sanh bằng Trưởng duyên.

- Tâm trưởng hỗ trợ cho Danh pháp tương ứng tâm và các Sắc pháp từ-đó-sanh bằng Trưởng duyên.
- Thảm trưởng hỗ trợ cho Danh pháp tương ứng Thảm và các Sắc pháp từ-đó-sanh bằng Trưởng duyên.
- Tất cả pháp đóng vai trò chủ lực giúp tâm và tâm sở sanh khởi luôn hỗ trợ cho hai Danh pháp đó (tâm và tâm sở) bằng Trưởng duyên.

4. Vô Giác Duyên (*anantarapaccayo*)

Vô Giác duyên là:

- Nhân thức giới và các pháp tương ứng hỗ trợ cho Ý giới và các pháp tương ứng bằng Vô Giác duyên. Ý giới và các pháp tương ứng hỗ trợ cho Ý thức giới và các pháp tương ứng bằng Vô Giác duyên.
- Nhĩ thức giới và các pháp tương ứng hỗ trợ cho Ý giới và các pháp tương ứng bằng Vô Giác duyên. Ý giới và các pháp tương ứng hỗ trợ cho Ý thức giới và các pháp tương ứng bằng Vô Giác duyên.
- Tỷ thức giới và các pháp tương ứng hỗ trợ cho Ý giới và các pháp tương ứng bằng Vô Giác duyên. Ý giới và các pháp tương ứng hỗ trợ cho Ý thức giới và các pháp tương ứng bằng Vô Giác duyên.
- Thiệt thức giới và các pháp tương ứng hỗ trợ cho Ý giới và các pháp tương ứng bằng Vô Giác duyên. Ý giới và các

pháp tương ưng hỗ trợ cho Ý thức giới và các pháp tương ưng bằng Vô Giới duyên.

- Thân thức giới và các pháp tương ưng hỗ trợ cho Ý giới và các pháp tương ưng bằng Vô Giới duyên. Ý giới và các pháp tương ưng hỗ trợ cho Ý thức giới và các pháp tương ưng bằng Vô Giới duyên.

Các pháp thiện sanh trước hỗ trợ cho các pháp thiện sanh sau bằng Vô Giới duyên.

Các pháp thiện sanh trước hỗ trợ cho các pháp Vô Ký sanh sau bằng Vô Giới duyên.

Các pháp bất thiện sanh trước hỗ trợ cho các pháp bất thiện sanh sau bằng Vô Giới duyên.

Các pháp bất thiện sanh trước hỗ trợ cho các pháp Vô Ký sanh sau bằng Vô Giới duyên.

Các pháp Vô Ký sanh trước hỗ trợ cho các pháp Vô Ký sanh sau bằng Vô Giới duyên.

Các pháp Vô Ký sanh trước hỗ trợ cho các pháp thiện sanh sau bằng Vô Giới duyên.

Các pháp Vô Ký sanh trước hỗ trợ cho các pháp bất thiện sanh sau bằng Vô Giới duyên.

Tất cả các tâm và tâm sở sanh kế liền nhau luôn giúp nhau bằng Vô Giới duyên.

5. *Đẳng Vô Giới Duyên (samanantarapaccayo)*

Giống hệt Vô Giới duyên.

6. Câu Sanh Duyên (Đồng Sanh Duyên) (*sahajātapaccayo*)

Câu Sanh Duyên là:

- 4 Danh uẩn hỗ trợ nhau bằng Câu Sanh Duyên.
- 4 Đại hỗ trợ nhau bằng Câu Sanh Duyên.
- Danh Sắc thời tái tục hỗ trợ nhau bằng Câu Sanh Duyên.
- Tâm và tâm sở hỗ trợ cho Sắc Tâm bằng Câu Sanh Duyên.
- 4 Đại hỗ trợ cho các Sắc Y Đại Sinh.

Sắc pháp hỗ trợ cho Danh pháp đôi khi cũng bằng Câu Sanh duyên.

7. Hỗ Tương Duyên (*aññamaññapaccayo*)

Hỗ Tương Duyên là:

- 4 Danh uẩn hỗ trợ nhau bằng Hỗ Tương duyên.
- 4 Đại hỗ trợ nhau bằng Hỗ Tương duyên.

Danh sắc thời tái tục hỗ trợ nhau bằng Hỗ Tương duyên.

8. Y Chỉ Duyên (*nissayapaccayo*)

Y Chỉ Duyên là:

- 4 Danh uẩn hỗ trợ nhau bằng Y Chỉ Duyên.
- 4 Đại hỗ trợ nhau bằng Y Chỉ Duyên.

- Danh Sắc thời tái tục hỗ trợ nhau bằng Y Chỉ Duyên.
- Tâm và tâm sở hỗ trợ cho các Sắc Tâm bằng Y Chỉ Duyên.
- 4 Đại hỗ trợ các Sắc Y Đại Sinh bằng Y Chỉ Duyên.
- Nhãn xứ hỗ trợ cho Nhãn thức giới và các pháp tương ưng bằng Y Chỉ Duyên.
- Nhĩ xứ hỗ trợ cho Nhĩ thức giới và các pháp tương ưng bằng Y Chỉ duyên.
- Tỷ xứ hỗ trợ cho Tỷ thức giới và các pháp tương ưng bằng Y Chỉ duyên.
- Thiệt xứ hỗ trợ cho Tỷ thức giới và các pháp tương ưng bằng Y Chỉ duyên.
- Thân xứ hỗ trợ cho Thân thức giới và các pháp tương ưng bằng Y Chỉ duyên.
- Ý giới và Ý thức giới nương vào sắc nào mà có thì sắc ấy hỗ trợ cho 2 giới này và các pháp tương ưng bằng Y Chỉ duyên.

9. Thường Cận Y Duyên (*upanissayapaccayo*)

Thường Cận Y duyên là:

- Các thiện pháp sanh trước hỗ trợ cho các thiện pháp sanh sau bằng Thường Cận Y duyên.
- Các thiện pháp sanh trước hỗ trợ cho các ác pháp sanh sau bằng Thường Cận Y duyên.

- Các thiện pháp sanh trước hỗ trợ cho các pháp Vô Ký sanh sau bằng Thường Cận Y duyên.
- Các pháp bất thiện sanh trước hỗ trợ cho các pháp bất thiện sanh sau bằng Thường Cận Y duyên.
- Các pháp bất thiện sanh trước hỗ trợ cho các pháp thiện sanh sau bằng Thường Cận Y duyên.
- Các pháp bất thiện sanh trước hỗ trợ cho các pháp Vô Ký sanh sau bằng Thường Cận Y duyên.
- Các pháp Vô Ký sanh trước hỗ trợ cho các pháp Vô Ký sanh sau bằng Thường Cận Y duyên.
- Các pháp Vô Ký sanh trước hỗ trợ cho các pháp thiện sanh sau bằng Thường Cận Y duyên.
- Các pháp Vô Ký sanh trước hỗ trợ cho các pháp bất thiện sanh sau bằng Thường Cận Y duyên.

Thời tiết và thực phẩm, con người và trú xứ cũng có thể được xem là một thứ Thường Cận Y duyên.

10. Tiền Sanh Duyên (*purejātapaccayo*)

Tiền Sanh Duyên là:

- Nhãn xứ hỗ trợ cho Nhãn thức giới và các pháp tương ưng bằng Tiền Sanh Duyên.
- Nhĩ xứ hỗ trợ cho Nhĩ thức giới và các pháp tương ưng bằng Tiền Sanh Duyên.

- Tỷ xứ hỗ trợ cho Tỷ thức giới và các pháp tương ưng bằng Tiền Sanh Duyên.
- Thiệt xứ hỗ trợ cho Thiệt thức giới và các pháp tương ưng bằng Tiền Sanh duyên.
- Thân xứ hỗ trợ cho Thân thức giới và các pháp tương ưng bằng Tiền Sanh duyên.
- Sắc xứ hỗ trợ cho Nhãn thức giới và các pháp tương ưng bằng Tiền Sanh duyên.
- Thinh xứ hỗ trợ cho Nhĩ thức giới và các pháp tương ưng bằng Tiền Sanh duyên.
- Khí xứ hỗ trợ cho Tỷ thức giới và các pháp tương ưng bằng Tiền Sanh duyên.
- Vị xứ hỗ trợ cho Thiệt thức giới và các pháp tương ưng bằng Tiền Sanh duyên.
- Xúc xứ hỗ trợ cho Thân thức giới và các pháp tương ưng bằng Tiền Sanh duyên.
- 5 ngoại xứ (sắc, thinh, khí, vị, xúc) hỗ trợ cho Ý giới và các pháp tương ưng bằng Tiền Sanh duyên.

Sắc Ý Vật hỗ trợ cho Ý giới và các pháp tương ưng bằng Tiền Sanh duyên.

Riêng đối với Ý thức giới thì có lúc bằng Tiền Sanh duyên, có lúc thì không phải.

11. Hậu Sanh Duyên (*pacchājātapaccayo*)

Hậu Sanh duyên là:

- Tâm và tâm sở sanh sau hỗ trợ cho thân này sanh trước bằng Hậu Sanh duyên.

12. Trùng Dụng Duyên (*Āsevanapaccayo*)

Trùng Dụng duyên là:

- Thiện pháp sanh trước hỗ trợ cho các thiện pháp sanh sau bằng Trùng Dụng duyên.
- Bất thiện pháp sanh trước hỗ trợ cho bất thiện pháp sanh sau bằng Trùng Dụng duyên.
- Các pháp Vô Ký Tổ sanh trước hỗ trợ cho các pháp Vô Ký Tổ sanh sau bằng Trùng Dụng duyên.

13. Nghiệp Duyên (*Kamma*paccayo)

Nghiệp duyên là:

- Các nghiệp thiện ác hỗ trợ cho các danh sắc dị thực bằng Nghiệp duyên.
- Tâm sở Tư hỗ trợ cho các pháp tương ưng và các Sắc Nghiệp bằng Nghiệp duyên.

14. Dị Thực Duyên (*Vipākapaccayo*)

Dị Thực duyên là:

- 4 Danh uẩn dị thực hỗ trợ nhau bằng Dị Thực duyên.

15. Vật Thực Duyên (*Āhārapaccayo*)

Vật Thực duyên là:

- Đoàn Thực hỗ trợ cho thân này bằng Vật Thực duyên.
- Các Danh Vật Thực hỗ trợ cho các pháp tương ưng và Sắc Vật Thực bằng Vật Thực duyên.

16. Quyền Duyên (*Indriyapaccayo*)

Quyền duyên là:

- Nhãn quyền (thần kinh thị giác) hỗ trợ cho Nhãn thức giới và các pháp tương ưng bằng Quyền duyên.
- Nhĩ quyền hỗ trợ cho Nhĩ thức giới và các pháp tương ưng bằng Quyền duyên.
- Tỷ quyền hỗ trợ cho Tỷ thức giới và các pháp tương ưng bằng Quyền duyên.
- Thiệt quyền hỗ trợ cho Thiệt thức giới và các pháp tương ưng bằng Quyền duyên.
- Thân quyền hỗ trợ cho Thân thức giới và các pháp tương ưng bằng Quyền duyên.
- Sắc Mạng quyền hỗ trợ cho các Sắc Nghiệp bằng Quyền duyên.
- Các Danh quyền hỗ trợ cho các pháp tương ưng và các Sắc pháp cùng nhóm bằng Quyền duyên.

17. Thiên Duyên (*Jhānapaccayo*)

Thiên duyên là:

- Các chi thiên hỗ trợ cho các pháp tương ứng thiên chi cùng các Sắc pháp từ đó sanh bằng Thiên duyên.

18. Đạo Duyên (*Maggapaccayo*)

Đạo duyên là:

- Các chi đạo hỗ trợ cho các pháp tương ứng đạo cùng các Sắc pháp từ đó sanh bằng Đạo duyên.

19. Tương Ứng Duyên (*Sampayuttapaccayo*)

Tương Ứng duyên là:

- Tứ Danh uẩn hỗ trợ lẫn nhau bằng Tương Ứng duyên.

20. Bất Tương Ứng Duyên (*Vippayuttapaccayo*)

Bất Tương Ứng duyên là:

- Các Sắc pháp hỗ trợ cho Danh pháp bằng Bất Tương Ứng duyên. Danh pháp hỗ trợ cho Danh pháp bằng Bất tương Ứng duyên.

21. Hiện Hữu Duyên (*Attipaccayo*)

Hiện Hữu duyên là:

- 4 Danh uẩn hỗ trợ nhau bằng Hiện Hữu duyên.

- 4 Đại hỗ trợ nhau bằng Hiện Hữu duyên.
- Danh Sắc thời tái tục hỗ trợ nhau bằng Hiện Hữu duyên.
- Tâm và tâm sở hỗ trợ nhau bằng Hiện Hữu duyên.
- 4 Đại hỗ trợ cho các Sắc Y Đại Sinh bằng Hiện Hữu duyên.
- Nhãn xứ hỗ trợ cho Nhãn thức giới và các pháp tương ưng bằng Hiện Hữu duyên.
- Nhĩ xứ hỗ trợ cho Nhĩ thức giới và các pháp tương ưng bằng Hiện Hữu duyên.
- Tỷ xứ hỗ trợ cho Tỷ thức giới và các pháp tương ưng bằng Hiện Hữu duyên.
- Thiệt xứ hỗ trợ cho Thiệt thức giới và các pháp tương ưng bằng Hiện Hữu duyên.
- Thân xứ hỗ trợ cho Thân thức giới và các pháp tương ưng bằng Hiện Hữu duyên.
- Sắc xứ hỗ trợ cho Nhãn thức giới và các pháp tương ưng bằng Hiện Hữu duyên.
- Thinh xứ hỗ trợ cho Nhĩ thức giới và các pháp tương ưng bằng Hiện Hữu duyên.
- Khí xứ hỗ trợ cho Tỷ thức giới và các pháp tương ưng bằng Hiện Hữu duyên.
- Vị xứ hỗ trợ cho Thiệt thức giới và các pháp tương ưng bằng Hiện Hữu duyên.

- Xúc xú hỗ trợ cho Thân thức giới và các pháp tương ứng bằng Hiện Hữu duyên.

5 ngoại xú (sắc, thính,...) hỗ trợ cho Ý giới (2 Quan Sát + Khai ý môn) và các pháp tương ứng (tâm sở) bằng Hiện Hữu duyên.

Sắc Ý Vật hỗ trợ cho Ý giới và Ý thức giới cùng các pháp tương ứng bằng Hiện Hữu duyên.

22. Vô Hữu Duyên (*Natthipaccayo*)

Vô Hữu duyên là:

- Tâm và tâm sở vừa diệt ngay phía trước hỗ trợ cho tâm và tâm sở hiện tại bằng Vô Hữu duyên.

23. Ly Khứ Duyên (*Vigatapaccayo*)

Ly Khứ duyên là:

- Tâm và tâm sở vừa diệt ngay phía trước hỗ trợ cho tâm và tâm sở hiện tại bằng Ly Khứ duyên.

24. Bất Ly Duyên (*Avigatapaccayo*)

Bất Ly duyên là:

- 4 Danh uẩn hỗ trợ lẫn nhau bằng Bất Ly duyên.
- 4 Đại hỗ trợ lẫn nhau bằng Bất Ly duyên.
- Danh Sắc thời tái tục hỗ trợ lẫn nhau bằng Bất Ly duyên.

- Tâm và tâm sở hỗ trợ Sắc Tâm bằng Bất Ly duyên.
- 4 Đại hỗ trợ cho các Sắc Y Đại Sinh bằng Bất Ly duyên.
- Nhãn xứ hỗ trợ cho Nhãn thức giới và các pháp tương ưng bằng Bất Ly duyên.
- Nhĩ xứ hỗ trợ cho Nhĩ thức giới và các pháp tương ưng bằng Bất Ly duyên.
- Tỷ xứ hỗ trợ cho Tỷ thức giới và các pháp tương ưng bằng Bất Ly duyên.
- Thiệt xứ hỗ trợ cho Thiệt thức giới và các pháp tương ưng bằng Bất Ly duyên.
- Thân xứ hỗ trợ cho Thân thức giới và các pháp tương ưng bằng Bất Ly duyên.
- Sắc xứ hỗ trợ cho Nhãn thức giới và các pháp tương ưng bằng Bất Ly duyên.
- Tinh xứ hỗ trợ cho Nhĩ thức giới và các pháp tương ưng bằng Bất Ly duyên.
- Khí xứ hỗ trợ cho Tỷ thức giới và các pháp tương ưng bằng Bất Ly duyên.
- Vị xứ hỗ trợ cho Thiệt thức giới và các pháp tương ưng bằng Bất Ly duyên.
- Xúc xứ hỗ trợ cho Thân thức giới và các pháp tương ưng bằng Bất Ly duyên.

5 ngoại xứ (sắc, thính...) hỗ trợ cho Ý giới (2 Quan Sát + Khai ý môn) và các pháp tương ứng (tâm sở) bằng Bất Ly duyên.

Sắc Ý Vật hỗ trợ cho Ý giới và Ý thức giới cùng các pháp tương ứng bằng Bất Ly duyên.

B. DUYÊN HỆ YẾU GIẢI

1. Tâm và tâm sở làm duyên cho nhau qua 6 cách:

- Vô Gián duyên
- Đẳng Vô Gián duyên
- Trùng Dục duyên
- Tương Ứng duyên
- Vô Hữu duyên
- Ly Khứ duyên

Ghi chú:

- Tâm và tâm sở vừa diệt hỗ trợ cho tâm và tâm sở hiện tại bằng 4 duyên:
 - Vô Gián duyên
 - Đẳng Vô Gián duyên
 - Vô Hữu duyên
 - Ly Khứ duyên
- Đồng lực trước hỗ trợ Đồng lực sau bằng Trùng Dục duyên

- Tâm và tâm sở hỗ trợ nhau bằng Tương Ứng duyên
2. Danh pháp hỗ trợ Danh pháp và Sắc pháp bằng 5 Duyên:
- Nhân duyên
 - Thiền duyên
 - Đạo duyên
 - Nghiệp duyên
 - Dị Thục duyên

Ghi chú:

- 6 nhân, 7 chi thiền, 12 chi đạo hỗ trợ cho Danh Sắc tương ứng bằng Nhân duyên, Thiền duyên và Đạo duyên.
 - Tâm sở Tư hỗ trợ cho Danh và Sắc bằng Nghiệp duyên. Ở đây bao gồm Câu Sanh nghiệp và Dị Thời nghiệp.
 - 4 Danh uẩn dị thục hỗ trợ lẫn nhau cùng Sắc pháp dị thục bằng Dị Thục duyên.
3. Danh pháp hỗ trợ cho Sắc pháp bằng Hậu Sanh duyên. Tâm và tâm sở sanh sau hỗ trợ cho 6 sắc vật sanh trước bằng Hậu Sanh duyên.
4. Sắc pháp hỗ trợ cho Danh pháp bằng Tiền Sanh duyên. 6 Sắc vật thời bình sinh hỗ trợ cho 7 Thức giới (Nhãn thức giới... Ý giới, Ý thức giới, tức là tất cả tâm) bằng Tiền Sanh duyên. 5 trần cảnh hỗ trợ cho các lộ ngũ môn bằng Tiền Sanh duyên.

5. Chế Định, Danh và Sắc hỗ trợ cho Danh pháp bằng Cảnh duyên và Cận Y duyên.

Cảnh duyên ở đây bao gồm tất cả pháp Chế Định, tâm pháp và Sắc pháp. Ba loại cảnh này hỗ trợ cho tâm và tâm sở bằng Cảnh duyên.

Cận Y duyên ở đây gồm 3 khía cạnh:

- Hấp lực của cảnh, dù nội phần hay ngoại phần (chẳng hạn một hình ảnh hiện tại là một gợi ý lớn cho cảnh tượng nào đó ngày xưa).
- Sức mạnh thừa tiếp (gặp điều kiện cũ thì tiếp tục, như chưa từng bị gián đoạn)
- Sức mạnh tâm lý (chỉ cần một sự gợi ý đúng mức là có thể trở lại như cũ).

6. Danh và Sắc hỗ trợ cho Danh và Sắc bằng 9 duyên:

- Trưởng duyên
- Câu Sanh duyên
- Tương Ứng duyên
- Y duyên
- Vật Thực duyên
- Quyền duyên
- Bất Tương Ứng duyên
- Hiện Hữu duyên
- Bất Ly duyên

Ghi chú:

Về Trưởng duyên có 2 trường hợp:

- Cảnh nổi bật hỗ trợ cho sự chú ý của một người (gồm tâm và tâm sở thích hợp) bằng Cảnh Trưởng duyên.
- 4 pháp Trưởng hỗ trợ cho tâm, tâm sở và Sắc pháp đồng sanh bằng Câu Sanh Trưởng duyên.

Về Câu Sanh duyên có 3 trường hợp:

- Tâm và tâm sở đồng sanh giúp cho Danh Sắc đồng sanh bằng Câu Sanh duyên.
- 4 Đại hỗ trợ lẫn nhau cùng các Y Đại Sinh bằng Câu Sanh duyên.

Về Hỗ Tương duyên có 3 trường hợp:

- Tâm và tâm sở đồng sinh hỗ trợ lẫn nhau bằng Hỗ Tương duyên.
- 4 Đại hỗ trợ nhau bằng Hỗ Tương duyên.
- Sắc Ý Vật thời tái tục hỗ trợ tâm tái tục và các tâm sở bằng Hỗ Tương duyên.

Về Y Chỉ duyên có 3 trường hợp:

- Tâm và tâm sở đồng sinh hỗ trợ lẫn nhau cùng Sắc pháp đồng sinh bằng Y Chỉ duyên.
- 4 Đại hỗ trợ lẫn nhau và các Sắc Y Đạo Sinh đồng sinh bằng Y Chỉ duyên.
- 6 Sắc vật hỗ trợ cho 7 thức giới bằng Y Chỉ duyên

Về Vật Thực duyên có 2 trường hợp:

- Sắc vật thực hỗ trợ cho các bợn sắc sanh chung (6 sắc vật).
- 3 Danh vật thực hỗ trợ cho Danh Sắc đồng sanh bằng Vật Thực duyên.

Về Quyền duyên có 3 trường hợp:

- 5 sắc thần kinh hỗ trợ cho Ngũ song thức.
- Sắc Mạng Quyền hỗ trợ cho các Sắc nghiệp
- Các Danh Quyền hỗ trợ cho Danh pháp và Sắc pháp.

Về Bất Tương Ưng duyên:

- Sắc Ý Vật thời tái tục hỗ trợ cho tâm tái tục và tâm sở đi cùng bằng Câu Sanh Bất Tương Ưng duyên. Tâm và tâm sở cũng hỗ trợ cho Sắc pháp đồng sanh bằng duyên này.
- Tâm và tâm sở sanh sau hỗ trợ cho 6 sắc vật sanh trước bằng Hậu Sanh Bất Tương Ưng.
- 6 sắc vật thời bình nhật hỗ trợ cho 7 Thức giới bằng Tiền Sanh Bất Tương Ưng duyên.

Về Hiện Hữu duyên và Bất Ly duyên có 5 trường hợp. Xin xem lại các duyên Câu Sanh, Tiền Sanh, Hậu Sanh, Vật Thực và Sắc Mạng Quyền duyên đều có Hiện Hữu và Bất Ly đi cùng.

- 24 Duyên có thể kể gọn thành 4 duyên là:
 1. Cảnh duyên

2. Cận Y duyên
3. Nghiệp duyên
4. Hiện Hữu duyên

- 28 thứ sắc được gọi chung là Sắc pháp.
- Danh uẩn và Níp-bàn được gọi chung là Danh pháp.
- Níp-bàn sở dĩ được kể vào đây vì là cảnh của tâm Siêu thế.

III. CÁC PHÁP CHẾ ĐỊNH (*PAÑÑATTI*)

Chân đế là bản thể rốt ráo của tất cả các pháp, nhưng nếu không phải thánh nhân hoặc người được học hỏi từ thánh nhân thì ai trong đời này cũng chỉ biết đến vạn vật qua những khái niệm giả lập, tức lớp vỏ bên ngoài hay phần trên của một tảng băng sơn. Từ chuyên môn trong A-tỳ-đàm gọi các khái niệm đó là Tục đế (*sammutisacca*) hay Chế Định (*paññatti*). Có 2 thứ Chế Định:

1. Hình Chế Định hay Vật Chế Định (*atthapaññatti*). Chỉ cho các khái niệm hình thể như vuông, tròn, dài, ngắn, núi, sông, nhà cửa hay chim muông, động vật...
2. Danh Xưng Chế Định (*Saddapaññatti*) tức ngôn ngữ hay từ vựng dùng để diễn tả hay gọi tên các khái niệm.

Có thể nói toàn bộ nền văn minh, văn hoá của bao đời phàm phu bao gồm các ngành khoa học, nghệ thuật, tôn giáo, ngôn ngữ... cũng đều gói gọn trong hai pháp chế định này.

A. HÌNH CHẾ ĐỊNH (*ATTHAPAÑÑATTI*)

Hình chế định, gọi theo chữ cũ là Vật chế định, chính là vẻ ngoài của Sắc pháp chân đế mà căn bản là 8 Sắc Bất Ly, những nguyên tố vật chất nhỏ nhất theo A-tỳ-đàm. Nói rộng thì có đến 9 loại Hình Chế Định (hay Vật Chế Định):

1. **Liên Thành Chế Định** (*santānapaññatti*) gồm những khái niệm về các sự vật mà thực chất là hình thức kéo dài trải rộng của Tứ Đại như đất đai, núi đồi, đồng ruộng...

2. **Tập Thành Chế Định** (*samūhapaññatti*) là khái niệm về các đồ vật do lắp ráp, kết nối mà thành, như nhà cửa, xe cộ, máy móc...
3. **Hình Thức Chế Định** (*saṅghānapaññatti*) là khái niệm về các đồ vật được phân loại theo hình dáng bên ngoài như tô, chén, muống, nĩa...
4. **Chúng Sanh Chế Định** (*sattapaññatti*) là khái niệm về các loại chúng sinh xét theo các khía cạnh tập tính sinh học như người, thú, quỷ, thần.
5. **Phương Vị Chế Định** (*disāpaññatti*) là khái niệm về phương hướng hay vị trí trong trời đất như đông, tây, nam, bắc, trên, dưới...
6. **Thời Gian Chế Định** (*kālapaññatti*) là khái niệm về các mốc thời gian như ngày đêm, bốn mùa, sớm trễ, nhanh chậm.
7. **Không Gian Chế Định** (*ākāsapaññatti*) là khái niệm về những vật thể được định hình từ những khoảng trống như giếng nước, hầm hố, khe hở, cửa nẻo...
8. **Đề Mục Chế Định** (*kaṣiṇapaññatti*) là những hình ảnh được hành giả tạm thời nghĩ ra rồi dựa vào đó để phát triển định tâm trong khi bản thân chúng chẳng là gì trong trời đất, thậm chí vô danh, vô nghĩa đối với mọi người. Đó có thể chỉ là một chén nước, một ngọn lửa hay chiếc lá xanh nhưng lúc này được coi là điểm tập trung tư tưởng.

9. **Ấn Tướng Chế Định** (*nimittapaññatti*) là các hình ảnh giả tượng chỉ hành giả mới nhìn thấy được trong lúc tu thiền định gồm Sơ Tướng, Nhiếp Tướng và Quang Tướng. Ấn Tướng Chế Định còn được gọi là Tiêu Biểu Chế Định chỉ cho tất cả những gì mang tính biểu tượng trong đời sống xã hội phàm phu như lá cờ, bảng hiệu, huy hiệu...

Như vậy tất cả những gì thuộc về Vật Chế Định đều chỉ là những khái niệm giả lập, không có thực. Ngay đến khoa học hiện đại cũng nhìn nhận một sự thật rằng toàn bộ thế giới mà ta đang sống chỉ là chỗ gặp nhau của những sóng và hạt. Cả những hình ảnh mắt ta nhìn được chỉ là chỗ phản quang của ánh sáng. Không có một thứ gì thật sự là hình dáng hay màu sắc tuyệt đối.

B. DANH XƯNG CHẾ ĐỊNH (SADDAPAÑÑATTI)

Gồm tất cả những gì thuộc về ngôn ngữ vẫn được nhân thiên sử dụng để diễn tả hay gọi tên các khái niệm. Có tất cả 6 thứ Danh Chế Định:

1. **Danh Chơn Chế Định hay Thực Hữu Chế Định** (*vijjamānapaññatti*) là tên gọi ám chỉ các pháp có thực tính Chân đế (tức những từ ngữ được dùng để mô tả pháp chân đế) như các danh từ Thọ, Tưởng, Tầm, Tứ, Danh, Sắc...
2. **Phi Danh Chơn Chế Định hay Hư Danh Chế Định** (*avijjamānapaññatti*) là tên gọi ám chỉ những sự vật không liên quan gì đến các khái niệm Chân đế. Chẳng hạn như các danh từ người, thú, đồ vật, thiên nhiên...

3. **Danh Chơn Phi Danh Chơn Chế Định** (*vijjamānena-avijjamānapaññatti*) là những từ ngữ bao gồm cả 2 khái niệm Tục và Chân để như lục thông hay người đắc thiền, kẻ tà kiến.
4. **Phi Danh Chơn Danh Chơn Chế Định** (*avijjamānena-vijjamānapaññatti*) cũng là những từ có khái niệm kép nhưng nửa trước là Tục để còn nửa sau là ám chỉ Chân để như nói nhân tâm, thú tính.
5. **Danh Chơn Danh Chơn Chế Định** (*vijjamanena-vijjamana paññatti*) là những từ ngữ mà các ngữ tố trước sau đều ám chỉ pháp Chân để như Nhãn thức, Sắc Ái, Thiện Tâm.
6. **Phi Danh Chơn Phi Danh Chơn Chế Định** (*avijjamānenaavijjamāna paññatti*) là những từ kép mà các ngữ tố trước sau đều chỉ pháp chế định như hoàng tử, minh tinh, giám đốc.

CHƯƠNG 9

THIỀN CHỈ TỊNH (*samatha*) THIỀN QUÁN (*vipassanā*)

Đạo đế là Bát Chi Đạo, có thể kể gọn thành Tam Học là Giới, Định, Tuệ. Định ở đây thấp nhất là Cận Định và cao nhất là thiền Phi Tưởng Phi Phi Tưởng, đều dựa trên các đề mục thiền Chỉ tịnh mà thành. Còn Tuệ học chính là con đường Quán Niệm Danh Sắc tức pháp môn Tứ Niệm Xứ. Ở đây là phần bàn về Định học còn gọi là pháp môn thiền Chỉ tịnh lấy sự tập trung tư tưởng làm chính. Có tất cả 40 đề mục để hành giả an trú định tâm. Một số trong đó chỉ dẫn đến trình độ Cận Định, một số có thể dẫn đến Ngũ thiền và một số thì chỉ dẫn đến các tầng thiền thấp hơn. Nhưng chung quy thì sự định tâm do thiền Chỉ tịnh mang lại luôn rất cần thiết cho việc phát huy trí tuệ đầu là thế trí hay thánh trí. Lần lượt sau đây là các đề mục thiền Chỉ tịnh.

I. THIỀN CHỈ TỊNH (*SAMATHA*)

A. MƯỜI ĐỀ MỤC HOÀN TỊNH (*KASĪṆA*)

Chữ *Kasīṇa* này có nghĩa là toàn thể hay trọn vẹn được dùng để nói đến khía cạnh không hạn lượng của đề mục. Như một miếng đất có đường kính một gang bốn ngón lúc làm đề mục tu thiền, lúc thành Quang Tướng thì không còn giới hạn trong kích thước đó nữa, có thể to như một chiếc mâm lớn và lúc hoá hiện thần thông thì ý niệm Đất trong tâm hành giả là vô hạn. Nếu muốn, hành giả có thể nhìn đâu cũng thấy đất để có thể đi trên đó, kể cả trên nước hay trên không.

1. Đề mục **Đất (*paṭhavī*)** là một khuôn đất hình tròn có đường kính 1 gang và 4 ngón xếp ngang treo vừa tầm mắt hành giả để vị này chú mục vào đó mà định tâm.
2. Đề mục **Nước (*āpo*)** là một chậu nước sạch không màu với kích cỡ y như khuôn đất hoàn tịnh.
3. Đề mục **Lửa (*tejo*)** là một bếp lò có lửa cháy thành ngọn với tấm màn chặn ngang có lỗ tròn cũng với đường kính trên.
4. Đề mục **Gió (*vāyo*)**: Ở đây là một khe hở để gió có thể luồng qua và chạm vào tóc hay da của hành giả.
5. Đề mục **màu xanh (*nīla*)** cũng là một khung tròn màu xanh (loại màu xanh nào cũng được) bằng chất liệu nào đó nhưng phải trơn láng dùng để hành giả phải bện tâm vào khía cạnh nào đó ngoài màu xanh.

6 & 7 & 8 Đề mục **Vàng, Đỏ, Trắng (pīta, lohita, odāta)** cũng như đề mục màu xanh mà hiểu.

9. Đề mục **Ánh Sáng (āloka)**: Ở đây có thể là ánh nắng hoặc ánh trăng hoặc một đóm sáng nào đó ứng hiện qua giấy hay vải.

10. Đề mục **Hư Không (ākāsa)**: Có thể là một lỗ trống hay khe hở nào đó không hình thù cũng được.

10 đề mục này có thể dẫn đến Ngũ thiền Sắc giới và giúp hành giả luyện thành Ngũ Thông.

B. MƯỜI ĐỀ MỤC BẤT MỸ (ASUBHA),

*chữ cũ gọi là **BẤT TỊNH***

Chữ *Asubha* có hai nghĩa: Không đẹp và không sạch. Theo lý mà nói, nếu phải chọn một trong hai thì chữ **BẤT MỸ** (không đẹp) sẽ chính xác hơn là **BẤT TỊNH**. Vì nói **KHÔNG ĐẸP** thì có thể bao gồm cả **KHÔNG SẠCH**, nhưng trong cái **KHÔNG SẠCH** không bao hàm được ý nghĩa **KHÔNG ĐẸP**. Chúng ta có thể xem kinh mà thấy điều này, và hai ngài Sumedho (một thiền sư người Mỹ) và Brahmavamsa (một thiền sư bên Úc) đều là học trò ngài Achahn Chah, đã lên tiếng về điều này từ lâu.

Ở đây đề mục là xác chết ở các giai đoạn:

1. Trương sinh (*uddhumātaka*)
2. Xanh xám (*vinīlaka*)
3. Chảy nước vàng (*vipubbaka*)

4. Bị đứt lìa nhiều khúc (*vicchiddaka*)
5. Bị dã thú hay côn trùng xâm phạm dở dang (*vikkhāyitaka*)
6. Từng phần tử thi bị vung vãi rời rạc đây đó (*vikkhittaka*)
7. Bị băm nát từng mảnh vụn (*hatavikkhitaka*)
8. Ướt đẫm máu tươi (*lohitaka*)
9. Dòi bọ bu đầy (*puluvaka*)
10. Chỉ là một bộ xương (*aṭṭhika*), nguyên vẹn hoặc rời rạc, hay chỉ còn là một nhúm bột trắng.

Đề mục Bất Mỹ này chỉ có thể dẫn đến Sơ thiền, không thể cao hơn. Vì muốn tu đề mục này phải luôn có Tầm.

C. MƯỜI ĐỀ MỤC TÙY NIỆM (ANUSSATI)

Nói là đề mục thiền Chỉ tịnh nhưng khi tu tập các đề mục này hành giả lại chủ yếu dùng Niệm chớ không phải Định như hầu hết các đề mục khác.

1. Niệm **Phật** (*buddhānussati*): Theo kinh điển Pāli thì niệm Phật không chỉ là réo gọi hồng danh của Ngài như trẻ con học bài hay như người niệm chú. Phép niệm Phật hay các đề mục tùy niệm khác cũng vậy, luôn đòi hỏi hành giả phải biết suy tưởng. Như niệm *Bhagavā* thì phải tâm niệm ý nghĩa của hồng danh này là bậc thành tựu mọi đức lành, mọi phước báo hoặc *Araḥam* là bậc đã đoạn trừ tất cả phiền não và xứng đáng cúng dường. Xem thêm trong Thanh Tịnh Đạo phần Định.

2. Niệm **Pháp** (*dhammānussati*): Suy tưởng ý nghĩa bài *Svākhāto bhagavatā dhammo...*
3. Niệm **Tăng** (*saṅghānussati*): Suy tưởng ý nghĩa của bài *Suppatipanno...*
4. Niệm **Giới** (*silānussati*): Là quán xét giới hạnh bản thân để tự hoan hỷ với mình là không một học giới nào bị lấm nhơ.
5. Niệm **Thí** (*cāgānussati*): Hành giả suy tưởng đến khả năng hào sảng của mình rằng trong điều kiện cho phép, tôi sẽ không từ chối giúp đỡ những ai cần đến tôi về vật chất.
6. Niệm **Thiên** (*devatānussati*): Hành giả suy tưởng và quán niệm về các cõi Dục thiên với sự yên lòng rằng chúng sanh ở đó có những Tín, Thí, Giới, Văn, Tuệ, Tàm, Quý nào thì mình cũng có đủ những đức lành đó để có thể cộng sinh với họ mai này.
7. Niệm **Níp-bàn** (*upasamānussati*): Hành giả suy tưởng về ý nghĩa Chân đế của Níp-bàn theo khả năng của hai trí Văn và Tư để hoan hỷ và an lạc rằng sự chấm dứt phiền não và sinh tử cũng là sự chấm dứt tuyệt đối tất cả những khổ thân khổ tâm mà ta và các loài đang gánh chịu.
8. Niệm **Chết** (*maraṇānussati*): Là hành giả suy niệm rằng một người vĩ đại như Đức Phật hay Đế Thích, Phạm thiên cũng không tránh được cái chết nói gì một người như ta. Và cái chết có thể xảy đến với mọi người ở bất cứ lứa tuổi nào, dưới bất cứ hình thức nào, êm đềm hay tàn khốc.

9. **Thân Hành Niệm (*kāyagatāsati*):** Hành giả suy niệm để thấy rõ từ gót chân đến chót tóc của mình là một túi da chứa đầy các vật uế trước, nếu lộn ngược nó ra thì người chí thân cũng không dám đến gần và bản thân mỗi người cũng không dám nuốt lại những thứ mình đã mửa.
10. Niệm **Hơi Thở (*ānāpānasati*):** Tức sự tập trung tư tưởng để biết hơi thở đang ra hay vào.

Trong 10 đề mục Tỳ Niệm trên đây, đề mục Thân Hành Niệm chỉ có thể dẫn đến Sơ thiền, đề mục hơi thở có thể dẫn đến Ngũ thiền Sắc giới, các đề mục Tỳ Niệm còn lại chỉ có thể dẫn đến Cận Định mà thôi.

Một hành giả trong Phật giáo mỗi ngày cần nhớ đến 4 đề mục giữ mình (*ārakkhakakammaṭṭhāna*), bất kể là một người đang tu Chỉ hay Quán:

- Niệm Phật
- Niệm Chết
- Niệm Bất Mỹ
- Niệm Từ tâm

Có thể nói đề mục hơi thở là một trong những đề mục căn bản nhất của thiền Chỉ tịnh. Tất cả chư Phật đều thành đạo bằng đề mục này. Nó đồng thời cũng là đề mục tiện dụng nhất, luôn có sẵn mọi nơi, mọi lúc. Về phương thức chuẩn bị đề mục cũng không có gì khó khăn. Hành giả chỉ việc chọn lấy một tư thế thích hợp, tùy hoàn cảnh, rồi tập chú vào chót mũi, môi trên hay vùng bụng rồi ghi nhận hơi thở vào ra.

Tùy căn cơ mỗi người mà khả năng đè nén 5 Triền Cái thành tựu sớm hay muộn. Một trong những kỹ thuật căn bản của phép niệm hơi thở là chỉ theo dõi chứ không điều khiển nó, khi bị phóng tâm cũng đừng hối tiếc, xem như chưa có gì xảy ra và tiếp tục theo dõi hơi thở. Khi định tâm còn yếu, hơi thở cũng thô thiển hơn lúc tâm được an định vững vàng. Một lúc nào đó hành giả còn cảm thấy như mình không còn hơi thở nữa, nhưng chuyện quan trọng vẫn là tiếp tục chú tâm ở các điểm lộ diện của hơi thở (chót mũi hay bụng). Sớ giải có cho một ví dụ như một người đi tìm con bò bị mất trong rừng, thay vì lang thang kiếm tìm thì nên để ý những chỗ uống nước của con bò như hồ hay suối hoặc đầm lầy. Nó đi đâu rồi cũng sẽ về đấy. Hơi thở cũng vậy. Khi 5 Triền Cái vắng mặt thì điều tự nhiên là Phi Lạc (*pīti*), sự Tĩnh tâm (*passaddhi*), Thiền Lạc (*sukha*) và Định (*samādhi*) sẽ lần lượt sinh khởi. Sự an lạc của hành giả lúc này rất đặc biệt, không một thứ hạnh phúc dục lạc nào có thể đem so sánh. Cứ vậy hơi thở của hành giả sẽ đi qua các giai đoạn Sở Tướng, Nhiếp Tướng và Quang Tướng để tâm đi vào Cận Định. Người duyên kém có thể suốt đời chỉ dừng lại ở đây (Cận Định). Người đủ căn cơ thì ngay sau đó có thể trong nháy mắt, hoặc nhiều tháng nhiều năm, sẽ lần lượt chứng đắc từ Sơ thiền trở lên đến Ngũ thiền Sắc giới. Người không tu Tuệ quán có thể nhờ vậy mà sanh về các cõi Phạm thiên hoặc ngay đời hiện tại có thể thực hiện các loại thần thông. Với người tu Tuệ quán, thì các tầng thiền chính là điều kiện tốt nhất để tu tập trí tuệ Minh Sát. Đây mới là hành trình hoàn hảo của đạo lộ Tam Học.

Như ta đã thấy, trong 40 đề mục thiền Chỉ tịnh có một số đề mục có thể cũng là đề tài Tuệ quán nếu được tu tập bằng Niệm và Tuệ chớ không phải Định. Đó là các đề mục hơi thở, tử thi, thể trược.

D. BỐN PHẠM TRÚ TỨC VÔ LƯỢNG TÂM (BRAHMAVIHĀRA)

Từ, Bi, Hỷ, Xả được gọi là 4 pháp Phạm Trú (*Brahmavihāra*) vì đây là 4 thứ tâm trạng luôn có trong tâm của các vị Phạm thiên như là một đặc điểm. 4 pháp này cũng được gọi là Tứ Vô Lượng Tâm (*appamaññā*) bởi vì chúng chỉ có thể đưa đến Kiên cố định khi lấy đối tượng là tất cả chúng sinh trong mọi phương hướng.

1. **Từ Tâm (*mettā*):** Là lòng mong muôn loài được vui, được tốt. Tâm trạng này không phải là sự thương mến theo cách ái luyến thường tình giữa nam nữ, bạn bè hay thân tộc với nhau. Bởi đó là thứ tình cảm dựa trên những điều kiện. Tôi thương anh bởi vì anh là thế này hay thế khác. Riêng tình thương được gọi là Từ tâm thì không cần đến bất cứ điều kiện gì: Ai cũng thương và họ có ra sao cũng thương, thương mọi nơi và mọi lúc. Pháp đối lập trực tiếp của Từ tâm là sự Bất Mãn hay Ghét Bỏ, những khía cạnh khác nhau của tâm sân (*dosa*). Pháp đối lập gián tiếp của Từ tâm là sự quyến luyến bằng tâm tham. Chi pháp cốt lõi của Từ tâm là tâm sở Vô Sân.
2. **Bi Tâm (*karuṇā*):** Là sự Bất Nhẫn hay lòng Trắc Ẩn trước nỗi khổ của chúng sinh. Trong khi Từ tâm là mong người được vui thì Bi tâm là mong người đừng khổ. Pháp

đối lập trực tiếp của Bi tâm là lòng Hại Người. Pháp đối lập gián tiếp là lòng Bi Lụy. Chi pháp căn bản cho Bi tâm là tâm sở Bi.

3. **Tùy Hỷ (*muditā*):** Là tâm trạng vui theo niềm hạnh phúc hay sự tốt lành của người khác. Pháp đối lập trực tiếp của Hỷ tâm là lòng Ghen Tỵ. Pháp đối lập gián tiếp là sự Xu Phụ. Hỷ tâm giúp ta bỏ được những thành kiến hay ác cảm với người. Chi pháp cốt lõi của Hỷ tâm là tâm sở Tùy Hỷ.
4. **Xả Tâm (*upekkhā*):** Là trạng thái bình thản của một người có khả năng thông cảm và tha thứ cho chúng sinh. Ở đây không có thương hay ghét mà là sự thông cảm của một người biết và tin Nghiệp Lý khi nhìn về người đang vui hay khổ bằng tâm niệm rằng: Họ đang đi theo cái nghiệp của mình. Xả tâm là trạng thái nằm giữa Bi và Hỷ, nên Xả tâm đúng mức chỉ có ở người đã thành tựu ba Phạm Trú trên. Pháp đối lập trực tiếp của Xả tâm là Tham và Sân (*rāga, dosa*) và pháp đối lập gián tiếp là sự Lạnh Lùng Vô Tâm hay là sự Lãnh Đạm Vô Tri (*aññānupekkhā*). Ba đề mục Phạm Trú đầu có thể dẫn đến Tứ thiền Sắc giới, riêng Xả Phạm Trú thì dẫn đến Ngũ thiền Sắc giới.

Có 2 cách tu tập bốn pháp Phạm Trú:

- Bắt đầu từ Cận Định trở đi
- Chứng thiền Sắc giới bằng các đề mục khác của thiền Chỉ tịnh rồi dựa trên nền tảng đó mà tu bốn pháp

Phạm Trú. Cách này nhanh hơn mà cũng khó hơn. Gọi tên là vậy, nhưng chỉ có Từ, Bi, Hỷ, Xả ở một người chứng thiền bằng 4 đề mục này mới đáng gọi là các pháp Phạm Trú hay Vô Lượng Tâm mà thôi. Về kỹ thuật làm sao có thể đắc Định khi lấy vô lượng chúng sanh làm đối tượng để chú tâm thì xin xem thêm trong Thanh Tịnh Đạo phần giải về Định.

Bảng 60- Tứ Vô Lượng Tâm

Tâm	Chi pháp	Pháp đối lập trực tiếp	Pháp đối lập gián tiếp	Tầng thiền đắc được
Từ	SH Vô sân	Tâm sân	Quyến luyến bằng tâm tham	Sơ-Tứ thiền
Bi	SH Bi	Lòng hại người	Sự bi lụy	Sơ-Tứ thiền
Hỷ	SH Hỷ	Ganh tỵ	Xu phụ	Sơ-Tứ thiền
Xả	SH Hành Xả	Tham, Sân	Lãnh đạm vô tình	Ngũ thiền

Một cách vắn tắt, để tạo phước tài sản thì không gì hơn sự cúng dường hướng đến Tứ Phương Tăng, để trao dồi trí tuệ giải thoát thì không gì hơn việc tu tập Tứ Niệm Xứ, để có được các công đức ngoài ra hai phước báo vừa kể thì không gì hơn việc tu tập Tứ Vô Lượng Tâm. Tu tập ở mức độ sơ sài (chưa đắc định) thì cũng có thể dẫn sanh các cõi lành Dục

giới. Nếu tu tập đúng mức, tức đắc chứng từ Sơ thiền trở lên thì hành giả dĩ nhiên có thể sanh về Phạm thiên và hưởng được vô số các phước lành hữu lậu. Để có thể chứng thiền bằng bốn đề mục Vô Lượng Tâm thì hành giả nên biết đại khái một số kỹ thuật sau đây:

Đối với người sơ cơ, bước đầu tu hạnh Từ tâm nên tránh nghĩ đến những đối tượng mà mình quá ghét hoặc quá thương. Sau đó nên học thuộc lòng các câu nguyện đặc biệt cho từng pháp Phạm trú (Từ, Bi, Hỷ, Xả).

E. CÁC PHÉP TU THIỀN

1. *Phép tu thiền với đề mục Từ Vô Lượng Tâm*

Trước hết hành giả lần lượt nghĩ đến 12 đối tượng sau đây: Tất cả hữu tình (*satta*), tất cả loài hữu mạng (*pāṇa*), tất cả sinh vật hiện hữu (*bhuta*), tất cả sinh linh nói chung (*puggala*), tất cả các loài có tự thể (*attabhāvapariyapanna*), tất cả nữ nhân (*itthi*), tất cả nam nhân (*purisa*), tất cả thánh nhân (*ariya*), tất cả phàm phu (*puthujjana*), tất cả chư thiên (*deva*), tất cả nhân loại (*manussa*), tất cả các loài sa đọa (*vinipātika*).

Sau đó hành giả nghĩ đến từng đối tượng trên đây trong từng hướng của 10 hướng: Đông, tây, nam, bắc, đông-nam, tây-nam, đông-bắc, tây-bắc, trên và dưới với 4 lời nguyện mong từng đối tượng đừng oan trái (*avera*) lẫn nhau, đừng sống trong sân tâm (*abyāpajja*), không bị khốn khổ (*anīgha*) và luôn được hạnh phúc (*sukhī*). Và đây là vài câu nguyện mẫu:

Xin cho tất cả phàm phu ở hướng đông đừng oan trái lẫn nhau, xin các phàm phu ở hướng đông đừng sống trong sân tâm, xin các phàm phu ở hướng đông không bị khốn khổ, xin các phàm phu ở hướng đông luôn được hạnh phúc.

Như vậy ta có 480 câu nguyện để có thể nhập định với đề mục Từ tâm này.

2. Phép tu thiền với đề mục Bi Vô Lượng Tâm

Ở đây hành giả ban rải (*pharati*) Bi tâm đến từng đối tượng trong 12 đối tượng ở từng hướng trong 10 hướng với một câu nguyện duy nhất: Mong cho đối tượng đang bị khổ (nam, nữ, phàm, thánh, siêu đọa,...) đừng bị đau khổ nữa (*dukkhā muccantu*). Như vậy trước khi có thể đắc định với đề mục Bi Vô Lượng Tâm này, hành giả phải liên tục chuyên chú trong 120 câu niệm (12 đối tượng x 10 hướng x 1 câu nguyện).

3. Phép tu thiền với đề mục Hỷ Vô Lượng Tâm

Ở đây hành giả ban rải (*pharati*) Hỷ tâm đến từng đối tượng trong 12 đối tượng ở từng hướng trong 10 hướng với một câu nguyện duy nhất: Mong cho đối tượng ấy (nam, nữ, phàm, thánh, siêu đọa,...) hãy giữ hoài những điều tốt đẹp đang có (*yathāladhasampattito mā vigacchantu*). Như vậy trước khi có thể đắc định với đề mục Hỷ Vô Lượng Tâm này, hành giả phải liên tục chuyên chú trong 120 câu niệm (12 đối tượng x 10 hướng x 1 câu nguyện).

4. Phép tu thiền với đề mục Xả Vô Lượng Tâm

Ở đây hành giả ban rải Xả tâm đến từng đối tượng trong

12 đối tượng ở từng hướng trong 10 hướng với một câu nguyện duy nhất: Mỗi cá nhân trong đời (nam, nữ, phàm, thánh, siêu đọa,...) đều có nghiệp riêng (*sabbe sattā kammassakā*) đủ để xoay sở. Như vậy trước khi có thể đắc định với đề mục Xả Vô Lượng Tâm này, hành giả phải liên tục chuyên chú trong 120 câu niệm (12 đối tượng x 10 hướng x 1 câu nguyện).

5. Bất Tịnh Thực (*āhāre-paṭikūlasaññā*)

Đề mục này chỉ có thể dẫn đến Cận Định, vì đòi hỏi khả năng suy tưởng, quán xét nhiều hơn là sự tập trung tư tưởng. Cách thức tu tập là hành giả nhìn vào mâm ăn của mình rồi nghĩ tưởng đến cách thức pha trộn từng thứ ra sao, xuất xứ của từng món thế nào. Sau đó hành giả liên tưởng đến đường đi của thực phẩm từ miệng vào bên trong cơ thể. Một món ăn ngon lành và đắt tiền đến mấy cũng trở nên đáng tởm khi đã chạm vào nước bọt của một người, nói chi là lúc đã vào đến bao tử hay ruột già. Thậm chí một món ăn được nấu nướng cẩn thận, dầu chưa bị chạm đũa, nếu được cất giữ ở một điều kiện nhiệt độ không thích hợp thì trong một thời gian nào đó cũng sẽ trở nên khó nhìn, khó ngửi. Thực phẩm là nguồn sống chính yếu của loài người, thậm chí còn được xem là một trong những khoái lạc của nhân sinh nên nếu một người có được lòng ly dục trong chuyện ăn uống thì đó cũng là một công phu tu tập quan trọng lắm rồi. Khi coi nhẹ việc ăn uống, ngoài việc hạn chế tham tâm trước mắt, hành giả cũng sẽ không vì nó mà mất nhiều thời gian hay công sức một cách vô ích.

6. Tứ Đại Tướng (*catudhātuvavatṭhāna*)

Tứ Đại ở đây được quan sát qua từng bộ phận cơ thể của bản thân. Chẳng hạn tính chất cứng mềm của Đất có thể tìm thấy ở đâu trong tấm thân này. Tính chất nóng lạnh của Lửa, sự ngưng tụ của Nước hay sự xô dịch, di động của Gió cũng đều có thể tìm thấy trong từng bộ phận thân người. Như thân nhiệt là lửa, các dịch chất là nước, hơi thở là gió... Tùy ở bộ phận nào mà các Đại chất hiển hiện nhiều hay ít, rõ ràng hay mờ nhạt. Nhìn bãi nước bọt hành giả biết đó là nước của thân, xoa bóp hay sờ nắm tay chân, thân mình thì hành giả biết đó là địa đại của thân, cảm được thân nhiệt cao thấp trong mình hành giả biết đó là lửa của thân, lúc hít thở hay ợ hơi, đánh rắm thì hành giả biết đó là gió của thân.

An trú như vậy nhiều ngày, nhiều tháng thì hành giả sẽ thấy thân mình hay thân người chỉ là một khối Tứ Đại tổng hợp, những thương ghét hay sợ hãi sẽ nhờ vậy mà giảm bớt dần. Đến một lúc nào đó dầu còn là phàm nhân, hành giả cũng an lạc như bậc thánh. Với người hữu duyên (như trường hợp tôn giả *Lakuṇṭaka Bhaddiya*), khi quán tưởng 4 Đại họ cũng có thể lấy đó làm đề mục thể trước, bất tịnh hay màu sắc để chứng đắc Kiên cố định, dù bản thân đề mục Tứ Đại Tướng chỉ có thể dẫn đến Cận Định.

7. Bốn Đề Mục Vô Sắc

Xin xem lại ở phần trước.

F. CÁC CƠ TÁNH (CARITA) HÀNH GIÁ

Cơ tánh ở đây là những khuynh hướng tâm lý của chúng sinh. Nói rộng thì có 63, nói gọn thì là 6 cơ tánh sau đây:

1. **Dục tánh (*rāgacarita*):** Là người có lòng tham nổi trội. Nếu tu tập thiền Chỉ tịnh, hạng này thích hợp với các đề mục Tử Thi và Thể Trước.
2. **Nộ tánh (*dosacarita*):** Là người có lòng sân hận nổi trội. Hạng này thích hợp với đề mục bốn Phạm Trú và các đề mục màu sắc (dù màu trắng cũng là màu ưa thích của người nhiều ngộ tánh, vì nó đơn giản và sạch sẽ).
3. **Độn tánh (*mohacarita*):** Là hạng độn căn, chậm chạp. Hạng này thích hợp với đề mục Hơi Thở, vì đề mục này thích hợp cho tất cả các cơ tánh.
4. **Vọng tánh hay Đãng tánh (*vitakkacarita*):** Là người có bản tánh hướng ngoại một cách sôi nổi. Cũng tu chung đề mục với người tánh si.
5. **Mộ tánh (*saddhacarita*):** Là người có niềm tin nổi trội, thích hợp với 6 đề mục Tùy Niệm (Tam Bảo và Thí, Giới, Thiên tùy niệm).
6. **Ngộ tánh (*buddhacarita*):** Là hạng người có trí tuệ nổi trội. Hạng này thích hợp với các đề mục niệm Chết, Níp-bàn, Bất Tịnh Thực và Tứ Đại Tướng. Đây là những đề mục sâu sắc, vì thế nên cần đến sự bén nhạy của trí tuệ.

Sáu đề mục Kasiṇa (không kể 4 Kasiṇa màu sắc) và 4 đề mục Vô sắc thích hợp với tất cả cơ tánh.

G. BA TRÌNH ĐỘ THIỀN CHỈ TỊNH (BHĀVANĀ)

1. **Giai đoạn Chuẩn Bị (*parikammabhāvanā*):** Đây là giai đoạn bắt đầu tu tập một đề mục nào đó trong 40 đề mục. Công phu của hành giả lúc này chỉ mới là giai đoạn tập sự chú tâm vào đề mục. Chẳng hạn như với đề mục Đất thì sau khi làm ra một khuôn đất với kích thước đã định sẵn rồi chú mục vào đó để niệm: đất, đất... Định tâm có được ở giai đoạn này được gọi là Chuẩn Bị Định (*parikammasamādhī*).
2. **Giai đoạn Cận Định (*upacārabhāvanā*):** Là giai đoạn Định tâm của hành giả đã vững mạnh hơn lúc đầu. Như đối với đề mục Đất, lúc này hành giả không cần mở mắt nhìn vẫn thấy khuôn đất đó hiển hiện trước mặt vành vạnh và chói rực. Định tâm lúc này được gọi là Cận Định. Cả thiền Chỉ tịnh lẫn Tuệ quán đều cần đến khả năng tập trung tư tưởng này để đi vào trình độ Kiên cố định hay Đạo Quả. Hình ảnh đề mục ở giai đoạn Chuẩn Bị Định thì gọi là Sở Tướng (*parikammanimitta*), ở giai đoạn Cận Định thì gọi là Quang Tướng (*paṭibhāganimitta*) và định tâm ở giai đoạn này gọi là Cận Định (*upacārasamādhī*).
3. **Giai đoạn Kiên Cố Định (*appanābhāvanā*):** Ở thiền Chỉ tịnh thì đây là lúc hành giả chứng Sơ thiền trở lên. Ở Tuệ quán thì đây là lúc hành giả chứng Sơ quả trở lên.

Cả 40 đề mục thiền Chỉ tịnh đều phải trải qua giai đoạn Chuẩn Bị (*parikammabhāvanā*), riêng 10 đề mục sau đây thì chỉ dẫn đến Cận Định:

- 8 Tùy niệm đầu (trừ Thân Hành Niệm và Hơi Thở)
- Bất Tịnh Thực
- Tứ Đại Tướng

30 đề mục còn lại có thể dẫn đến Kiên cố định (*appanāsamādhī*).

Bảng 61- Bốn mươi đề mục thiền Chỉ tịnh

Đề mục	Tổng cộng	Tầng thiền đặc
10 Kasiṇa, Hơi thở	11	Sơ - Ngũ thiền
10 Bất tịnh, Thân hành niệm	11	Sơ thiền
Từ, Bi, Hỷ	3	Sơ - Tứ thiền
Xả	1	Ngũ thiền
4 Vô sắc	4	4 thiền Vô sắc

Như vậy, có 25 đề mục dẫn đến Sơ thiền Sắc giới, 14 đề mục dẫn Nhị, Tam, Tứ thiền Sắc giới, 12 đề mục có thể dẫn đến Ngũ thiền Sắc giới, 10 đề mục dẫn đến Cận Định (vừa ghi ở trước). 4 đề mục Vô sắc dẫn đến 4 tầng Vô sắc tương ứng.

Bảng 62- Ấn chứng (nimitta) và Đề mục (kammaṭṭhāna)

Đề mục	Tổng cộng	Nimitta có được
10 Kasiṇa 10 Bất tịnh Thân hành niệm Hơi thở	22	Sở tướng <i>(parikammanimitta)</i> Nhiếp tướng <i>(uggahanimitta)</i> Quang tướng <i>(paṭibhāganimitta)</i>
8 Tùy niệm đầu tiên 4 Phạm trú 4 Vô sắc Bất Tịnh Thực Tứ Đại Tướng	18	Sở tướng <i>(parikammanimitta)</i> Nhiếp tướng <i>(uggahanimitta)</i>

Một hành giả đã chứng thiền, tối thiểu Sơ thiền, thường phải trau dồi 5 khả năng sau đây, từ chuyên môn gọi là **5 pháp Tụ Tại** (*vasitā*).

1. Khả năng bắt đầu nhanh chóng (*āvajjanavasī*).
2. Khả năng nhập thiền nhanh chóng (*samāpa-jjanavasī*).
3. Khả năng trụ thiền lâu mau như ý (*adhiṭṭhānavasī*).
4. Khả năng xuất thiền nhanh chóng như ý (*vuṭṭhānavasī*).
5. Khả năng phản khán chi thiền như ý, bằng cách giảm bớt số lượng tâm Hữu phần nằm giữa các tâm lộ nhập định (*paccavekkhaṇavasī*).

Cách thức duy nhất để từ tầng thiền thấp lên được tầng thiền cao, trước hết hành giả phải nhìn thấy được cái gì là Tầm (*vitakka*) và thấy nó không cần thiết nữa, nhờ vậy mới lên được Nhị thiền. Để lên các tầng thiền khác cũng bằng cách này, là loại bỏ dần dần những chi thiền thô thiển.

Nhân loại tu 40 đề mục, Dục thiên chỉ tu được 28 đề mục thiền Chỉ (trừ 10 *Asubha*, 32 thể trước, thực phẩm bất tịnh). Phạm thiên cõi ngũ uẩn chỉ tu được 27 đề mục, trừ thêm hơi thở.

H. CÁC LOẠI THẮNG TRÍ (ABHĪÑÑĀ), THẦN THÔNG (IDDHI)

Một người đã chứng đắc tối thiểu là Ngũ thiền Sắc giới nếu muốn có thể trau dồi các loại thần thông sau đây, y cứ trên 10 đề mục *Kasiṇa* đã tu tập (một người khi đã đắc Ngũ thiền bằng 1 trong 10 đề mục *Kasiṇa*, sau đó có thể tu lại 9 đề mục kia một cách rất dễ dàng.

1. **Biến Hóa Thông:** Là khả năng di chuyển tự tại trong đất, nước, lửa, gió và hóa hiện món này vật nọ.
2. **Thiên Nhĩ Thông:** Là khả năng nghe được những âm thanh quá xa hoặc rất nhỏ mà tai thường không nghe được.
3. **Tha Tâm Thông:** Là khả năng đọc hiểu suy nghĩ của người khác.
4. **Túc Mạng Thông:** Là khả năng nhớ lại chuyện kiếp trước của mình và người khác. Nhớ được ít hay nhiều là tùy thuộc trình độ mỗi cá nhân.

5. **Thiên Nhãn Thông:** Là khả năng thấy biết những điều mà mắt thường không nhìn thấy được.

Thuật ngữ Thiên Nhãn Thông ám chỉ cho 2 khả năng:

- Khả năng nhìn thấy những thứ cực xa hoặc cực nhỏ.
- Khả năng thấy được nhân quả 3 đời. Về quá khứ thì biết rõ do nhân duyên nào ta và người phải trải qua những hoàn cảnh đó, về tương lai biết rõ ta và người sẽ như thế nào.

Năm loại thần thông ở trên có thể có ở phàm phu. Khi nói đến lục thông thì phải cộng thêm Lục Tận Thông tức thánh trí A-la-hán.

II. PHÁP MÔN TUỆ QUÁN

Như đã nói ở trước, con đường giải thoát có thể được phân thành 3 giai đoạn: Giới, Định và Tuệ. Định ở đây là pháp môn thiền Chỉ tịnh lấy sự tập trung tư tưởng trên 40 đề mục làm chính. Cứu cánh của thiền Chỉ tịnh tối thiểu là sự an định nội tâm trong hiện tại và tối đa là sự chứng đắc các tầng thiền định và sanh về Phạm thiên giới. Một người cầu đạo giải thoát thì dùng thiền Chỉ tịnh để có được khả năng định tâm vững vàng nhằm phát triển Tuệ quán để chấm dứt phiền não, tái sanh.

Pháp môn Tuệ quán chính là công phu trau dồi Chánh Niệm trên 4 đề mục Thân, Thọ, Tâm, Pháp, tức Tứ Niệm Xứ. Một cách tối thiểu, hành giả tu Tuệ quán phải biết sơ qua các vấn đề sau đây: Thất Tịnh, Tam Tướng (3 pháp Ấn), 3 Pháp Tùy Quán, 10 trí Tuệ quán, 3 Giải Thoát môn. Những vấn đề này được trình bày vắn tắt trong Thất Tịnh sau đây.

III. THẤT TỊNH (*VISUDDHI*)

Gồm 7 pháp thanh lọc nội tâm phàm phu để họ trở thành thánh nhân. 7 pháp Thanh Tịnh này thật ra chỉ là cách trình bày rộng rãi của Tam Học mà thôi.

A. GIỚI TỊNH (*SĪLAVISUDDHI*)

Gồm 2 loại giới luật của hàng xuất gia và tại gia. Nếu hạng nào giữ tròn giới hạnh hạng nấy thì việc tu tập Chỉ Quán nói

chung mới có thể tiến bộ. Giới tịnh có công năng làm sạch Thân Nghiệp và Khẩu Nghiệp, dĩ nhiên còn là một phần Ý Nghiệp.

B. TÂM TỊNH (CITTA VISUDDHI)

Ở đây là 3 Chi Đạo Chánh Tinh Tấn, Chánh Niệm và Chánh Định. Nói ngắn gọn thì Tâm tịnh chính là Định Học, gồm Sát-na Định (*khaṇikasamādhī*, sự định tâm trong từng phút), Cận Định (*upacārasamādhī*, thời điểm sắp chứng Kiên cố định) và Kiên cố định (*appanāsamādhī*, từ Sơ thiền trở lên). Các loại Định này được gọi là Tâm tịnh vì có khả năng đè nén 5 Triền Cái.

C. KIẾN TỊNH (DIṬṬHIVISUDDHI)

Là khả năng thanh lọc tri kiến bằng sự hiểu biết căn bản về Danh Sắc (cũng là 5 Uẩn, 12 Xứ, 18 Giới) qua các khía cạnh thực tính: Bản tướng (*lakkhana*), chức năng (*rasa*), điểm đặc trưng (*paccupaṭṭhāna*) và yếu tố cần thiết (*padatṭhāna*). Nói theo 10 trí Tuệ quán thì Kiến tịnh chính là Danh Sắc Phân Biệt Trí (*nāmarūpaparicchedañāṇa*).

D. ĐOẠN NGHI TỊNH (KAṆKHĀVITARAṆAVISUDDHI)

Là khả năng hiểu biết về 12 Duyên Sinh, 24 Duyên Hệ, lộ Tâm, lộ Sắc để thấy được cái gọi là chúng sinh gồm có những gì và thế nào là sự luân hồi siêu đọa. Nhờ những hiểu biết này, hành giả mới bỏ được những nghi hoặc về bản thân và người khác theo cách nghĩ thường tình gắn liền với ngã chấp:

- Trước kiếp này Tôi là ai, ở đâu, sống ra sao.
- Hiện giờ Tôi đang là gì trong trời đất này.
- Mai này chết đi, Tôi sẽ ra sao.

Một hành giả có hiểu biết về Phật pháp luôn hiểu rằng đầu trong quá khứ, hiện tại hay tương lai thì cái gọi là chúng sanh bất luận cỡ nào cũng đều là các uẩn sinh diệt theo tác động của Nghiệp Báo và phiền não. Hành giả luôn hiểu rằng 5 uẩn ở đâu và lúc nào cũng luôn gắn liền với Tam Tướng. Cũng nhờ những nhận thức này hành giả tránh được 2 thứ Tà Kiến là Thường Kiến và Đoạn Kiến. Nói theo 10 trí Tuệ quán thì Đoạn nghi tịnh chính là Liễu Duyên Tuệ (*pariggahañāṇa*). Các vị chú giải Sư nói rằng một hành giả thành tựu được Kiến tịnh và Đoạn nghi tịnh coi như đã là một vị Sơ quả tương đối, gọi theo tên Pali là *Cūlasotāpanna* (Tiểu Tu Đà Huờn), so với người khác thì khả năng sa đọa thấp hơn nhiều. Hai trí Tuệ quán trên đây là nền tảng quan trọng trong pháp môn Tuệ quán.

E. ĐẠO PHI ĐẠO TRI KIẾN TỊNH

(MAGGĀMAGGAÑĀṆA DASSANAVISUDDHI)

Tịnh pháp này chính là hai trí Thẩm Sát Tuệ (*sammasañāṇa*) và Sanh Diệt Tuệ (*udayabbayañāṇa*) trong 10 trí Tuệ quán. Thẩm Sát Tuệ là khả năng nhìn thấy Tam Tướng trong Danh Sắc, Ngũ uẩn. Sanh Diệt Tuệ là khả năng thấy được sự sanh ra và biến mất của Chân đế. Nói chính xác thì phải từ hai trí Tuệ quán này trở đi thì hành giả

mới thấy được cái gọi là 5 uẩn Chân đế thông qua bốn khía cạnh rất ráo:

- Bất cứ cái gì trong đời, dầu là Danh hay Sắc, cũng đều là những khối tổng hợp (*kalāpa*). Không gì có thể tồn tại độc lập mà không cần đến những mối tương quan với bao thứ khác. Nhận thức này được gọi là **Tích Quán** (*kalāpasammasana*).
- Cái gì ở đời cũng là một giai đoạn. Hôm nay sẽ là hôm qua và ngày mai có lúc sẽ là hôm nay. Nhận thức này được gọi là **Thời Quán** (*addhānasammasana*). Bản chất của đời sống là sự trôi chảy không ngừng và mọi thứ luôn trong tình trạng *Đang Trở Thành* cái khác. Từ đó ba thời chỉ là một khoảnh khắc hiện tại ngắn ngủi vô cùng.
- Cái gì ở đời cũng chỉ là những chuỗi dài ghép nối trước với sau (*santati*). Như nói nhìn thấy, lắng nghe hay niềm vui, nỗi buồn... đều là những chuỗi dài tâm lý được ghép nên bởi vô số sát-na trước sau. Nhận thức này được gọi là **Liên Hợp Quán** (*santatisammasana*).
- Cái gì ở đời cũng chỉ tồn tại trong một sát-na. Không một đơn vị thời gian nào trong ngôn ngữ phạm phu có thể diễn tả được tốc độ sanh diệt cực kỳ mau lẹ của Danh Sắc Chân đế. Nhận thức này được gọi là **Sát-Na Quán**, thấy đời trong mỗi sát-na (*khaṇasammasana*).

Hành giả tu Tuệ quán đến giai đoạn này luôn phải trải qua

một cảm dỗ rất lớn, nếu thiếu duyên khó mà vượt qua, đó chính là **10 Tùy phiền não** (*vipassanūpakkilesa*). Gọi là Tùy phiền não là bởi chúng có thể trở thành chướng ngại cho sự tiến bộ của hành giả.

1. **Hào Quang** (*obhāsa*): Có người vào thời điểm này thấy thân mình tự nhiên phát sáng hoặc trở nên trong suốt như pha lê. Người kém duyên sẽ tưởng đó là một sự chứng ngộ ghê gớm nào đó. Thực ra đây chỉ là một chuyện rất tự nhiên khi nội tâm một người đạt tới sự chuyển đổi quá lớn.
2. **Phỉ Lạc** (*pīti*): Có người bỗng nhiên cảm nhận được một niềm vui mà từ bé đến giờ chưa từng biết qua.
3. **Sự Yên Tĩnh của Thân Tâm** (*passaddhi*): Có người như nghe được những chuyển động vi tế nhất của Thân Tâm bởi lúc đó mọi thứ ở họ như đang trong trạng thái vắng lặng đến tột cùng.
4. **Thuần Tín** (*adhimokkha*): Có người ở giai đoạn này cứ tưởng mình đã là Sơ quả khi niềm tin nơi Tam Bảo bỗng dưng trở nên mãnh liệt hơn bao giờ hết. Họ như thấy Đức Phật ngay trước mặt và dám chết vì ngài.
5. **Đồng Mãnh** (*paggāha*): Có người lúc này thấy việc lành nào cũng dễ như trở bàn tay, dù thật ra nó quá sức họ. Hành giả lúc này làm việc không biết mệt. Tâm trạng này cũng có thể khiến hành giả ngộ nhận mình đã là thánh nhân, vì từ bé đến nay chưa bao giờ trải qua một kinh nghiệm đặc biệt như vậy.

6. **Sự Tịch Lạc (*sukha*):** Có người ở giai đoạn này nghe được trong cả thân tâm một niềm hạnh phúc vô bờ bến không thể diễn tả, một sự dễ chịu mà không một dục lạc nào có thể đem lại. Nhờ vậy hành giả có những thứ sắc tâm chưa từng có bao giờ: Thanh thản, nhẹ nhàng và thanh tịnh.
7. **Sáng Trí (*ñāṇa*):** Có người ở giai đoạn này thấy mình như trở thành một người khác, bỗng nhiên hiểu ra những điều xưa giờ bế tắc hoặc chưa từng nghĩ đến. Đây là chuyện tốt nhưng cũng là cái bẫy cho hành giả kém duyên tưởng mình đã đắc thánh.
8. **Chánh Niệm (*upaṭṭhāna*):** Ở giai đoạn này hành giả như sống 100% với chánh niệm, trong khi trước đây một giờ chánh niệm liên tục đã là rất khó, bây giờ bao lâu cũng được và rất dễ dàng, thậm chí vững mạnh hơn xưa rất nhiều lần.
9. **Xả Tâm (*upekkhā*):** Chi pháp căn bản ở đây là tâm sở Hành Xả và tâm sở Tư trong tâm Khai ý môn. Ở giai đoạn này, có người thì thấy tâm trạng nổi bật của mình là sự thanh thản không vui hay buồn, thương ghét đối với bất cứ trần cảnh nào, dầu người hay vật. Cảm giác đó giống như ở một bậc thánh không còn Sân tâm hay Dục ái nữa, nghĩa là không vui chẳng buồn, không thích hay ghét.
10. **Pháp Ái (*nikanti*):** Là sự ham thích, đam mê với những thành tựu tiến bộ của mình trong pháp môn Tuệ quán qua các Tùy phiền não.

Trong 10 Tùy thiền nào vừa kể chỉ có điều cuối cùng mới là thiền nào mà thôi. 9 điều trước (trừ hào quang là pháp Vô Ký) đều là thiện pháp cả. Nhưng sở dĩ gọi là Tùy thiền nào vì chúng là những cạm bẫy cho người thiếu duyên tưởng mình đã là thánh nhân. 10 Tùy thiền nào lúc này là cơ hội cho 3 thiền nào Mạn, Ái, Kiến. Với người hữu duyên đắc thánh trí thì cả 10 Tùy thiền nào chỉ là cảnh phù du trong giai đoạn nhất thời mà thôi. Họ biết rõ cảnh Danh Sắc sanh diệt mới là điều cần lưu tâm, cái gì ngoài ra cũng không cần thiết để vướng mắc. Đó là vì sao giai đoạn này được gọi là Đạo phi đạo tri kiến tịnh, tức là trí biết rõ cái gì giả, cái gì thật.

F. ĐẠO LỘ TRI KIẾN TỊNH (PAṬIPADĀÑÑĀDASSANAVISUDDHI)

Là bao gồm các trí Tuệ quán từ sau Sanh Diệt Tuệ cho đến Chuyển Tộc Tuệ.

1. **Sanh Diệt Tuệ (*Udayabbhayañāṇa*):** Là giai đoạn trí Tuệ quán thấy ra được Tam Tướng trong Danh Sắc mà không vay mượn những cái biết từ việc đọc hay nghe người khác.
2. **Biến Diệt Tuệ (*Bhaṅgañāṇa*):** Ở đây hành giả thấy được sự sanh diệt của Danh Sắc với một tốc độ mà xưa giờ chưa từng ngờ đến. Không ai có thể thấy được từng sát-na Danh Sắc sanh diệt thế nào, nên ở giai đoạn này cái mà hành giả thấy được tuy nói là sự sanh diệt nhưng hình ảnh nổi bật vẫn là cái diệt nhiều hơn sanh. Trong khi ở Sanh Diệt Tuệ thì sự sanh và

diệt cơ hồ như giống nhau. Ở đây hành giả nhìn về Danh hay Sắc thì hầu như chỉ thấy khía cạnh biến mất của từng thứ. Đó là lý do trí này được gọi là Biến Diệt Tuệ.

3. **Kinh Úy Tuệ (*Bhayañāṇa*):** Khi chỉ còn thấy sự biến mất của Danh Sắc, tâm trạng lớn nhất của hành giả lúc này là sự kinh cảm không thể diễn tả được. Hành giả thấy mình đang chết trong từng giây và nhìn ra toàn bộ thế giới cái gì cũng đang sụp đổ. Đây là cái thấy của trí tuệ như thật không phải sự tưởng tượng.
4. **Nguy Hại Tuệ (*ādīnavañāṇa*):** Ở đây hành giả trực nhận ra bản chất của Danh Sắc không phải là những gì tốt đẹp như phàm nhân vẫn nghĩ. Đẹp xấu, buồn vui chỉ là ảo giác, những khái niệm kiên cố lâu bền đều là không thật, mọi thứ sanh ra chỉ để diệt đi.
5. **Yếm Ố Tuệ (*nibbidāñāṇa*):** Đến đây thì sự kinh hoàng đã lắng xuống và thay vào đó là sự nhàm chán với mọi sự, kể cả chuyện tu tập công đức. Với hành giả lúc này thứ gì cũng là của giả. Thậm chí có người cũng vì tâm trạng này mà từ bỏ công phu Tuệ quán.
6. **Dục Thoát Tuệ (*muñcitukamyatāñāṇa*):** Tuệ này là tâm trạng muốn vượt thoát Danh Sắc. Hành giả thấy mình như một người tù đang bị giam nhốt hay một con thú đang bị vướng bẫy.
7. **Quán Sát Tuệ (*patisankhāñāṇa*):** Ngay sau lúc muốn vượt thoát Danh Sắc, hành giả hiểu ra rằng không có một con đường nào để thoát khỏi Danh Sắc

ngoài việc tiếp tục nhìn ngắm nó sanh diệt cho đến bao giờ dứt sạch phiền não mới thôi.

Nhằm minh họa các Tuệ vừa kể trên, trong Kinh có cho ta bức tranh về một người nông dân đi đánh cá bằng nôm. Anh này bước xuống ruộng và dùng nôm chụp xuống những chỗ nghi là có cá và sau cùng đã tìm thấy một chỗ bắt mắt nhất. Khi chiếc nôm được chụp xuống, anh nông dân thò tay vào trong và nắm lấy con cá đem ra ngoài. Anh ta bỗng dừng hết hồn vì cái cầm được trong tay không phải là cá mà là một con rắn độc với những vằn khoan trên mình và một cái đầu tam giác. Những chi tiết đó không hề hấp dẫn như ở một con cá và lúc này điều duy nhất mà anh nông dân muốn làm là quăng bỏ con rắn thật xa, càng nhanh càng tốt. Có điều là việc liệng bỏ con rắn độc không đơn giản như đối với một con cá, anh nông dân phải nắm chặt nó và lựa chiều mà vung tay để nó không thể quay đầu cắn mình. Chính khía cạnh muốn bỏ nó phải dựa vào nó là tượng trưng cho Quan Sát Tuệ. Từng thời điểm tâm trạng trước đó của anh nông dân cứ theo thứ lớp mà tượng trưng cho các tuệ Kinh Úy, Yếm Ố, Nguy Hại và Dục Thoát.

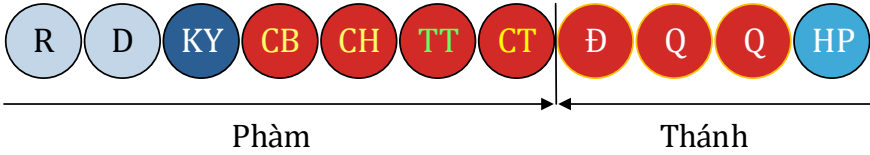
8. **Hành Xả Tuệ (*sankhārupekkhāñāṇa*):** Với trí tuệ ở giai đoạn này hành giả có cảm giác giống hệt như anh nông dân sau khi quăng bỏ con rắn độc đi: Thanh thản, bình yên, không tiếc nuối. Hoặc giống như một người nam hay nữ lúc nhìn về người vợ hay chồng cũ của mình và biết rằng tình xưa đã hết. Không thương không ghét, chỉ là một sự hờ hững mà người ngoài

không sao hiểu được. Hành giả lúc này nhìn về Danh Sắc cũng bằng tâm trạng đó: Không sợ, không chán, không muốn giữ lại cũng chẳng muốn xua đi, đại khái sao cũng được. Nói vậy có nghĩa là sự chán ghét hay sợ hãi đối với Danh Sắc vẫn là một thứ tâm trạng bông bột ở giai đoạn chưa thuần thục, chín muồi. Bởi đó còn là những tâm trạng lệ thuộc tình cảm. Riêng với thứ Tuệ quán già dặn thì mọi thứ nằm ngoài những ghét thương. Ta đừng quên khoảng cách từ ghét sợ qua thương thích luôn gần hơn là từ sự hờ hững qua thương thích.

9. **Thuận Thứ Tuệ (*anulomañña*):** Với hành giả có đủ túc duyên (Ba la mật), sau Hành Xả Tuệ sẽ là Thuận Thứ Trí. Trong A-tỳ-đàm thì trí này chỉ diễn ra trong một sát-na và đối tượng của nó không còn là cảnh Danh Sắc nữa, mà là Níp-bàn. Trong kinh có cho ta một ví dụ. Ngày xưa những người đi biển thường mang theo vài con chim để nuôi trên tàu trong các chuyến hải hành. Khi đã xa bờ quá lâu ngày, muốn biết hướng nào có đất liền thì người ta chỉ việc thả đi một con chim. Nếu thấy được bờ ở hướng nào, chim sẽ bay về đó và không trở lại tàu nữa. Nếu không thấy được đất liền thì chim sẽ quay về tàu. Người ít duyên khi đến Hành Xả Tuệ thì tâm cứ quẩn quanh cảnh Danh Sắc. Trong trường hợp đủ duyên đắc thánh trí, thì tâm hành giả sẽ rời cảnh Danh Sắc mà hướng về Níp-bàn. Ta có thể hình dung tiến trình này qua các tâm lộ đặc đạo sau đây:

a. Lộ đặc đạo của người độn căn (*mandapaññā*):

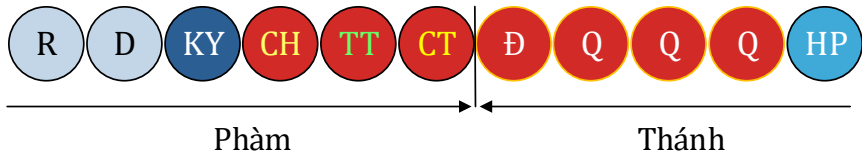
R-D-KY-CB-CH-TT-CT-Đ-Q-Q-HP



Hình 63- Tuệ Thuận Thứ trên lộ đặc đạo của người độn căn

b. Lộ đặc đạo của người lợi căn (*tikkhapaññā*):

R-D-KY-CH-TT-CT-Đ-Q-Q-Q-HP



Hình 64- Tuệ Thuận Thứ trên lộ đặc đạo của người lợi căn

Nói theo tạng Kinh thì Thuận Thứ Tuệ gồm 3 giai đoạn: Chuẩn Bị, Cận Hành, Thuận Thứ, tức 3 sát-na tâm. Nói theo A-tỳ-đàm thì chỉ là một thứ tâm mà thôi.

10. **Chuyển Tộc Tuệ (*gotrabhūñāṇa*):** Vẫn là phàm trí lấy Níp-bàn làm đối tượng chớ không phải cảnh Danh Sắc. Chính Trí này có chức năng chấm dứt chủng tử phàm phu.

11. **Thánh Tuệ (*ariyañāṇa*):** Gồm sát-na thánh đạo (*maggañāṇa*) và sát-na thánh quả (*phalañāṇa*). Thánh đạo ở đây chỉ là một sát-na nhưng cùng lúc làm đủ bốn việc:

- Nhận ra Khổ đế
- Chấm dứt Tập đế
- Chứng ngộ Diệt đế
- Thành mãn Đạo đế.

Ngay sau thánh đạo là thánh quả, không có thời gian xen kẽ. Đây là lý do Kinh gọi thánh trí là *akālika* (hiệu quả tức thì, vượt ngoài thời gian, giữa Đạo và Quả không có gián đoạn). Vô lượng kiếp sanh tử được kết thúc trong khoảnh khắc.

12. Phản Khán Tuệ (*paccavekkhaṇāñāṇa*): Sau lộ đắc đạo chỉ vài tâm Hữu phần thì 5 tâm lộ phản khán sau đây sẽ tự nhiên xuất hiện theo thứ lớp:

- Lộ tâm Phản Khán Đạo (nhìn lại tâm thánh đạo vừa chứng)
- Phản Khán thánh quả
- Phản Khán Níp-bàn
- Phản Khán phiền não đã diệt
- Phản Khán phiền não còn dư sót.

Ở trường hợp người chứng Tứ quả thì không có lộ Phản Khán thứ năm này.

Như vậy khi kể trí Tuệ quán có 16 là kể hai Tuệ trừ bị, gồm Danh Sắc Tuệ và Liễu Duyên Tuệ, tiếp theo là 10 trí Tuệ quán căn bản và bốn trí Tuệ quán phản xạ (tự có, không do can thiệp) là từ Tuệ Chuyển Tộc đến Tuệ Phản Khán.

G. TRI KIẾN TỊNH (ÑĀṄADASSANAVISUDDHI)

Ở đây chỉ cho các tâm thánh đạo vì mỗi tầng thánh gột rửa ít nhiều phiền não đến tầng cao nhất thì tất cả phiền não đều được đoạn trừ.

Nói chi tiết thì có tám hạng thánh nhân, nhưng trong thực tế thì chỉ có bốn tầng thánh quả. Vì mỗi tầng thánh đạo chỉ diễn ra trong một sát-na mà thôi.

1. **Thánh Sơ Quả** (*sotāpanna*): Còn gọi là thánh Dự Lưu, Tu Đà Huần hay Thất Lai là người đã dứt trừ được 3 phiền não Thân Kiến, Hoài Nghi, Giới Cấm Thủ. Từ sau lúc đắc quả, khi nào muốn an hưởng quả vị Níp-bàn thì vị thánh Sơ quả chỉ cần nhập vào Quả Định bằng cách quán sát Danh Sắc theo cách của người tu Tuệ quán rồi sau đó lộ Quả Định xuất hiện kéo dài trong nhiều giờ hay một tuần lễ. Trong suốt thời gian này vị thánh Dự Lưu chỉ sống có một loại tâm duy nhất là tâm Sơ quả.

Có 3 trường hợp Sơ quả:

- **Thất Trùng Sinh Dự Lưu** (*sattakkhattu-paramasotāpanna*): Tái sinh đây đó bảy kiếp ở cõi Dục giới rồi mới chứng A-la-hán.
- **Gia Gia Dự Lưu** (*kolaṅkolasotāpanna*): Chứng quả A-la-hán trong khoảng thời gian từ kiếp thứ hai cho đến kiếp thứ sáu.

- **Nhất Chứng Dự Lưu** (*ekabījisotāpanna*): Chứng A-la-hán ở kiếp thứ hai sau đời này.
2. **Thánh Nhị Quả** (*sakadāgāmi*): Còn gọi là Tư Đà Hàm tức bậc Nhất Lai. Là tầng thánh thứ hai giảm nhẹ được Dục Ái và Sân, dĩ nhiên kể cả Si. Bậc thánh này chỉ có thể trở lại cõi Dục giới một lần trước khi chứng quả Níp-bàn. Có sáu trường hợp Nhất Lai:
- Chứng Nhất Lai ở cõi người, rồi cũng chứng A-la-hán ở cõi người.
 - Chứng Nhất Lai ở cõi người và chứng A-la-hán ở cõi trời.
 - Chứng Nhất Lai ở cõi trời, rồi cũng chứng A-la-hán ở cõi trời.
 - Chứng Nhất Lai ở cõi trời và chứng A-la-hán ở cõi người.
 - Chứng Nhất Lai ở cõi người, sau đó sanh về trời rồi sanh lại cõi người mới chứng A-la-hán.
 - Chứng Nhất Lai ở cõi trời, sanh lại cõi người, rồi trở về trời chứng A-la-hán.
3. **Thánh Tam Quả** (*anāgāmi*): Còn gọi là Bất Lai hay A-na-hàm, là vị đã chấm dứt năm hạ phần kiết sử và không còn trở lại cõi Dục giới nữa. Vị thánh Bất Lai và A-la-hán có hai cơ hội để an hưởng quả vị Níp-bàn ngay khi còn sống đó là an trú Quả Định và nếu đã

chứng thiền Vô sắc thì còn có thể nhập thiền Diệt Thọ Tướng Định. Có năm hạng A-na-hàm:

- Chứng A-la-hán ở nửa trước (tiền bán) tuổi thọ trên cõi Tịnh Cư.
- Chứng A-la-hán ở nửa sau (hậu bán) tuổi thọ trên cõi Tịnh Cư.
- Chứng A-la-hán một cách khó khăn.
- Chứng A-la-hán một cách dễ dàng.
- Chứng A-la-hán sau khi đã sanh đủ 5 cõi Tịnh Cư.

4. **Thánh Tứ Quả (*arahanta*):** Còn gọi là A-la-hán. Là vị đã chấm dứt tất cả phiền não, không còn gì phải làm thêm trong đạo nghiệp giải thoát nên cũng gọi là thánh Vô Học. Trong khi 3 tầng thánh thấp vẫn còn là tầng Hữu Học. Tất cả chư Phật Toàn Giác, Độc Giác và A-la-hán Thịnh Văn Giác đều là những vị thánh Tứ quả giống nhau trên phương diện chấm dứt phiền não và chứng ngộ Níp-bàn. Nhưng do phước duyên mỗi cá nhân khác nhau nên bên cạnh những điểm đồng vừa nói vẫn có những điểm dị biệt giữa các vị:

- Có những vị A-la-hán không từng tu qua thiền Chỉ tịnh nên bên cạnh việc hết sạch phiền não không có thêm khả năng gì đặc biệt. Các vị được gọi là **A-la-hán Tuệ Giải Thoát**.
- Có những vị A-la-hán chứng đắc các tầng thiền Đáo đại trước hoặc sau khi chứng quả A-la-hán thì được gọi là **Câu Phần Giải Thoát**.

- Có những vị A-la-hán tu trọn cả Chỉ Quán nhưng ngoài trí Tứ quả chỉ có thêm 2 khả năng Túc Mạng Minh và Sanh Tử Minh. Các vị này được gọi là **A-la-hán Tam Minh**.
- **A-la-hán Lục Thông** là những vị A-la-hán có thể sử dụng cả ngũ Thông.
- **A-la-hán Vô Ngại Giải** là những vị A-la-hán có được 4 trí phân tích về Văn, Từ, Nghĩa Lý Phật ngôn và khả năng ứng đối (Nghĩa vô ngại giải, Pháp vô ngại giải, Từ vô ngại giải và Biện vô ngại giải).
- Vị A-la-hán nào cũng chấm dứt tất cả phiền não và sanh tử như nhau nhưng nói về ba khía cạnh phước báu, đức lành và trí tuệ thì hàng Thanh Văn không bì được với Phật Độc Giác và Phật Độc Giác không sao sánh được với vị Chánh Đẳng Giác.



SÁCH THAM KHẢO

- Buddha Abhidhamma by Dr. Mehm Tin Mon.
- Abhidhamma Studies by Nyānaponika.
- Nguồn từ www.tipitaka.org
 - Atthasālinī (Sớ Giải Bộ Pháp Tụ)
 - Sammohavinodanī (Sớ Giải Bộ Phân Tích)
 - Manorathapūranī (Sớ Giải Tăng Chi Bộ).

CHỈ MỤC

A

Ái · 342
A-la-hán Câu Phần Giải
 Thoát · 417
A-la-hán Lục Thông · 418
A-la-hán Tam Minh · 418
A-la-hán Tuệ Giải
 Thoát · 417
A-la-hán Vô Ngại Giải · 418

B

Bất Động Hành · 336
Bất Ly Duyên · 359, 371
Bất Mãn · 53, 55
Bất Mỹ · 385
Bất thiện nghiệp · 236
Bất tịnh · *xem* Bất mỹ
Bất Tương Ưng
 Duyên · 358, 369
Bi Mẫn · 99
Biến Hoá Thông · 187, 401
Bộc · 301

C

Cần · 79
Căn Bản · 350
Cận Định · 56, 66, 398
Cận Hành · 181
Cận Tử Nghiệp · 229
Cận Y Duyên · 356
Cảnh · 146
Cảnh Duyên · 355, 359
Cảnh giới tái sanh · 256
Câu Sanh Duyên · 356, 363
Chánh cần · 322
chánh đạo · 325
Chánh Định · 326
Chánh Kiến · 325
Chánh Mạng · 98, 326
Chánh Nghiệp · 98, 326
Chánh Ngữ · 98, 325
Chánh Niệm · 326
Chánh Tâm · 93
Chánh Tánh · 93
Chánh Tinh Tấn · 326
Chánh Tư Duy · 325
Chế định · 379
Chết · 248

422 CHỈ MỤC

Chi đạo · 314
Chỉ Quán song tu · 57, 65
Chi thiên · 313
Chi Tiết · 347
Chuẩn Bị · 180, 398
Chương Nghiệp · 228
Chuyển Tộc · 181
Cơ tánh · 397
Cõi · 211
Cõi người · 213
Cõi Vô sắc · 31

D

Đẳng Vô Giác Duyên · 356,
xem Vô Giác Duyên
Danh xưng chế định · 381
Đạo Duyên · 369
Đạo lộ tri kiến tịnh · 409
Đạo phi đạo tri kiến
tịnh · 405
Đế · 333
Dị Thục Duyên · 357, 367
Địa Đại · 260
Địa ngục · 211
Định · 53, 55, 76
Đồ Đạo Duyên · 358
Đoạn nghi tịnh · 404
Đoạn Nghiệp · 228
Độn tánh · 397

Đồng lực · 195
Đồng Mạn · 84
Dục · 80
Dục Lộ · 300
Dục tánh · 397
Dục Thiên · 215
Duyên hệ · 355
Duyên Khởi · *xem* Duyên
Sinh
Duyên Sinh · 335

G

Gia Gia Dự Lưu · 415
giác chi · 324
Giới · 331
Giới tịnh · 403

H

Hạng người · 198
Hành · 336
Hành Xả · 91
Hậu Báo Nghiệp · 232
Hậu Sanh Duyên · 356, 367
Hiện Báo Nghiệp · 232
Hiện Hữu Duyên · 358, 369
Hình chế định · 379
Hộ kiếp khách · 197
Hỗ Tương Duyên · 356, 363

Hỏa Đại · 261
 Hoài Nghi · 53, 55, 88
 Hoàn tịnh · 384
 Hối Hận · 86
 Hôn Thụy · 53, 55
 Hôn Trầm · 87
 Hư Không Vô Biên · 59
 Hư Vọng Mạn · 85
 Hữu · 343
 Hữu Dư Y Níp-bàn · 282
 Hữu Lộ · 300
 Hữu phần · 147
 Hỷ · 53, 55, 80

K

Kết · 301
 Khẩu nghiệp · 236
 Khẩu nghiệp bất thiện · 236
 Khẩu Thiện Hạnh · 238
 Kinh Tâm · 92
 Kinh Tánh · 92
 Kinh Thiếu Nghiệp · 230
 Không Tánh Níp-bàn · 283
 Kiên Cố Định · 398
 Kiến Lộ · 300
 Kiến tịnh · 404

L

Lạc · 55
 Lão, tử, sầu, bi, khổ, ưu,
 não · 344
 Lộ · 300
 Lộ sắc · 278
 Lộ tâm
 Lộ tâm chứng nhập thiền
 Sắc Giới · 179
 Lộ tâm chứng nhập thiền
 Vô Sắc · 182
 Lộ tâm Đắc Đạo · 189
 Lộ tâm Hiện Thông · xem
 Lộ tâm Hóa Thông
 Lộ tâm Hoá Thông · 187
 Lộ tâm ngũ môn · 148
 Lộ tâm nhãn môn · 148
 Lộ tâm Nhãn môn · 141
 Lộ tâm Nhập Thiền
 Diệt · 193
 Lộ tâm Nhập Thiền
 Quả · 191
 Lộ tâm Nhĩ môn · 141
 Lộ tâm Thiệt môn · 141
 Lộ tâm Tỷ môn · 141
 Lộ tâm Viên Tịch · 285
 Lộ tâm viên tịch chí
 mạng · 294

Lộ tâm viên tịch đặc
biệt · 287
Lộ tâm viên tịch liên
phản khán · 291
Lộ tâm viên tịch liên
thiền · 287
Lộ tâm viên tịch liên
thông · 289
Lộ tâm viên tịch ý môn
thông thường · 285
Lộ tâm Ý môn · 141
Lộ Thân môn · 141
Loài Đọa Xứ · 209
Luân hồi · 349, 352
lực · 318, 324
Lục nhập · 341
Ly Khứ Duyên · 359, 371

M

Mạn · 84
Mạng Quyền · 77
Mộ tánh · 397
Mười bất thiện nghiệp · 237

N

Na cảnh · 151, 197
Ngã Mạn · *xem* Mạn
Nghiệp · 228

Nghiệp Bất Thiện · 235
Nghiệp Duyên · 357, 367
Nghiệp môn · 236
Nghiệp Thiện Dục Giới · 235
Nghiệp Thiện Sắc Giới · 235
Nghiệp Thiện Vô Sắc
Giới · 235
Nghiệp Tướng · 147, 249
Nghiệp Tượng · 146, 248
Nghiệp vô gián · 229
Ngộ tánh · 397
Người Đạo · 200
Người độn căn · 180, 221
Người Lạc Vô Nhân · 199
Người lợi căn · 180
Người Nhị Nhân · 199
Người Quả · 200
Người Tam Nhân · 199
nhân · 313
Nhân Duyên · 355, 359
Nhân sanh các tâm lộ · 142
Nhân sinh sắc pháp · 269
Nhân thức giới · 137
Nhất Chung Dự Lưu · 416
Nhất Hành · *xem* Định
Nhất Tâm · *xem* Định
Nhĩ thức giới · 137
Nhiếp Tướng · 55
Nhóm Sắc Dưỡng Tố · 276
Nhóm Sắc Nghiệp · 273

Nhóm Sắc Nhiệt
 Lượng · 275
 Nhóm Sắc Pháp · 272
 Nhóm Sắc Tâm · 274
 Nhu Tâm · 92
 Nhu Tánh · 92
 Như Thật Mạn · 85
 Như ý túc · 322
 Niệm · 89
 Niệm xứ · 321
 Níp-bàn · 282
 Nộ tánh · 397

P

Phàm phu · 199
 Phạm trú · 390
 Phân Khúc · 346
 Phi Phúc Hành · 336
 Phi Tướng Phi Phi
 Tướng · 60
 Phiền não · 307
 Phong Đại · 261
 Phóng Dật · 82
 Phúc Hành · 336
 Phước · 301
 Phước nghiệp sự · 239

Q

Quan hệ giữa tâm và
 vật · 137
 Quang Tướng · 56
 Quý · 90
 Quyền · 315, 323
 Quyền Duyên · 358, 368

S

Sắc Biểu Tri · 263
 Sắc cảnh giới · 262
 Sắc chân đế · 265
 Sắc Đặc Biệt · 264
 Sắc Giao Giới · 263
 Sắc Giới · 209, 215
 Sắc Giới tính · 262
 Sắc Mạng Quyền · 263
 Sắc pháp · 259, 266
 Sắc phi thực tính · 265
 Sắc Thần kinh · 262
 Sắc tứ đại · 260
 Sắc Tứ Tướng · 264
 Sắc Vật Thực · 263
 Sắc y đại sinh · 261
 Sắc Ý Vật · 263
 Sân · 85
 Sanh · 344
 Sanh Báo Nghiệp · 232

Sanh chủng · 222
Sanh Nghiệp · 228
Sanh Tử Minh · 187
Si · 81
Sơ Tướng · 55

T

Tà Kiến · 84
Tác Ý · 77
Tái sanh · 220
Tàm · 90
Tâm · 29, 69
 Tâm đại quả · 45
 Tâm đại thiện · 42
 Tâm đại tố · 45
 Tâm Dục Giới · 30, 32
 Tâm quả bất thiện · 38
 Tâm quả bất thiện vô nhân · 39
 Tâm quả dị thực · 195
 Tâm quả Sắc Giới · 50
 Tâm quả Vô Sắc Giới · 62
 Tâm Sắc Giới · 30, 48
 Tâm sân · 35
 Tâm si · 36
 Tâm Siêu Thế · 31, 65
 Tâm tham · 32
 Tâm Thắng Trí · 62
 Tâm Thánh Quả · 68

Tâm thiện Sắc Giới · 49
Tâm thiện Vô Sắc Giới · 61
Tâm Thông · *xem* Tâm Thắng Trí
Tâm Tịnh hảo Dục giới · 42
Tâm tố Sắc Giới · 51
Tâm tố vô nhân · 40
Tâm tố Vô Sắc Giới · 62
Tâm vô nhân · 37
Tâm Vô Sắc Giới · 31, 59
Tàm · 52, 55, 79
Tâm Chủ quan · 145
Tâm Khách quan · 146
Tâm lộ · 139
 Tâm lộ Cận tử · 250
 Tâm lộ Hư Thoát · 165
 Tâm lộ Kiên Cố Hiệp Thế · 179
 Tâm lộ Kiên Cố Siêu Thế · 189
 Tâm lộ ý môn · 170
 Tâm lộ Ý môn Dục Giới · 170
 Tâm lộ Ý môn Kiên cố · 178
Tâm ngoại lộ · *xem* Tâm Chủ quan
Tâm sở · 73

- Tâm sở Bất Định · 114
 Tâm sở Bất Thiện · 74, 81
 Tâm sở Bất thiện Biến
 hành · *xem* Tâm sở Si
 phần
 Tâm sở Bất thiện Biệt
 cảnh · 87
 tâm sở Biến Hành · 74
 Tâm sở Biến Hành · 75
 Tâm sở Biệt Cảnh · 74
 Tâm sở Cố Định · 114
 Tâm sở Giới phần · 98
 Tâm sở Sân phần · 85
 Tâm sở Si Phần · 81
 Tâm sở Tham phần · 83
 Tâm sở Tịnh Hảo · 74, 89
 Tâm sở Tịnh hảo Biến
 hành · 89
 Tâm sở Tợ Tha · 74
 Tâm sở Trung Hoà · 74
 Tâm sở Vô Lượng
 phần · 99
 Tâm thánh đạo · 66
 Tâm tịnh · 404
 Tập yếu · 117, 299
 Môn tập yếu · 127
 Nhân tập yếu · 119
 Sự tập yếu · 121
 Thọ tập yếu · 117
 Trần cảnh tập yếu · 129
 Vật tập yếu · 135
 Tật Đố · 86
 Tha Tâm Thông · 187, 401
 Tham · 83
 Tham Dục · 55
 Thân nghiệp · 236
 Thân nghiệp bất thiện · 236
 Thân Thiện Hạnh · 238
 Thần thông · 401
 Thân thức giới · 137
 Thắng Giải · 79
 Thắng trí · 401
 Thánh nhân · 200
 Thánh Nhị Quả · 416
 Thánh Sơ Quả · 415
 Thánh Tam Quả · 416
 Thánh Tứ Quả · 417
 Thất Trùng Sinh Dự
 Lưu · 415
 Thích Tâm · 92
 Thích Tánh · 92
 Thiền · 52, 393
 Thiền chỉ tịnh · 384, 398
 Thiền Duyên · 369
 Thiền Na Duyên · 358
 Thiện nghiệp · 238, 240
 Thiên Nhãn Thông · 187,
 402
 Thiên Nhĩ Thông · 187, 401
 Thiện Thú · 209

428 CHỈ MỤC

- Thiệt thức giới · 137
Thọ · 53, 75, 341
Thọ lượng · 222
Thời Điểm · 346
Thủ · 302, 343
Thú Tướng · 147, 249
Thủ ấn · 329
Thuần Tâm · 93
Thuần Tánh · 93
Thuận Thứ · 181
Thức · 337
Thực · 320
Thức giới · 137
Thức Vô Biên · 60
Thường Cận Y Duyên · 364
Thượng Mạn · 85
Thường Nghiệp · 229
Thủy Đại · 261
Thụy Miên · 88
Ti Mạn · 85
Tiềm miên · 304
Tiền Sanh Duyên · 356, 365
Tín · 89
Tịnh · 403
Tịnh Hảo · 43
Tĩnh Tâm · 91
Tĩnh Tánh · 91
Trạo Hối · 53, 55
Tri kiến tịnh · 415
Trì Nghiệp · 228
Trí Tuệ · 101
Triền Cái · 53, 303
Triền phược · 306
Trọng Nghiệp · 229
Trùng Dụng Duyên · 357,
367
Trưởng · 319
Trưởng Duyên · 355, 360,
376
Tur · 76
Tứ · 52, 55, 79
Tục Đoan · 348
Túc Mạng Thông · 187, 401
Tuệ quán · 403
Tưởng · 75
Tương quan giữa Tâm đối
với Tâm sở · 105
Tương quan giữa Tâm sở
đối với Tâm · 103, 114
Tương quan giữa tâm và
cảnh giới · 198
Tương Ứng Duyên · 358,
369
Tùy Hỷ · 99
Tùy niệm · 386
Tỷ thức giới · 137
-
- U**
- Uẩn · 329

V

Vật Thực Duyên · 358, 368
 Vô Dư Y Níp-bàn · 283
 Vô Giác Duyên · 355, 361
 Vô Hiệu Nghiệp · 232
 Vô Hữu Duyên · 359, 371
 Vô minh · 336, 351
 Vô Minh Lộ · 300
 Vô Nguyên Níp-bàn · 283
 Vô Quý · 82
 Vô Sắc Giới · 211, 216
 Vô Sân · 91
 Vô Sở Hữu Xứ · 60
 Vô Tàm · 82
 Vô Tham · 90
 Vô Tướng Níp-bàn · 283
 Vọng tánh · 397

X

Xan Lận · 86
 Xan Tham · *xem* Xan Lận
 Xứ · 329
 Xúc · 75, 341

Y

Y Chỉ Duyên · 356, 363
 Ý giới · 137
 Ý nghiệp · 236
 Ý nghiệp bất thiện · 236
 Ý Thiện Hạnh · 238
 Ý thức giới · 137
 Yếu Đoan · 348

Mọi đóng góp xin liên hệ:

- Tại châu Âu: vietheravada.association@gmail.com

Địa chỉ chuyển khoản:

Vietheravada Verein

79761 Waldshut-Tiengen

IBAN: DE59 684522900077062123

**Triết học A-tỳ-đàm
của Phật giáo truyền thống**

Tác giả: Dr. Mehm Tin Mon

Bản tiếng Việt: TK. Giác Nguyên

*

**HỘI LUẬT GIA VIỆT NAM
NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC**

Địa chỉ: 65 Tràng Thi, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Email: nhaxuatbanhongduc@yahoo.com

Điện thoại: 04.39260024 Fax: 04.39260031

*

Chịu trách nhiệm xuất bản: Giám đốc Bùi Việt Bắc

Chịu trách nhiệm nội dung: Tổng biên tập Lý Bá Toàn

Biên tập: Nguyễn Thế Vinh

Trình bày, minh họa: Nguyễn Quốc Bình, Hữu Phúc

Sửa bản in: Nguyễn Quốc Bình

Kỹ thuật: Nguyễn Quốc Bình, Hữu Phúc

*

Đối tác liên kết:

Cty TNHH Truyền Đăng

Địa chỉ: 100/5 Hồ Văn Tư, P. Trường Thọ, Q. Thủ Đức,

Tp. Hồ Chí Minh

In 700 cuốn, khổ 14,5 x 20,5 cm, tại Xí nghiệp In Fahasa –
774 Trường Chinh, P. 15, Q. Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh. Số
đăng ký... ngày... In xong và nộp lưu chiểu tháng 10 năm
2015.